

C. Công khai các môn học của từng khóa học, chuyên ngành

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
A. Khối ngành					
I. Ngành Biến đổi khí hậu và Phát triển bền vững					
1. HỆ DH7					
1	Thực tập tốt nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: <ul style="list-style-type: none"> + Xác định được ý nghĩa và tầm quan trọng hệ thống mạng lưới giám sát biến đổi khí hậu tại Việt Nam; + Trình bày và giải thích được quy trình thu thập, giải mã, xử lý, lưu trữ và khai thác thông tin từ mạng lưới giám sát biến đổi khí hậu phục vụ công tác dự báo/dự tính khí hậu; + Trình bày được các tác động của biến đổi khí hậu đến đời sống kinh tế-xã hội tại Việt Nam; + Phân tích được các công cụ quản lí tài nguyên và môi trường trong bối cảnh biến đổi khí hậu; + Trình bày được các giải pháp thích ứng biến đổi khí hậu theo vùng và theo ngành thông qua các mô hình thích ứng biến đổi khí hậu tại Việt Nam; + Sử dụng được các thiết bị và công nghệ hiện đại liên quan đến biến đổi khí hậu trong phòng thí nghiệm của Trường cũng như một số đơn vị đến thực tập. - Về kỹ năng: <ul style="list-style-type: none"> + Rèn luyện kỹ năng thực hành thông qua việc quan trắc như lấy mẫu, bảo quản mẫu và xử lí, phân tích mẫu; + Hình thành và phát triển kỹ năng đánh giá biến đổi khí hậu, phân tích các giải pháp ứng phó biến đổi khí hậu; + Hình thành kỹ năng thiết kế và tổ chức các buổi truyền thông về biến đổi khí hậu. - Về đạo đức nghề nghiệp: Rèn tính cẩn thận, trung thực, nghiêm túc trong học tập và thực hành. 	6	Học kỳ 2	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm đánh giá của Cơ sở hướng dẫn thực tập: Trọng số 40%. Bao gồm 01 đầu điểm hệ số 1 của cơ sở thực tập - Điểm đánh giá của Khoa: Trọng số 60% - Hình thức thi: Báo cáo thực tập TN
2	Đồ án tốt nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: Trình bày những kiến thức về Khóa luận tốt nghiệp. Trên cơ sở kiến thức đã học, học cách tư duy phân tích tìm kiếm tài liệu, lựa chọn đề tài, đặt bài toán, xây dựng đề cương nghiên cứu, lập kế hoạch thực hiện, thực hiện, biên soạn đồ án và bảo vệ đồ án tốt nghiệp. - Về kỹ năng: Biết tìm kiếm tài liệu, tổng quan, phân tích lựa chọn đề tài phù hợp; biết cách đặt bài toán, xây dựng được đề cương chi tiết, lập kế hoạch thực hiện và thực hiện đề cương theo kế hoạch đặt ra. Biên soạn được báo cáo Khóa luận tốt nghiệp và biết cách bảo vệ thành công. - Về đạo đức nghề nghiệp: Hình thành thái độ làm việc nghiêm túc, tích cực, năng động, tự chủ trong học tập, nghiên cứu. 	6	Học kỳ 2	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành. - Tiêu chí đánh giá đồ án: Đánh giá Nội dung thực hiện theo đề cương đồ án tốt nghiệp đã được phê duyệt.
2. HỆ DH8					
1	Chính sách về biến đổi khí hậu	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: <ul style="list-style-type: none"> + Trình bày được vai trò và sự phát triển của chính sách BĐKH + Nêu và trình bày được các luận điểm căn bản trong 	2	Học kỳ 2	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%. Bao gồm: 2 đầu

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
	phục vụ phát triển bền vững	<p>chính sách, chủ trương, chiến lược, kế hoạch hành động và các chương trình quốc gia về biến đổi khí hậu;</p> <p>+ Phân tích được các vai trò của chính sách BĐKH trong hoạt động điều chỉnh công tác ứng phó biến đổi khí hậu ở VN</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>+ Phát triển kỹ năng phát hiện, phân tích và giải quyết các vấn đề liên quan đến chính sách biến đổi khí hậu;</p> <p>+ Thực hiện được quy trình phân tích và đánh giá chính sách biến đổi khí hậu Việt Nam;</p> <p>- Về đạo đức nghề nghiệp:</p> <p>+ Xác định đúng về vai trò của cá nhân đối với công tác ứng phó biến đổi khí hậu nói chung, qua đó có hành động đúng đắn góp phần vào ứng phó với biến đổi khí hậu ở địa phương;</p> <p>+ Có thái độ tích cực trong việc tuyên truyền các chính sách biến đổi khí hậu đến người dân địa phương, đồng thời nâng cao nhận thức cộng đồng đối với vấn đề biến đổi khí hậu.</p>			<p>điểm, hệ số 1</p> <p>- Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%</p> <p>- Hình thức thi: Tự luận</p>
2	Tin học ứng dụng	<p>- Về kiến thức:</p> <p>+ Phân tích được sự khác nhau cơ bản giữa hằng và biến, kiểu hằng và kiểu biến, gán hằng và gán biểu thức, đồng thời, liệt kê được các phép tính số học, các phép toán và các hàm thường được sử dụng trong Fortran;</p> <p>+ So sánh được sự khác nhau giữa các kiểu số liệu sử dụng trong ngôn ngữ lập trình Fortran, Grads, Suffer;</p> <p>+ Giải thích được ý nghĩa các tổ hợp lệnh được sử dụng trong ngôn ngữ lập trình Fortran, Grads, Suffer;</p> <p>+ So sánh được các câu lệnh cơ bản sử dụng trong ngôn ngữ lập trình Fortran, Grads, Suffer.</p> <p>- Về kỹ năng: Vận dụng được các kiến thức đã học về Fortran, Grads, Suffer lập trình được một số bài toán đơn giản ứng dụng cho ngành biến đổi khí hậu và phát triển bền vững.</p> <p>- Về đạo đức nghề nghiệp: Hình thành tinh thần cần cù, tỉ mỉ, sáng tạo, chính xác và làm việc nhóm.</p>	3	Học kỳ 2	<p>- Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%. Bao gồm: 2 đầu điểm, hệ số 1</p> <p>- Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%</p> <p>- Hình thức thi: Thực hành</p>
3	Phương pháp tiếp cận nghiên cứu biến đổi khí hậu	<p>- Về kiến thức:</p> <p>Trình bày được các bước cơ bản thực hiện một đề tài nghiên cứu khoa học</p> <p>Trình bày được cách tiếp cận trong đánh giá tác động của biến đổi khí hậu</p> <p>Vận dụng được cách tổ chức thực hiện đánh giá tác động của biến đổi khí hậu</p> <p>Nêu được các bước và vận dụng được các bước này trong quy trình đánh giá tác động của biến đổi khí hậu</p> <p>Giải thích được cách tiếp cận trong việc xây dựng các giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu</p> <p>Kể tên và vận dụng được các bước trong quy trình xác định các giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>Vận dụng được các bước cơ bản để thực hiện một đề tài nghiên cứu khoa học</p>	3	Học kỳ 2	<p>- Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%. Bao gồm: 2 đầu điểm, hệ số 1</p> <p>- Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%</p> <p>- Hình thức thi: Tự luận</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		<p>Rèn kỹ năng thu thập và xử lý thông tin</p> <p>Rèn kỹ năng phân tích, so sánh, tổng hợp</p> <p>Rèn kỹ năng giải quyết các vấn đề phát sinh trong học tập và đời sống</p> <p>- Về đạo đức nghề nghiệp:</p> <p>+Nâng cao ý thức trung thực, nghiêm túc trong khoa học</p> <p>+Nâng cao ý thức bảo vệ ngôi nhà chung của Trái Đất trước những tác động của biến đổi khí hậu</p>			
4	Quản lý tài nguyên và môi trường ứng phó với biến đổi khí hậu	<p>- Về kiến thức: Trình bày được các kiến thức sau:</p> <p>+ Môi trường, tài nguyên thiên nhiên, các vấn đề suy thoái môi trường và tài nguyên thiên nhiên cũng như các giải pháp quản lý ứng phó với sự suy thoái; làm cơ sở cho việc quản lý và sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường.</p> <p>+ Trình bày nguyên nhân tại sao phải quản lý tài nguyên thiên nhiên và môi trường trước sự biến đổi phức tạp của khí hậu toàn cầu và ở Việt Nam.</p> <p>+ Nêu được các quan điểm, mục tiêu của Nhà nước cũng như các nhiệm vụ trọng tâm trong quản lý tài nguyên và môi trường ứng phó với biến đổi khí hậu.</p> <p>+ Đề xuất thực hiện các giải pháp chủ yếu trong quản lý tài nguyên và môi trường ứng phó với biến đổi khí hậu.</p> <p>- Về kỹ năng: Sau khi hoàn thành môn học có kiến thức về quản lý môi trường và tài nguyên thiên nhiên, kỹ năng làm việc theo nhóm để đưa ra các giải pháp quản lý tài nguyên và môi trường ứng phó với biến đổi khí hậu</p> <p>- Về đạo đức nghề nghiệp: Có thái độ nghiêm túc, khách quan, tổng quát trong các vấn đề liên quan đến môi trường và tài nguyên thiên nhiên trong việc ứng phó với biến đổi khí hậu.</p>	2	Học kỳ 2	<p>- Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%. Bao gồm: 2 đầu điểm, hệ số 1</p> <p>- Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%</p> <p>- Hình thức thi: Tự luận</p>
5	Tín chỉ rừng và cơ chế phát triển sạch	<p>- Về kiến thức: Trình bày được khái niệm, các tiêu chí và điều kiện thực hiện của Cơ chế phát triển sạch; Nêu được khái niệm về Hệ sinh thái rừng; Trình bày được bốn hệ thống phân loại rừng cơ bản; Phát biểu được khái niệm suy thoái rừng; Trình bày được các nguyên nhân cơ bản của suy thoái rừng; Trình bày được các kiểu thảm thực vật chủ yếu ở Việt Nam; Phân biệt được các hệ sinh thái rừng chủ yếu ở Việt Nam; Giải thích được cách tiếp cận nghiên cứu về khả năng tích lũy cacbon của các kiểu thảm thực vật; Trình bày được các phương pháp đánh giá khả năng tích lũy cacbon của các kiểu thảm thực vật</p> <p>- Về kỹ năng: Rèn luyện kỹ năng quan sát, phân tích, so sánh, đánh giá; Rèn luyện kỹ năng nghiên cứu khoa học; Rèn kỹ năng thao tác trong phòng thí nghiệm và kỹ năng tính toán</p> <p>- Về đạo đức nghề nghiệp: Bồi dưỡng ý thức bảo vệ thảm thực vật nói chung và bảo vệ rừng nói riêng; Rèn tính cẩn thận, nghiêm túc trong nghiên cứu khoa học</p>	3	Học kỳ 2	<p>- Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%. Bao gồm: 2 đầu điểm, hệ số 1</p> <p>- Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%</p> <p>- Hình thức thi: Tự luận</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
6	Biến đổi khí hậu tác động đến hệ sinh thái và đa dạng sinh học	<p>- Về kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Trình bày được các đặc trưng cơ bản của quần thể và quần xã sinh vật + Trình bày và lấy được ví dụ về sự ảnh hưởng của một số nhân tố vô sinh đối với sinh vật. + Trình bày và lấy được ví dụ về mối quan hệ giữa sinh vật với sinh vật trong hệ sinh thái + Nêu được khái niệm về diễn thế sinh thái + Giải thích được nguyên nhân + Phát biểu được khái niệm Hệ sinh thái + Trình bày được các tiêu chí phân loại hệ sinh thái + Trình bày và lấy được ví dụ về khả năng thích nghi của sinh vật trước sự thay đổi của môi trường + Nêu được khái niệm và trình bày được ý nghĩa của đa dạng sinh học và bảo vệ đa dạng sinh học + Phân biệt được các chỉ số đa dạng sinh học chủ yếu + Nêu được nguyên nhân, hiện trạng và hậu quả của sự suy thoái đa dạng sinh học trên thế giới + Trình bày được chu trình sinh địa hóa của một số nguyên tố cơ bản + Nêu được nguyên nhân, cơ chế của Hiệu ứng nhà kính + Trình bày được sự ảnh hưởng của biến đổi khí hậu tới hệ sinh thái và đa dạng sinh học + Nêu được nội dung cơ bản của Công ước quốc tế về đa dạng sinh học + Trình bày và lấy được ví dụ chứng minh các biện pháp bảo vệ đa dạng sinh học ở Việt Nam <p>- Về kỹ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Rèn kỹ năng thu thập và xử lý thông tin, phát triển kỹ năng tư duy logic + Rèn kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng làm việc nhóm <p>- Về đạo đức nghề nghiệp: Nâng cao ý thức bảo vệ đa dạng sinh học và vận động những người xung quanh có nghĩa vụ bảo vệ đa dạng sinh học iễn thế sinh thái</p>	2	Học kỳ 2	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%. Bao gồm: 2 đầu điểm, hệ số 1 - Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
3. HỆ DH9					
1	Chính sách về biến đổi khí hậu phục vụ phát triển bền vững	<p>- Về kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Trình bày được vai trò và sự phát triển của chính sách BDKH + Nêu và trình bày được các luận điểm căn bản trong chính sách, chủ trương, chiến lược, kế hoạch hành động và các chương trình quốc gia về biến đổi khí hậu; + Phân tích được các vai trò của chính sách BDKH trong hoạt động điều chỉnh công tác ứng phó biến đổi khí hậu ở VN <p>- Về kỹ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Phát triển kỹ năng phát hiện, phân tích và giải quyết các vấn đề liên quan đến chính sách biến đổi khí hậu; + Thực hiện được quy trình phân tích và đánh giá chính sách biến đổi khí hậu Việt Nam; <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Xác định đúng về vai trò của cá nhân đối với công tác 	2	Học kỳ 2	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%. Bao gồm: 2 đầu điểm, hệ số 1 - Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		<p>ứng phó biến đổi khí hậu nói chung, qua đó có hành động đúng đắn góp phần vào ứng phó với biến đổi khí hậu ở địa phương;</p> <p>+ Có thái độ tích cực trong việc tuyên truyền các chính sách biến đổi khí hậu đến người dân địa phương, đồng thời nâng cao nhận thức cộng đồng đối với vấn đề biến đổi khí hậu.</p>			
2	Phương pháp tiếp cận nghiên cứu biến đổi khí hậu	<p>- Về kiến thức:</p> <p>Trình bày được các bước cơ bản thực hiện một đề tài nghiên cứu khoa học</p> <p>Trình bày được cách tiếp cận trong đánh giá tác động của biến đổi khí hậu</p> <p>Vận dụng được cách tổ chức thực hiện đánh giá tác động của biến đổi khí hậu</p> <p>Nêu được các bước và vận dụng được các bước này trong quy trình đánh giá tác động của biến đổi khí hậu</p> <p>Giải thích được cách tiếp cận trong việc xây dựng các giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu</p> <p>Kê tên và vận dụng được các bước trong quy trình xác định các giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>Vận dụng được các bước cơ bản để thực hiện một đề tài nghiên cứu khoa học</p> <p>Rèn kỹ năng thu thập và xử lý thông tin</p> <p>Rèn kỹ năng phân tích, so sánh, tổng hợp</p> <p>Rèn kỹ năng giải quyết các vấn đề phát sinh trong học tập và đời sống</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>+Nâng cao ý thức trung thực, nghiêm túc trong khoa học</p> <p>+Nâng cao ý thức bảo vệ ngôi nhà chung của Trái Đất trước những tác động của biến đổi khí hậu</p>	2	Học kỳ 2	<p>- Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%. Bao gồm: 2 đầu điểm, hệ số 1</p> <p>- Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%</p> <p>- Hình thức thi: Tự luận</p>
3	Quản lý tài nguyên và môi trường ứng phó với biến đổi khí hậu	<p>- Về kiến thức: Trình bày được các kiến thức sau:</p> <p>+ Môi trường, tài nguyên thiên nhiên, các vấn đề suy thoái môi trường và tài nguyên thiên nhiên cũng như các giải pháp quản lý ứng phó với sự suy thoái; làm cơ sở cho việc quản lý và sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường.</p> <p>+ Trình bày nguyên nhân tại sao phải quản lý tài nguyên thiên nhiên và môi trường trước sự biến đổi phức tạp của khí hậu toàn cầu và ở Việt Nam.</p> <p>+ Nêu được các quan điểm, mục tiêu của Nhà nước cũng như các nhiệm vụ trọng tâm trong quản lý tài nguyên và môi trường ứng phó với biến đổi khí hậu.</p> <p>+ Đề xuất thực hiện các giải pháp chủ yếu trong quản lý tài nguyên và môi trường ứng phó với biến đổi khí hậu.</p> <p>- Về kỹ năng: Sau khi hoàn thành môn học có kiến thức về quản lý môi trường và tài nguyên thiên nhiên, kỹ năng làm việc theo nhóm để đưa ra các giải pháp quản lý tài nguyên và môi trường ứng phó với biến đổi khí hậu</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>+Có thái độ nghiêm túc, khách quan, tổng quát trong các vấn đề liên quan đến môi trường và tài nguyên thiên</p>	3	Học kỳ 2	<p>- Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%. Bao gồm: 2 đầu điểm, hệ số 1</p> <p>- Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%</p> <p>- Hình thức thi: Thực hành</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		nhiên trong việc ứng phó với biến đổi khí hậu.			
4	Tín chỉ rừng và cơ chế phát triển sạch	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: Trình bày được khái niệm, các tiêu chí và điều kiện thực hiện của Cơ chế phát triển sạch; Nêu được khái niệm về Hệ sinh thái rừng; Trình bày được bốn hệ thống phân loại rừng cơ bản; Phát biểu được khái niệm suy thoái rừng; Trình bày được các nguyên nhân cơ bản của suy thoái rừng; Trình bày được các kiểu thảm thực chủ yếu ở Việt Nam; Phân biệt được các hệ sinh thái rừng chủ yếu ở Việt Nam; Giải thích được cách tiếp cận nghiên cứu về khả năng tích lũy cacbon của các kiểu thảm thực vật; Trình bày được các phương pháp đánh giá khả năng tích lũy cacbon của các kiểu thảm thực vật - Về kỹ năng: Rèn luyện kỹ năng quan sát, phân tích, so sánh, đánh giá; Rèn luyện kỹ năng nghiên cứu khoa học; Rèn kỹ năng thao tác trong phòng thí nghiệm và kỹ năng tính toán - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Bồi dưỡng ý thức bảo vệ thảm thực vật nói chung và bảo vệ rừng nói riêng; Rèn tính cẩn thận, nghiêm túc trong nghiên cứu khoa học 	3	Học kỳ 2	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%. Bao gồm: 2 đầu điểm, hệ số 1 - Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
5	Biến đổi khí hậu tác động đến hệ sinh thái và đa dạng sinh học	<p>-Về kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Trình bày được các đặc trưng cơ bản của quần thể và quần xã sinh vật + Trình bày và lấy được ví dụ về sự ảnh hưởng của một số nhân tố vô sinh đối với sinh vật. + Trình bày và lấy được ví dụ về mối quan hệ giữa sinh vật với sinh vật trong hệ sinh thái + Nêu được khái niệm về diễn thế sinh thái + Giải thích được nguyên nhân d+ Phát biểu được khái niệm Hệ sinh thái + Trình bày được các tiêu chí phân loại hệ sinh thái + Trình bày và lấy được ví dụ về khả năng thích nghi của sinh vật trước sự thay đổi của môi trường + Nêu được khái niệm và trình bày được ý nghĩa của đa dạng sinh học và bảo vệ đa dạng sinh học + Phân biệt được các chỉ số đa dạng sinh học chủ yếu + Nêu được nguyên nhân, hiện trạng và hậu quả của sự suy thoái đa dạng sinh học trên thế giới + Trình bày được chu trình sinh địa hóa của một số nguyên tố cơ bản + Nêu được nguyên nhân, cơ chế của Hiệu ứng nhà kính + Trình bày được sự ảnh hưởng của biến đổi khí hậu tới hệ sinh thái và đa dạng sinh học + Nêu được nội dung cơ bản của Công ước quốc tế về đa dạng sinh học + Trình bày và lấy được ví dụ chứng minh các biện pháp bảo vệ đa dạng sinh học ở Việt Nam <p>-Về kỹ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Rèn kỹ năng thu thập và xử lý thông tin, phát triển kỹ năng tư duy logic + Rèn kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng làm việc nhóm <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Nâng cao ý thức bảo vệ đa dạng sinh học và vận động những người xung quanh có nghĩa vụ bảo vệ đa dạng sinh học tiền thể sinh thái</p>	2	Học kỳ 2	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%. Bao gồm: 2 đầu điểm, hệ số 1 - Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
6	Tư tưởng Hồ Chí Minh	<p>- Về kiến thức: Trình bày, phân tích, giải thích được những nội dung cơ bản trong chương trình môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh; đánh giá được giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh đối với Đảng, dân tộc và nhân loại.</p> <p>- Về kỹ năng: Vận dụng sáng tạo lý luận, phương pháp và phương pháp luận của Hồ Chí Minh để phân tích, đánh giá được một số vấn đề trong thực tiễn đời sống, học tập và công tác.</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: NL1: Có lập tư tưởng chính trị vững vàng, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với CNXH. Có phẩm chất đạo đức tốt, lối sống lành mạnh theo tấm gương đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh. NL2: Tích cực, chủ động đấu tranh phê phán những quan điểm sai trái, bảo vệ chủ nghĩa Mác –Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước. NL3: Xác định trách nhiệm của bản thân đối với sự nghiệp xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc; Có năng lực vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh giải quyết vấn đề đặt ra trong lĩnh vực nghề nghiệp.</p>	3	Học kỳ 2	<p>- Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%. - Hình thức thi: Tự luận.</p>

4. HỆ DH10

1	Tin học đại cương	<p>- Về kiến thức: Trình bày được những kiến thức chung về công nghệ thông tin, áp dụng được các phần mềm ứng dụng trong công tác văn phòng, mạng máy tính, Internet.</p> <p>- Về kỹ năng: Vận dụng được các kỹ năng cơ bản về cách sử dụng các ứng dụng của công nghệ thông tin như: mạng máy tính, hệ điều hành và các ứng dụng văn phòng như MS Word, MS Excel, MS Powerpoint,...</p> <p>- Năng lực tự chủ - trách nhiệm nghề nghiệp: Có tinh thần học tập chăm chỉ, tích cực tham gia đầy đủ các buổi học lý thuyết và thực hành, làm các bài tập về nhà; nâng cao tính tích cực trong học và tự học.</p>	2	Học kỳ 2	<p>- Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%. - Hình thức thi: Thực hành.</p>
2	Kỹ năng mềm	<p>- Về kiến thức: Phân tích được những kiến thức cơ bản về Kỹ năng giao tiếp, Kỹ năng làm việc nhóm, Kỹ năng tìm kiếm việc làm để giải quyết vấn đề trong công việc thực tiễn.</p> <p>- Về kỹ năng: Vận dụng các Kỹ năng giao tiếp, Kỹ năng làm việc nhóm, Kỹ năng tìm kiếm việc làm để có được sự linh hoạt trong xử lý tình huống công việc, góp phần phát triển, củng cố các mối quan hệ cần thiết trong cuộc sống cũng như trong hoạt động nghề nghiệp tương lai.</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: +Tuân thủ các nguyên tắc an toàn lao động, đạo đức nghề nghiệp +Ứng dụng được kiến thức để tự chủ, độc lập làm việc</p>	2	Học kỳ 2	<p>- Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%. - Hình thức thi: Tự luận.</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		trong tổ chức +Ứng dụng được các kỹ năng mềm để thực hiện trách nhiệm với cá nhân và trách nhiệm với cộng đồng xã hội			
3	Tiếng Anh 2	<p>- Về kiến thức: Nhận diện được các âm cơ bản của tiếng Anh và tái tạo lại được các âm đó dù vẫn còn nhiều ảnh hưởng của tiếng mẹ đẻ; Áp dụng được các hiện tượng ngữ pháp cơ bản trong các tình huống giao tiếp hàng ngày bằng tiếng Anh như: thông tin cá nhân, thói quen, nhu cầu, sở thích, hỏi đáp về những thông tin đơn giản; Xây dựng được vốn từ đủ để tiến hành những giao tiếp đơn giản hàng ngày với các tình huống và chủ đề quen thuộc.</p> <p>- Về kỹ năng: Áp dụng được các kỹ năng đọc hiểu, nghe hiểu cơ bản; Giao tiếp được trong những tình huống cố định và được những hội thoại ngắn về những chủ đề gần gũi với sự giúp đỡ của người khác khi cần thiết; Hỏi và trả lời được các câu hỏi cũng như trao đổi ý kiến và thông tin về những chủ đề quen thuộc trong tình huống giao tiếp hàng ngày; Biết áp dụng các các chức năng ngôn ngữ hội thoại để thiết lập các mối quan hệ xã hội như chào hỏi, giới thiệu cảm ơn, xin lỗi; Làm việc theo nhóm để thực hiện những nhiệm vụ đơn giản như bàn về một chủ đề quen thuộc, hay thảo luận một tài liệu với cách diễn đạt và ngôn ngữ đơn giản; Miêu tả được người, sự vật, nơi chốn, công việc, việc học tập, thói quen hàng ngày, kinh nghiệm, thông tin và sở thích cá nhân; Trình bày được một chủ đề ngắn về những vấn đề liên quan đến cuộc sống hàng ngày, đưa ra lý do và có thể trả lời một số câu hỏi đơn giản; Viết được các tin nhắn đơn giản, một bức thư ngắn.... ; Viết được các cụm từ, các câu đơn giản sử dụng từ nối; Viết được về những chủ đề quen thuộc, gần gũi như tả người, nơi chốn.</p> <p>- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Xây dựng được tinh thần chủ động trong công việc thông qua hoạt động tự học, tự sưu tầm, tự nghiên cứu các tài liệu bằng tiếng Anh liên quan đến các chủ đề học tập; Xây dựng được tính kỷ luật khi thực hiện nghiêm túc thời gian biểu, làm việc và nộp bài đúng hạn; Xây dựng được tính tự giác khi trung thực trong học tập và trong thi cử; Xây dựng được tính tập thể khi tích cực tham gia các hoạt động nhóm, cặp, sẵn sàng chia sẻ thông tin khi thực hiện các nhiệm vụ theo bài học;</p>	3	Học kỳ 2	<p>- Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%.</p> <p>- Hình thức thi: Trắc nghiệm.</p>
4	Chủ nghĩa xã hội khoa học	<p>- Về kiến thức: Trình bày và phân tích được những tri thức cơ bản, cốt lõi nhất về Chủ nghĩa xã hội khoa học, một trong ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác - Lênin.</p> <p>- Về kỹ năng: Vận dụng các tri thức cơ bản về Chủ nghĩa xã hội khoa học để phân tích và đánh giá một số vấn đề chính trị xã hội liên quan tới chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.</p> <p>-Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p>	2	Học kỳ 2	Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		NL1: Có năng lực hình thành tư duy phân tích, đánh giá và nhận diện bản chất các quan hệ chính trị - xã hội, góp phần hình thành niềm tin, lý tưởng cách mạng và xây dựng trách nhiệm xã hội phù hợp với vị trí việc làm và cuộc sống sau khi ra trường. NL2: Có năng lực tự học, tích lũy kiến thức và kỹ năng; có năng lực lập kế hoạch, điều phối và phát huy trí tuệ tập thể.			- Hình thức thi: Tự luận.
5	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	-Về kiến thức: Trình bày và phân tích được lý luận cơ bản nhất của kinh tế chính trị Mác – Lênin. -Về kỹ năng: Vận dụng được những kiến thức đã học vào thực tiễn học tập và công tác. -Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: NL1: Có năng lực hình thành tư duy phân tích và nhận diện bản chất của các quan hệ kinh tế góp phần hình thành niềm tin và lý tưởng cách mạng trong nền kinh tế thị trường, định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay. NL2: Có năng lực tự học, tích lũy kiến thức, kỹ năng, lập kế hoạch, điều phối và phát huy trí tuệ tập thể	2	Học kỳ 2	Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%. - Hình thức thi: Tự luận.
6	Xác suất thống kê	- Về kiến thức: Trình bày được các bài toán cơ bản của xác suất như biến cố ngẫu nhiên và xác suất, đại lượng ngẫu nhiên, các bài toán ước lượng mẫu. - Về kỹ năng: Vận dụng được những kỹ năng cơ bản để giải quyết các bài tập tính toán, thực hành các bài toán trong chương trình xác suất thống kê và tiếp cận học các môn chuyên ngành; - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Xác định được nhiệm vụ học tập một cách tự giác, chủ động, thực hiện các phương pháp học hiệu quả; tự học tập, tích lũy kiến thức, nghiên cứu và áp dụng các kết quả đã học vào các lĩnh vực chuyên môn đồng thời rèn luyện cho tác phong làm việc khoa học.	2	Học kỳ 2	- Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 2 đầu điểm, hệ số 1; Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

II. Ngành Kỹ thuật Địa chất

1. HỆ DH7

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
1	Thực tập tốt nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: Vận dụng các kiến thức đã học áp dụng vào thực tế tại nơi thực tập. Thực hiện được các bước từ khâu chuẩn bị đến hoàn thiện các công tác ngoài trời của một nhà Địa chất tại các đoàn, cơ sở sản xuất, ... thu thập các tài liệu về Địa chất, các tài liệu liên quan tại nơi thực tập phục vụ cho chuyên ngành. - Về kỹ năng: <ul style="list-style-type: none"> + Kỹ năng cứng: Vận dụng tổng hợp toàn bộ khối lượng kiến thức đã học và những biết để giải quyết những vấn đề của ngành. + Kỹ năng mềm: Nâng cao kỹ năng giao tiếp, khai thác các kinh nghiệm thực tế của các nhà Địa chất đi trước, trau dồi kinh nghiệm, khả năng sử dụng phần mềm chuyên dụng trong địa chất. - Về đạo đức nghề nghiệp: Có phẩm chất đạo đức tốt, yêu ngành, yêu nghề, trách nhiệm công dân cao. Rèn khả năng làm việc độc lập, ý thức nghề nghiệp, kỹ năng làm việc theo nhóm. 	4	Học kỳ 2	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm đánh giá của Cơ sở hướng dẫn thực tập: Trọng số 40%. Bao gồm 01 đầu điểm hệ số 1 của cơ sở thực tập - Điểm đánh giá của Khoa: Trọng số 60% - Hình thức thi: Báo cáo thực tập TN
2	Đồ án tốt nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: <ul style="list-style-type: none"> + Vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các nhiệm vụ trong công tác quản lý tài nguyên khoáng sản và khai thác mỏ; + và phân tích được tình hình quản lý tài nguyên khoáng sản và khai thác mỏ thực tế tại các cơ sở, địa phương; + Tiếp cận các phương pháp giải quyết vấn đề trong các công tác quản lý và khai thác mỏ tại các cơ sở, địa phương; + Nâng cao kỹ năng tổng hợp, phân tích, xử lý số liệu và hoàn thiện báo cáo. - Về kỹ năng: <ul style="list-style-type: none"> + Kỹ năng cứng: Vận dụng tổng hợp toàn bộ khối lượng kiến thức đã học và những biết để giải quyết những vấn đề trong quản lý Tài nguyên Khoáng sản và Địa chất Khai thác mỏ. + Kỹ năng mềm: Nâng cao kỹ năng giao tiếp, khai thác các kinh nghiệm thực tế của các nhà Địa chất đi trước, trau dồi kinh nghiệm, khả năng sử dụng phần mềm chuyên dụng trong địa chất. - Về đạo đức nghề nghiệp: Có phẩm chất đạo đức tốt, yêu ngành, yêu nghề, trách nhiệm công dân cao. Rèn khả năng làm việc độc lập, ý thức nghề nghiệp, kỹ năng làm việc theo nhóm. 	6	Học kỳ 2	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành. - Tiêu chí đánh giá đồ án: Đánh giá Nội dung thực hiện theo đề cương đồ án tốt nghiệp đã được phê duyệt.
2. HỆ DH8					

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
1	Bảo vệ môi trường trong hoạt động khoáng sản	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: Giảng dạy kiến thức về các hoạt động khoáng sản, đặc biệt là hoạt động khai thác chế biến gây ra những ảnh hưởng tới môi trường, giải pháp khắc phục, phương pháp lập báo cáo đánh giá môi trường, phương thức quản lý, giám sát môi trường. - Về kỹ năng: Có kỹ năng vận dụng hệ thống pháp luật khoáng sản, chuyên môn về bảo vệ môi trường trong hoạt động khoáng sản, kỹ năng lập báo cáo và điều chỉnh nội dung báo cáo theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền, lựa chọn giải pháp công nghệ, ứng dụng nhanh thành tựu bảo vệ môi trường vào khu vực quản lý. Có khả năng cập nhật các thông tin trên internet, kỹ năng làm việc theo nhóm. - Về đạo đức nghề nghiệp: Rèn luyện sự cẩn cù, chăm chỉ, sáng tạo, nghiêm túc và có trách nhiệm trong quá trình học tập, cũng như trong công tác sau này. 	2	Học kỳ 2	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%. - Hình thức thi: Tự luận.
2	Địa chất khai thác mỏ	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: vận dụng được những kiến thức cơ bản, chi tiết trên phương diện nghiên cứu địa chất phục vụ cho công tác khai thác mỏ, hạn chế được tối đa rủi ro trong quá trình thiết kế, xây dựng và khai thác các mỏ khoáng - Về kỹ năng: Xác định và theo dõi diễn biến đặc điểm địa chất, hình thái thân quặng khoáng, đặc điểm địa chất thủy văn, địa chất công trình của thân quặng và các đá vây quanh phục vụ cho công tác khai thác mỏ đạt hiệu quả cao, đảm bảo an toàn và bảo vệ môi trường. - Về đạo đức nghề nghiệp: Trung thực trong các hoạt động chuyên môn. 	2	Học kỳ 2	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%. - Hình thức thi: Tự luận.
3	Tài nguyên khoáng sản Biển	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: Giảng dạy những kiến thức về các khái niệm cơ bản, nguồn gốc hình thành, lịch sử phát triển, quy luật phân bố và các đặc điểm đặc trưng của các loại hình tài nguyên khoáng sản biển điển hình trên thế giới và ở khu vực biển Việt Nam. - Về kỹ năng: Rèn luyện kỹ năng tìm tổng hợp, nghiên cứu tài liệu, luận giải các quá trình hình thành của các loại hình tài nguyên khoáng sản Biển, liên hệ với các quá trình địa chất ở Biển và đại dương. Rèn luyện kỹ năng thuyết trình và làm việc theo nhóm trong các bài thảo luận. - Về đạo đức nghề nghiệp: Rèn luyện sự cẩn cù, chăm chỉ, sáng tạo trong học tập và ngành nghề. 	2	Học kỳ 2	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%. - Hình thức thi: Tự luận.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
4	Tài nguyên khoáng sản Việt Nam	<p>- Về kiến thức: Giảng dạy những kiến thức tổng quan về các loại hình khoáng sản của nước ta; phân loại khoáng sản thành các nhóm đặc trưng; phân bố, trữ lượng, mức độ nghiên cứu, hiện trạng khai thác, ý nghĩa của từng loại khoáng sản cụ thể đối với sự phát triển kinh tế - xã hội cũng như sự phát triển của ngành khai khoáng trong tương lai.</p> <p>- Về kỹ năng: Tổng hợp, phân tích thông tin dưới dạng bảng, biểu, số hóa; phương pháp tra cứu về một loại hình khoáng sản với nội dung: Tên, nhóm loại, đặc trưng, tính chất, cơ chế hình thành, hiện trạng nghiên cứu, xu thế sử dụng...; kỹ năng tìm kiếm, đọc tài liệu, tự học và trình bày các vấn đề cần tìm hiểu thêm trên lớp; kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, thuyết trình.</p> <p>- Về đạo đức nghề nghiệp: Có ý thức trách nhiệm trong nghiên cứu, điều tra, phát hiện và bảo vệ tài nguyên khoáng sản.</p>	3	Học kỳ 2	<p>- Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1.</p> <p>Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%.</p> <p>- Hình thức thi: Tự luận.</p>
5	Tuyển khoáng	<p>- Về kiến thức: Giảng dạy những kiến thức về công nghệ dây chuyền làm giàu khoáng sản có ích.</p> <p>- Về kỹ năng: Có kỹ năng vận dụng kiến thức chuyên môn về chế biến khoáng sản bằng Tuyển khoáng vào thực tiễn.</p> <p>- Về đạo đức nghề nghiệp: Rèn luyện sự cần cù, chăm chỉ, sáng tạo, nghiêm túc và có trách nhiệm trong quá trình học tập, cũng như trong công tác sau này.</p>	2	Học kỳ 2	<p>- Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1.</p> <p>Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%.</p> <p>- Hình thức thi: Tự luận.</p>
6	Phương pháp đánh giá kinh tế địa chất tài nguyên khoáng	<p>- Về kiến thức: Giảng dạy những cơ sở lý luận để có thể đánh giá được giá trị của các loại tài nguyên khoáng sản. Sau khi hoàn thành học phần Phương pháp đánh giá kinh tế địa chất tài nguyên khoáng, phải trình bày và phân tích được một số khái niệm cơ bản như: tài nguyên khoáng, đánh giá kinh tế địa chất tài nguyên khoáng, các khái niệm liên quan đến kinh tế như chi phí, lợi ích, giá trị dòng tiền...; từ đó và hệ thống được các chỉ tiêu đánh giá giá trị kinh tế tài nguyên khoáng.</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>+ Kỹ năng cứng: Phân tích, đánh giá được giá trị kinh tế của các loại hình tài nguyên khoáng thông qua hệ thống các chỉ tiêu đánh giá. Từ đó cho thấy được giá trị kinh tế của các loại hình tài nguyên khoáng.</p> <p>+ Kỹ năng mềm: Vận dụng để tính toán, đánh giá giá trị kinh tế của các loại hình khoáng sản, các mỏ khoáng sản. Thông qua giờ thảo luận và thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác. Từ những phân tích, đánh giá về giá trị kinh tế tài nguyên khoáng có thể làm căn cứ để đưa ra các quyết định về đầu tư dự án khai thác mỏ khoáng sản đối với cá</p>	3	Học kỳ 2	<p>- Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1.</p> <p>Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%.</p> <p>- Hình thức thi: Tự luận.</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		<p>nhân nhà đầu tư; đối với Nhà nước có thể làm căn cứ để đưa ra quyết định có nên cho phép khai thác tài nguyên khoáng hay không hoặc đưa ra định hướng phát triển tài nguyên khoáng trong tương lai.</p> <p>- Về đạo đức nghề nghiệp: Có thái độ tích cực khi tham gia nghe giảng học phần Phương pháp đánh giá kinh tế địa chất tài nguyên khoáng. Ý thức được tầm quan trọng của tài nguyên khoáng với sự phát triển kinh tế.</p>			
7	Cơ sở khai thác lộ thiên	<p>- Về kiến thức: Giảng dạy về quá trình khai thác khoáng sản bằng phương pháp lộ thiên.</p> <p>- Về kỹ năng: Vận dụng kiến thức chuyên môn về khai thác mỏ lộ thiên vào thực tiễn trong quá trình làm việc.</p> <p>- Về thái độ: Rèn luyện sự cẩn cù, chăm chỉ, sáng tạo, nghiêm túc và có trách nhiệm trong quá trình học tập, cũng như trong công tác sau này.</p>	2	Học kỳ 2	<p>- Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1.</p> <p>Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%.</p> <p>- Hình thức thi: Tự luận.</p>
8	Phương pháp viễn thám-GIS trong địa chất	<p>- Về kiến thức:</p> <p>+ Trình bày được các khái niệm cơ bản về viễn thám: Khái niệm, lịch sử hình thành công nghệ viễn thám, các phương pháp viễn thám, ảnh vệ tinh quang học và xử lý ảnh vệ tinh quang học.</p> <p>+ Tổng hợp các kiến thức cơ bản về GIS: khái niệm GIS, các thành phần cơ bản của GIS, mô hình cấu trúc cơ sở dữ liệu của GIS.</p> <p>+ Liệt kê được các công đoạn trong quy trình giải đoán và xử lý ảnh viễn thám. 165</p> <p>+ Nhận biết được các thuật toán phân loại dùng trong viễn thám.</p> <p>+ Phân biệt được các loại cơ sở dữ liệu của GIS.</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>+ Vận dụng được các chỉ số thống kê, hiển thị và tăng cường chất lượng ảnh, đăng ký tọa độ ảnh và thực hiện các phép biến đổi ảnh đơn giản.</p> <p>+ Áp dụng được phương pháp cập nhật thông tin cần thiết từ ảnh viễn thám kết hợp với phần mềm của GIS để tạo ra một sản phẩm cụ thể nhỏ: đánh giá, dự báo, thành lập bản đồ thạch học, dự báo tìm kiếm khoáng sản...</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>+ Rèn luyện tác phong: tỉ mỉ, chính xác, trung thực;</p> <p>+ Tích cực tìm để dẫn trở nên yêu thích môn học, yêu thích ngành nghề.</p>	2	Học kỳ 2	<p>- Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1.</p> <p>Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 6</p> <p>- Hình thức thi: Tự luận</p>
3. HỆ DH9					
1	Địa chất khai thác mỏ	<p>- Về kiến thức: Giảng dạy những kiến thức cơ bản, chi tiết trên phương diện nghiên cứu địa chất phục vụ cho công tác khai thác mỏ, hạn chế được tối đa rủi ro trong quá trình thiết kế, xây dựng và khai thác các mỏ khoáng</p> <p>- Về kỹ năng: Xác định và theo dõi diễn biến đặc điểm địa chất, hình thái thân quặng khoáng, đặc điểm địa chất</p>	2	Học kỳ 2	<p>- Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1.</p> <p>Điểm thi kết</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		<p>thủy văn, địa chất công trình của thân quặng và các đá vây quanh phục vụ cho công tác khai thác mỏ đạt hiệu quả cao, đảm bảo an toàn và bảo vệ môi trường.</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Trung thực trong các hoạt động chuyên môn.</p>			<p>thức học phần: Trọng số 60%.</p> <p>- Hình thức thi: Tự luận.</p>
2	Tài nguyên khoáng sản Biển	<p>- Về kiến thức: Giảng dạy những kiến thức về các khái niệm cơ bản, nguồn gốc hình thành, lịch sử phát triển, quy luật phân bố và các đặc điểm đặc trưng của các loại hình tài nguyên khoáng sản biển điển hình trên thế giới và ở khu vực biển Việt Nam.</p> <p>- Về kỹ năng: Rèn luyện kỹ năng tìm tổng hợp, nghiên cứu tài liệu, luận giải các quá trình hình thành của các loại hình tài nguyên khoáng sản Biển, liên hệ với các quá trình địa chất ở Biển và đại dương. Rèn luyện kỹ năng thuyết trình và làm việc theo nhóm trong các bài thảo luận.</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Rèn luyện sự cẩn cù, chăm chỉ, sáng tạo trong học tập và ngành nghề.</p>	2	Học kỳ 2	<p>- Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1.</p> <p>Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%.</p> <p>- Hình thức thi: Tự luận.</p>
3	Tuyển khoáng	<p>- Về kiến thức: Giảng dạy những kiến thức về công nghệ dây chuyền làm giàu khoáng sản có ích.</p> <p>- Về kỹ năng: Có kỹ năng vận dụng kiến thức chuyên môn về chế biến khoáng sản bằng Tuyển khoáng vào thực tiễn.</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Rèn luyện sự cẩn cù, chăm chỉ, sáng tạo, nghiêm túc và có trách nhiệm trong quá trình học tập, cũng như trong công tác sau này.</p>	2	Học kỳ 2	<p>- Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1.</p> <p>Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%.</p> <p>- Hình thức thi: Tự luận.</p>
4	Cơ sở khai thác lộ thiên	<p>- Về kiến thức: Giảng dạy về quá trình khai thác khoáng sản bằng phương pháp lộ thiên.</p> <p>- Về kỹ năng: Kỹ năng vận dụng kiến thức chuyên môn về khai thác mỏ lộ thiên vào thực tiễn trong quá trình làm việc.</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Rèn luyện sự cẩn cù, chăm chỉ, sáng tạo, nghiêm túc và có trách nhiệm trong quá trình học tập, cũng như trong công tác sau này.</p>	2	Học kỳ 2	<p>- Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1.</p> <p>Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%.</p> <p>- Hình thức thi: Tự luận.</p>
5	Luyện kim	<p>- Về kiến thức: Giảng dạy những kiến thức về phương pháp luyện kim loại hiện nay, Các sơ đồ công nghệ luyện quặng trong thực tế.</p> <p>- Về kỹ năng: Có kỹ năng vận dụng kiến thức chuyên môn về lĩnh vực chế biến khoáng sản bằng phương pháp luyện kim.</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Rèn luyện sự cẩn cù, chăm chỉ, sáng tạo, nghiêm túc và có trách nhiệm trong quá trình học tập, cũng như trong công tác sau này.</p>	2	Học kỳ 2	<p>- Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1.</p> <p>Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%.</p> <p>- Hình thức thi: Tự luận.</p>

4. HỆ ĐH10

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
1	Thạch học	<p>- Về kiến thức: Giảng dạy những kiến thức:</p> <p>+ Kiến thức về Quang học tinh thể (ánh sáng tự nhiên, ánh sáng phân cực, chiết suất, hiện tượng phản xạ toàn phần, mặt quang suất; hiện tượng khúc xạ kép trong tinh thể, mặt chiết suất, mặt quang suất; cấu tạo kính hiển vi quang học, các loại kính hiển vi quang học; Nikon và hệ thống nicon; hình dạng, kích thước của tinh thể; tính cắt khai; màu của tinh thể),...</p> <p>+ Kiến thức về đá magma (Khái niệm về đá magma, Dạng nằm của đá magma; thành phần của đá magma; đặc điểm của magma; quá trình kết tinh của magma; cấu tạo và kiến trúc của đá magma; cơ sở phân loại đá magma; mô tả thạch học đá magma (nhóm đá siêu bazơ; nhóm đá ba zơ gabro - bazan; nhóm đá trung tính diorit - andesit; nhóm đá axit granit - riolit và granodiorit - dazit).</p> <p>+ Kiến thức về đá trầm tích (Khái niệm về đá trầm tích; giai đoạn sinh thành vật liệu trầm tích; quá trình phong hóa; quá trình vận chuyển, phân dị và lắng đọng vật liệu trầm tích; giai đoạn thành đá; giai đoạn hậu sinh và biến chất sớm; cấu tạo và kiến trúc của đá trầm tích; thành phần vật chất của đá trầm tích; phân loại đá trầm tích; mô tả các loại đá trầm tích; đá trầm tích cơ học; đá sét; đá trầm tích sinh hóa)</p> <p>+ Kiến thức về đá biến chất: (Khái niệm về đá biến chất; các yếu tố biến chất; các dạng hoạt động biến chất; thành phần vật chất của đá biến chất; tương và trình độ biến chất; phân loại các đá biến chất; mô tả các đá biến chất);...</p> <p>- Về kỹ năng: Nhận biết được các loại đá magma, trầm tích, biến chất, hình dạng, cấu tạo, kiến trúc ngoài thực địa và soi trên kính hiển vi phân cực,...</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Thái độ, chuyên cần: có thái độ học tập tích cực, phát huy tối đa phương pháp làm việc nhóm; rèn luyện tính chuyên cần trong công tác chuyên môn sau này.</p>	3	Học kỳ 2	<p>- Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%.</p> <p>- Hình thức thi: Tự luận.</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
2	Kỹ thuật khoan	<p>- Về kiến thức: Giảng dạy những kiến thức cơ bản về kỹ thuật khoan, các phương pháp khoan, cách lấy mẫu và các sự cố trong khi khoan cũng như phương pháp khắc phục.</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>Kỹ năng cứng: Thao tác và biết cách sử dụng các loại khoan cũng như vận hành, lấy mẫu và xử lý các sự cố thông thường.</p> <p>Kỹ năng mềm: Tự rèn khả năng giao tiếp, am phong tục ở các vùng miền khác nhau; biết sử dụng một số phần mềm chuyên dụng trong ngành khoan.</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm trong việc bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.</p>	2	Học kỳ 2	<p>- Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1.</p> <p>Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%.</p> <p>- Hình thức thi: Tự luận.</p>
3	Địa chất đại cương	<p>- Về kiến thức: Giảng dạy những kiến thức cơ bản về nguồn gốc trái đất; phân loại và sơ bộ quá trình hình thành ba loại đá chính; có khái niệm đại cương về khoáng vật, phân biệt được quá trình địa chất nội lực, ngoại lực; và phân biệt được các quá trình liên quan đến sự thành tạo vỏ phong hóa - thổ nhưỡng.</p> <p>- Về kỹ năng: Vận dụng được lý thuyết đã học vào thực tế Chuyên ngành Kỹ thuật Địa chất. Có khả năng phân tích, sử dụng các kiến thức đã được cung cấp làm cơ sở học tiếp các môn học sau.</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>+ Có phẩm chất đạo đức tốt, yêu ngành, yêu nghề, trách nhiệm công dân cao;</p> <p>+ Có ý thức về việc bảo vệ môi trường chung của Trái đất; Sáng tạo trong công tác.</p>	3	Học kỳ 2	<p>- Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1.</p> <p>Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%.</p> <p>- Hình thức thi: Tự luận.</p>
4	Tiếng Anh 2	<p>- Về kiến thức: Nhận diện được các âm cơ bản của tiếng Anh và tái tạo lại được các âm đó dù vẫn còn nhiều ảnh hưởng của tiếng mẹ đẻ; Áp dụng được các hiện tượng ngữ pháp cơ bản trong các tình huống giao tiếp hàng ngày bằng tiếng Anh như: thông tin cá nhân, thói quen, nhu cầu, sở thích, hỏi đáp về những thông tin đơn giản; Xây dựng được vốn từ đủ để tiến hành những giao tiếp đơn giản hàng ngày với các tình huống và chủ đề quen thuộc.</p> <p>- Về kỹ năng: Áp dụng được các kỹ năng đọc hiểu, nghe hiểu cơ bản; Giao tiếp được trong những tình huống cố định và áp dụng được kỹ năng nghe trong những hội thoại ngắn về những chủ đề gần gũi với sự giúp đỡ của người khác khi cần thiết; Hỏi và trả lời được các câu hỏi cũng như trao đổi ý kiến và thông tin về những chủ đề quen thuộc trong tình huống giao tiếp hàng ngày; Biết áp dụng các chức năng ngôn ngữ hội thoại để thiết lập</p>	3	Học kỳ 2	<p>- Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1.</p> <p>Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%.</p> <p>- Hình thức thi: Trắc nghiệm..</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		<p>các mối quan hệ xã hội như chào hỏi, giới thiệu cảm ơn, xin lỗi; Làm việc theo nhóm để thực hiện những nhiệm vụ đơn giản như bàn về một chủ đề quen thuộc, hay thảo luận một tài liệu với cách diễn đạt và ngôn ngữ đơn giản; Miêu tả được người, sự vật, nơi chốn, công việc, việc học tập, thói quen hàng ngày, kinh nghiệm, thông tin và sở thích cá nhân; Trình bày được một chủ đề ngắn về những vấn đề liên quan đến cuộc sống hàng ngày, đưa ra lý do và có thể trả lời một số câu hỏi đơn giản; Viết được các tin nhắn đơn giản, một bức thư ngắn.... ; Viết được các cụm từ, các câu đơn giản sử dụng từ nối; Viết được về những chủ đề quen thuộc, gài gửi như tả người, nơi chốn.</p> <p>- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Xây dựng được tinh thần chủ động trong công việc thông qua hoạt động tự học, tự sưu tầm, tự nghiên cứu các tài liệu bằng tiếng Anh liên quan đến các chủ đề học tập; Xây dựng được tính kỷ luật khi thực hiện nghiêm túc thời gian biểu, làm việc và nộp bài đúng hạn; Xây dựng được tính tự giác khi trung thực trong học tập và trong thi cử; Xây dựng được tính tập thể khi tích cực tham gia các hoạt động nhóm, cặp, sẵn sàng chia sẻ thông tin khi thực hiện các nhiệm vụ theo bài học;</p>			
5	Chủ nghĩa xã hội khoa học	<p>- Về kiến thức: Trình bày và phân tích được những tri thức cơ bản, cốt lõi nhất về Chủ nghĩa xã hội khoa học, một trong ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác - Lênin.</p> <p>- Về kỹ năng: Vận dụng các tri thức cơ bản về Chủ nghĩa xã hội khoa học để phân tích và đánh giá một số vấn đề chính trị xã hội liên quan tới chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.</p> <p>-Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>NL1: Có năng lực hình thành tư duy phân tích, đánh giá và nhận diện bản chất các quan hệ chính trị - xã hội, góp phần hình thành niềm tin, lý tưởng cách mạng và xây dựng trách nhiệm xã hội phù hợp với vị trí việc làm và cuộc sống sau khi ra trường.</p> <p>NL2: Có năng lực tự học, tích lũy kiến thức và kỹ năng; có năng lực lập kế hoạch, điều phối và phát huy trí tuệ tập thể.</p>	2	Học kỳ 2	<p>Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1.</p> <p>Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%.</p> <p>- Hình thức thi: Tự luận.</p>
6	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	<p>-Về kiến thức: Trình bày và phân tích được lý luận cơ bản nhất của kinh tế chính trị Mác – Lênin.</p> <p>-Về kỹ năng: Vận dụng được những kiến thức đã học vào thực tiễn học tập và công tác.</p> <p>-Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>NL1: Có năng lực hình thành tư duy phân tích và nhận diện bản chất của các quan hệ kinh tế góp phần hình thành niềm tin và lý tưởng cách mạng trong nền kinh tế thị trường, định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay.</p> <p>NL2: Có năng lực tự học, tích lũy kiến thức, kỹ năng,</p>	2	Học kỳ 2	<p>Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1.</p> <p>Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%.</p> <p>- Hình thức thi: Tự luận.</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		lập kế hoạch, điều phối và phát huy trí tuệ tập thể			
7	Xác suất thống kê	<p>Về kiến thức: Trình bày được các bài toán cơ bản của xác suất như biến cố ngẫu nhiên và xác suất, đại lượng ngẫu nhiên, các bài toán ước lượng mẫu.</p> <p>- Về kỹ năng: Vận dụng được những kỹ năng cơ bản để giải quyết các bài tập tính toán, thực hành các bài toán trong chương trình xác suất thống kê và tiếp cận học các môn chuyên ngành;</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Xác định được nhiệm vụ học tập một cách tự giác, chủ động, thực hiện các phương pháp học hiệu quả; tự học tập, tích lũy kiến thức, nghiên cứu và áp dụng các kết quả đã học vào các lĩnh vực chuyên môn đồng thời rèn luyện cho tác phong làm việc khoa học.</p>	2	Học kỳ 2	<p>- Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 2 đầu điểm, hệ số 1; Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%</p> <p>- Hình thức thi: Tự luận</p>
8	Giải tích 2	<p>- Về kiến thức: Trình bày được những kiến thức cơ bản về giải tích như: tích phân của hàm nhiều biến, phương trình vi phân làm cơ sở cho việc học các môn chuyên ngành và lên trình độ cao hơn.</p> <p>- Về kỹ năng: Vận dụng được những kỹ năng cơ bản để giải quyết các bài tập tính toán, thực hành các bài toán trong chương trình giải tích và tiếp cận học các môn chuyên ngành.</p> <p>Về năng tự chủ và trách nhiệm: Xác định được nhiệm vụ học tập một cách tự giác, chủ động, thực hiện các phương pháp học hiệu quả; tự học tập, tích lũy kiến thức, nghiên cứu và áp dụng các kết quả đã học vào các lĩnh vực chuyên môn đồng thời rèn luyện cho tác phong làm việc khoa học.</p>	2	Học kỳ 2	<p>- Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 2 đầu điểm, hệ số 1; Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%</p> <p>- Hình thức thi: Tự luận</p>
III. Ngành Công nghệ Thông tin					
1. HỆ ĐH8					

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
1	An toàn và bảo mật hệ thống thông tin	<ul style="list-style-type: none"> - Kiến thức: Trình bày kiến thức phát triển an toàn được hệ thống mạng, điều khiển việc truy cập và các hệ thống, thiết lập và duy trì các chính sách nhằm đảm bảo an ninh, các kỹ thuật mã hóa và xác thực thông tin, các vấn đề liên quan đến quản trị và kiểm soát, và vấn đề ngăn chặn và xử lý các phần mềm độc hại. - Kỹ năng: Phát triển và làm chủ được cách thức để xây dựng và duy trì một hệ thống thông tin an toàn, ngăn ngừa các thức tấn công mạng và cách thức đối phó từ xâm nhập mạng - Đạo đức nghề nghiệp: Có khả năng phân tích và thiết kế được hệ thống bảo mật thông tin của đơn vị; Có khả năng ngăn chặn được các cuộc tấn công vào hệ thống từ môi trường mạng internet; Có khả năng tự học, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm, vận dụng được những kiến thức đã học một cách linh hoạt và sáng tạo, có ý thức ứng dụng công nghệ thông tin vào công việc hàng ngày, nâng cao chất lượng của công việc, phong cách làm việc trong xã hội hiện đại. 	2	Học kỳ 2	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%. - Hình thức thi: Thực hành
2	Kỹ thuật xử lý ảnh viễn thám và ứng dụng	<ul style="list-style-type: none"> - Kiến thức: Trình bày, phân loại được các khái niệm cơ bản của ảnh viễn thám, các phương pháp và kỹ thuật xử lý ảnh viễn thám, mô tả, phân tích và tính toán dựa trên các giải thuật được sử dụng trong xử lý ảnh viễn thám. - Kỹ năng: Vận dụng và mô tả một cách linh hoạt các kỹ năng cơ bản về xử lý ảnh viễn thám, sử dụng thành thạo các phần mềm tiện ích, đồng thời áp dụng các ngôn ngữ lập trình thực hiện cài đặt các thuật toán xử lý ảnh viễn thám, phát triển thành các module tích hợp hay các phần mềm tiện ích. - Đạo đức nghề nghiệp: Có khả năng nhận biết, đoán đọc và xử lý ảnh viễn thám. Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn, ứng dụng công nghệ thông tin trong viễn thám. Có khả năng tự xây dựng các ứng dụng viễn thám vào các lĩnh vực trong thực tế. 	2	Học kỳ 2	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%. - Hình thức thi: Thực hành.
3	Phát triển hệ thống thông tin địa lý	<ul style="list-style-type: none"> - Kiến thức: Trình bày, phân tích được các kiến thức cơ bản về dữ liệu không gian cũng như dữ liệu thuộc tính của dữ liệu GIS, ứng dụng của GIS trong các lĩnh vực, đặc biệt trong ngành tài nguyên môi trường. Nghiên cứu, phân tích một số thuật toán kết hợp với dữ liệu GIS tạo thành các ứng dụng hữu ích áp dụng trong thực tế. - Kỹ năng: Vận dụng và phân tích linh hoạt một số phần mềm GIS phổ biến trong ngành. Có khả năng triển khai, phát triển, cải tiến hay bổ sung trong một hệ thống GIS cụ thể, xây dựng các trang webgis ứng dụng trong thực tế. - Đạo đức nghề nghiệp: Có khả năng phân tích và xây 	2	Học kỳ 2	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%. - Hình thức thi: Thực hành.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		dựng cơ sở dữ liệu phục vụ hệ thống GIS ứng dụng cho lĩnh vực cụ thể. Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn, ứng dụng công nghệ thông tin trong GIS. Có khả năng tự xây dựng các trang webgis ứng dụng nhiều lĩnh vực trong thực tế. Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ về GIS			
4	Tin học ứng dụng tài nguyên và môi trường	<p>- Kiến thức: Trình bày được những kiến thức về hiện trạng ứng dụng CNTT trong các lĩnh vực của ngành TNMT. Phát biểu được quy trình xây dựng CSDL và quy trình xây dựng phần mềm khai thác CSDL ngành TNMT. Phát biểu được mô hình cấu trúc và nội dung dữ liệu của nhóm lớp thông tin Nền địa lý tỷ lệ 1/50.000 Áp dụng được các kiến thức đã học để giải quyết một số bài toán cơ bản trong lĩnh vực quản lý tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường.</p> <p>- Kỹ năng: Xây dựng được CSDL chuyên ngành TNMT. Sử dụng được ngôn ngữ lập trình Python để xây dựng một số công cụ xử lý CSDL chuyên ngành nói trên.</p> <p>- Đạo đức nghề nghiệp: Có khả năng tự học, tích lũy thêm kiến thức, kinh nghiệm, vận dụng được những kiến thức đã học một cách linh hoạt và sáng tạo trong công việc liên quan đến lĩnh vực của học phần này. Có khả năng đưa ra được những kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ. Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn Luôn có ý thức ứng dụng công nghệ thông tin vào công việc hàng ngày, nâng cao chất lượng của công việc, phong cách làm việc trong xã hội hiện đại</p>	2	Học kỳ 2	<p>- Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%. - Hình thức thi: Thực hành.</p>
5	Công nghệ.Net	<p>- Kiến thức: Trình bày được, diễn giải được những kiến thức cơ bản về kiến trúc, phạm vi ứng dụng và đặc trưng công nghệ .Net; Kiến thức cơ bản về lập trình C#, lập trình hướng đối tượng C#, kiến trúc ADO.Net và Entity Framework.</p> <p>- Kỹ năng: Vận dụng ngôn ngữ lập trình C# và ADO.Net vào các ứng dụng thực tế. Tương tác với CSDL SQL Server, Oracle,.....Sử dụng Visual Studio để thiết kế các giao diện phần mềm, thiết kế các báo theo yêu cầu.</p> <p>- Đạo đức nghề nghiệp: Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn .Net, xây dựng các hệ thống, phần mềm; Có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ về Công nghệ.Net; Có khả năng đưa ra được kết luận, giải pháp về các vấn</p>	3	Học kỳ 2	<p>- Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%. - Hình thức thi: Bài tập lớn.</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		đề chuyên môn, nghiệp vụ trong Công nghệ.Net và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ về Công nghệ.Net.			
6	Công nghệ Java	- Về kiến thức: kiến thức phát triển ứng dụng bằng Java cho . Sau khi học xong xây dựng được các ứng dụng với các công nghệ khác nhau của Java. - Về kỹ năng: Triển khai ứng dụng với Java Xây dựng được ứng dụng với FrameWork Vận dụng được với các kiểu CSDL khác nhau Áp dụng được khả năng làm việc nhóm (cộng tác, thảo luận...) giữa các thành viên khác nhau - Về đạo đức nghề nghiệp: Có khả năng tự học, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm, vận dụng được những kiến thức đã học một cách linh hoạt và sáng tạo, có ý thức ứng dụng công nghệ thông tin vào công việc hàng ngày, nâng cao chất lượng của công việc, phong cách làm việc trong xã hội hiện đại.	3	Học kỳ 2	- Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%. - Hình thức thi: Thực hành.
7	Công nghệ phần mềm	- Về kiến thức: Trình bày được: những nguyên lý, phương pháp cơ bản trong quá trình phát triển phần mềm, một số quy trình phát triển phần mềm phổ biến, nội dung những bước cơ bản trong các quy trình; so sánh, phân biệt được ưu, nhược điểm của các quy trình này; vận dụng được các quy trình này trong quá trình xây dựng các phần mềm thực tế để đạt được các phần mềm chất lượng. - Về kỹ năng: Sử dụng được thành thạo các công cụ, quy trình phổ biến để xây dựng được các phần mềm đảm bảo chất lượng đáp ứng được nhu cầu thực tế. - Về đạo đức nghề nghiệp: Có năng lực làm việc độc lập, làm việc nhóm trong lĩnh vực phát triển phần mềm. Có năng lực tiếp cận, tiếp thu các phương pháp, công cụ mới trong lĩnh vực công nghệ phần mềm. Có năng lực sáng tạo các mô hình, phương pháp mới, kết hợp linh hoạt các mô hình, phương pháp đã có trong quá trình phát triển phần mềm. Có trách nhiệm tuân thủ các nguyên tắc đảm bảo chất lượng phần mềm; tuân thủ các quy trình trong quá trình phát triển phần mềm. Có năng lực, trách nhiệm trong quá trình kiểm tra, đánh giá chất lượng phần mềm.	2	Học kỳ 2	- Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%. - Hình thức thi: Bài tập lớn.
8	Linux và phần mềm nguồn mở	- Về kiến thức: Trình bày, phân loại về phần mềm tự do, phần mềm nguồn mở, mô hình phát triển phần mềm mã nguồn mở, các tiện ích thường được dùng để phát triển phần mềm mã nguồn mở, kỹ thuật cơ bản về lập trình shell script và quản trị hệ thống mạng trên môi trường	2	Học kỳ 2	- Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		<p>Linux.</p> <p>- Về kỹ năng: Làm chủ một trong những hệ thống mã nguồn mở tiêu biểu là hệ điều hành Linux. Có khả năng xây dựng, phát triển và triển khai ứng dụng dựa trên hệ thống mã nguồn mở, và quản trị thành thạo hệ thống mạng mã nguồn mở thông dụng.</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>Có khả năng cài đặt, cấu hình và quản trị được các hệ điều hành Linux mã nguồn mở;</p> <p>Có khả năng phát triển các mã nguồn mở thông dụng;</p> <p>Có khả năng tự học, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm, vận dụng được những kiến thức đã học một cách linh hoạt và sáng tạo, có ý thức ứng dụng công nghệ thông tin vào công việc hàng ngày, nâng cao chất lượng của công việc, phong cách làm việc trong xã hội hiện đại.</p>			<p>Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%.</p> <p>- Hình thức thi: Thực hành.</p>
2. HỆ ĐHQ					
1	Kỹ năng mềm Công nghệ thông tin	<p>- Kiến thức:</p> <p>Kiến thức cơ bản về xây dựng bài thuyết trình, lập kế hoạch, làm việc với máy tính nhanh hơn và an toàn hơn với máy tính, làm các văn bản, báo cáo, chia sẻ tài nguyên qua mạng Internet, khai thác thông tin định hướng nghề nghiệp và tìm kiếm cơ hội việc làm, sử dụng mạng xã hội có chọn lọc, hành vi ứng xử khi tham gia cộng đồng trực tuyến. Các kiến thức cần thiết để có thể phát triển và duy trì các mối quan hệ, hoàn thiện về năng lực với các sự kiện phát sinh trong cuộc sống bằng thái độ tích cực, giúp gia tăng khả năng cạnh tranh trong công việc và tạo điều kiện phát triển nghề nghiệp trong tương lai.</p> <p>- Kỹ năng:</p> <p>Vận dụng các kỹ năng xây dựng bài thuyết trình, kỹ năng lập kế hoạch, kỹ năng làm việc với máy tính, kỹ năng làm các văn bản, báo cáo, kỹ năng tra cứu và chia sẻ thông tin, kỹ năng sử dụng mạng xã hội có chọn lọc, hành vi ứng xử khi tham gia cộng đồng trực tuyến để có được sự linh hoạt trong xử lý tình huống công việc, góp phần phát triển, củng cố các mối quan hệ cần thiết trong cuộc sống cũng như trong hoạt động nghề nghiệp tương lai.</p> <p>Từ việc xác định và biểu đạt vấn đề kết hợp với những phân tích về đặc điểm, phương tiện áp dụng có thể đưa ra những biện pháp hoặc cách thức giải quyết tình huống trong từng trường hợp cụ thể.</p> <p>- Năng lực tự chủ - trách nhiệm nghề nghiệp:</p> <p>Có niềm tin, thái độ học tập đúng đắn đối với học phần, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản.</p> <p>Ý thức được tầm quan trọng của kỹ năng mềm trong đời sống hàng ngày cũng như trong công việc.</p>	2	Học kỳ 2	<p>- Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1.</p> <p>Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%.</p> <p>- Hình thức thi: Tự luận.</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
2	Kỹ thuật đồ họa máy tính	<p>- Kiến thức: Trình bày, phân loại được các kiến thức cơ bản về kỹ thuật đồ họa máy tính bao gồm: kiến trúc hệ đồ họa máy tính, các giải thuật cơ bản trong đồ họa, các giải thuật, kỹ thuật biến đổi đồ họa 2D và 3D. Sử dụng ngôn ngữ lập trình cài đặt các giải thuật lý thuyết đã học trong các chương, từ đó xây dựng các ứng dụng hay nghiên cứu phát triển về kỹ thuật đồ họa.</p> <p>- Kỹ năng: Vận dụng và mô tả một cách linh hoạt các kiến thức cơ bản về đồ họa 2D và 3D. Các kỹ năng phát triển các ứng dụng đồ họa thông qua các bài tập lớn, khả năng đọc tài liệu chuyên ngành bằng tiếng anh.</p> <p>- Năng lực tự chủ - trách nhiệm nghề nghiệp: Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn về kỹ thuật đồ họa Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ về các thuật toán cơ bản và chuyên sâu trong kỹ thuật đồ họa Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ trong ứng dụng của kỹ thuật đồ họa vào thực tế. Có khả năng vận dụng xây dựng các giải pháp hiệu quả trong bài toán liên quan đến đồ họa máy tính.</p>	2	Học kỳ 2	<p>- Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%. - Hình thức thi: Tự luận.</p>
3	Mạng máy tính	<p>- Kiến thức: Kiến thức cơ bản về mạng máy tính, phân tích được chức năng các tầng của mô hình tham chiếu OSI, bộ giao thức TCP/IP, giải thích được cách thức thông tin di chuyển qua mạng như thế nào theo các tầng của mô hình OSI và TCP/IP. Đồng thời, trình bày được các kiến thức cơ bản về công nghệ LAN – Ethernet, các công nghệ WAN.</p> <p>- Kỹ năng: Phân tích, thiết kế mạng; vận dụng kiến thức đã học để lựa chọn thiết bị, cài đặt mạng, chia địa chỉ IP, gán địa chỉ IP cho các mạng và cấu hình trên các thiết bị mạng.</p> <p>- Năng lực tự chủ - trách nhiệm nghề nghiệp: Có năng lực dẫn dắt chuyên môn về mạng máy tính; Có khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao; tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn về mạng máy tính; Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn trong lĩnh vực mạng máy tính; Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn về mạng máy tính</p>	3	Học kỳ 2	<p>- Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%. - Hình thức thi: Trắc nghiệm</p>
4	Lập trình hướng đối tượng	<p>- Về kiến thức Trình bày được phương pháp lập trình hướng đối tượng, các khái niệm cơ bản đối tượng, lớp, thuộc tính, phương thức, kế thừa và đa hình, áp dụng các cách xử lý ngoại lệ các dữ liệu đưa vào, sử dụng được các thư viện hàm.</p> <p>- Về kỹ năng: Phân tích, thiết kế và xây dựng một ứng dụng sử dụng ngôn ngữ lập trình hướng đối tượng mà cụ thể là Java.</p>	3	Học kỳ 2	<p>- Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%.</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		<p>Sử dụng các thư viện hỗ trợ lập trình sự kiện của Java, lập trình đa luồng và các cấu trúc dữ liệu cơ bản.</p> <p>- Năng lực tự chủ - trách nhiệm nghề nghiệp: Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ về lập trình các ứng dụng; Có khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao, tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; Có khả năng đưa ra được kết luận về các trường hợp lỗi trong các chương trình ứng dụng; Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các chương trình ứng dụng.</p>			- Hình thức thi: Thực hành
5	Ngôn ngữ SQL	<p>- Về kiến thức: Trình bày được những kiến thức cơ bản, nền tảng về cơ sở dữ liệu, hệ quản trị cơ sở dữ liệu SQL Server. Tạo lập cơ sở dữ liệu, tạo bảng, Thay đổi cấu trúc bảng, truy vấn dữ liệu, thêm, sửa, xóa dữ liệu, tạo bảng ảo, lập trình căn bản trong SQL Server.</p> <p>- Về kỹ năng: Vận dụng được để thực hiện các thao tác tạo lập cơ sở dữ liệu, truy vấn dựa trên các phép toán đại số quan hệ, sửa đổi cơ sở dữ liệu, truy vấn cơ sở dữ liệu, lập trình đơn giản với SQL Server và mô tả lược đồ cơ sở dữ liệu.</p> <p>- Năng lực tự chủ - trách nhiệm nghề nghiệp: Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn về cơ sở dữ liệu, hệ quản trị cơ sở dữ liệu Có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ về hệ quản trị cơ sở dữ liệu nói chung và hệ quản trị cơ sở dữ liệu SQL Server nói riêng. Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ trong ứng dụng cơ sở dữ liệu, hệ quản trị cơ sở dữ liệu vào thực tế. Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ về công nghệ thông tin.</p>	2	Học kỳ 2	<p>- Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%. - Hình thức thi: Thực hành</p>
6	Tiếng Anh chuyên ngành	<p>- Về kiến thức: Vận dụng được vốn từ vựng tiếng Anh cơ bản và chuyên ngành Công nghệ thông tin trong môi trường giao tiếp thông thương và trong công việc liên quan đến chuyên ngành ở mức độ khó trung bình; Trình bày được nội dung cơ bản của môn học bằng Tiếng Anh; Trình bày được một số ứng dụng công nghệ trong công nghệ thông tin bằng Tiếng Anh, sử dụng được các thuật ngữ chuyên ngành công nghệ thông tin liên quan đến phần cứng, phần mềm và các ứng dụng cơ bản của công nghệ thông tin.</p> <p>- Về kỹ năng: Vận dụng được các thuật ngữ chuyên ngành để đọc và dịch được tài liệu một cách cơ bản; Mô</p>		Học kỳ 2	<p>- Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%. - Hình thức thi: Tự luận.</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		tả được một cách đơn giản, chi tiết về các chủ đề quen thuộc trong lĩnh vực CNTT, - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Xây dựng được tính tích cực học tập và tự học, tự tìm tòi tài liệu tham khảo bằng tiếng Anh, từ đó hình thành ý thức thường xuyên trao đổi chuyên môn bằng Tiếng Anh hướng đến tham khảo tài liệu chuyên môn bằng Tiếng Anh để cập nhật tình hình phát triển ngành CNTT; Tự nâng cao tính kỷ luật, tự giác và nghiêm túc trong học tập;			
7	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	- Về kiến thức: Chứng minh được sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam là tất yếu khách quan; phân tích và đánh giá được sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam từ khi thành lập Đảng đến nay qua các thời kỳ: (1930 - 1945), (1945 - 1975) và (1975 đến nay). - Về kỹ năng: Vận dụng được kiến thức đã học trong giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến lĩnh vực được đào tạo. - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: NL1: Có lập trường tư tưởng vững vàng, có niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, kiên định với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; NL2: Xác định được trách nhiệm của bản thân đối với công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc dưới sự lãnh đạo của Đảng, quyết tâm thực hiện tốt đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước; NL3: Có năng lực đánh giá và giải quyết một số vấn đề thực tiễn trong lĩnh vực tài nguyên, môi trường theo chủ trương, đường lối của Đảng.	2	Học kỳ 2	- Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. - Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%. - Hình thức thi: Tự luận.
3. HỆ ĐH10					
1	Kỹ thuật điện tử số	- Kiến thức: Kiến thức về các phương pháp tính toán và mô tả được các phần tử cơ bản trong các mạch cổng logic, cơ sở đại số logic. Phân tích và thiết kế được mạch logic tổ hợp, mạch logic tuần tự và một số phần tử cơ bản của hệ thống máy tính số như ALU, thanh ghi, mạch cộng, nhân, FIFO, bộ nhớ... Phân tích và thiết kế hệ thống số, hệ thống số với FPGA. Sử dụng thành thạo công cụ ngôn ngữ mô tả phần cứng Verilog (VHDL) với môi trường ISE Webpack hoặc Vivado của Xilinx. - Kỹ năng: Có kỹ năng phân tích, thiết kế mạch logic tổ hợp và mạch logic tuần tự. Có kỹ năng sử dụng một số phần mềm của Xilinx hoặc Altera để thiết kế và mô phỏng các mạch số. - Năng lực tự chủ - trách nhiệm nghề nghiệp: Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn phục vụ nghiệp vụ về quản lý dự án về công nghệ thông tin;	3	Học kỳ 2	- Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%. - Hình thức thi: Thực hành.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		<p>Có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau;</p> <p>Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ về công nghệ thông tin;</p> <p>Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ về công nghệ thông tin;</p> <p>Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ về công nghệ thông tin</p>			
2	Toán rời rạc	<p>- Về kiến thức: Cung cấp những kiến thức cơ bản trong các lĩnh vực có nhiều ứng dụng của toán rời rạc là: Lý thuyết tổ hợp, Lý thuyết đồ thị.</p> <p>- Về kỹ năng: Vận dụng các phương pháp toán học ứng dụng trong kỹ thuật công nghệ, nhất là công nghệ thông tin</p> <p>- Năng lực tự chủ - trách nhiệm nghề nghiệp: Có khả năng tự học, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm, vận dụng được những kiến thức đã học một cách linh hoạt và sáng tạo, có ý thức ứng dụng công nghệ thông tin vào công việc hàng ngày, nâng cao chất lượng của công việc, phong cách làm việc trong xã hội hiện đại.</p>	3	Học kỳ 2	<p>- Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%.</p> <p>- Hình thức thi: Trắc nghiệm.</p>
3	Tiếng Anh 2	<p>- Về kiến thức: Nhận diện được các âm cơ bản của tiếng Anh và tái tạo lại được các âm đó dù vẫn còn nhiều ảnh hưởng của tiếng mẹ đẻ; Áp dụng được các hiện tượng ngữ pháp cơ bản trong các tình huống giao tiếp hàng ngày bằng tiếng Anh như: thông tin cá nhân, thói quen, nhu cầu, sở thích, hỏi đáp về những thông tin đơn giản; Xây dựng được vốn từ đủ để tiến hành những giao tiếp đơn giản hàng ngày với các tình huống và chủ đề quen thuộc.</p> <p>- Về kỹ năng: Áp dụng được các kỹ năng đọc hiểu, nghe hiểu cơ bản; Giao tiếp được trong những tình huống cố định và áp dụng được kỹ năng nghe trong những hội thoại ngắn về những chủ đề gần gũi với sự giúp đỡ của người khác khi cần thiết; Hỏi và trả lời được các câu hỏi cũng như trao đổi ý kiến và thông tin về những chủ đề quen thuộc trong tình huống giao tiếp hàng ngày; Biết áp dụng các chức năng ngôn ngữ hội thoại để thiết lập các mối quan hệ xã hội như chào hỏi, giới thiệu cảm ơn, xin lỗi; Làm việc theo nhóm để thực hiện những nhiệm vụ đơn giản như bàn về một chủ đề quen thuộc, hay thảo luận một tài liệu với cách diễn đạt và ngôn ngữ đơn giản; Miêu tả được người, sự vật, nơi chốn, công việc, việc học tập, thói quen hàng ngày, kinh nghiệm, thông tin và sở thích cá nhân; Trình bày được một chủ đề ngắn về những vấn đề liên quan đến cuộc sống hàng ngày, đưa ra lý do và có thể trả lời một số câu hỏi đơn giản; Viết được các tin nhắn đơn giản, một bức thư ngắn.... ; Viết được các cụm từ, các câu đơn giản sử dụng từ nối;</p>	3	Học kỳ 2	<p>- Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%.</p> <p>- Hình thức thi: Trắc nghiệm.</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		<p>Viết được về những chủ đề quen thuộc, gần gũi như tả người, nơi chốn.</p> <p>- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Xây dựng được tinh thần chủ động trong công việc thông qua hoạt động tự học, tự sưu tầm, tự nghiên cứu các tài liệu bằng tiếng Anh liên quan đến các chủ đề học tập; Xây dựng được tính kỷ luật khi thực hiện nghiêm túc thời gian biểu, làm việc và nộp bài đúng hạn; Xây dựng được tính tự giác khi trung thực trong học tập và trong thi cử; Xây dựng được tính tập thể khi tích cực tham gia các hoạt động nhóm, cặp, sẵn sàng chia sẻ thông tin khi thực hiện các nhiệm vụ theo bài học;</p>			
4	Giải tích 2	<p>- Về kiến thức: Trình bày được những kiến thức cơ bản về giải tích như: tích phân của hàm nhiều biến, phương trình vi phân làm cơ sở cho việc học các môn chuyên ngành và lên trình độ cao hơn.</p> <p>- Về kỹ năng: Vận dụng được những kỹ năng cơ bản để giải quyết các bài tập tính toán, thực hành các bài toán trong chương trình giải tích và tiếp cận học các môn chuyên ngành.</p> <p>Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Xác định được nhiệm vụ học tập một cách tự giác, chủ động, thực hiện các phương pháp học hiệu quả; tự học tập, tích lũy kiến thức, nghiên cứu và áp dụng các kết quả đã học vào các lĩnh vực chuyên môn đồng thời rèn luyện cho tác phong làm việc khoa học.</p>	2	Học kỳ 2	<p>- Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%</p> <p>Bao gồm: 2 đầu điểm, hệ số 1;</p> <p>Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%</p> <p>- Hình thức thi: Tự luận</p>

IV. Ngành Quản lý Biển

1. HỆ DH7

1	Thực tập tốt nghiệp	<p>- Về kiến thức:</p> <p>+ Trình bày được thực tiễn về hoạt động Quy hoạch, Quản lý Tài nguyên môi trường biển thuộc chuyên ngành đã được đào tạo.</p> <p>Trình bày rõ kiến thức về Quy hoạch không gian biển; Quản lý tổng hợp vùng bờ; Dự báo ô nhiễm môi trường không khí và nước biển; An toàn an ninh trên biển. Biết được nguyên lý phân bố Tài nguyên môi trường biển.</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>+ Biết được quy trình xây dựng một báo cáo nghiên cứu khoa học, viết chuyên đề để làm đề án tốt nghiệp.</p> <p>+ Biết cách xây dựng 1 đề cương thực hiện đề án, đề tài nghiên cứu khoa học.</p> <p>+ Biết cách lựa chọn một vị trí xây dựng trạm quan trắc, giám sát Tài nguyên môi trường biển.</p> <p>+ Biết được các phương pháp chính lý các yếu tố thủy văn</p> <p>- Về đạo đức nghề nghiệp: Hoàn thiện năng lực và phẩm</p>	6	Học kỳ 2	<p>- Điểm đánh giá của Cơ sở hướng dẫn thực tập: Trọng số 40%</p> <p>- Điểm đánh giá của Khoa: Trọng số 60%</p>
---	---------------------	--	---	----------	---

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		chất đạo đức của một người cán bộ khi ra trường			
2	Đồ án tốt nghiệp	<p>- Về kiến thức:</p> <p>+ Tiếp cận được với thực tế, bước đầu làm quen với các công tác quản lý biển tại địa phương. Trình bày được một phần tình hình quản lý biển tại địa phương, tình hình thực hiện quản lý nhà nước về biển tại địa phương và việc thực hiện các nội dung khác về quản lý nhà nước về biển. Vận dụng các kiến thức đã học và thu thập tại địa phương để giải quyết các công tác nghiệp vụ trong việc thực hiện các nội dung quản lý nhà nước về biển.</p> <p>-Về kỹ năng:</p> <p>+ Bám sát đề cương chi tiết để điều tra, thu thập các tài liệu, số liệu, quy hoạch không gian biển tại địa phương một cách trung thực, khách quan;</p> <p>Biết xử lý các nguồn tài liệu, số liệu thu thập được. Tổng hợp được số liệu một cách đầy đủ, chính xác vào hệ thống biểu mẫu theo quy định và viết báo cáo tổng hợp.</p> <p>+ Thu thập số liệu tại địa phương và thực tập các nội dung theo đúng tiến độ kế hoạch đề ra. Tham gia cùng địa phương thực hiện các nhiệm vụ, các công việc có liên quan đến các nội dung quản lý nhà nước về biển.</p> <p>-Về đạo đức nghề nghiệp: Có phẩm chất đạo đức tốt, yêu ngành, yêu nghề, trách nhiệm công dân cao. Góp phần nâng cao ý thức sử dụng, bảo vệ đất đai một cách hợp lý, hiệu quả.</p>	6	Học kỳ 2	<p>- Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.</p> <p>- Tiêu chí đánh giá đồ án: Đánh giá Nội dung thực hiện theo đề cương đồ án tốt nghiệp đã được phê duyệt.</p>
2. HỆ DH8					
1	Quan trắc tổng hợp môi trường biển	<p>- Về kiến thức: Phân tích các kiến thức, khái niệm cơ bản về quan trắc môi trường và vận dụng vào hoạt động quan trắc tổng hợp môi trường biển; trình bày được các nguyên tắc và các bước cơ bản trong thiết kế, thực hiện và đánh giá một chương trình/kế hoạch quan trắc tổng hợp môi trường biển; tổng hợp, phân tích được các dữ liệu và viết báo cáo quan trắc tổng hợp môi trường biển; và áp dụng được quy trình đảm bảo chất lượng, kiểm soát chất lượng (QA/QC) trong thiết kế, thực hiện, phân tích dữ liệu và viết báo cáo quan trắc tổng hợp môi trường biển.</p> <p>- Về kỹ năng: Thiết kế được mạng lưới thu mẫu, thông số và tần suất lấy mẫu; biết cách bảo quản và vận chuyển mẫu từ thực địa về các phòng thí nghiệm. Tổng hợp, phân tích được dữ liệu trên máy tính và trình bày, đánh giá được các số liệu thông qua bảng biểu, đồ thị. Nâng cao kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình.</p>	3	Học kỳ 2	<p>- Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%.</p> <p>+ Bao gồm: 2 đầu điểm, hệ số 1.</p> <p>- Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%</p> <p>- Hình thức thi: Tự luận</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		- Về đạo đức nghề nghiệp: Nghiêm túc, tích cực xây dựng bài, năng động, sáng tạo trong học tập, đi học và làm bài tập đầy đủ, bảo vệ môi trường biển cũng như môi trường sống xung quanh.			
2	Quản lý tổng hợp vùng bờ biển	<p>- Về kiến thức:</p> <p>+ Phân tích các kiến thức cơ bản về đới bờ, vùng bờ và thuộc tính của chúng, vùng bờ quản lý; tầm quan trọng của vùng bờ, các vấn đề kinh tế-xã hội ở vùng bờ và thể chế-chính sách quản lý hiện hành. Trên cơ sở đó xác định nhu cầu quản lý tổng hợp vùng bờ biển (QLTHVB). Các nguyên tắc và chu trình QLTHVB, nội dung và sản phẩm đầu ra của QLTHVB. Cách thức tiến hành xây dựng và triển khai một kế hoạch QLTHVB cụ thể, các công cụ thường áp dụng trong QLTHVB.</p> <p>+ Giới thiệu các bài học kinh nghiệm QLTHVB trên thế giới và thực trạng hoạt động QLTHVB ở Việt Nam.</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>+ Cung cấp kỹ năng liên quan tới việc áp dụng các công cụ trong quá trình thực hiện QLTHVB; các phương pháp và kỹ năng trong xây dựng và triển khai một kế hoạch QLTHVB; kỹ năng phân vùng chức năng vùng bờ biển,...</p> <p>- Về đạo đức nghề nghiệp : Rèn luyện tinh thần chủ động, tự chủ trong công việc, có trách nhiệm với các nhiệm vụ được giao.</p>	3	Học kỳ 2	<p>- Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%</p> <p>+ Bao gồm: 2 đầu điểm, hệ số 1</p> <p>- Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%</p> <p>+ Hình thức thi: Tự luận</p>
3	Quy hoạch Sử dụng không gian biển	<p>- Về kiến thức:</p> <p>+ Phân tích được các kiến thức cơ bản về quy hoạch không gian biển và vùng bờ (CMSP) và cách tiếp cận từng bước khi thực hiện một chu trình CMSP. Phân biệt các khái niệm cơ bản như phân vùng và quy hoạch, tiếp cận dựa vào vùng và hệ sinh thái (area-based và ecosystem-based approaches), và vùng quy hoạch (planned area). Giới thiệu các nguyên tắc và chu trình CMSP, nội dung và sản phẩm đầu ra của CMSP. Các công cụ thường áp dụng trong quá trình triển khai CMSP. Lấy ví dụ được một số bài học kinh nghiệm về CMSP trên thế giới, cũng như đánh giá nhu cầu và thực tế áp dụng CMSP ở Việt Nam.</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>+ Cung cấp kỹ năng liên quan tới việc áp dụng các công</p>	3	Học kỳ 2	<p>- Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%</p> <p>+ Bao gồm: 2 đầu điểm, hệ số 1</p> <p>- Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%</p> <p>- Hình thức thi: Tự luận</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		<p>cụ trong quá trình thực hiện CMSP; các phương pháp và kỹ năng trong xây dựng và triển khai một CMSP thông qua làm bài tập và thực tế.</p> <p>- Về đạo đức nghề nghiệp: Rèn luyện sự cẩn cù, chăm chỉ, sáng tạo và bản lĩnh trong học tập, khả năng tự tìm tòi tư liệu và biết cách tổng hợp vấn đề trong quy hoạch.</p>			
4	Quản lý và Kiểm soát ô nhiễm biển	<p>- Về kiến thức: Đánh giá được các kiến thức cơ bản về ô nhiễm môi trường biển, các nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường biển, phương pháp quản lý nguồn thải, xử lý ô nhiễm và phục hồi môi trường biển; các sự cố môi trường biển và phương pháp quản lý sự cố môi trường biển; các vấn đề trong tuyên truyền, vận động, nâng cao nhận thức của chính quyền và nhân dân về xử lý rác thải, bảo vệ môi trường sông và biển và cách giải quyết.</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>+ Kỹ năng cứng: Có khả năng vận dụng được các kiến thức đã học vào thực tế quản lý và kiểm soát ô nhiễm môi trường biển.</p> <p>+ Kỹ năng mềm: Có khả năng tham gia xây dựng và thực thi một số chính sách, pháp luật quản lý và kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo cũng như các giải pháp tuyên truyền, vận động, nâng cao nhận thức của chính quyền và nhân dân về xử lý rác thải, bảo vệ môi trường sông và biển.</p> <p>- Về đạo đức nghề nghiệp: Rèn luyện tinh thần chủ động, tự chủ trong công việc, có trách nhiệm với các nhiệm vụ được giao.</p>	3	Học kỳ 2	<p>- Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%</p> <p>+ Bao gồm: 2 đầu điểm, hệ số 1</p> <p>- Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%</p> <p>- Hình thức thi: Tự luận</p>
5	Quản lý Thiên tai và Tai biến môi trường biển	<p>- Về kiến thức:</p> <p>+ Phát triển các kiến thức cơ bản về thiên tai và tai biến môi trường biển, rủi ro thiên tai và tai biến môi trường biển; tính dễ bị tổn thương của các vùng biển và ven biển do thiên tai và tai biến môi trường biển;</p> <p>+ Các giải pháp quản lý để giảm t rủi ro và tính dễ bị tổn thương do thiên tai và tai biến môi trường biển.</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>+ Kỹ năng cứng: Có khả năng vận dụng được các kiến thức đã học vào thực tế quản lý thiên tai và tai biến môi trường biển.</p> <p>+ Kỹ năng mềm: Có khả năng tham gia xây dựng và thực thi một số chính sách, pháp luật thiên tai và tai biến môi trường biển và hải đảo cũng như các giải pháp tuyên truyền, vận động, nâng cao nhận thức của chính quyền và nhân dân về phòng chống, giảm nhẹ tác hại của thiên tai và tai biến môi trường biển.</p>	3	Học kỳ 2	<p>- Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%</p> <p>+ Bao gồm: 2 đầu điểm, hệ số 1</p> <p>- Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%</p> <p>- Hình thức thi: Tự luận</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		<p>- Về đạo đức nghề nghiệp:</p> <p>+ Có phẩm chất đạo đức tốt, yêu ngành, yêu nghề, trách nhiệm công dân và chấp hành pháp luật cao.</p> <p>+ Có ý thức bảo vệ môi trường biển, đề xuất sáng kiến, giải pháp và vận động chính quyền, nhân dân tham gia phòng chống, giảm nhẹ tác hại của thiên tai và tai biến môi trường biển.</p> <p>+ Hợp tác và sáng tạo trong công tác.</p>			
6	Quản lý hệ thống đảo Việt Nam	<p>- Về kiến thức:</p> <p>+ Hình thành được các kiến thức cơ bản về đảo, quần đảo và hệ thống đảo ở Việt Nam; phân loại hệ thống đảo theo các tiêu chí. Khái quát về điều kiện tự nhiên, tài nguyên và môi trường của đảo, quần đảo và hệ thống đảo; tình hình kinh tế-xã hội các huyện đảo;</p> <p>+ Phân tích được tài nguyên vị thế các đảo và quần đảo Việt Nam – lợi ích về kinh tế, chính trị, quân sự</p> <p>+ Phân tích được tiềm năng phát triển kinh tế- xã hội và bảo vệ chủ quyền quốc gia của các đảo và quần đảo Việt Nam</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>+ Cung cấp kỹ năng phân loại, nhận dạng các đảo, cơ sở pháp lý quản lý đảo. Phân tích các vấn đề môi trường đảo và cách tiếp cận giải quyết vấn đề hướng tới tính bền vững, đặc biệt đối với các đảo nhỏ..</p> <p>- Về đạo đức nghề nghiệp:</p> <p>+ Rèn luyện sự cần cù, chăm chỉ, sáng tạo và bản lĩnh trong học tập, khả năng tiếp cận các vấn đề liên quan.</p>	3	Học kỳ 2	<p>- Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%</p> <p>+ Bao gồm: 2 đầu điểm, hệ số 1</p> <p>- Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%</p> <p>- Hình thức thi: Tự luận</p>
3. HỆ ĐH9					
1	Cơ sở địa chất biển	<p>- Về kiến thức:</p> <p>+ Vận dụng được kiến thức cơ bản về nhân tố và các quá trình địa chất địa mạo biển, đặc điểm hình thái đáy đại dương, hình thái động lực đới bờ.</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>+ Nêu được cách phân tích và vận dụng được các kiến thức cơ bản của môn học Địa chất biển vận dụng vào tính toán mô phỏng các quá trình vật lý động biển cũng như giải thích được các nguyên nhân xói lở, bồi tụ, biến động bờ có tính nội sinh của mỗi khu vực.</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>+ Nêu được tầm quan trọng của môn học và có ý thức cao độ trong việc học hỏi nội dung môn học. Phát huy tối đa tinh thần tự học thông qua nghiên cứu tài liệu, tìm</p>	2	Học kỳ 2	<p>- Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%</p> <p>+ Bao gồm: 2 đầu điểm, hệ số 1</p> <p>- Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%</p> <p>- Hình thức thi: Tự luận</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		tôi sáng tạo các nguồn sách để đọc thêm và các tài liệu trên mạng internet. Tự giác trong học tập và trung thực trong thi cử. Phát huy tối đa khả năng sáng tạo khi thực hiện các hoạt động trên lớp cũng như ở nhà.			
2	Sinh thái và bảo tồn biển	<p>- Về kiến thức: Phân tích các khái niệm cơ bản về sinh thái biển (quần thể, quần xã hệ sinh thái biển), đa dạng sinh học biển (các khái niệm, định nghĩa, những giá trị mà đa dạng sinh học biển đem lại cho môi trường và con người,...); đa dạng sinh học các hệ sinh thái biển đặc trưng (rạn san hô, thảm cỏ biển, rừng ngập mặn); về sự mất đa dạng sinh học biển, nguyên nhân và sự tuyệt chủng các loài (do mất nơi cư trú, nơi cư trú bị ô nhiễm, khai thác quá mức, sự du nhập của các loài ngoại lai hay sự lây lan của bệnh dịch,...); Tính cấp thiết của việc bảo tồn đa dạng sinh học biển, các công ước quốc tế mà Việt Nam tham gia, vấn đề bảo tồn và kế hoạch hành động bảo tồn đa dạng sinh học biển ở Việt Nam; Hệ thống các khu bảo tồn biển Việt Nam</p> <p>- Về kỹ năng: Vận dụng kiến thức được học để đánh giá và lập kế hoạch bảo tồn đa dạng sinh học biển, tham gia và tuyên truyền về bảo tồn đa dạng sinh học biển, đánh giá hiệu quả quản lý công tác bảo tồn biển.</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>+ Phẩm chất đạo đức tốt, yêu ngành, yêu nghề, trách nhiệm công dân và chấp hành pháp luật cao.</p> <p>+ Thái độ tích cực trong làm bài tập, thảo luận nhóm và thu thập dữ liệu về các văn bản pháp luật liên quan.</p> <p>+ Ý thức cao hơn trong việc bảo vệ môi trường sinh thái, không gây ô nhiễm trong khu vực mà mình đang sinh sống.</p>	3	Học kỳ 2	<p>- Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%</p> <p>+ Bao gồm: 2 đầu điểm, hệ số 1</p> <p>- Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%</p> <p>- Hình thức thi: Tự luận</p>
3	Hóa học biển	<p>- Về kiến thức:</p> <p>+ Phân tích được các kiến thức cơ bản về thành phần hoá học nước biển; giải thích được quá trình thành tạo, tồn tại, biến đổi và mối tương tác của các hợp phần hoá học trong biển dưới ảnh hưởng của các quá trình vật lý, hoá học, sinh học hải dương.</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>+ Phân tích, đánh giá dữ liệu về hàm lượng các hợp chất hóa học trong nước biển; trình bày được dữ liệu về hàm lượng các hợp chất hóa học trong nước biển trên đồ thị; tính toán chuyển đổi nồng độ các hợp phần hóa học trong nước biển.</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Nghiêm túc, tích cực xây dựng bài, năng động, sáng tạo trong học tập, đi</p>	2	Học kỳ 2	<p>- Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%</p> <p>+ Bao gồm: 2 đầu điểm, hệ số 1</p> <p>- Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%</p> <p>- Hình thức thi: Tự luận</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		học và làm bài tập đầy đủ, bảo vệ môi trường biển cũng như môi trường sống xung quanh.			
4. HỆ ĐH10					
1	Hải dương học đại cương	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: Phân tích được cấu tạo vật chất, hình thái, các tính chất lý hoá cơ bản của nước biển; giải thích được các hiện tượng, các quá trình diễn ra trong đại dương dưới ảnh hưởng của những ngoại lực và sự tương tác với lục địa và khí quyển. - Về kỹ năng: Có khả năng áp dụng những kiến thức đã học để tính toán, phân tích được sự phân bố các trường yếu tố hải văn trên đại dương nói chung và trên Biển Đông nói riêng. Biết cách phân tích tổng hợp đáng giá tổng quan về điều kiện tự nhiên, tài nguyên và môi trường biển. - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Rèn luyện sự cẩn cù, chăm chỉ và sáng tạo trong học tập, yêu thích lĩnh vực khoa học về biển 	3	Học kỳ 2	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% + Bao gồm: 2 đầu điểm, hệ số 1 - Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
2	Cơ sở Khoa học môi trường	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: có khả năng trình bày được những kiến thức cơ bản về môi trường và khoa học môi trường: Các khái niệm cơ bản về tài nguyên và môi trường, các thành phần môi trường...; phân tích được các vấn đề ô nhiễm môi trường nước, đất, không khí, các vấn đề nền tảng liên quan tới môi trường như dân số, năng lượng, lương thực. - Về kỹ năng: vận dụng được những kiến thức cơ sở về môi trường cần thiết để tiếp cận học các môn chuyên ngành. - Về năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm: có thái độ đúng đắn với môi trường sống, yêu ngành nghề, nâng cao trách nhiệm của bản thân với môi trường 	2	Học kỳ 2	<ul style="list-style-type: none"> Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% Hình thức thi: Tự luận.
3	Tiếng Anh 2	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: Nhận diện được các âm cơ bản của tiếng Anh và tái tạo lại được các âm đó dù vẫn còn nhiều ảnh hưởng của tiếng mẹ đẻ; Áp dụng được các hiện tượng ngữ pháp cơ bản trong các tình huống giao tiếp hàng ngày bằng tiếng Anh như: thông tin cá nhân, thói quen, nhu cầu, sở thích, hỏi đáp về những thông tin đơn giản; Xây dựng được vốn từ đủ để tiến hành những giao tiếp đơn giản hàng ngày với các tình huống và chủ đề quen thuộc. - Về kỹ năng: Áp dụng được các kỹ năng đọc hiểu, nghe hiểu cơ bản; Giao tiếp được trong những tình huống cố định và vận dụng được kỹ năng nghe trong những hội thoại ngắn về những chủ đề gần gũi với sự giúp đỡ của người khác khi cần thiết; Hỏi và trả lời được các câu hỏi cũng như trao đổi ý kiến và thông tin về những chủ đề 	3	Học kỳ 2	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%. - Hình thức thi: Trắc nghiệm.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		<p>quen thuộc trong tình huống giao tiếp hàng ngày; Biết áp dụng các các chức năng ngôn ngữ hội thoại để thiết lập các mối quan hệ xã hội như chào hỏi, giới thiệu cảm ơn, xin lỗi; Làm việc theo nhóm để thực hiện những nhiệm vụ đơn giản như bàn về một chủ đề quen thuộc, hay thảo luận một tài liệu với cách diễn đạt và ngôn ngữ đơn giản; Miêu tả được người, sự vật, nơi chốn, công việc, việc học tập, thói quen hàng ngày, kinh nghiệm, thông tin và sở thích cá nhân; Trình bày được một chủ đề ngắn về những vấn đề liên quan đến cuộc sống hàng ngày, đưa ra lý do và có thể trả lời một số câu hỏi đơn giản; Viết được các tin nhắn đơn giản, một bức thư ngắn.... ; Viết được các cụm từ, các câu đơn giản sử dụng từ nối; Viết được về những chủ đề quen thuộc, gần gũi như tả người, nơi chốn.</p> <p>- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Xây dựng được tinh thần chủ động trong công việc thông qua hoạt động tự học, tự sưu tầm, tự nghiên cứu các tài liệu bằng tiếng Anh liên quan đến các chủ đề học tập; Xây dựng được tính kỷ luật khi thực hiện nghiêm túc thời gian biểu, làm việc và nộp bài đúng hạn; Xây dựng được tính tự giác khi trung thực trong học tập và trong thi cử; Xây dựng được tính tập thể khi tích cực tham gia các hoạt động nhóm, cặp, sẵn sàng chia sẻ thông tin khi thực hiện các nhiệm vụ theo bài học;</p>			
4	Chủ nghĩa xã hội khoa học	<p>- Về kiến thức: Trình bày và phân tích được những tri thức cơ bản, cốt lõi nhất về Chủ nghĩa xã hội khoa học, một trong ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác - Lênin.</p> <p>- Về kỹ năng: Vận dụng các tri thức cơ bản về Chủ nghĩa xã hội khoa học để phân tích và đánh giá một số vấn đề chính trị xã hội liên quan tới chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.</p> <p>-Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>NL1: Có năng lực hình thành tư duy phân tích, đánh giá và nhận diện bản chất các quan hệ chính trị - xã hội, góp phần hình thành niềm tin, lý tưởng cách mạng và xây dựng trách nhiệm xã hội phù hợp với vị trí việc làm và cuộc sống sau khi ra trường.</p> <p>NL2: Có năng lực tự học, tích lũy kiến thức và kỹ năng; có năng lực lập kế hoạch, điều phối và phát huy trí tuệ tập thể.</p>	2	Học kỳ 2	<p>Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1.</p> <p>Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%.</p> <p>- Hình thức thi: Tự luận.</p>
5	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	<p>-Về kiến thức: Trình bày và phân tích được lý luận cơ bản nhất của kinh tế chính trị Mác – Lênin.</p> <p>-Về kỹ năng: Vận dụng được những kiến thức đã học vào thực tiễn học tập và công tác.</p> <p>-Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>NL1: Có năng lực hình thành tư duy phân tích và nhận diện bản chất của các quan hệ kinh tế góp phần hình thành niềm tin và lý tưởng cách mạng trong nền kinh tế thị trường, định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện</p>	2	Học kỳ 2	<p>Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1.</p> <p>Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%.</p> <p>- Hình thức thi:</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		<p>nay.</p> <p>NL2: Có năng lực tự học, tích lũy kiến thức, kỹ năng, lập kế hoạch, điều phối và phát huy trí tuệ tập thể.</p>			Tự luận.
6	Pháp luật đại cương	<p>-Về kiến thức: Trình bày, phân tích được những kiến thức cơ bản nhất về nhà nước và pháp luật nói chung; Trình bày, phân tích được những nội dung cơ bản nhất của một số ngành luật chủ yếu trong hệ thống pháp luật Việt Nam.</p> <p>- Về kỹ năng: So sánh được những vấn đề cơ bản về nhà nước và pháp luật nói chung; những nội dung cơ bản của một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam; So sánh một số chế định pháp luật trong các ngành luật khác nhau;</p> <p>Vận dụng những kiến thức đã học về các ngành luật để giải quyết những bài tập, tình huống trên lớp và trong thực tế.</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>NL1: Có năng lực tìm kiếm, tra cứu văn bản, tra cứu các quy định của pháp luật liên quan đến nghề nghiệp và các lĩnh vực khác của đời sống.</p> <p>NL2: Có khả năng xác định được quyền và nghĩa vụ của bản thân trong các quan hệ pháp luật cụ thể.</p>	2	Học kỳ 2	<p>- Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1.</p> <p>- Điểm thi kết thúc học phần 60%.</p> <p>- Hình thức thi: Trắc nghiệm.</p>
7	Toán cao cấp 2	<p>- Về kiến thức: Trình bày được những kiến thức cơ bản về giải tích toán học làm cơ sở cho việc học các môn chuyên ngành và lên trình độ cao hơn</p> <p>Về kỹ năng: Vận dụng được những kỹ năng cơ bản để giải quyết các bài tập tính toán, thực hành các bài toán trong chương trình toán cao cấp và tiếp cận học các môn chuyên ngành;</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Xác định được nhiệm vụ học tập một cách tự giác, chủ động, thực hiện các phương pháp học hiệu quả; tự học tập, tích lũy kiến thức, nghiên cứu và áp dụng các kết quả đã học vào các lĩnh vực chuyên môn đồng thời rèn luyện cho tác phong làm việc khoa học.</p>	2	Học kỳ 2	<p>- Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%</p> <p>Bao gồm: 2 đầu điểm, hệ số 1; Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%</p> <p>- Hình thức thi: Tự luận</p>

V. Ngành Quản lý Đất đai

1. HỆ DH7

1	Thực tập tốt nghiệp	<p>-Về kiến thức:</p> <p>+ Áp dụng được hệ thống văn bản quy phạm pháp luật đất đai để tổ chức thực hiện các nội dung chuyên ngành;</p> <p>+ Tiếp cận và mô tả được công tác quản lý đất đai tại địa phương thông qua các kênh tìm kiếm thông tin như internet, thông tin thu thập từ địa phương, ...</p> <p>+ Phân tích và đánh giá được tình hình quản lý, sử dụng đất đai, tình hình thực hiện pháp Luật đất đai và việc thực hiện các nội dung khác về quản lý nhà nước về đất đai tại địa phương;</p> <p>+ Vận dụng các kiến thức đã học và thu thập tại địa</p>	6	Học kỳ 2	<p>- Điểm đánh giá quá trình thực tập: trọng số 40%. Điểm chấm báo cáo thực tập: trọng số 60%.</p> <p>- Hình thức thi: Báo cáo.</p>
---	---------------------	---	---	----------	---

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		<p>phương để giải quyết các công tác nghiệp vụ trong việc thực hiện các nội dung quản lý nhà nước về đất đai và sử dụng được internet và một số phần mềm chuyên ngành.</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>+ Vận dụng được các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý nhà nước về đất đai nói chung và các vấn đề chuyên sâu như quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; giao đất, cho thuê đất; thu hồi đất; cấp giấy chứng nhận; ...</p> <p>+ Tìm kiếm và sử dụng được thông tin trong lĩnh vực liên quan; thu thập được các tài liệu, số liệu, bản đồ tại địa phương một cách trung thực, khách quan, theo đúng nội dung và tiến độ kế hoạch đề ra;</p> <p>+ Thực hiện được các nhiệm vụ, các công việc có liên quan đến các nội dung quản lý nhà nước về đất đai phù hợp với sự phân công của cán bộ tại địa phương;</p> <p>+ Phân tích, tổng hợp và xử lý các nguồn tài liệu, số liệu thu thập được một cách đầy đủ, chính xác vào hệ thống biểu mẫu theo quy định; Viết được báo cáo tổng hợp;</p> <p>+ Biết cách và tổ chức được hoạt động nhóm, thuyết trình, thảo luận và trình bày kết quả trong quá trình nghiên cứu, học tập; Sử dụng được một số phần mềm chuyên ngành; Có kỹ năng làm việc độc lập và theo nhóm để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong công việc; có kỹ năng giao tiếp cộng đồng, truyền đạt thông tin, soạn thảo văn bản, ...</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>+ Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ và có khả năng tự định hướng và sáng tạo trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ, công việc liên quan đến công tác quản lý nhà nước về đất đai tại trường và địa phương;</p> <p>+ Thích nghi với môi trường làm việc khác nhau: cơ quan nhà nước, doanh nghiệp, ...</p> <p>+ Tự học tập, tích lũy kiến thức để nâng cao trình độ về hoà giải tranh chấp đất đai, giải quyết tranh chấp đất đai, khiếu nại, tố cáo đất đai;</p> <p>+ Biết cách lập kế hoạch thực tập, đánh giá các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ trong quá trình thực tập.</p>			
2	Đồ án tốt nghiệp	<p>- Về kiến thức: Nhận diện và khái quát hóa được kiến thức lý thuyết chuyên sâu trong lĩnh vực quản lý nhà nước về đất đai; Xây dựng, lập được kế hoạch thu thập và phân tích, xử lý tài liệu, số liệu tại địa phương.</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>+ Có khả năng vận dụng các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý nhà nước vào đất đai trong quá trình thực tập tại địa bàn nghiên cứu và tổng hợp viết báo cáo;</p> <p>+ Thu thập được các tài liệu, số liệu phục vụ cho quá trình thực tập và viết báo cáo đồ án tốt nghiệp tại địa bàn thực tập, trên mạng internet, ...</p> <p>+ Có khả năng làm việc độc lập và theo nhóm để giải quyết các vấn đề về chuyên môn, nghiệp vụ và khả năng giao tiếp cộng đồng, ứng xử giao tiếp trong quá trình thực tập tại địa phương;</p>	6	Học kỳ 2	<p>- Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.</p> <p>- Tiêu chí đánh giá đồ án: Đánh giá Nội dung thực hiện theo đề cương đồ án tốt nghiệp đã được phê duyệt.</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		<p>+ Phân tích, hệ thống hóa dữ liệu, so sánh và lập được các bảng, biểu đồ tổng hợp số liệu đánh giá; Thực hiện được việc đánh giá tổng hợp về tình hình nghiên cứu cụ thể tại địa bàn nghiên cứu, biết liên hệ, cho ý kiến và viết được báo cáo đề án tốt nghiệp.</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>+ Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ liên quan đến quản lý nhà nước về đất đai nói chung và các nghiệp vụ chuyên môn như nghiệp vụ về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; giao đất, cho thuê đất; đăng ký, cấp giấy chứng nhận; giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; ...</p> <p>+ Có khả năng tự định hướng và sáng tạo trong quá trình thu thập, tổng hợp, phân tích, xử lý số liệu, tài liệu; thích nghi với môi trường làm việc khác nhau: tại UBND các cấp, Văn phòng đăng ký đất đai, Phòng Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường, doanh nghiệp, ...</p>			
3	Hồ sơ địa chính	<p>- Về kiến thức:</p> <p>+ Trình bày được các quy định chung về hồ sơ địa chính: thành phần, giá trị pháp lý, nội dung của hồ sơ địa chính, nguyên tắc, trách nhiệm lập, cập nhật, chỉnh lý hồ sơ địa chính;</p> <p>+ Tóm tắt được nội dung và giải thích được cách lập và chỉnh lý các loại tài liệu trong hồ sơ địa chính; Vận dụng nguyên tắc, cách thức để lập và chỉnh lý các loại tài liệu trong hồ sơ địa chính;</p> <p>+ Sử dụng được một số phần mềm chuyên ngành như ViLis, Famis, ...</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>+ Vận dụng văn bản quy phạm pháp luật và thực hiện được việc lập, cập nhật, chỉnh lý biến động hồ sơ địa chính dạng giấy và điện tử; Phân loại được các loại tài liệu trong hồ sơ địa chính;</p> <p>+ Biết cách và tổ chức được hoạt động nhóm, thuyết trình và trình bày kết quả trong quá trình nghiên cứu, học tập; Sử dụng internet để tìm kiếm, sử dụng thông tin về cơ sở dữ liệu đất đai phục vụ cho quá trình đánh giá tình hình lập, cập nhật, chỉnh lý biến động hồ sơ địa chính dạng giấy và điện tử.</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>+ Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ liên quan đến lập và chỉnh lý các loại tài liệu trong hồ sơ địa chính;</p> <p>+ Có khả năng tự định hướng và sáng tạo trong thực hiện nhiệm vụ được giao, thích nghi với môi trường làm việc khác nhau: cơ quan nhà nước, doanh nghiệp, ...</p> <p>+ Tự học tập, tích lũy kiến thức để nâng cao trình độ về lập, cập nhật và chỉnh lý biến động hồ sơ địa chính dạng giấy và dạng điện tử.</p>	3	Học kỳ 2	<p>- Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%.</p> <p>- Hình thức thi: Tự luận.</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
4	Giải quyết tranh chấp, khiếu nại và tố cáo về đất đai	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: + Nhận định được nội dung cơ bản của các văn bản pháp Luật về hoà giải tranh chấp đất đai, giải quyết tranh chấp đất đai, khiếu nại, tố cáo. + Trình bày được nguyên tắc, căn cứ, thẩm quyền giải quyết tranh chấp đất đai, khiếu nại, tố cáo về đất đai; + vận dụng được trình tự, thủ tục giải quyết tranh chấp đất đai, hoà giải tranh chấp đất đai, khiếu nại, tố cáo về đất đai. - Về kỹ năng: + Vận dụng được các kiến thức đã học để giải quyết những tình huống tranh chấp đất đai, khiếu nại, tố cáo về đất đai. + Xác định được trình tự, thẩm quyền giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai + Xây dựng được hồ sơ giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai theo quy định của pháp Luật. - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: + Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ liên quan đến quản lý nhà nước về đất đai nói chung và các nghiệp vụ chuyên môn như nghiệp vụ về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; giao đất, cho thuê đất; đăng ký, cấp giấy chứng nhận; giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; ... + Có khả năng tự định hướng và sáng tạo trong quá trình thu thập, tổng hợp, phân tích, xử lý số liệu, tài liệu; thích nghi với môi trường làm việc khác nhau: tại UBND các cấp, Văn phòng đăng ký đất đai, Phòng Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường, doanh nghiệp, ... 	3	Học kỳ 2	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%. - Hình thức thi: Tự luận.
2. HỆ ĐH8					
1	Định giá đất	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: + Trình bày được khái niệm thị trường đất đai, giá đất, định giá đất, cơ sở khoa học xác định giá đất; các phương pháp cơ bản của định giá đất nói chung và định giá đất phi nông nghiệp, định giá đất nông nghiệp nói riêng; quy trình xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; hoạt động tư vấn xác định giá đất; + Phân tích và so sánh được các nguyên tắc định giá đất; phân tích được các yếu tố cơ bản hình thành giá đất; các yếu tố ảnh hưởng đến giá đất nói chung và của từng nhóm đất nói riêng. - Về kỹ năng: Xác định giá đất đối với từng thửa đất cụ thể và phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến giá đất; - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ liên quan để giải thích được các quy định về định giá đất: nguyên tắc, cơ sở, phương pháp định giá đất; điều chỉnh bảng giá đất; tư vấn xác định giá đất; 	2	Học kỳ 2	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%. - Hình thức thi: Tự luận.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
2	Tài chính đất đai	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: + Phát biểu và trình bày được các quy định về nguồn thu tài chính từ đất đai; quy định về một số loại thuế có liên quan đến đất đai; + Phân biệt được các yếu tố cơ bản cấu thành nên một sắc thuế; + Giải quyết được một số tình huống về xác định tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, thuế sử dụng đất và thuế thu nhập từ chuyển quyền sử dụng đất; - Về kỹ năng: + Vận dụng lý thuyết để giải tổng hợp và khai thác được thông tin trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến tài chính đất; giải quyết một số tình huống về thuế liên quan đến đất đai; + Tìm kiếm và sử dụng các thông tin thu thập từ các đơn vị và trên mạng internet, phân tích và tổng hợp được thông tin để đạt được các mục tiêu đề ra; - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: + Đưa ra được kết luận về xác định các loại nghĩa vụ tài chính của các đối tượng sử dụng, quản lý đất; ... 	2	Học kỳ 2	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%. - Hình thức thi: Trắc nghiệm.
3	Quản lý và sử dụng đất trong điều kiện biến đổi khí hậu	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: + Khái quát hóa được những kiến thức cơ bản về biến đổi khí hậu, về quản lý, sử dụng đất trong điều kiện biến đổi khí hậu. + Trình bày được cơ sở khoa học cho các giải pháp sử dụng đất trong điều kiện biến đổi khí hậu từ lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, sử dụng đất bền vững. - Về kỹ năng: + Phân tích, tổng hợp, đánh giá tình hình quản lý và sử dụng đất, áp dụng những thành tựu mới về khoa học công nghệ để giải quyết những vấn đề trong quản lý đất đai trong điều kiện biến đổi khí hậu; + Đề xuất giải pháp làm giảm nhẹ tác động của biến đổi khí hậu trong sử dụng đất đai, một số giải pháp quản lý sử dụng đất ứng phó với biến đổi khí hậu. - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: + Có thái độ nghiêm túc; có khả năng đề xuất những ý tưởng mới trong quá trình học tập và tiếp thu kiến thức của môn học. + Có khả năng tự học tập, tự nghiên cứu, tích lũy những kiến thức liên quan đến nội dung môn học và những kiến thức thực tế. + Có năng lực thiết lập mục tiêu; xây dựng kế hoạch; điều phối, tổ chức thực hiện; phát huy trí tuệ tập thể; đánh giá và cải tiến chất lượng các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ trong quá trình triển khai những kiến thức được đào tạo vào thực tế công tác quản lý và sử dụng đất. + Có tinh thần dám chịu trách nhiệm với những đề xuất liên quan tới công tác quản lý và sử dụng đất đai. 	2	Học kỳ 2	<ul style="list-style-type: none"> - Hình thức đánh giá điểm quá trình: Tự luận. Trọng số 40%; Bao gồm: 2 đầu điểm, hệ số 1. - Hình thức thi kết thúc học phần: Tự luận. Trọng số 60%.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
4	Quy hoạch đô thị	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức + Giải thích được công tác quy hoạch xây dựng đô thị. + Khái quát rõ được khái niệm đô thị và quá trình phát triển đô thị Việt Nam. + Trình bày được những quy định chung quy hoạch đô thị và quy hoạch các khu chức năng trong đô thị và vấn đề bố trí và sử dụng đất đai một cách hợp lý, có hiệu quả. - Về kỹ năng: <ul style="list-style-type: none"> + Vận dụng kiến thức đã học để xây dựng phương án quy hoạch đô thị nhằm mở rộng kiến thức về công tác quy hoạch sử dụng đất. + Nghiên cứu xây dựng được phương án thiết kế mặt bằng quy hoạch chi tiết đô thị tại địa phương - Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ về quy hoạch đô thị; 	2	Học kỳ 2	<ul style="list-style-type: none"> - Hình thức đánh giá điểm quá trình: Tự luận. Trọng số 40%; Bao gồm: 2 đầu điểm, hệ số 1. - Hình thức thi kết thúc học phần: Tự luận. Trọng số 60%.
5	Quy hoạch nông nghiệp và phát triển nông thôn	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: <ul style="list-style-type: none"> + Trình bày được những kiến thức cơ bản về sự phát triển nông thôn bền vững + Giải thích được những vấn đề môi trường với sự phát triển, những nguyên lý, nguyên tắc và nội dung của quy hoạch nông nghiệp và phát triển nông thôn. - Về kỹ năng: <ul style="list-style-type: none"> + Áp dụng kiến thức môn học trong điều tra, đánh giá, và phân tích tài liệu, số liệu thu thập được + Nghiên cứu xây dựng phương án quy hoạch nông thôn mới phù hợp với điều kiện thực tiễn tại địa phương - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm Rèn luyện sự cẩn cù, khả năng phân tích logic, tính chăm chỉ, chuẩn bị bài trước khi lên lớp, sáng tạo trong vận dụng kiến thức môn học vào điều kiện thực tiễn. 	3	Học kỳ 2	<ul style="list-style-type: none"> - Hình thức đánh giá điểm quá trình: Tự luận. Trọng số 40%; Bao gồm: 2 đầu điểm, hệ số 1. - Hình thức thi kết thúc học phần: Tự luận. Trọng số 60%.
3. HỆ DH9					
1	Chính sách đất đai	<ul style="list-style-type: none"> -Về kiến thức: <ul style="list-style-type: none"> + Trình bày được các khái niệm có liên quan về chính sách đất đai (chính sách sử dụng đất, chính sách đất đai đối với người sử dụng đất), tác động của chính sách đất đai đến các lĩnh vực kinh tế - xã hội; + Khái quát được các chính sách đất đai hiện hành ở Việt Nam; - Về kỹ năng: <ul style="list-style-type: none"> +Thu thập, tìm kiếm và sử dụng được các thông tin liên quan đến chính sách đất đai, chính sách quản lý nhà nước về đất đai ở Việt Nam; +Vận dụng các quy định về chính sách đất đai hiện hành giải quyết một số tình huống thực tế về pháp luật đất đai; - Về Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ về chính sách đất đai: thẩm quyền giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất; thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu Nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; 	3	Học kỳ 2	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%. - Hình thức thi: Tự luận.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
2	Đánh giá đất	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: + Trình bày được quá trình điều tra, phân tích và xử lý thông tin trong công tác điều tra, đánh giá đất đai. + Vận dụng được các kết quả của việc điều tra, đánh giá đất đai phục vụ cho việc quản lý nguồn tài nguyên đất và hướng tới sử dụng đất bền vững. - Về kỹ năng: + Áp dụng thành thạo phương pháp, nguyên tắc, nội dung và quy trình điều tra, đánh giá phân hạng đất nông nghiệp, chất lượng đất và tiềm năng đất đai. + Áp dụng được phương pháp, nguyên tắc, nội dung và quy trình điều tra, đánh giá ô nhiễm đất - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: + Có thái độ nghiêm túc; có khả năng đề xuất những sáng kiến trong quá trình học tập và tiếp thu kiến thức của môn học. + Có khả năng tự học tập, tự tích lũy kiến thức liên quan đến nội dung môn học. + Có khả năng đưa ra những kết luận về công tác điều tra, đánh giá đất đai trong thực tế và chịu trách nhiệm với những kết luận đó. + Có năng lực thiết lập mục tiêu; xây dựng kế hoạch; điều phối, tổ chức thực hiện; phát huy trí tuệ tập thể; đánh giá và cải tiến chất lượng các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ trong công tác điều tra, đánh giá đất đai. 	2	Học kỳ 2	<ul style="list-style-type: none"> - Hình thức đánh giá điểm quá trình: Tự luận. Trọng số 40%; Bao gồm: 2 đầu điểm, hệ số 1. - Hình thức thi kết thúc học phần: Tự luận. Trọng số 60%.
3	Sử dụng đất và kinh tế đất	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: + Khái quát hóa các kiến thức về tài nguyên đất đai, sử dụng đất bền vững, trình bày được đại cương về kinh tế đất. + bản chất của địa tô, phân loại địa tô, lợi thế so sánh, chi phí cơ hội trong sử dụng đất. + phương pháp đánh giá hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường đối với đất nông nghiệp. + Khái quát quỹ đất và tình hình sử dụng một số loại đất chính ở Việt Nam. - Về kỹ năng: + Phân tích được bản chất của lợi thế so sánh, chi phí cơ hội trong sử dụng đất và đề xuất hướng quản lý và sử dụng đất (đặc biệt là đất sản xuất nông nghiệp) đạt hiệu quả cao về kinh tế, xã hội và môi trường. + Đánh giá được lợi thế so sánh, chi phí cơ hội, vấn đề khai thác địa tô khi tiến hành khai thác đất đai trong các ngành nông nghiệp và phi nông nghiệp khi thực hiện các dự án đầu tư trong từng trường hợp cụ thể. - Năng lực tự chủ và trách nhiệm: + Tích cực chuẩn bị bài trước khi lên lớp, đóng góp ý kiến xây dựng bài học. Có trách nhiệm, tự giác, chủ động trong việc tìm tài liệu. Làm bài tập đầy đủ. + Sáng tạo trong ứng dụng kiến thức đã học vào môn học. 	2	Học kỳ 2	<ul style="list-style-type: none"> - Hình thức đánh giá điểm quá trình: Tự luận. Trọng số 40%; Bao gồm: 2 đầu điểm, hệ số 1. - Hình thức thi kết thúc học phần: Tự luận. Trọng số 60%.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
4	Quản lý và sử dụng đất trong điều kiện biến đổi khí hậu	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: + Khái quát hóa được những kiến thức cơ bản về biến đổi khí hậu, về quản lý, sử dụng đất trong điều kiện biến đổi khí hậu. + Trình bày được cơ sở khoa học cho các giải pháp sử dụng đất trong điều kiện biến đổi khí hậu từ lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, sử dụng đất bền vững. - Về kỹ năng: + Phân tích, tổng hợp, đánh giá tình hình quản lý và sử dụng đất, áp dụng những thành tựu mới về khoa học công nghệ để giải quyết những vấn đề trong quản lý đất đai trong điều kiện biến đổi khí hậu; + Đề xuất giải pháp làm giảm nhẹ tác động của biến đổi khí hậu trong sử dụng đất đai, một số giải pháp quản lý sử dụng đất ứng phó với biến đổi khí hậu. - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: + Có thái độ nghiêm túc; có khả năng đề xuất những ý tưởng mới trong quá trình học tập và tiếp thu kiến thức của môn học. + Có khả năng tự học tập, tự nghiên cứu, tích lũy những kiến thức liên quan đến nội dung môn học và những kiến thức thực tế. + Có năng lực thiết lập mục tiêu; xây dựng kế hoạch; điều phối, tổ chức thực hiện; phát huy trí tuệ tập thể; đánh giá và cải tiến chất lượng các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ trong quá trình triển khai những kiến thức được đào tạo vào thực tế công tác quản lý và sử dụng đất. + Có tinh thần dám chịu trách nhiệm với những đề xuất liên quan tới công tác quản lý và sử dụng đất đai. 	2	Học kỳ 2	<ul style="list-style-type: none"> - Hình thức đánh giá điểm quá trình: Tự luận. Trọng số 40%; Bao gồm: 2 đầu điểm, hệ số 1. - Hình thức thi kết thúc học phần: Tự luận. Trọng số 60%.
5	Lập và quản lý dự án đầu tư trong lĩnh vực đất đai	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: Trình bày được các vấn đề cơ bản về đầu tư và dự án đầu tư nói chung; quy trình lập và quản lý dự án đầu tư trong lĩnh vực đất đai; những vấn đề quan trọng nhất của công tác quản lý dự án đầu tư đối với lĩnh vực đất đai. - Về kỹ năng: Khái quát được một số dự án cụ thể trong lĩnh vực đất đai; Bước đầu lập được một dự án đầu tư khả thi trong lĩnh vực đất đai - Về đạo đức nghề nghiệp: Rèn luyện tính cần cù, yêu nghề, sáng tạo và có trách nhiệm trong công việc. 	2	Học kỳ 2	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 2 điểm, hệ số 1 - Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Thời gian thi: 60 phút, Hình thức thi: Tự luận
6	Tin học ứng dụng trong quản lý đất đai 2	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: có những kiến thức của phần mềm VILIS để sau khi học xong môn học, có thể sử dụng phần mềm thành thạo tạo các tài liệu, hồ sơ địa chính và các biểu thống kê, kiểm kê được in từ hệ thống, thực hiện các công việc liên quan đến hệ thống. - Về kỹ năng: có khả năng và sử dụng được các lệnh cơ 	3	Học kỳ 2	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 2 đầu điểm, hệ số 1. - Điểm thi kết

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		<p>bản của phần mềm VILIS, biết liên kết dữ liệu giữa phần mềm VILIS với các phần mềm khác như MicroStation và Famis..., sử dụng được phần mềm xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai và quản lý nhà nước về đất đai.</p> <p>- Về đạo đức nghề nghiệp: Có phẩm chất đạo đức tốt, yêu ngành, yêu nghề, trách nhiệm công dân cao. Có ý thức về việc chấp hành pháp Luật. Sáng tạo trong công việc.</p>			<p>thức học phần: Trọng số 60%</p> <p>- Hình thức thi: Thực hành</p>
7	Thực tập tin học ứng dụng trong quản lý đất đai	<p>- Về kiến thức: Trau dồi kiến thức về bản đồ số, hồ sơ địa chính, các văn bản pháp Luật về hồ sơ địa chính</p> <p>- Về kỹ năng: Rèn luyện kỹ năng biên tập, thành lập bản đồ số; Rèn luyện kỹ năng liên kết dữ liệu bản đồ và hồ sơ địa chính</p> <p>- Về đạo đức nghề nghiệp: + Có phẩm chất đạo đức tốt, yêu ngành, yêu nghề, trách nhiệm công dân cao. + Có ý thức về việc chấp hành pháp Luật. Sáng tạo trong công việc.</p>	2	Học kỳ 2	<p>Điểm tổng kết học phần là trung bình cộng của điểm các bài thực tập theo trọng số, cụ thể:</p> <p>- Bài số 1 trọng số 50%</p> <p>- Bài số 2 trọng số 50%</p>
8	Bản đồ học	<p>- Về kiến thức: Trình bày được các kiến thức về môn bản đồ học (khái niệm, nội dung, phân loại, quy trình sản xuất chung...) Xác lập được các yếu tố toán học của bản đồ (phép chiếu, lưới chiếu bản đồ); Trình bày được các thành phần cấu tạo nên ngôn ngữ bản đồ</p> <p>- Về kỹ năng: Vận dụng được các phương pháp thành lập các bản đồ cho làm đồ án. Đọc và sử dụng được bản đồ. Biểu thị được các yếu tố nội dung bản đồ, sử dụng các phương pháp biểu thị nội dung bản đồ đạt yêu cầu kỹ thuật.</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có năng lực dẫn dắt chuyên môn và nghiệp vụ về bản đồ; Có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ về bản đồ; Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ bản đồ phục vụ công tác quản lý đất đai và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật;</p>	2	Học kỳ 2	<p>- Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%</p> <p>- Hình thức thi: Tự luận</p>
9	Tư tưởng Hồ Chí Minh	<p>- Về kiến thức: Trình bày, phân tích, giải thích được những nội dung cơ bản trong chương trình môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh đối với Đảng, dân tộc và nhân loại.</p> <p>- Về kỹ năng: Vận dụng sáng tạo lý luận, phương pháp và phương pháp luận của Hồ Chí Minh để phân tích, đánh giá được một số vấn đề trong thực tiễn đời sống, học tập và công tác.</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p>	3	Học kỳ 2	<p>- Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%.</p> <p>- Hình thức thi:</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		NL1: Có lập tư tưởng chính trị vững vàng, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với CNXH. Có phẩm chất đạo đức tốt, lối sống lành mạnh theo tấm gương đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh. NL2: Tích cực, chủ động đấu tranh phê phán những quan điểm sai trái, bảo vệ chủ nghĩa Mác –Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước. NL3: Xác định trách nhiệm của bản thân đối với sự nghiệp xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc; Có năng lực vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh giải quyết vấn đề đặt ra trong lĩnh vực nghề nghiệp.			Tự luận.
10	Xác suất thống kê	Về kiến thức: Trình bày được các bài toán cơ bản của xác suất như biến cố ngẫu nhiên và xác suất, đại lượng ngẫu nhiên, các bài toán ước lượng mẫu. - Về kỹ năng: Vận dụng được những kỹ năng cơ bản để giải quyết các bài tập tính toán, thực hành các bài toán trong chương trình xác suất thống kê và tiếp cận học các môn chuyên ngành; - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Xác định được nhiệm vụ học tập một cách tự giác, chủ động, thực hiện các phương pháp học hiệu quả; tự học tập, tích lũy kiến thức, nghiên cứu và áp dụng các kết quả đã học vào các lĩnh vực chuyên môn đồng thời rèn luyện cho tác phong làm việc khoa học.	2	Học kỳ 2	- Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 2 đầu điểm, hệ số 1; Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

4. HỆ ĐH10

1	Trắc địa cơ sở	- Về kiến thức: + Trình bày được nội dung về các kiến thức cơ bản của Trắc địa: đơn vị đo trong trắc địa, hình dạng, kích thước trái đất. Hệ tọa độ cầu, hệ tọa phẳng dùng trong trắc địa. Các kiến thức về đo góc, đo cạnh và đo chênh cao. + Trình bày được nguyên lý tính năng, tác dụng của các loại máy kinh vĩ, máy thủy chuẩn có độ chính xác trung bình, máy đo xa và máy toàn đạc điện tử. Nêu được các nội dung, phương pháp kiểm nghiệm đối với từng loại máy. + Trình bày khái niệm sai số, phân loại sai số, sai số trung bình, trung phương... + Trình bày được nội dung các kiến thức về lưới khống chế mặt bằng, lưới khống chế độ cao, lưới khống chế đo vẽ và phương pháp đo vẽ bản đồ địa hình. - Về kỹ năng: + Xác định, tính đúng các loại góc phương vị dùng trong trắc địa và xây dựng được công thức thể hiện mối quan hệ giữa các loại góc phương vị đó, mối quan hệ giữa góc phương vị với góc bằng + Sử dụng được bản đồ địa hình + Sử dụng được máy kinh vĩ, máy thủy chuẩn có độ	3	Học kỳ 2	- Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
---	----------------	---	---	----------	---

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		<p>chính xác trung bình và máy toàn đạc điện tử để đo góc, cạnh và chênh cao.</p> <ul style="list-style-type: none"> + Kiểm nghiệm và hiệu chỉnh được máy kinh vĩ, máy thủy chuẩn có độ chính xác trung bình. + Ghi chép, tính toán và xử lý kết quả đo. + Thiết kế được lưới khống chế mặt bằng, lưới khống chế độ cao hạng 4 và thủy chuẩn kỹ thuật. + Tính toán và bình sai gần đúng được lưới đường chuyền, lưới khống chế độ cao hạng 4 và thủy chuẩn kỹ thuật. + Tính toán được các bài toán giao hội xác định vị trí điểm. + Thành lập được bản đồ địa hình bằng phương pháp toàn đạc - Về thái độ, chuyên cần: + Cẩn thận, trung thực, tôn trọng quy trình đo đạc và xử lý số liệu. + Tìm tài liệu về các vấn đề có liên quan đến học phần. + Yêu thích ngành nghề. 			
2	Tiếng Anh 2	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: Nhận diện được các âm cơ bản của tiếng Anh và tái tạo lại được các âm đó dù vẫn còn nhiều ảnh hưởng của tiếng mẹ đẻ; Áp dụng được các hiện tượng ngữ pháp cơ bản trong các tình huống giao tiếp hàng ngày bằng tiếng Anh như: thông tin cá nhân, thói quen, nhu cầu, sở thích, hỏi đáp về những thông tin đơn giản; Xây dựng được vốn từ đủ để tiến hành những giao tiếp đơn giản hàng ngày với các tình huống và chủ đề quen thuộc. - Về kỹ năng: Áp dụng được các kỹ năng đọc hiểu, nghe hiểu cơ bản; Giao tiếp được trong những tình huống cố định và vận dụng được kỹ năng nghe trong những hội thoại ngắn về những chủ đề gần gũi với sự giúp đỡ của người khác khi cần thiết; Hỏi và trả lời được các câu hỏi cũng như trao đổi ý kiến và thông tin về những chủ đề quen thuộc trong tình huống giao tiếp hàng ngày; Biết áp dụng các chức năng ngôn ngữ hội thoại để thiết lập các mối quan hệ xã hội như chào hỏi, giới thiệu cảm ơn, xin lỗi; Làm việc theo nhóm để thực hiện những nhiệm vụ đơn giản như bàn về một chủ đề quen thuộc, hay thảo luận một tài liệu với cách diễn đạt và ngôn ngữ đơn giản; Miêu tả được người, sự vật, nơi chốn, công việc, việc học tập, thói quen hàng ngày, kinh nghiệm, thông tin và sở thích cá nhân; Trình bày được một chủ đề ngắn về những vấn đề liên quan đến cuộc sống hàng ngày, đưa ra lý do và có thể trả lời một số câu hỏi đơn giản; Viết được các tin nhắn đơn giản, một bức thư ngắn.... ; Viết được các cụm từ, các câu đơn giản sử dụng từ nối; Viết được về những chủ đề quen thuộc, gần gũi như tả người, nơi chốn. 	3	Học kỳ 2	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%. - Hình thức thi: Trắc nghiệm.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Xây dựng được tinh thần chủ động trong công việc thông qua hoạt động tự học, tự sưu tầm, tự nghiên cứu các tài liệu bằng tiếng Anh liên quan đến các chủ đề học tập; Xây dựng được tính kỷ luật khi thực hiện nghiêm túc thời gian biểu, làm việc và nộp bài đúng hạn; Xây dựng được tính tự giác khi trung thực trong học tập và trong thi cử; Xây dựng được tính tập thể khi tích cực tham gia các hoạt động nhóm, cặp, sẵn sàng chia sẻ thông tin khi thực hiện các nhiệm vụ theo bài học;			
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	- Về kiến thức: Trình bày và phân tích được những tri thức cơ bản, cốt lõi nhất về Chủ nghĩa xã hội khoa học, một trong ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác - Lênin. - Về kỹ năng: Vận dụng các tri thức cơ bản về Chủ nghĩa xã hội khoa học để phân tích và đánh giá một số vấn đề chính trị xã hội liên quan tới chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. -Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: NL1: Có năng lực hình thành tư duy phân tích, đánh giá và nhận diện bản chất các quan hệ chính trị - xã hội, góp phần hình thành niềm tin, lý tưởng cách mạng và xây dựng trách nhiệm xã hội phù hợp với vị trí việc làm và cuộc sống sau khi ra trường. NL2: Có năng lực tự học, tích lũy kiến thức và kỹ năng; có năng lực lập kế hoạch, điều phối và phát huy trí tuệ tập thể.	2	Học kỳ 2	Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%. - Hình thức thi: Tự luận.
4	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	-Về kiến thức: Trình bày và phân tích được lý luận cơ bản nhất của kinh tế chính trị Mác – Lênin. -Về kỹ năng: Vận dụng được những kiến thức đã học vào thực tiễn học tập và công tác. -Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: NL1: Có năng lực hình thành tư duy phân tích và nhận diện bản chất của các quan hệ kinh tế góp phần hình thành niềm tin và lý tưởng cách mạng trong nền kinh tế thị trường, định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay. NL2: Có năng lực tự học, tích lũy kiến thức, kỹ năng, lập kế hoạch, điều phối và phát huy trí tuệ tập thể.	2	Học kỳ 2	Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%. - Hình thức thi: Tự luận.
5	Toán cao cấp 2	- Về kiến thức: Trình bày được những kiến thức cơ bản về giải tích toán học làm cơ sở cho việc học các môn chuyên ngành và lên trình độ cao hơn - Về kỹ năng: Vận dụng được những kỹ năng cơ bản để giải quyết các bài tập tính toán, thực hành các bài toán trong chương trình toán cao cấp và tiếp cận học các môn chuyên ngành - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Xác định được nhiệm vụ học tập một cách tự giác, chủ động, thực hiện các phương pháp học hiệu quả; tự học tập, tích lũy kiến thức, nghiên cứu và áp dụng các kết quả đã học vào các lĩnh vực chuyên môn đồng thời rèn luyện cho tác	2	Học kỳ 2	- Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 2 đầu điểm, hệ số 1; Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		phong làm việc khoa học.			
4. HỆ LĐH9					
1	Quản lý và sử dụng đất trong điều kiện biến đổi khí hậu	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: <ul style="list-style-type: none"> + Khái quát hóa được những kiến thức cơ bản về biến đổi khí hậu, về quản lý, sử dụng đất trong điều kiện biến đổi khí hậu. + Trình bày được cơ sở khoa học cho các giải pháp sử dụng đất trong điều kiện biến đổi khí hậu từ lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, sử dụng đất bền vững. - Về kỹ năng: <ul style="list-style-type: none"> + Phân tích, tổng hợp, đánh giá tình hình quản lý và sử dụng đất, áp dụng những thành tựu mới về khoa học công nghệ để giải quyết những vấn đề trong quản lý đất đai trong điều kiện biến đổi khí hậu; + Đề xuất giải pháp làm giảm nhẹ tác động của biến đổi khí hậu trong sử dụng đất đai, một số giải pháp quản lý sử dụng đất ứng phó với biến đổi khí hậu. - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: <ul style="list-style-type: none"> + Có thái độ nghiêm túc; có khả năng đề xuất những ý tưởng mới trong quá trình học tập và tiếp thu kiến thức của môn học. + Có khả năng tự học tập, tự nghiên cứu, tích lũy những kiến thức liên quan đến nội dung môn học và những kiến thức thực tế. + Có năng lực thiết lập mục tiêu; xây dựng kế hoạch; điều phối, tổ chức thực hiện; phát huy trí tuệ tập thể; đánh giá và cải tiến chất lượng các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ trong quá trình triển khai những kiến thức được đào tạo vào thực tế công tác quản lý và sử dụng đất. + Có tinh thần dám chịu trách nhiệm với những đề xuất liên quan tới công tác quản lý và sử dụng đất đai. 	2	Học kỳ 2	<ul style="list-style-type: none"> - Hình thức đánh giá điểm quá trình: Tự luận. Trọng số 40%; Bao gồm: 2 đầu điểm, hệ số 1. - Hình thức thi kết thúc học phần: Tự luận. Trọng số 60%.
2	Quy hoạch đô thị	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức <ul style="list-style-type: none"> + Giải thích được công tác quy hoạch xây dựng đô thị. + Khái quát rõ được khái niệm đô thị và quá trình phát triển đô thị Việt Nam. + Trình bày được những quy định chung quy hoạch đô thị và quy hoạch các khu chức năng trong đô thị và vấn đề bố trí và sử dụng đất đai một cách hợp lý, có hiệu quả. - Về kỹ năng: <ul style="list-style-type: none"> + Vận dụng kiến thức đã học để xây dựng phương án quy hoạch đô thị nhằm mở rộng kiến thức về công tác quy hoạch sử dụng đất. + Nghiên cứu xây dựng được phương án thiết kế mặt bằng quy hoạch chi tiết đô thị tại địa phương - Năng lực tự chủ và trách nhiệm: <ul style="list-style-type: none"> Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ về quy hoạch đô thị; 	2	Học kỳ 2	<ul style="list-style-type: none"> - Hình thức đánh giá điểm quá trình: Tự luận. Trọng số 40%; Bao gồm: 2 đầu điểm, hệ số 1. - Hình thức thi kết thúc học phần: Tự luận. Trọng số 60%.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
3	Quy hoạch nông nghiệp và phát triển nông thôn	<p>- Về kiến thức:</p> <p>+ Trình bày được những kiến thức cơ bản về sự phát triển nông thôn bền vững</p> <p>+ Giải thích được những vấn đề môi trường với sự phát triển, những nguyên lý, nguyên tắc và nội dung của quy hoạch nông nghiệp và phát triển nông thôn.</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>+ Áp dụng kiến thức môn học trong điều tra, đánh giá, và phân tích tài liệu, số liệu thu thập được</p> <p>+ Nghiên cứu xây dựng phương án quy hoạch nông thôn mới phù hợp với điều kiện thực tiễn tại địa phương</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm</p> <p>Rèn luyện sự cẩn cù, khả năng phân tích logic, tính chăm chỉ, chuẩn bị bài trước khi lên lớp, sáng tạo trong vận dụng kiến thức môn học vào điều kiện thực tiễn.</p>	3	Học kỳ 2	<p>- Hình thức đánh giá điểm quá trình: Tự luận. Trọng số 40%; Bao gồm: 2 đầu điểm, hệ số 1.</p> <p>- Hình thức thi kết thúc học phần: Tự luận. Trọng số 60%.</p>
4	Tin học ứng dụng trong quản lý đất đai 1	<p>- Về kiến thức: có những kiến thức và kỹ năng cơ bản về bản đồ số, quy trình thành lập bản đồ số bằng hệ thống phần mềm và các modul chạy trên nền của phần mềm MicroStationSE, TK Tool 2015 thông kê - kiểm kê đất đai. Làm quen với việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý và sử dụng đất đai.</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>+ và sử dụng được những lệnh cơ bản của phần mềm MicroStationSE và Famis, TK Tool 2015 thông kê - kiểm kê đất đai;</p> <p>+ Biết liên kết dữ liệu giữa các phần mềm MicroStationSE và Famis, TK Tool 2015 thông kê - kiểm kê đất đai, với các phần mềm khác;</p> <p>+ Kết thúc học phần hoàn thiện được sản phẩm là bản đồ dạng file số thực hiện trên phần mềm MicroStationSE và Famis, TK Tool 2015 thông kê - kiểm kê đất đai.</p> <p>- Về đạo đức nghề nghiệp: Lên lớp nghe giảng, ghi chép đầy đủ, thực hành các buổi thực hành trên phòng máy và làm bài tập đầy đủ.</p>	3	Học kỳ 2	<p>- Kiểm tra, đánh giá điểm quá trình: có trọng số là 40%. Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ có trọng số 60%.</p> <p>- Hình thức thi: Thực hành vấn đáp</p>
5. HỆ CH6					
1	Bảo vệ và phục hồi tài nguyên đất	<p>- Về kiến thức:</p> <p>+ Trình bày được tầm quan trọng của việc bảo vệ, phục hồi tài nguyên đất trong bối cảnh hiện nay.</p> <p>+ Phân tích, tổng hợp, đánh giá được các loại hình thoái hóa đất và các nguyên nhân gây thoái hóa đất</p> <p>+ Đánh giá và lựa chọn được những kỹ thuật bảo vệ và phục hồi tài nguyên đất để áp dụng cho hoạt động cải tạo đất bị suy thoái, suy giảm chất lượng tại địa phương cụ thể.</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>+ Tự lập kế hoạch thu thập được các loại số liệu sơ cấp, thứ cấp để điều tra các loại hình thoái hóa đất trong</p>	2	Học kỳ 2	<p>* Hình thức đánh giá điểm quá trình: Tự luận. Trọng số 30%; Bao gồm: 2 đầu điểm, hệ số 1.</p> <p>* Hình thức thi kết thúc học phần: Tự luận. Trọng số 70%.</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		<p>các dự án cụ thể;</p> <ul style="list-style-type: none"> + Phân tích, tổng hợp số liệu sơ cấp và thứ cấp để đánh giá các loại hình thoái hóa đất như xói mòn đất, ô nhiễm đất, suy giảm độ phì đất, nhiễm mặn, nhiễm phèn + Hướng dẫn, giải thích về trình tự thực hành áp dụng kỹ thuật bảo vệ và phục hồi tài nguyên đất cho người sử dụng đất. <p>- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: hình thành được những giá trị cốt lõi điều khiển hoạt động bảo vệ và phục hồi tài nguyên đất.</p>			
2	Quản lý tài nguyên đất tổng hợp	<p>Sau khi kết thúc học phần, đạt được các mục tiêu sau:</p> <p>- Về kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Giải thích những phương pháp và công cụ quản lý cơ bản áp dụng trong công tác quản lý tổng hợp tài nguyên đất đai trên quan điểm phát triển bền vững. + Phân tích, đánh giá, lựa chọn những công cụ quản lý đất đai tổng hợp để giải quyết nhiệm vụ quản lý tài nguyên đất cho phát triển KTXH và nhiệm vụ bảo vệ môi trường. <p>- Về kỹ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Điều tra, phân tích số liệu để đề xuất chính sách trong quản lý tài nguyên đất tổng hợp. + Phân tích, tổng hợp số liệu điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội, sử dụng đất để đề xuất phương án quy hoạch sử dụng đất + Điều tra khảo sát giá đất, bất động sản gắn kèm và lượng giá kinh tế tài nguyên đất để đề xuất các biện pháp kinh tế trong quản lý tài nguyên đất <p>- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn về Quản lý tài nguyên đất tổng hợp. <p>+ Có nhận thức nâng cao theo hướng tiếp cận quản lý tài nguyên đất tổng hợp bền vững.</p>	2	Học kỳ 2	<p>* Hình thức đánh giá điểm quá trình: Tự luận. Trọng số 30%; Bao gồm: 2 đầu điểm, hệ số 1.</p> <p>* Hình thức thi kết thúc học phần: Tự luận. Trọng số 70%.</p>
3	Quy hoạch vùng lãnh thổ	<p>Sau khi kết thúc học phần, đạt được các mục tiêu sau:</p> <p>- Về kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Trình bày được nội dung, tầm quan trọng của các luận cứ khoa học về quy hoạch vùng trong tiến trình phát triển kinh tế xã hội của đất nước trong bối cảnh toàn cầu hóa và khu vực hóa hiện nay. + Giải thích được các lý thuyết và mô hình không gian trong quy hoạch vùng lãnh thổ. + Phân tích được trình tự, nội dung của quy hoạch các vùng lãnh thổ khác nhau. + Áp dụng trình tự, nội dung quy định về quy hoạch vùng lãnh thổ vào thiết kế quy hoạch một vùng kinh tế-xã hội cụ thể. <p>- Về kỹ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> * Kỹ năng nghề nghiệp + Kỹ năng phân tích và tổng hợp các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển của vùng, giải thích các bài toán phân tích không gian trong quy hoạch vùng. 	2	Học kỳ 2	<p>* Hình thức đánh giá điểm quá trình: Tự luận. Trọng số 30%; Bao gồm: 2 đầu điểm, hệ số 1.</p> <p>* Hình thức thi kết thúc học phần: Tự luận. Trọng số 70%.</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		<ul style="list-style-type: none"> + Kỹ năng phân tích các bài học kinh nghiệm; + Áp dụng các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến quy hoạch vùng vào công việc quy hoạch một vùng lãnh thổ cụ thể. + Kỹ năng phân biện một dự án về quy hoạch vùng thực tiễn. + Có khả năng lập luận, tư duy khoa học và giải quyết vấn đề trong công việc chuyên môn một cách khoa học, hiệu. * Kỹ năng mềm - Kỹ năng làm việc độc lập và theo nhóm: Có khả năng tự giải quyết các vấn đề nghiên cứu hoặc phối hợp với các bạn khác nhằm hợp tác và hỗ trợ nhau để đạt đến mục tiêu đã đặt ra. - Kỹ năng tổng hợp, phân tích và đề xuất các giải pháp phục vụ cho việc giải quyết các vấn đề liên quan đến phát triển vùng và quy hoạch vùng lãnh thổ. - Kỹ năng giao tiếp và sử dụng ngoại ngữ: sẽ rèn luyện kỹ năng giao tiếp, truyền đạt, diễn thuyết và ứng xử giao tiếp về lĩnh vực nghiên cứu trong lĩnh vực quy hoạch, các chính sách liên quan đến quy hoạch vùng lãnh thổ; Có khả năng giao tiếp cơ bản bằng tiếng Anh; có khả năng đọc các tài liệu chuyên ngành. - Năng lực tự chủ và trách nhiệm: <ul style="list-style-type: none"> + Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn về Quy hoạch vùng lãnh thổ. + Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ về Quy hoạch vùng lãnh thổ. 			
4	Chính sách thu hồi đất	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: <ul style="list-style-type: none"> + Giải thích được được nội dung, tầm quan trọng của chính sách thu hồi đất. + vững và vận dụng thành thạo các nội dung về đền bù về đất, tài sản trên đất, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất. + Vận dụng, liên hệ được bài toán thu hồi đất trên quan điểm phát triển bền vững và tiếp cận người dân. - Về kỹ năng: <ul style="list-style-type: none"> + Kỹ năng lập kế hoạch thu hồi đất. + Kỹ năng lập hồ sơ thu hồi đất, lập dự án tái định cư. + Kỹ năng vận động thuyết phục người dân chấp hành luật đất đai khi nhà nước thu hồi đất. + Khác: kỹ năng ra thông báo thu hồi đất, thông báo cưỡng chế quyết định kiểm đếm bắt buộc, kỹ năng cưỡng chế khi nhà nước thu hồi đất. - Về thái độ: Rèn luyện tính cẩn trọng, tỉ mỉ và trách nhiệm cao trong công việc. 	2	Học kỳ 2	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm đánh giá quá trình: trọng số 30%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 70%. - Hình thức thi: Tự luận.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
5	Quản lý và Kinh doanh bất động sản	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: + kiến thức sâu rộng của ngành học. những biết cơ bản về kinh doanh bất động sản. Có khả năng phân tích được quan hệ cung cầu bất động sản và giải thích được cơ chế hình thành giá cả bất động sản, cũng như phân tích được hoạt động đầu tư bất động sản. + Trình bày được kiến thức cơ bản của các ngành học khác để biết và tiếp tục học tập + Trình bày kiến thức có thể phân tích, thảo luận và bình luận về những vấn đề phức tạp. -Về kỹ năng: + Có các kỹ năng thực tiễn về nghề nghiệp và có thể phát triển được + Có kỹ năng phối hợp giải quyết công việc với người khác. + Có kỹ năng tư duy, phân tích và ra quyết định, kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề. + Có kỹ năng tìm kiếm và lựa chọn kiến thức để dùng vào những mục đích riêng biệt, có kỹ năng tự phát triển. + Đánh giá được cách dạy và học -Về thái độ: + Có phẩm chất đạo đức tốt, yêu ngành nghề. + Rèn luyện tính cẩn thận, tỉ mỉ, trung thực và tinh thần trách nhiệm cao trong công việc. 	2	Học kỳ 2	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm đánh giá quá trình: trọng số 30%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 70%. - Hình thức thi: Tự luận.
6	Thẩm định giá đất và Bất động sản	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: phân tích được tầm quan trọng của thẩm định giá bất động sản; Vận dụng thành thạo các phương pháp định giá bất động sản, trình bày được quy trình định giá bất động sản và lập được chứng thư định giá bất động sản - Về kỹ năng: có tư duy sáng tạo, áp dụng được các phương pháp định giá bất động sản: kỹ năng phân tích vấn đề trong quy trình định giá bất động sản và lập chứng thư định giá bất động sản. - Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ liên quan đến công tác quản lý Nhà nước; quản lý Nhà nước về đất đai về chức năng quản lý Nhà nước, nguyên tắc quản lý Nhà nước, công cụ quản lý Nhà nước, phương pháp quản lý Nhà nước. 	3	Học kỳ 2	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm đánh giá quá trình: trọng số 30%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 70%. - Hình thức thi: Tự luận.
7	Hiện đại hóa hệ thống đăng ký đất đai	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: có kiến thức chuyên sâu để phân tích được nội dung, tầm quan trọng của hiện đại hoá hệ thống đăng ký đất đai; Vận dụng thành thạo các mô hình đăng ký đất đai; Ứng dụng công nghệ và kinh nghiệm quốc tế trong việc tham gia xây dựng được hệ thống cơ sở dữ liệu trong đăng ký đất đai - Về kỹ năng: có tư duy sáng tạo để xử lý các thông tin và dữ liệu đầu vào trong hệ thống đăng ký đất đai; kỹ năng phân tích các mô hình đăng ký đất đai hiện đại - Về thái độ: Sau khi kết thúc học phần rèn luyện tính cẩn trọng, tỉ mỉ và trách nhiệm cao trong công việc. 	2	Học kỳ 2	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm đánh giá quá trình: trọng số 30%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 70%. - Hình thức thi: Tự luận.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
8	Thanh tra, giám sát quản lý sử dụng đất	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: phân tích được các nội dung thanh tra, giám sát việc thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đất đai của các cấp quản lý hành chính nhà nước và việc giám sát của công dân trong quản lý và sử dụng đất - Về kỹ năng: Có kỹ năng phát hiện vấn đề, vận dụng trong công tác kiểm tra, giám sát những bất cập trong công tác quản lý và sử dụng đất trong tình huống thực tế tại địa phương. - Về thái độ: có tính cẩn trọng, tỉ mỉ và trách nhiệm cao trong công việc. 	2	Học kỳ 2	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm đánh giá quá trình: trọng số 30%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 70%. - Hình thức thi: Tự luận.

VI. Ngành Bất động sản

1. HỆ ĐH10

1	Quản lý nhà nước về bất động sản	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: <ul style="list-style-type: none"> + Trình bày được các khái niệm, bản chất, chức năng của nhà nước, bộ máy nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Phân tích các nguyên tắc, nội dung trong quản lý hành chính nhà nước. + Trình bày và phân tích các nội dung liên quan đến quản lý nhà nước về đất đai, nhà ở và kinh doanh bất động sản. + Mô tả được thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản; Vận dụng kiến thức đã học để soạn thảo các văn bản hành chính trong công tác quản lý nhà nước về bất động sản. - Về kỹ năng: <ul style="list-style-type: none"> + Thực hiện thu thập, tổng hợp, cập nhật được các thông tin chung về quản lý nhà nước về bất động sản + vững các quy định về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản trên internet; Soạn thảo được các văn bản hành chính phục vụ công tác quản lý nhà nước về bất động sản; + Vận dụng khả năng tìm kiếm các thông tin trong các hoạt động quản lý nhà nước về bất động sản; có kỹ năng làm việc độc lập và theo nhóm để giải quyết các tình huống pháp luật, phối hợp và hỗ trợ nhau trong các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ; + Có kỹ năng hoạt động nhóm, thuyết trình, và trình bày kết quả trong quá trình nghiên cứu, học tập; có kỹ năng giao tiếp và truyền đạt thông tin, soạn thảo văn bản. - Năng lực tự chủ và trách nhiệm: <ul style="list-style-type: none"> + Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ liên quan đến công tác quản lý Nhà nước; quản lý Nhà nước về bất động sản; về chức năng quản lý Nhà nước, nguyên tắc quản lý Nhà nước, công cụ quản lý Nhà nước, phương pháp quản lý Nhà nước...; + Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ trong công tác quản lý Nhà nước nói chung và công tác quản lý Nhà nước về bất động sản nói riêng. 	2	Học kỳ 2	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%. - Hình thức thi: Tự luận.
---	----------------------------------	---	---	----------	---

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
2	Kinh tế Vĩ Mô	<p>-Về kiến thức: và phân tích được các khái niệm cơ bản, các nguyên lý và một số mô hình kinh tế vĩ mô; lý thuyết, nội dung cơ bản của hạch toán thu nhập quốc dân, các nhân tố quy định sản lượng, lạm phát, thất nghiệp, lãi suất, tỷ giá hối đoái và các chính sách của nền kinh tế mở.</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>+ Kỹ năng nhận thức: và phân tích được các khái niệm, các nguyên lý cơ bản của nền kinh tế vĩ mô; các nhân tố quy định sản lượng, lạm phát và thất nghiệp, lãi suất, tỷ giá hối đoái, các chính sách nền kinh tế vĩ mô.</p> <p>+ Kỹ năng nghề nghiệp: Vận dụng kiến thức đã học để nhận xét, đánh giá được tình hình nền kinh tế vĩ mô: tổng cung, tổng cầu; lạm phát, thất nghiệp; hoạt động của các ngân hàng, các chính sách nền kinh tế...phục vụ cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.</p> <p>+ Kỹ năng tư duy: Có khả năng tư duy để góp phần dự đoán và có định hướng phát triển cho nền kinh tế vĩ mô.</p> <p>- Về đạo đức nghề nghiệp:</p> <p>+ Yêu thích học phần, hứng thú với việc nghiên cứu nền kinh tế vĩ mô.</p> <p>+ Nhận thức được tầm quan trọng của việc nhận xét, đánh giá nền kinh tế vĩ mô. Nghiên cứu nền kinh tế vĩ mô để phục vụ cho hoạt động kinh doanh.</p>	2	Học kỳ 2	Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%. Hình thức thi: Tự luận.
3	Kỹ năng mềm	<p>-Về kiến thức: và phân tích được những kiến thức cơ bản về Kỹ năng giao tiếp, Kỹ năng làm việc nhóm, Kỹ năng tìm kiếm việc làm để giải quyết vấn đề trong công việc thực tiễn.</p> <p>- Về kỹ năng: Vận dụng các Kỹ năng giao tiếp, Kỹ năng làm việc nhóm, Kỹ năng tìm kiếm việc làm để có được sự linh hoạt trong xử lý tình huống công việc, góp phần phát triển, củng cố các mối quan hệ cần thiết trong cuộc sống cũng như trong hoạt động nghề nghiệp tương lai.</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>+Tuân thủ các nguyên tắc an toàn lao động, đạo đức nghề nghiệp</p> <p>+Ứng dụng được kiến thức để tự chủ, độc lập làm việc trong tổ chức</p> <p>+Ứng dụng được các kỹ năng mềm để thực hiện trách nhiệm với cá nhân và trách nhiệm với cộng đồng xã hội</p>	2	Học kỳ 2	<p>- Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%.</p> <p>- Hình thức thi: Tự luận.</p>
4	Đo đạc địa chính	<p>-Về kiến thức:</p> <p>+ Trình bày được những kiến thức cơ bản về địa chính, các chức năng nhiệm vụ của địa chính; hệ thống địa chính Việt Nam và các khái niệm về bản đồ địa</p>	3	Học kỳ 2	- Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		<p>chính;</p> <ul style="list-style-type: none"> + Phân biệt được quy trình thành lập bản đồ địa chính bằng phương pháp toàn đạc và thành lập bản đồ địa chính từ ảnh hàng không; + Tổng quát được nội dung cần thể hiện trên bản đồ địa chính. - Về kỹ năng: <ul style="list-style-type: none"> + Xác định được mật độ điểm khống chế đo vẽ, thiết kế được lưới khống chế đo vẽ theo quy phạm hiện hành; + Vận dụng lý thuyết vào việc thành lập bản đồ địa chính theo các phương pháp khác nhau; + Biên tập được bản đồ địa chính bằng phần mềm theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường. - Về thái độ, đạo đức nghề nghiệp: <ul style="list-style-type: none"> + Nghiêm túc trong học tập và nghiên cứu tài liệu giáo trình, bài giảng; + Có tinh thần đoàn kết, chủ động, học hỏi; <p>+ Phối hợp trong làm việc nhóm.</p>			<p>Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận</p>
5	Tiếng Anh 2	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: Nhận diện được các âm cơ bản của tiếng Anh và tái tạo lại được các âm đó dù vẫn còn nhiều ảnh hưởng của tiếng mẹ đẻ; Áp dụng được các hiện tượng ngữ pháp cơ bản trong các tình huống giao tiếp hàng ngày bằng tiếng Anh như: thông tin cá nhân, thói quen, nhu cầu, sở thích, hỏi đáp về những thông tin đơn giản; Xây dựng được vốn từ đủ để tiến hành những giao tiếp đơn giản hàng ngày với các tình huống và chủ đề quen thuộc. - Về kỹ năng: Áp dụng được các kỹ năng đọc hiểu, nghe hiểu cơ bản; Giao tiếp được trong những tình huống cố định và vận dụng được kỹ năng nghe trong những hội thoại ngắn về những chủ đề gần gũi với sự giúp đỡ của người khác khi cần thiết; Hỏi và trả lời được các câu hỏi cũng như trao đổi ý kiến và thông tin về những chủ đề quen thuộc trong tình huống giao tiếp hàng ngày; Biết áp dụng các chức năng ngôn ngữ hội thoại để thiết lập các mối quan hệ xã hội như chào hỏi, giới thiệu cảm ơn, xin lỗi; Làm việc theo nhóm để thực hiện những nhiệm vụ đơn giản như bàn về một chủ đề quen thuộc, hay thảo luận một tài liệu với cách diễn đạt và ngôn ngữ đơn giản; Miêu tả được người, sự vật, nơi chốn, công việc, việc học tập, thói quen hàng ngày, kinh nghiệm, thông 	3	Học kỳ 2	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%. - Hình thức thi: Trắc nghiệm.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		<p>tin và sở thích cá nhân; Trình bày được một chủ đề ngắn về những vấn đề liên quan đến cuộc sống hàng ngày, đưa ra lý do và có thể trả lời một số câu hỏi đơn giản; Viết được các tin nhắn đơn giản, một bức thư ngắn.... ; Viết được các cụm từ, các câu đơn giản sử dụng từ nối; Viết được về những chủ đề quen thuộc, gần gũi như tả người, nơi chốn.</p> <p>- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Xây dựng được tinh thần chủ động trong công việc thông qua hoạt động tự học, tự sưu tầm, tự nghiên cứu các tài liệu bằng tiếng Anh liên quan đến các chủ đề học tập; Xây dựng được tính kỷ luật khi thực hiện nghiêm túc thời gian biểu, làm việc và nộp bài đúng hạn; Xây dựng được tính tự giác khi trung thực trong học tập và trong thi cử; Xây dựng được tính tập thể khi tích cực tham gia các hoạt động nhóm, cặp, sẵn sàng chia sẻ thông tin khi thực hiện các nhiệm vụ theo bài học;</p>			
6	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	<p>-Về kiến thức: Trình bày và phân tích được lý luận cơ bản nhất của kinh tế chính trị Mác – Lênin.</p> <p>-Về kỹ năng: Vận dụng được những kiến thức đã học vào thực tiễn học tập và công tác.</p> <p>-Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>NL1: Có năng lực hình thành tư duy phân tích và nhận diện bản chất của các quan hệ kinh tế góp phần hình thành niềm tin và lý tưởng cách mạng trong nền kinh tế thị trường, định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay.</p> <p>NL2: Có năng lực tự học, tích lũy kiến thức,kỹ năng, lập kế hoạch, điều phối và phát huy trí tuệ tập thể</p>	2	Học kỳ 2	<p>Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1.</p> <p>Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%.</p> <p>- Hình thức thi: Tự luận.</p>
7	Chủ nghĩa xã hội khoa học	<p>- Về kiến thức: Trình bày và phân tích được những tri thức cơ bản, cốt lõi nhất về Chủ nghĩa xã hội khoa học, một trong ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác - Lênin.</p> <p>- Về kỹ năng: Vận dụng các tri thức cơ bản về Chủ nghĩa xã hội khoa học để phân tích và đánh giá một số vấn đề chính trị xã hội liên quan tới chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.</p> <p>-Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>NL1: Có năng lực hình thành tư duy phân tích, đánh giá và nhận diện bản chất các quan hệ chính trị - xã hội, góp phần hình thành niềm tin, lý tưởng cách mạng và xây dựng trách nhiệm xã hội phù hợp với vị trí việc làm và cuộc sống sau khi ra trường.</p> <p>NL2: Có năng lực tự học, tích lũy kiến thức và kỹ năng; có năng lực lập kế hoạch, điều phối và phát huy trí tuệ tập thể.</p>	2	Học kỳ 2	<p>Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1.</p> <p>Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%.</p> <p>- Hình thức thi: Tự luận.</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
VII. Ngành Kinh tế tài nguyên thiên nhiên					
1. HỆ DH7					
1	Phân tích tổng hợp trong kinh tế môi trường	<p>- Về kiến thức: Phân tích được các mô hình kinh tế trong sử dụng và quản lý môi trường; phân tích, đánh giá môi trường trong bối cảnh của cơ chế thị trường; đánh giá những tác động (tích cực và tiêu cực) của các hoạt động phát triển (kinh tế và xã hội) đến môi trường; phân tích kinh tế của những tác động tới môi trường phục vụ công tác thẩm định các chương trình, kế hoạch, dự án phát triển thông qua phân tích chi phí – lợi ích và phân tích chi phí – hiệu quả, góp phần hoạch định các chính sách và chiến lược phát triển những phương thức quản lý môi trường hợp lý.</p> <p>- Về kỹ năng: Phân tích, đánh giá được mức ô nhiễm và những ảnh hưởng về mặt môi trường của từng hoạt động kinh tế; phân tích được các chỉ tiêu cơ bản đánh giá tác động môi trường; phân tích được những điểm khác biệt khi sử dụng phương pháp phân tích lợi ích – chi phí trong quản lý môi trường.</p> <p>- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Đề xuất các sáng kiến trong quá trình Phân tích tổng hợp kinh tế môi trường; tổ chức, thiết lập được với các môi trường làm việc khác nhau; Lập kế hoạch, tổ chức và phát triển được các kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ về Phân tích tổng hợp kinh tế môi trường; Liên hệ, tổ chức phát huy trí tuệ tập thể; đánh giá và đề xuất các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ về Phân tích tổng hợp kinh tế môi trường.</p>	3	Học kỳ 2	<p>- Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%. - Hình thức thi: Tự luận</p>
2	Phân tích tổng hợp trong kinh tế tài nguyên	<p>- Về kiến thức: Phân tích được các mô hình trong sử dụng, khai thác và quản lý tài nguyên đất, tài nguyên nước, tài nguyên rừng; phân tích, đánh giá các công cụ quản lý kinh tế về tài nguyên đất, nước, rừng và đa dạng sinh học.</p> <p>- Về kỹ năng: Kỹ năng nhận thức: Phân tích được mô hình khai thác và sử dụng tối ưu đối với tài nguyên đất, tài nguyên nước và tài nguyên rừng. Trình bày được các công cụ quản lý tài nguyên. Kỹ năng nghề nghiệp: Vận dụng được các phương pháp khai thác tài nguyên tối ưu để xác định được mức khai thác tài nguyên tối ưu đối với từng loại tài nguyên đất, tài nguyên nước, tài nguyên rừng. Cách sử dụng các công cụ kinh tế để quản lý hiệu quả các tài nguyên. Kỹ năng làm việc với nhóm: Vận dụng được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác. Kỹ năng tư duy: Phân tích, đánh giá thực trạng từ đó đưa ra được những giải pháp khai thác, sử dụng tài nguyên đất, nước, rừng một cách bền vững, hiệu quả.</p> <p>-Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Đề xuất các sáng kiến trong quá trình Phân tích tổng hợp</p>	3	Học kỳ 2	<p>- Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%. - Hình thức thi: Tự luận</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		<p>kinh tế tài nguyên; tổ chức, thiết lập được với các môi trường làm việc khác nhau;</p> <p>Lập kế hoạch, tổ chức và phát triển được các kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ về Phân tích tổng hợp kinh tế tài nguyên;</p> <p>Liên hệ, tổ chức phát huy trí tuệ tập thể; đánh giá và đề xuất các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ về Phân tích tổng hợp kinh tế tài nguyên.</p>			
3	Thực tập tốt nghiệp	<p>-Về kiến thức: Nhận biết được tình hình thực tế của công tác khai thác và quản lý tài nguyên, môi trường; Xác định được các vấn đề về lượng giá giá trị tài nguyên, môi trường; Thực tế sử dụng phân tích chi phí - lợi ích trong lựa chọn các dự án tài nguyên, môi trường ...tại đơn vị thực tập. Liên hệ với phần lý luận đã học tại nhà trường để đề xuất các giải pháp hoàn thiện công tác khai thác, quản lý tài nguyên và môi trường trong thực tiễn.</p> <p>- Về kỹ năng: Kỹ năng về nhận thức: Vận dụng được các kiến thức đã học để áp dụng trong phân tích, đánh giá thực tiễn khai thác, quản lý tài nguyên và môi trường.</p> <p>Kỹ năng làm việc với nhóm: Vận dụng kỹ năng làm việc nhóm trong hợp tác, thực hiện công việc có tính chất phân nhóm;</p> <p>Kỹ năng tư duy: Phân tích, đánh giá được thực trạng khai thác, sử dụng và quản lý từng loại tài nguyên, môi trường cụ thể từ đó đề xuất những giải pháp nhằm khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên và môi trường.</p> <p>-Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Đề xuất được các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ trong kinh tế tài nguyên và môi trường.</p> <p>Lập kế hoạch, tổ chức phát huy trí tuệ tập thể; đánh giá và đề xuất các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ về kinh tế tài nguyên và môi trường.</p>	6	Học kỳ 2	<p>- Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%, hình thức đánh giá thực hành.</p> <p>Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%.</p> <p>- Hình thức đánh giá: bài tập lớn</p>
4	Khóa luận tốt nghiệp	<p>-Về kiến thức: Vận dụng được những kiến thức cơ bản về ngành kinh tế tài nguyên thiên nhiên đã được vào thực tế để đưa ra được lựa chọn giữa các phương án về khai thác, quản lý tài nguyên và môi trường.</p> <p>- Về kỹ năng: Tổ chức, phát triển các kỹ năng, kiến thức nghề nghiệp, các phẩm chất trí tuệ, phương pháp tiếp cận, giải quyết một vấn đề thực tế. Thiết lập các cơ hội phát hiện những kiến thức và kỹ năng còn thiếu để có kế hoạch bổ sung hoàn thiện.</p> <p>-Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Đề xuất về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ trong khai thác, quản lý hiệu quả tài nguyên và môi trường.</p> <p>Lập kế hoạch, tổ chức phát huy trí tuệ tập thể; đánh giá và đề xuất được các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ về khai thác, quản lý hiệu quả tài nguyên và môi trường.</p>	6	Học kỳ 2	<p>Điểm đánh giá khóa luận theo Quyết định số 88/QĐ-TĐHHN, ngày 10 tháng 01 năm 2018 của trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội về việc Ban hành Quy trình bảo vệ đồ án, khóa luận tốt nghiệp cho trình độ đại học, chính quy</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
2. HỆ ĐH8					
1	Quản lý dự án tài nguyên và môi trường	<p>-Về kiến thức: Trình bày và giải thích được các nội dung cơ bản của quản lý dự án tài nguyên và môi trường như: lập kế hoạch quản lý, điều phối thực hiện dự án, kiểm tra, giám sát thực hiện dự án...</p> <p>-Về kỹ năng:</p> <p>Kỹ năng nhận thức: Khái quát hóa, phân tích được các hoạt động trong quản lý dự án tài nguyên và môi trường.</p> <p>Kỹ năng nghề nghiệp: Vận dụng được kiến thức về quản lý dự án trong các dự án tài nguyên và môi trường</p> <p>Kỹ năng tư duy: Vận dụng được các kiến thức về quản lý dự án để làm cơ sở lựa chọn, đánh giá, kiểm tra giám sát thực hiện các dự án tài nguyên và môi trường.</p> <p>- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>Đề xuất được về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ trong quản lý dự án tài nguyên và môi trường.</p> <p>Lập kế hoạch, tổ chức phát huy trí tuệ tập thể; đánh giá và đề xuất được các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ về quản lý dự án tài nguyên và môi trường.</p>	3	Học kỳ 2	<p>- Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1.</p> <p>Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%.</p> <p>- Hình thức thi: Tự luận</p>
2	Định giá tài nguyên và môi trường	<p>-Về kiến thức: Trình bày, khái quát hoá được những kiến thức cơ bản về một số vấn đề lý luận của định giá kinh tế tài nguyên và môi trường như: phương pháp luận, các nhóm phương pháp định giá, cách tính toán và sử dụng đối với từng phương pháp định giá giá trị tài nguyên và môi trường;</p> <p>-Về kỹ năng:</p> <p>Kỹ năng nhận thức: Phân tích, đánh giá, lượng hóa được các giá trị của tài nguyên, môi trường.</p> <p>Kỹ năng nghề nghiệp: Vận dụng được kiến thức trong việc nghiên cứu và thực hành định giá kinh tế tài nguyên môi trường.</p> <p>Kỹ năng tư duy: Vận dụng được kiến thức về định giá kinh tế tài nguyên, môi trường làm cơ sở giúp các nhà quản lý đưa ra được các quyết định trong việc lựa chọn các phương án trong quá trình thực hiện một dự án tài nguyên, môi trường.</p> <p>-Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Đề xuất được về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ trong định giá kinh tế tài nguyên và môi trường.</p> <p>Lập kế hoạch, tổ chức phát huy trí tuệ tập thể; đánh giá và đề xuất các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ về định giá kinh tế tài nguyên và môi trường.</p>	3	Học kỳ 2	<p>- Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1.</p> <p>Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%.</p> <p>- Hình thức thi: Tự luận</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
3	Kinh tế tài nguyên I	<p>- Về kiến thức: Mô tả được một số nét khái quát về kinh tế tài nguyên nói chung như khái niệm, phân loại tài nguyên; phân tích được mối quan hệ giữa tài nguyên và phát triển kinh tế; vận dụng và phân tích được các mô hình trong sử dụng, khai thác và quản lý tài nguyên đất, tài nguyên thủy sản và tài nguyên rừng.</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>Kỹ năng nhận thức: phân tích được mô hình khai thác và sử dụng tối ưu đối với tài nguyên đất, thủy sản và rừng.</p> <p>Kỹ năng nghề nghiệp: Vận dụng, lựa chọn được các phương pháp khai thác tài nguyên tối ưu để xác định được mức khai thác tài nguyên tối ưu đối với từng loại tài nguyên đất, thủy sản và rừng làm cơ sở cho việc ra quyết định của các nhà quản lý trong lĩnh vực tài nguyên.</p> <p>Kỹ năng làm việc với nhóm: Vận dụng được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác.</p> <p>Kỹ năng tư duy: Đề xuất được những giải pháp giúp cho các doanh nghiệp, cá nhân và Nhà nước khai thác, sử dụng tài nguyên đất, thủy sản, rừng một cách bền vững, hiệu quả.</p> <p>- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>Có ý kiến, đề xuất được về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ trong quản lý khai thác và sử dụng tài nguyên đất, tài nguyên thủy sản và tài nguyên rừng</p> <p>Lập kế hoạch, tổ chức phát huy trí tuệ tập thể; đánh giá và đề xuất các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ về vấn đề quản lý khai thác và sử dụng tài nguyên đất, tài nguyên thủy sản và tài nguyên rừng</p>	5	Học kỳ 2	<p>- Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%, bao gồm các điểm đánh giá bộ phận sau: 2 đầu điểm hệ số 1 01 điểm hệ số 2: Điểm thi giữa kỳ Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%. - Hình thức thi: Viết</p>
4	Kinh tế tài nguyên biển	<p>-Về kiến thức:</p> <p>Khái quát hóa và vận dụng được những kiến thức cơ bản của học phần bao gồm: Khái niệm, phân loại tài nguyên biển; Vai trò của tài nguyên biển trong nền kinh tế quốc dân; Khái niệm, tầm quan trọng của kinh tế tài nguyên biển; Những vấn đề toàn cầu ảnh hưởng đến phát triển kinh tế tài nguyên biển hiện nay; Các mô hình lý thuyết cơ bản trong khai thác tài nguyên biển có khả năng tái sinh và tài nguyên biển không có khả năng tái sinh; Sự cần thiết của quản lý tài nguyên biển, và những biện pháp cơ bản trong quản lý tài nguyên biển; Ý nghĩa của việc đánh giá giá trị kinh tế của tài nguyên biển và các phương pháp đánh giá giá trị kinh tế của tài nguyên biển. Phân tích và đánh giá được tiềm năng và thực trạng khai thác và quản lý tài nguyên biển ở Việt Nam hiện nay.</p> <p>-Về kỹ năng:</p> <p>Kỹ năng nhận thức: Nhận biết, có ý kiến đúng đắn, khoa học về các vấn đề liên quan đến khai thác và quản lý hiệu quả tài nguyên biển.</p> <p>Kỹ năng nghề nghiệp: Vận dụng các lý thuyết cơ bản về khai thác và quản lý tài nguyên biển vào đánh giá thực tiễn khai thác và quản lý tài nguyên biển ở Việt Nam</p>	2	Học kỳ 2	<p>- Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%. - Hình thức thi: Tự luận</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		<p>hiện nay.</p> <p>Kỹ năng làm việc với nhóm: vận dụng được kỹ năng làm việc với nhóm thông qua giờ thảo luận, các bài tập nhóm.</p> <p>Kỹ năng tư duy: vận dụng lý thuyết vào đánh giá thực tiễn khai thác và quản lý tài nguyên biển ở Việt Nam hiện nay rèn luyện kỹ năng tư duy các vấn đề thực tiễn dựa trên nền tảng lý thuyết khoa học, khách quan.</p> <p>-Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Đề xuất được về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ trong vấn đề khai thác và bảo vệ tài nguyên, môi trường biển.</p> <p>Lập kế hoạch, tổ chức phát huy trí tuệ tập thể; đánh giá và đề xuất các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ về vấn đề khai thác và bảo vệ tài nguyên, môi trường biển.</p>			
5	Kiểm toán môi trường	<p>- Về kiến thức: Khái quát hoá được những kiến thức cơ bản về kiểm toán môi trường như mục đích, ý nghĩa, chức năng, yêu cầu và các công việc cơ bản trong hoạt động trước kiểm toán, hoạt động kiểm toán tại cơ sở và hoạt động sau kiểm toán của một cuộc kiểm toán môi trường.</p> <p>- Về kỹ năng: Áp dụng được những kiến thức đã học để áp dụng vào thực tiễn kiểm toán môi trường.</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Áp dụng kiến thức, kỹ năng đã được học để làm việc độc lập và làm việc nhóm cũng như tự chịu trách nhiệm với phần công việc mình làm.</p>	2	Học kỳ 2	<p>- Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1.</p> <p>Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%.</p> <p>- Hình thức thi: Tự luận.</p>
3. HỆ ĐH9					
1	Kinh tế công cộng	<p>-Về kiến thức: Trình bày, khái quát hóa và phân tích được các nội dung cơ bản của Kinh tế công cộng như: cơ sở kinh tế và các hoạt động của khu vực công trong nền kinh tế; tìm , phân tích, đánh giá các chức năng, hệ quả các hoạt động và các chính sách của chính phủ áp dụng trong nền kinh tế thị trường.</p> <p>-Về kỹ năng: Phân tích được các hành vi của khu vực công cộng trong nền kinh tế; Vận dụng được các kiến thức đã học vào thực tiễn quản lý công, phân tích, đánh giá và rèn luyện tư duy khoa học về kinh tế công cộng.</p> <p>-Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Cho ý kiến và đề xuất về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ trong kinh tế công cộng.</p> <p>Lập kế hoạch, tổ chức phát huy trí tuệ tập thể; đánh giá và đề xuất các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ về Kinh tế công cộng.</p>	3	Học kỳ 2	<p>- Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1.</p> <p>Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%.</p> <p>- Hình thức thi: Tự luận</p>
2	Thương mại tài nguyên và môi trường	<p>-Về kiến thức: và phân tích được một số khái niệm cơ bản liên quan đến thương mại và tài nguyên môi trường như: khái niệm thương mại; khái niệm môi trường, tài nguyên. Trình bày, phân tích được mối quan hệ giữa thương mại với tài nguyên, môi trường. Nhận biết, và trình bày được các hiệp định liên quan đến vấn đề môi trường trong WTO và các thảo thuận quốc tế về môi</p>	2	Học kỳ 2	<p>- Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1.</p> <p>Điểm thi kết thúc học phần:</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		<p>trường. Đánh giá xu hướng phát triển mới của thương mại quốc tế có đề cập đến môi trường và sự phát triển bền vững cho thương mại và môi trường trong nước và trên thế giới.</p> <p>-Về kỹ năng: nhận biết được các thuật ngữ chuyên ngành liên quan đến thương mại tài nguyên và môi trường, vận dụng được kỹ năng thuyết trình, làm việc nhóm trong một số các vụ kiện thương mại nổi bật. Tổng hợp các tài liệu liên quan về thương mại tài nguyên môi trường.</p> <p>-Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Cho ý kiến và đề xuất về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ trong thương mại liên quan đến tài nguyên và môi trường.</p> <p>Lập kế hoạch, tổ chức phát huy trí tuệ tập thể; đánh giá và đề xuất các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ về thương mại liên quan đến tài nguyên và môi trường.</p>			<p>Trọng số 60%.</p> <p>- Hình thức thi: Tự luận.</p>
3	Kinh tế đầu tư	<p>-Về kiến thức: và phân tích được những kiến thức cơ bản về đầu tư phát triển. Trình bày được khái niệm đầu tư phát triển, phân biệt được đầu tư phát triển với các loại đầu tư khác, phân tích được tác động của đầu tư phát triển đối với tăng trưởng và phát triển, các nguồn vốn đầu tư, trình tự các bước cũng như phương pháp đề lập, thẩm định và thực hiện đấu thầu các dự án đầu tư; các chỉ tiêu đánh giá kết quả và hiệu quả của đầu tư phát triển, áp dụng làm được bài tập và lựa chọn các phương án đầu tư phù hợp.</p> <p>-Về kỹ năng:</p> <p>+ Kỹ năng nhận thức: được khái niệm đầu tư phát triển, vai trò của đầu tư, trình tự lập dự án một dự án đầu tư, trình tự đấu thầu và các nội dung của thẩm định dự án và biết phân tích đánh giá kết quả và hiệu quả của đầu tư phát triển. Áp dụng các công thức trong đầu tư để tính toán trong những tình huống cụ thể.</p> <p>+ Kỹ năng nghề nghiệp: Vận dụng kiến thức đã học một cách linh hoạt để thực hiện đấu thầu các công trình, thẩm định các dự án hay thiết lập một dự án, đánh giá kết quả và hiệu quả của các dự án đầu tư và quản lý các dự án đầu tư</p> <p>+ Kỹ năng tư duy: Có khả năng vận dụng kiến thức đã học để đưa ra được các giải pháp huy động nguồn vốn đầu tư ở Việt Nam hiện nay và đề xuất những dự án; thẩm định dự án, thực hiện đấu thầu và quản lý hiệu quả trong điều kiện hiện nay.</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: + Có năng lực vận dụng lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.</p> <p>+ Vận dụng và lý giải được các vấn đề của đầu tư trong giai đoạn hiện nay.</p>	2	Học kỳ 2	<p>Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1.</p> <p>Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%.</p> <p>Hình thức thi: Tự luận.</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		+ Vận dụng những kiến thức đã học để lập các dự án trong đầu tư tùy theo thực tiễn nhất định trong thực tế.			
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	<p>-Về kiến thức: Trình bày, phân tích, giải thích được những nội dung cơ bản trong chương trình môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh; đánh giá được giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh đối với Đảng, dân tộc và nhân loại.</p> <p>-Về kỹ năng: Vận dụng sáng tạo lý luận, phương pháp và phương pháp luận của Hồ Chí Minh để phân tích, đánh giá được một số vấn đề trong thực tiễn đời sống, học tập và công tác.</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: : NL1: Có lập tư tưởng chính trị vững vàng, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với CNXH. Có phẩm chất đạo đức tốt, lối sống lành mạnh theo tấm gương đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh. NL2: Tích cực, chủ động đấu tranh phê phán những quan điểm sai trái, bảo vệ chủ nghĩa Mác –Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước. NL3: Xác định trách nhiệm của bản thân đối với sự nghiệp xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc; Có năng lực vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh giải quyết vấn đề đặt ra trong lĩnh vực nghề nghiệp.</p>	3	Học kỳ 2	<p>- Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%. - Hình thức thi: Tự luận.</p>
4. HỆ ĐH10					
1	Kinh tế Vĩ Mô	<p>-Về kiến thức: và phân tích được những kiến thức cơ bản của kinh tế vĩ mô, các khái niệm cơ bản, các nguyên lý và một số mô hình kinh tế vĩ mô; lý thuyết, nội dung cơ bản của hạch toán thu nhập quốc dân, các nhân tố quy định sản lượng, lạm phát, thất nghiệp, lãi suất, tỷ giá hối đoái và các chính sách của nền kinh tế mở.</p> <p>-Về kỹ năng:</p> <p>+ Kỹ năng nhận thức: được các khái niệm, các nguyên lý cơ bản của nền kinh tế vĩ mô; các nhân tố quy định sản lượng, lạm phát và thất nghiệp, lãi suất, tỷ giá hối đoái, các chính sách nền kinh tế vĩ mô. Áp dụng các công thức để tính toán trong những tình huống cụ thể.</p> <p>+ Kỹ năng nghề nghiệp: Vận dụng kiến thức để nhận xét, đánh giá được tình hình nền kinh tế vĩ mô: tổng cung, tổng cầu; lạm phát, thất nghiệp; hoạt động của các ngân hàng, các chính sách nền kinh tế...phục vụ cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.</p> <p>+ Kỹ năng làm việc nhóm: Thông qua thảo luận và bài tập thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc nhóm và hợp tác với người khác.</p>	3	Học kỳ 2	<p>Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%. Hình thức thi: Tự luận.</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		<p>+ Kỹ năng tư duy: Vận dụng các kiến thức đã học để đưa ra các giải pháp và định hướng phát triển cho nền kinh tế vĩ mô.</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>+ Có năng lực vận dụng lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.</p> <p>+ Vận dụng và lý giải được các vấn đề của nền kinh tế vĩ mô trong giai đoạn hiện nay.</p> <p>+ Vận dụng những kiến thức đã học để đánh giá, nghiên cứu nền kinh tế vĩ mô để phục vụ cho hoạt động kinh doanh.</p>			
2	Lịch sử các học thuyết kinh tế	<p>-Về kiến thức: Tóm tắt và phân tích được hoàn cảnh ra đời, đặc điểm và nội dung của học thuyết kinh tế tiêu tư sản, chủ nghĩa xã hội Không Tưởng ở Tây Âu, kinh tế chính trị Max- Lenin, Học thuyết kinh tế của trường phái Cổ Điển mới, học thuyết kinh tế của trường phái Keynes, học thuyết kinh tế của chủ nghĩa tự do mới, trường phái chính hiện đại, học thuyết tăng trưởng kinh tế ở các nước đang phát triển.</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>+ Kỹ năng nhận thức: Tóm tắt, phân tích và phân biệt được học thuyết kinh tế của các trường phái về hoàn cảnh ra đời và đặc điểm của từng học thuyết, từ đó tổng hợp được có những nhận xét đánh giá về từng học thuyết.</p> <p>+ Kỹ năng nghề nghiệp: Vận dụng những kiến thức đã học để giải thích về các hiện tượng kinh tế tại Việt Nam qua các thời kỳ.</p> <p>+ Kỹ năng tư duy: Có khả năng vận dụng những kiến thức đã học để giải thích hiện tượng kinh tế, tính quy luật và xu hướng vận động của các hiện tượng và quy luật của kinh tế thị trường.</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>+ Có năng lực vận dụng lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có khả năng áp dụng thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.</p> <p>+ Yêu thích học phần, hứng thú với việc nghiên cứu để và phân tích được các vấn đề của kinh tế ở các thời kỳ.</p> <p>+ Khái quát hóa các học thuyết kinh tế ở các giai đoạn, nghiên cứu Lịch sử các học thuyết kinh tế để phục vụ cho hoạt động kinh doanh.</p>	2	Học kỳ 2	Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%. Hình thức thi: Tự luận.
3	Tài chính tiền tệ	<p>- Về kiến thức: Trình bày được những kiến thức cơ bản về lý thuyết tài chính tiền tệ bao gồm những vấn đề cơ bản về tài chính như: Bản chất của tài chính, chức năng và vai trò của tài chính, nguồn tài chính và hệ thống tài chính; Khái niệm và vai trò của Ngân sách Nhà nước, vấn đề thu - chi và cân đối Ngân sách Nhà nước; Các</p>	2	Học kỳ 2	- Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. Điểm thi kết

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		<p>loại hình tổ chức trung gian và hoạt động của thị trường tài chính; Các vấn đề cơ bản về tài chính doanh nghiệp như cấu trúc tài chính trong doanh nghiệp, chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm, doanh thu và lợi nhuận doanh nghiệp. Bên cạnh đó, học phần trình bày được những vấn đề cơ bản về tiền tệ và lưu thông tiền tệ, tín dụng, hệ thống ngân hàng, chính sách tiền tệ của ngân hàng trung ương, quan hệ thanh toán và tín dụng quốc tế.</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>+ Kỹ năng nhận thức: Trình bày và giải thích được những vấn đề cơ bản về tài chính; Các loại hình tổ chức trung gian và hoạt động của thị trường tài chính; Các vấn đề cơ bản về tài chính doanh nghiệp như vốn kinh doanh, nguồn vốn kinh doanh của doanh nghiệp, chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm, doanh thu và phân phối lợi nhuận cũng như những vấn đề cơ bản về tiền tệ và lưu thông tiền tệ, tín dụng, hệ thống ngân hàng, chính sách tiền tệ của ngân hàng trung ương, quan hệ thanh toán và tín dụng quốc tế.</p> <p>+ Kỹ năng nghề nghiệp: Phân tích được sự biến động của thị trường tài chính – tiền tệ, sự tác động của thị trường tài chính đến nền kinh tế và tài chính doanh nghiệp. Từ đó tìm ra các kênh huy động vốn hiệu quả cho doanh nghiệp và cho nền kinh tế.</p> <p>+ Kỹ năng làm việc với nhóm: Thông qua giờ thảo luận và thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác.</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>+ Có niềm tin thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản.</p> <p>+ Có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.</p> <p>+ Ý thức được tầm quan trọng của việc phân tích và dự báo sự ảnh hưởng của sự biến động của thị trường tài chính – tiền tệ đến nền kinh tế và tình hình tài chính của các chủ thể trong nền kinh tế.</p>			<p>thức học phần: Trọng số 60%. '- Hình thức thi: Tự luận.</p>
4	Kỹ năng mềm	<p>-Về kiến thức: và phân tích được những kiến thức cơ bản về Kỹ năng giao tiếp, Kỹ năng làm việc nhóm, Kỹ năng tìm kiếm việc làm để giải quyết vấn đề trong công việc thực tiễn.</p> <p>- Về kỹ năng: Vận dụng các Kỹ năng giao tiếp, Kỹ năng làm việc nhóm, Kỹ năng tìm kiếm việc làm để có được sự linh hoạt trong xử lý tình huống công việc, góp phần phát triển, củng cố các mối quan hệ cần thiết trong cuộc sống</p>	2	Học kỳ 2	<p>- Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%. '- Hình thức thi: Tự luận.</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		<p>cũng như trong hoạt động nghề nghiệp tương lai.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: +Tuân thủ các nguyên tắc an toàn lao động, đạo đức nghề nghiệp +Ứng dụng được kiến thức để tự chủ, độc lập làm việc trong tổ chức +Ứng dụng được các kỹ năng mềm để thực hiện trách nhiệm với cá nhân và trách nhiệm với cộng đồng xã hội 			
5	Tiếng Anh 2	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: Nhận diện được các âm cơ bản của tiếng Anh và tái tạo lại được các âm đó dù vẫn còn nhiều ảnh hưởng của tiếng mẹ đẻ; Áp dụng được các hiện tượng ngữ pháp cơ bản trong các tình huống giao tiếp hàng ngày bằng tiếng Anh như: thông tin cá nhân, thói quen, nhu cầu, sở thích, hỏi đáp về những thông tin đơn giản; Xây dựng được vốn từ đủ để tiến hành những giao tiếp đơn giản hàng ngày với các tình huống và chủ đề quen thuộc. - Về kỹ năng: Áp dụng được các kỹ năng đọc hiểu, nghe hiểu cơ bản; Giao tiếp được trong những tình huống cố định và áp dụng được kỹ năng nghe trong những hội thoại ngắn về những chủ đề gần gũi với sự giúp đỡ của người khác khi cần thiết; Hỏi và trả lời được các câu hỏi cũng như trao đổi ý kiến và thông tin về những chủ đề quen thuộc trong tình huống giao tiếp hàng ngày; Biết áp dụng các chức năng ngôn ngữ hội thoại để thiết lập các mối quan hệ xã hội như chào hỏi, giới thiệu cảm ơn, xin lỗi; Làm việc theo nhóm để thực hiện những nhiệm vụ đơn giản như bàn về một chủ đề quen thuộc, hay thảo luận một tài liệu với cách diễn đạt và ngôn ngữ đơn giản; Miêu tả được người, sự vật, nơi chốn, công việc, việc học tập, thói quen hàng ngày, kinh nghiệm, thông tin và sở thích cá nhân; Trình bày được một chủ đề ngắn về những vấn đề liên quan đến cuộc sống hàng ngày, đưa ra lý do và có thể trả lời một số câu hỏi đơn giản; Viết được các tin nhắn đơn giản, một bức thư ngắn.... ; Viết được các cụm từ, các câu đơn giản sử dụng từ nối; Viết được về những chủ đề quen thuộc, gần gũi như tả người, nơi chốn. - Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Xây dựng được tinh thần chủ động trong công việc thông qua hoạt động tự học, tự sưu tầm, tự nghiên cứu các tài liệu bằng tiếng Anh liên quan đến các chủ đề học tập; Xây dựng được tính kỷ luật khi thực hiện nghiêm túc thời gian biểu, làm việc và nộp bài đúng hạn; Xây dựng được tính tự giác khi trung thực trong học tập và trong thi cử; Xây dựng được tính tập thể khi tích cực tham gia các hoạt động nhóm, cặp, sẵn sàng chia sẻ thông tin khi thực hiện các nhiệm vụ theo bài học; 	3	Học kỳ 2	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%. - Hình thức thi: Trắc nghiệm.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
6	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	<p>-Về kiến thức: Trình bày và phân tích được lý luận cơ bản nhất của kinh tế chính trị Mác – Lênin.</p> <p>-Về kỹ năng: Vận dụng được những kiến thức đã học vào thực tiễn học tập và công tác.</p> <p>-Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>NL1: Có năng lực hình thành tư duy phân tích và nhận diện bản chất của các quan hệ kinh tế góp phần hình thành niềm tin và lý tưởng cách mạng trong nền kinh tế thị trường, định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay.</p> <p>NL2: Có năng lực tự học, tích lũy kiến thức, kỹ năng, lập kế hoạch, điều phối và phát huy trí tuệ tập thể</p>	2	Học kỳ 2	<p>Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1.</p> <p>Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%.</p> <p>- Hình thức thi: Tự luận.</p>

VIII. Ngành Kế toán

1. HỆ ĐH7

1	Thực tập tốt nghiệp	<p>- Về kiến thức: Khái quát hóa tình hình thực tế của công tác tổ chức kế toán, kiểm soát nội bộ, kiểm toán tại đơn vị thực tập. Qua đó liên hệ với phần lý luận đã học tại nhà trường nhằm đưa ra giải pháp hoàn thiện công tác kế toán, kiểm soát nội bộ, kiểm toán tại đơn vị, củng cố thêm nhận thức và nâng cao tay nghề chuyên môn.</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>+ vững toàn bộ công việc kế toán, kiểm soát nội bộ, kiểm toán ở một đơn vị;</p> <p>+ Thực hành kiến thức đã học có thể thực hành công việc kế toán, kiểm soát nội bộ, kiểm toán ở dạng đơn giản;</p> <p>+ Thực hành để hợp tác với người khác;</p> <p>+ Thực hiện tính toán và đánh giá được tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp từ đó có thể đưa ra những biện pháp giúp cho nhà quản lý của doanh nghiệp quản lý tốt chi phí và điều chỉnh được các hoạt động trong doanh nghiệp đảm bảo đạt được lợi nhuận cao cho doanh nghiệp.</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Tổ chức làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; có nhận thức tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn.</p>	6	Học kỳ 2	<p>- Điểm đánh giá của Cơ sở hướng dẫn thực tập: Trọng số 40%, hình thức đánh giá: Thực hành.</p> <p>- Điểm đánh giá của Trường: Trọng số 60%. Hình thức thi: Thực hành</p>
---	---------------------	---	---	----------	---

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
2	Khóa luận tốt nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: Hệ thống hoá được những kiến thức cơ bản về kiến thức chuyên môn kế toán đã được , vận dụng vào thực tế để phân tích các chính sách hoặc giải quyết các vấn đề về kế toán. - Về kỹ năng: Thực hành kiến thức nghề nghiệp, hình thành các phẩm chất trí tuệ, phương pháp tiếp cận, giải quyết một vấn đề thực tế. Tạo cho có cơ hội phát hiện những kiến thức và kỹ năng còn thiếu để có kế hoạch bổ sung hoàn thiện. - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Nhận thức sự tự giác trong công việc, về tầm quan trọng của người làm kế toán và người quản lý trong tương lai. Tổ chức làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm. Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực lập kế hoạch điều phối, quản lý các nguồn lực, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình. 	6	Học kỳ 2	Điểm đánh giá khóa luận theo quyết định số 88/QĐ-TĐHHN ngày 10 tháng 1 năm 2018 của trường ĐH Tài nguyên và Môi trường Hà Nội về việc ban hành Quy trình bảo vệ đồ án, khóa luận tốt nghiệp cho trình độ đại học chính quy.
3	Mô phỏng nghiệp vụ kế toán	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: Hệ thống hóa toàn diện kiến thức chuyên ngành kế toán bằng việc thực hành các nội dung của từng phần hành kế toán trong doanh nghiệp. Thông qua các buổi thực hành sẽ áp dụng kiến thức lý thuyết vào thực hiện công việc kế toán mô phỏng thực tế từ việc sử dụng các phần mềm kế toán cơ bản và tổ chức thực hành như một phòng kế toán trong một đơn vị cụ thể. - Về kỹ năng: Thành thạo kiến thức chuyên môn để làm việc được ngay sau khi tốt nghiệp. Đáp ứng được các yêu cầu của nhà tuyển dụng hiện nay. - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Tự chủ được công việc được giao trong lĩnh vực kế toán; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình. 	3	Học kỳ 2	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%. - Hình thức thi: Tự luận.
4	Hệ thống chuẩn mực kế toán	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: Hệ thống hóa được các nội dung cơ bản về hoạt động kế toán được quy định trong hệ thống chuẩn mực kế toán Quốc tế và Việt Nam. Qua đó, có thể giải thích các chuẩn mực kế toán và vận dụng trong thực tế. - Về kỹ năng: Thực hiện các nguyên tắc đạo đức, các quy định trách nhiệm chi phối quá trình hành nghề của kế toán và khả năng vận dụng các phương pháp, thủ tục kế toán vào quá trình kế toán để đạt được hiệu quả và 	3	Học kỳ 2	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%. - Hình thức thi: Tự luận.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		<p>chất lượng cao nhất.</p> <p>- Về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm: Nhận thức được vai trò của môn học trong hệ thống các môn học phục vụ chung cho chuyên ngành, để xác định đúng ý thức học tập.</p>			
2. HỆ DH8					
1	Phương pháp nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh	<p>-Về kiến thức: và phân tích được những kiến thức cơ bản về các phương pháp nghiên cứu trong từng giai đoạn của quá trình nghiên cứu phục vụ quản lý và kinh doanh như: xác định vấn đề nghiên cứu, thiết kế nghiên cứu, thu thập dữ liệu, xử lý và phân tích dữ liệu, trình bày kết quả nghiên cứu trong lĩnh vực quản lý và kinh doanh</p> <p>-Về kỹ năng: Thiết lập kỹ năng xác định ý tưởng, thiết kế nghiên cứu, kỹ năng làm việc nhóm và hợp tác với người khác thực hiện quá trình nghiên cứu, lựa chọn cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu, cũng như trình bày báo cáo khoa học hoàn chỉnh. Rèn luyện tư duy khoa học mang tính suy luận, logic trong thực hiện các đề tài nghiên cứu làm nền tảng cho việc tiếp cận các đề tài nghiên cứu làm nền tảng cho việc tiếp cận các học phần có liên quan và nghiên cứu khoa học. Cơ sở áp dụng vào thực tiễn hoạt động kinh tế xã hội.</p> <p>-Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Vận dụng những kiến thức đã học một cách linh hoạt và sáng tạo trong nghiên cứu phục vụ phát triển, mở rộng quy mô doanh nghiệp, có khả năng cải tiến và cập nhật kiến thức mới trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự học, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao trong công việc, có năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm, khả năng hoạch định, điều phối và tổ chức thực hiện; có năng lực đánh giá hiệu quả công việc và cải tiến các hoạt động chuyên môn.</p>	2	Học kỳ 2	<p>Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1.</p> <p>Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%.</p> <p>Hình thức thi: Tự luận.</p>
2	Lý thuyết kiểm toán	<p>- Về kiến thức: Trình bày được khái niệm kiểm toán, ý nghĩa của từng loại kiểm toán trong một đơn vị cụ thể; biết về tổ chức và các hiệp hội nghề nghiệp của Việt Nam và thế giới; giải thích được chuẩn mực đạo đức của kiểm toán viên, trình tự nghiên cứu hệ thống kiểm soát nội bộ trong một tổ chức; giải thích được khái niệm bằng chứng kiểm toán.</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>+ Kỹ năng nhận thức: Phân tích được đặc điểm ngành nghề, đặc điểm kiểm soát nội bộ của đơn vị được kiểm toán. Từ đó đưa ra những đánh giá rủi ro kiểm toán và các thủ tục kiểm toán cần thực hiện; đọc nội dung các báo cáo kiểm toán</p> <p>+ Kỹ năng nghề nghiệp: Vận dụng các thủ tục kiểm toán cơ bản để làm bài tập phát hiện sai phạm và điều chỉnh sai phạm.</p>	3	Học kỳ 2	<p>- Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1.</p> <p>Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%.</p> <p>- Hình thức thi: Tự luận.</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		<p>+ Kỹ năng tư duy: Từ những kiến thức cơ bản của học phần giúp có khả năng phân tích và tổng hợp những lỗi sai phạm trên báo cáo tài chính được kiểm toán.</p> <p>+ Kỹ năng làm việc nhóm: Vận dụng kỹ năng làm việc nhóm để thảo luận những dạng ý kiến của kiểm toán viên được trình bày trên báo cáo kiểm toán.</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã được học để làm việc độc lập cũng như chịu trách nhiệm với phần công việc mình làm.</p>			
3	Kiểm toán hoạt động	<p>- Về kiến thức: Trình bày được khái niệm kiểm toán hoạt động, chức năng và đặc điểm của kiểm toán hoạt động; mối quan hệ giữa kiểm toán hoạt động và kiểm toán tài chính; các chuẩn mực kiểm toán được áp dụng trong kiểm toán hoạt động. được quy trình và các bước cần thực hiện khi kiểm toán hoạt động.</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>+ Về kỹ năng nhận thức: Trình bày được các bước công việc cần thực hiện trong quy trình kiểm toán hoạt động nguồn nhận lực; kiểm toán hoạt động cung ứng; kiểm toán hoạt động sản xuất; kiểm toán hoạt động marketing; kiểm toán hoạt động hệ thống thông tin; kiểm toán hoạt động thu ngân sách nhà nước; kiểm toán hoạt động chi ngân sách nhà nước.</p> <p>+ Kỹ năng nghề nghiệp: Vận dụng các thủ tục kiểm toán cơ bản để làm bài tập đánh giá tính kinh tế, tính hiệu quả và hiệu năng của hoạt động được kiểm toán. Từ đó đưa ra giải pháp khắc phục những hạn chế, ưu điểm.</p> <p>+ Kỹ năng tư duy: Vận dụng những kiến thức cơ bản của học phần để phân tích và tổng hợp đánh giá những điểm mạnh, điểm yếu của hoạt động được kiểm toán.</p> <p>+ Kỹ năng làm việc nhóm: Vận dụng kỹ năng làm việc nhóm để thảo luận những điểm mạnh, điểm yếu và giải pháp sẽ được trình bày trên báo cáo kiểm toán hoạt động</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã được học để làm việc độc lập cũng như chịu trách nhiệm với phần công việc mình làm.</p>	3	Học kỳ 2	<p>- Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%.</p> <p>'- Hình thức thi: Tự luận.</p>
4	Kiểm toán tài chính	<p>- Về kiến thức: Trình bày được những kiến thức tổng quan về kiểm toán như: khái niệm, đối tượng và mục tiêu kiểm toán, làm quen với các phương pháp kiểm toán, thực hiện quy trình kiểm toán một số các khoản mục cơ bản của doanh nghiệp: kiểm toán tiền, kiểm toán hàng tồn kho, kiểm toán doanh thu, kiểm toán giá vốn hàng bán và chi phí.</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>+ Kỹ năng nhận thức: Giải thích được đặc điểm và quy trình kiểm toán các khoản mục, các thủ tục thực hiện thử nghiệm kiểm soát và thử nghiệm cơ bản.</p> <p>+ Kỹ năng nghề nghiệp: Vận dụng những kiến thức đã học để phát hiện ra các sai phạm thường gặp trên các khoản mục và trên báo cáo tài chính.</p>	3	Học kỳ 2	<p>- Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%.</p> <p>'- Hình thức thi: Tự luận.</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		<ul style="list-style-type: none"> + Kỹ năng làm việc nhóm: Vận dụng được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác thông qua giờ thực hành bài tập trên lớp. + Kỹ năng tư duy: Tổng hợp đánh giá tình hình hoạt động chung của doanh nghiệp. Đánh giá mức độ sai sót trọng yếu của các chỉ tiêu trên báo cáo tài chính, từ đó đưa ra những ý kiến trên báo cáo kiểm toán. - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Áp dụng những kiến thức, kỹ năng đã được học để làm việc độc lập và làm việc nhóm cũng như chịu trách nhiệm với phần công việc mình làm. 			
5	Đạo đức nghề nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: Tóm tắt nguồn gốc, cách nhận diện các vấn đề đạo đức nghề nghiệp và các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, đặc biệt những kiến thức cơ bản về chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán, kiểm toán, những nguy cơ phát sinh vi phạm và các biện pháp bảo vệ việc thực hiện chuẩn mực. - Về kỹ năng: <ul style="list-style-type: none"> + vững kiến thức chuyên sâu về đạo đức nghề nghiệp trong quá trình hành nghề. + Thực hiện tuân thủ các quy định về đạo đức nghề nghiệp. + Thực hành được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác. + Phát triển kiến thức để đưa ra các vấn đề mới về công tác quản trị. - Về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm: <ul style="list-style-type: none"> + Tổ chức làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong các tiết học thảo luận, bài tập và kiểm tra + Nhận thức được năng lực học tập của bản thân tích lũy kiến thức + Tuân thủ theo chế độ kế toán hiện hành 	2	Học kỳ 2	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%. - Hình thức thi: Tự luận.
6	Kế toán quản trị 2	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: Vận dụng để ghi chép, tổng hợp, phân tích biến động chi phí, doanh thu, báo cáo kết quả kinh doanh, định giá sản phẩm nhằm cung cấp thông tin cho nhà quản trị để đưa ra quyết định ngắn hạn, dài hạn. - Về kỹ năng: <ul style="list-style-type: none"> + vững toàn bộ công việc kế toán quản trị tại một doanh nghiệp cụ thể từ đó phân tích, đánh giá được về tình hình kinh doanh của doanh nghiệp. + Thực hiện các công cụ của kế toán quản trị trong việc phân tích, tổng hợp và đưa ra quyết định kinh doanh. + Thực hiện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác. + Chỉ ra các giải pháp phục vụ yêu cầu quản trị và quyết định kinh tế, tài chính của doanh nghiệp. - Về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm: <ul style="list-style-type: none"> + Tổ chức làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong các tiết học thảo luận, bài tập và kiểm tra + Nhận thức được năng lực học tập của bản thân tích lũy 	3	Học kỳ 2	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%. - Hình thức thi: Tự luận.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		<p>kiến thức</p> <p>+ Tuân thủ theo chế độ kế toán hiện hành</p>			
7	Kế toán chi phí	<p>- Về kiến thức:</p> <p>+ Tóm tắt bản chất chi phí, qui trình thu thập, xử lý, tính giá thành sản phẩm và lập báo cáo chi phí ở một doanh nghiệp.</p> <p>+ Vận dụng tổ chức công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại một doanh nghiệp cụ thể.</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>+ vững các loại chi phí, các loại cách tính giá thành sản phẩm; mối quan hệ giữa chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm; ý nghĩa của chi phí sản xuất định mức và giá thành định mức. Thực hiện xây dựng mô hình ABC để áp dụng vào việc tính giá thành.</p> <p>+ Thực hành các phương pháp xác định giá thành để áp dụng vào công việc kế toán giá thành tại các doanh nghiệp</p> <p>+ Chỉ ra được phương pháp tính giá thành phù hợp để công tác kế toán giá thành nhanh chóng, chính xác và cung cấp thông tin chi phí – giá thành cho nhà quản lý.</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>+ Tổ chức làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong các tiết học thảo luận, bài tập và kiểm tra</p> <p>+ Nhận thức được năng lực học tập của bản thân tích lũy kiến thức</p> <p>+ Tuân thủ theo chế độ kế toán hiện hành</p>	2	Học kỳ 2	<p>- Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1.</p> <p>Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%.</p> <p>- Hình thức thi: Tự luận.</p>
8	Kế toán tài chính	<p>- Về kiến thức: Vận dụng kiến thức cơ bản về hạch toán nghiệp vụ tài sản cố định, nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, chi phí sản xuất và các phương pháp tính giá thành sản phẩm – dịch vụ, xác định kết quả hoạt động kinh doanh và phân phối lợi nhuận,... trong doanh nghiệp sản xuất.</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>+ vững toàn bộ công việc kế toán ở một đơn vị cụ thể.</p> <p>+ Thực hành công việc kế toán ở dạng đơn giản trong doanh nghiệp.</p> <p>+ Thực hành được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác..</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>+ Tổ chức làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong các tiết học thảo luận, bài tập và kiểm tra</p> <p>+ Nhận thức được năng lực học tập của bản thân tích lũy kiến thức</p> <p>+ Tuân thủ theo chế độ kế toán hiện hành</p>	2	Học kỳ 2	<p>- Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1.</p> <p>Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%.</p> <p>- Hình thức thi: Tự luận.</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
9	Kỹ năng mềm	<p>- Về kiến thức: và phân tích được những kiến thức cơ bản về Kỹ năng giao tiếp, Kỹ năng làm việc nhóm, Kỹ năng tìm kiếm việc làm để giải quyết vấn đề trong công việc thực tiễn.</p> <p>- Về kỹ năng: Vận dụng các Kỹ năng giao tiếp, Kỹ năng làm việc nhóm, Kỹ năng tìm kiếm việc làm để có được sự linh hoạt trong xử lý tình huống công việc, góp phần phát triển, củng cố các mối quan hệ cần thiết trong cuộc sống cũng như trong hoạt động nghề nghiệp tương lai.</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>+Tuân thủ các nguyên tắc an toàn lao động, đạo đức nghề nghiệp</p> <p>+Ứng dụng được kiến thức để tự chủ, độc lập làm việc trong tổ chức</p> <p>+Ứng dụng được các kỹ năng mềm để thực hiện trách nhiệm với cá nhân và trách nhiệm với cộng đồng xã hội</p>	2	Học kỳ 2	<p>- Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%.</p> <p>- Hình thức thi: Tự luận.</p>
10	Tiếng Anh chuyên ngành	<p>- Về kiến thức: Đọc các bài báo, bài luận, và báo cáo tài chính; Nghe và được các đoạn hội thoại, bài thuyết trình về chủ đề kinh tế, tài chính kế toán; Thảo luận được một số chủ đề liên quan tới chuyên ngành kế toán; Thực hiện những giao dịch chẳng như tư vấn và thương lượng với khách hàng; Viết được đơn xin việc, viết sơ yếu lý lịch, viết thư phản hồi khách hàng, viết báo cáo công việc bằng tiếng Anh; Dịch được một số câu đơn, câu phức, câu ghép về lĩnh vực kế toán; Sử dụng thành thạo các kỹ năng tổng hợp, phân tích, và làm việc nhóm; Thuyết trình được về một số chủ đề đã học.</p> <p>- Về kỹ năng: Áp dụng được các kỹ năng đọc hiểu, nghe hiểu cơ bản; Giao tiếp được trong những tình huống cố định và được những hội thoại ngắn về những chủ đề gần gũi với sự giúp đỡ của người khác khi cần thiết; Đọc được nội dung chính trong các báo cáo tài chính; Hỏi và trả lời câu hỏi cũng như trao đổi ý kiến và thông tin về những chủ đề quen thuộc trong tình huống giao tiếp hàng ngày; Biết áp dụng thực hiện các chức năng ngôn ngữ hội thoại để thiết lập các mối quan hệ xã hội như chào hỏi, giới thiệu cảm ơn, xin lỗi; Làm việc theo nhóm để thực hiện những nhiệm vụ đơn giản như bàn về một chủ đề quen thuộc, hay thảo luận một tài liệu với cách diễn đạt và ngôn ngữ đơn giản; - - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Xây dựng được tinh thần chủ động trong công việc thông qua hoạt động tự học, tự sưu tầm, tự nghiên cứu các tài liệu bằng tiếng Anh liên quan đến các chủ đề học tập; Xây dựng được tính kỷ luật khi thực hiện nghiêm túc thời gian biểu, làm việc và nộp bài đúng hạn; Xây dựng được tính tự giác khi trung thực trong học tập và trong thi cử; Xây dựng được tính tập thể khi tích cực tham gia các hoạt động nhóm, cặp, sẵn sàng chia sẻ thông tin khi thực hiện các nhiệm vụ theo bài học;</p>		Học kỳ 2	<p>- Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%.</p> <p>- Hình thức thi: Tự luận</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
3. HỆ ĐH9					
1	Kinh tế tài nguyên và môi trường	<p>-Về kiến thức: Trình bày, khái quát hóa được những kiến thức cơ bản như: Khái niệm, đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu học phần kinh tế tài nguyên môi trường; được một số khái niệm cơ bản như: môi trường, tài nguyên, biến đổi môi trường; Phân tích được mối quan hệ giữa hoạt động của hệ kinh tế và môi trường; nhận biết được các khái niệm về vấn đề kinh tế ô nhiễm như: ô nhiễm môi trường, ngoại ứng...; Xác định được mức ô nhiễm tối ưu, phân tích và vận dụng được cơ chế hoạt động của một số công cụ kiểm soát ô nhiễm; so sánh được sự khác biệt giữa các công cụ, nhận biết được các đặc điểm cơ bản của các loại tài nguyên; Phân biệt được sự khác biệt cơ bản giữa các loại tài nguyên.</p> <p>-Về kỹ năng:</p> <p>Kỹ năng nghề nghiệp: Vận dụng được các phương pháp đã học để xác định mức ô nhiễm tối ưu cho hoạt động kinh tế và xác định mức khai thác tài nguyên tối ưu cho hoạt động khai thác tài nguyên trong thực tế.</p> <p>Kỹ năng làm việc với nhóm: Vận dụng được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác.</p> <p>Kỹ năng tư duy: Phân tích được tình hình khai thác từng loại tài nguyên cụ thể, đề xuất được giải pháp khai thác, sử dụng tài nguyên một cách bền vững.</p> <p>-Năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>Cho ý kiến và đề xuất về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ trong vấn đề khai thác và bảo vệ tài nguyên và môi trường</p> <p>Lập kế hoạch, tổ chức phát huy trí tuệ tập thể; đánh giá và đề xuất các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ về vấn đề sử dụng, khai thác và bảo vệ tài nguyên và môi trường.</p>	2	Học kỳ 2	<p>- Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1.</p> <p>Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%.</p> <p>- Hình thức thi: Tự luận.</p>
2	Thống kê doanh nghiệp	<p>-Về kiến thức: và phân tích được những kiến thức cơ bản về thống kê doanh nghiệp, trình bày được: khái niệm, điều kiện vận dụng và phương pháp thống kê các yếu tố sản xuất trong doanh nghiệp, thống kê tài sản cố định, thống kê tài sản lưu động, thống kê lao động và thu nhập của lao động; thống kê giá thành sản xuất; thống kê kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp; phương pháp phân tích một số chỉ tiêu thống kê về hiệu quả sản xuất kinh doanh.</p> <p>-Về kỹ năng:</p> <p>+ Kỹ năng nhận thức: và phân tích được khái niệm về giá trị sản xuất, tài sản, lao động, năng suất lao động trong doanh nghiệp, phân tích và đánh giá các chỉ tiêu thống kê kết quả và hiệu quả trong doanh nghiệp.</p> <p>+ Kỹ năng nghề nghiệp: Vận dụng thống kê khoa học, tính toán các chỉ tiêu đánh giá nguồn lực đầu vào (lao động, vốn), các chỉ tiêu phản ánh kết quả đầu ra (giá trị sản xuất, giá trị tăng thêm, doanh thu, lợi nhuận,...); Tính toán các chỉ tiêu hiệu quả (năng suất lao động, giá</p>	2	Học kỳ 2	<p>Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1.</p> <p>Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%.</p> <p>Hình thức thi: Tự luận.</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		<p>thành,...); Đánh giá được hiệu quả sử dụng vốn, lao động, tiền lương của doanh nghiệp; Xây dựng được mô hình lượng hóa các nhân tố tác động đến kết quả, hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.</p> <p>+ Kỹ năng tư duy: Có khả năng phân tích, tổng hợp và tư duy khoa học suy luận mang tính định lượng, làm nền tảng cho việc tiếp cận các học phần có liên quan và nghiên cứu khoa học.</p> <p>-Về năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm: Rèn luyện đức tính chuyên cần, cẩn thận, hợp tác, chủ động, trách nhiệm, sáng tạo trong học tập và công việc. Có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ. Có khả năng tự định hướng, thích nghi với môi trường học tập và làm việc khác nhau.</p> <p>Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, có năng lực lập kế hoạch, điều phối và năng lực tự đánh giá.</p> <p>Yêu thích học phần, hứng thú với việc nghiên cứu để vận dụng và phân tích được các vấn đề của thống kê doanh nghiệp trong giai đoạn hiện nay.</p>			
3	Thương mại điện tử	<p>-Về kiến thức: Trình bày phân tích được những kiến thức cơ bản như: lợi ích của thương mại điện tử cũng như các lĩnh vực ứng dụng; Cơ sở công nghệ của thương mại điện tử và các vấn đề an ninh, an toàn bảo mật trong thương mại Internet; Chiến lược thương mại điện tử.</p> <p>-Về kỹ năng: Vận dụng sáng tạo các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn trong phát triển hoạt động thương mại điện tử áp dụng với các mô hình giao dịch điện tử B2B, B2C, C2C, G2G, G2B, G2C.</p> <p>-Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ để có thể tự chủ được công việc được giao trong lĩnh vực quản trị kinh doanh; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình.</p>	2	Học kỳ 2	<p>- Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1.</p> <p>Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%.</p> <p>- Hình thức thi: Tự luận</p>
4	Kế toán tài chính 1	<p>- Về kiến thức: Vận dụng những kiến thức cơ bản về hạch toán nghiệp vụ tài sản cố định, nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, chi phí sản xuất và các phương pháp tính giá thành sản phẩm – dịch vụ, xác định kết quả hoạt động kinh doanh và phân phối lợi nhuận,.. trong doanh nghiệp sản xuất.</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>+ Thực hiện tính giá các đối tượng kế toán</p>	4	Học kỳ 2	<p>- Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, 2 đầu điểm, hệ số 1 và 01 điểm thi giữa kỳ, hệ số 2.</p> <p>Điểm thi kết thúc học phần:</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		<ul style="list-style-type: none"> + vững phương pháp định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, ghi sổ kế toán + Thể hiện kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: + Tổ chức làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong các tiết học thảo luận, bài tập và kiểm tra + Nhận thức được năng lực học tập của bản thân tích lũy kiến thức + Tuân thủ theo chế độ kế toán hiện hành 			<ul style="list-style-type: none"> Trọng số 60%. - Hình thức thi: Tự luận.
5	Nguyên lý kế toán	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: Vận dụng chế độ kế toán Việt Nam để bước đầu tiếp cận với thực tiễn kế toán trong hệ thống quản lý; đồng thời định hướng được việc sử dụng tài liệu kế toán vào quản lý các lĩnh vực thuộc chuyên ngành của mình. - Về kỹ năng: + vững bản chất của kế toán, các phương pháp kế toán, các quá trình kinh doanh chủ yếu và toàn bộ công việc kế toán ở một đơn vị cụ thể. + Thể hiện kiến thức đã học để thực hành công việc kế toán ở dạng đơn giản. + Thực hiện làm việc với nhóm và hợp tác với người khác thông qua giờ thảo luận và thực hành. + Chỉ ra ra những biện pháp giúp cho nhà quản lý của doanh nghiệp quản lý tốt chi phí, hạ giá thành sản phẩm, đồng thời điều chỉnh được các hoạt động trong doanh nghiệp đảm bảo đạt được lợi nhuận cao cho doanh nghiệp. - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: + Tổ chức làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong các tiết học thảo luận, bài tập và kiểm tra + Nhận thức được năng lực học tập của bản thân tích lũy kiến thức + Tuân thủ theo chế độ kế toán hiện hành 	3	Học kỳ 2	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%. - Hình thức thi: Tự luận.
6	Kế toán tài chính	<ul style="list-style-type: none"> -Về kiến thức: Vận dụng kiến thức cơ bản về hạch toán nghiệp vụ tài sản cố định, nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, chi phí sản xuất và các phương pháp tính giá thành sản phẩm – dịch vụ, xác định kết quả hoạt động kinh doanh và phân phối lợi nhuận,... trong doanh nghiệp sản xuất. - Về kỹ năng: + vững toàn bộ công việc kế toán ở một đơn vị cụ thể. + Thực hành công việc kế toán ở dạng đơn giản trong doanh nghiệp. + Thực hành được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác.. 	3	Học kỳ 2	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%. - Hình thức thi: Tự luận.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		<ul style="list-style-type: none"> - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: + Tổ chức làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong các tiết học thảo luận, bài tập và kiểm tra + Nhận thức được năng lực học tập của bản thân tích lũy kiến thức + Tuân thủ theo chế độ kế toán hiện hành 			
7	Kế toán tài chính	<ul style="list-style-type: none"> -Về kiến thức: Vận dụng kiến thức cơ bản về hạch toán nghiệp vụ tài sản cố định, nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, chi phí sản xuất và các phương pháp tính giá thành sản phẩm – dịch vụ, xác định kết quả hoạt động kinh doanh và phân phối lợi nhuận,... trong doanh nghiệp sản xuất. - Về kỹ năng: + vững toàn bộ công việc kế toán ở một đơn vị cụ thể. + Thực hành công việc kế toán ở dạng đơn giản trong doanh nghiệp. + Thực hành được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác.. - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: + Tổ chức làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong các tiết học thảo luận, bài tập và kiểm tra + Nhận thức được năng lực học tập của bản thân tích lũy kiến thức + Tuân thủ theo chế độ kế toán hiện hành 	2	Học kỳ 2	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%. - Hình thức thi: Tự luận.
8	Tư tưởng Hồ Chí Minh	<ul style="list-style-type: none"> -Về kiến thức: Trình bày, phân tích, giải thích được những nội dung cơ bản trong chương trình môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh; đánh giá được giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh đối với Đảng, dân tộc và nhân loại. -Về kỹ năng: Vận dụng sáng tạo lý luận, phương pháp và phương pháp luận của Hồ Chí Minh để phân tích, đánh giá được một số vấn đề trong thực tiễn đời sống, học tập và công tác. - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: NL1: Có lập tư tưởng chính trị vững vàng, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với CNXH. Có phẩm chất đạo đức tốt, lối sống lành mạnh theo tám gương đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh. NL2: Tích cực, chủ động đấu tranh phê phán những quan điểm sai trái, bảo vệ chủ nghĩa Mác –Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước. NL3: Xác định trách nhiệm của bản thân đối với sự nghiệp xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc; Có năng lực vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh giải quyết vấn đề đặt ra trong lĩnh vực nghề nghiệp. 	3	Học kỳ 2	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%. - Hình thức thi: Tự luận.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
4. HỆ ĐH10					
1	Kinh tế Vĩ Mô	<p>-Về kiến thức: và phân tích được những kiến thức cơ bản của kinh tế vĩ mô, các khái niệm cơ bản, các nguyên lý và một số mô hình kinh tế vĩ mô; lý thuyết, nội dung cơ bản của hạch toán thu nhập quốc dân, các nhân tố quy định sản lượng, lạm phát, thất nghiệp, lãi suất, tỷ giá hối đoái và các chính sách của nền kinh tế mở.</p> <p>-Về kỹ năng:</p> <p>+ Kỹ năng nhận thức: được các khái niệm, các nguyên lý cơ bản của nền kinh tế vĩ mô; các nhân tố quy định sản lượng, lạm phát và thất nghiệp, lãi suất, tỷ giá hối đoái, các chính sách nền kinh tế vĩ mô. Áp dụng các công thức để tính toán trong những tình huống cụ thể.</p> <p>+ Kỹ năng nghề nghiệp: Vận dụng kiến thức đã học để nhận xét, đánh giá được tình hình nền kinh tế vĩ mô: tổng cung, tổng cầu; lạm phát, thất nghiệp; hoạt động của các ngân hàng, các chính sách nền kinh tế...phục vụ cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.</p> <p>+ Kỹ năng làm việc nhóm: Thông qua thảo luận và bài tập thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc nhóm và hợp tác với người khác.</p> <p>+ Kỹ năng tư duy: Vận dụng các kiến thức đã học để đưa ra các giải pháp và định hướng phát triển cho nền kinh tế vĩ mô.</p> <p>-Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>+ Có năng lực vận dụng lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.</p> <p>+ Vận dụng và lý giải được các vấn đề của nền kinh tế vĩ mô trong giai đoạn hiện nay.</p> <p>+ Vận dụng những kiến thức đã học để đánh giá, nghiên cứu nền kinh tế vĩ mô để phục vụ cho hoạt động kinh doanh.</p>	3	Học kỳ 2	Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%. Hình thức thi: Tự luận.
2	Lịch sử kinh tế	<p>-Về kiến thức: Phân tích được thực trạng phát triển kinh tế của các nước và của Việt Nam, bao gồm những biến đổi trong nền kinh tế, những đặc điểm phát triển kinh tế và những luận giải về những biến đổi đó ở từng thời kỳ lịch sử cụ thể.</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>+ Kỹ năng nhận thức: , phân tích được các mô hình kinh tế của các quốc gia trên thế với nói chung và Việt Nam nói riêng, từ đó có những nhận xét đánh giá về từng mô hình kinh tế.</p> <p>+ Kỹ năng nghề nghiệp: Vận dụng những kiến thức đã học để liên hệ với kinh tế tại Việt Nam qua các thời kỳ.</p> <p>+ Kỹ năng làm việc với nhóm: Thông qua giờ thảo luận và thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc nhóm và hợp tác với người khác. Phát triển kỹ năng lập luận, thuyết trình trước công chúng về các vấn đề kinh tế.</p>	2	Học kỳ 2	Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%. Hình thức thi: Tự luận.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		<p>+ Kỹ năng tư duy: Có khả năng vận dụng những kiến thức đã học vào nghiên cứu bản chất của hiện tượng kinh tế, tính quy luật và xu hướng vận động của các hiện tượng và quy luật của kinh tế thị trường</p> <p>-Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>+ Yêu thích môn học Lịch sử các kinh tế.</p> <p>+ Nâng cao tinh thần tự học, tìm các mô hình kinh tế ở Việt Nam và các nước trên thế giới qua các thời kỳ.</p>			
3	Quản trị kinh doanh	<p>- Về kiến thức: Trình bày được những kiến thức cơ bản về lĩnh vực quản trị kinh doanh, giải thích và phân tích được các khái niệm, thuật ngữ chuyên môn và có một tầm nhìn rộng về quản trị.</p> <p>- Về kỹ năng: Vận dụng hệ thống kiến thức có thể những kiến thức cơ bản về quản trị kinh doanh, từ đó có thể ứng dụng linh hoạt trong hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp.</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Vận dụng năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ để có thể tự chủ được công việc được giao trong lĩnh vực kế toán; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình.</p>	2	Học kỳ 2	<p>- Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%.</p> <p>- Hình thức thi: Tự luận.</p>
4	Tài chính tiền tệ	<p>- Về kiến thức: Trình bày được những kiến thức cơ bản về lý thuyết tài chính tiền tệ bao gồm những vấn đề cơ bản về tài chính như: Bản chất của tài chính, chức năng và vai trò của tài chính, nguồn tài chính và hệ thống tài chính; Khái niệm và vai trò của Ngân sách Nhà nước, vấn đề thu - chi và cân đối Ngân sách Nhà nước; Các loại hình tổ chức trung gian và hoạt động của thị trường tài chính; Các vấn đề cơ bản về tài chính doanh nghiệp như cấu trúc tài chính trong doanh nghiệp, chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm, doanh thu và lợi nhuận doanh nghiệp. Bên cạnh đó, học phần trình bày được những vấn đề cơ bản về tiền tệ và lưu thông tiền tệ, tín dụng, hệ thống ngân hàng, chính sách tiền tệ của ngân hàng trung ương, quan hệ thanh toán và tín dụng quốc tế.</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>+ Kỹ năng nhận thức: Trình bày và giải thích được những vấn đề cơ bản về tài chính; Các loại hình tổ chức trung gian và hoạt động của thị trường tài chính; Các vấn đề cơ bản về tài chính doanh nghiệp như vốn kinh doanh, nguồn vốn kinh doanh của doanh nghiệp, chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm, doanh thu và phân phối lợi nhuận cũng như những vấn đề cơ bản về tiền tệ và lưu thông tiền tệ, tín dụng, hệ thống ngân hàng, chính</p>	3	Học kỳ 2	<p>- Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%.</p> <p>- Hình thức thi: Tự luận.</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		<p>sách tiền tệ của ngân hàng trung ương, quan hệ thanh toán và tín dụng quốc tế.</p> <p>+ Kỹ năng nghề nghiệp: Phân tích được sự biến động của thị trường tài chính – tiền tệ, sự tác động của thị trường tài chính đến nền kinh tế và tài chính doanh nghiệp. Từ đó tìm ra các kênh huy động vốn hiệu quả cho doanh nghiệp và cho nền kinh tế.</p> <p>+ Kỹ năng làm việc với nhóm: Thông qua giờ thảo luận và thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác.</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>+ Có niềm tin thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản.</p> <p>+ Có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.</p> <p>+ Ý thức được tầm quan trọng của việc phân tích và dự báo sự ảnh hưởng của sự biến động của thị trường tài chính – tiền tệ đến nền kinh tế và tình hình tài chính của các chủ thể trong nền kinh tế.</p>			
5	Kỹ năng mềm	<p>-Về kiến thức: và phân tích được những kiến thức cơ bản về Kỹ năng giao tiếp, Kỹ năng làm việc nhóm, Kỹ năng tìm kiếm việc làm để giải quyết vấn đề trong công việc thực tiễn.</p> <p>- Về kỹ năng: Vận dụng các Kỹ năng giao tiếp, Kỹ năng làm việc nhóm, Kỹ năng tìm kiếm việc làm để có được sự linh hoạt trong xử lý tình huống công việc, góp phần phát triển, củng cố các mối quan hệ cần thiết trong cuộc sống cũng như trong hoạt động nghề nghiệp tương lai.</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>+Tuân thủ các nguyên tắc an toàn lao động, đạo đức nghề nghiệp</p> <p>+Ứng dụng được kiến thức để tự chủ, độc lập làm việc trong tổ chức</p> <p>+Ứng dụng được các kỹ năng mềm để thực hiện trách nhiệm với cá nhân và trách nhiệm với cộng đồng xã hội</p>	2	Học kỳ 2	<p>- Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%.</p> <p>- Hình thức thi: Tự luận.</p>
6	Tiếng Anh 2	<p>- Về kiến thức: Nhận diện được các âm cơ bản của tiếng Anh và tái tạo lại được các âm đó dù vẫn còn nhiều ảnh hưởng của tiếng mẹ đẻ; Áp dụng được các hiện tượng ngữ pháp cơ bản trong các tình huống giao tiếp hàng ngày bằng tiếng Anh như: thông tin cá nhân, thói quen, nhu cầu, sở thích, hỏi đáp về những thông tin đơn giản; Xây dựng được vốn từ đủ để tiến hành những giao tiếp đơn giản hàng ngày với các tình huống và chủ đề quen thuộc.</p> <p>- Về kỹ năng: Áp dụng được các kỹ năng đọc hiểu, nghe hiểu cơ bản; Giao tiếp được trong những tình huống cố định và được những hội thoại ngắn về những chủ đề gần</p>	3	Học kỳ 2	<p>- Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%.</p> <p>- Hình thức thi: Trắc nghiệm.</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		<p>gửi với sự giúp đỡ của người khác khi cần thiết; Hỏi và trả lời được các câu hỏi cũng như trao đổi ý kiến và thông tin về những chủ đề quen thuộc trong tình huống giao tiếp hàng ngày; Biết áp dụng các chức năng ngôn ngữ hội thoại để thiết lập các mối quan hệ xã hội như chào hỏi, giới thiệu cảm ơn, xin lỗi; Làm việc theo nhóm để thực hiện những nhiệm vụ đơn giản như bàn về một chủ đề quen thuộc, hay thảo luận một tài liệu với cách diễn đạt và ngôn ngữ đơn giản; Miêu tả được người, sự vật, nơi chốn, công việc, việc học tập, thói quen hàng ngày, kinh nghiệm, thông tin và sở thích cá nhân; Trình bày được một chủ đề ngắn về những vấn đề liên quan đến cuộc sống hàng ngày, đưa ra lý do và có thể trả lời một số câu hỏi đơn giản; Viết được các tin nhắn đơn giản, một bức thư ngắn... ; Viết được các cụm từ, các câu đơn giản sử dụng từ nối; Viết được về những chủ đề quen thuộc, gần gũi như tả người, nơi chốn.</p> <p>- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Xây dựng được tinh thần chủ động trong công việc thông qua hoạt động tự học, tự sưu tầm, tự nghiên cứu các tài liệu bằng tiếng Anh liên quan đến các chủ đề học tập; Xây dựng được tính kỷ luật khi thực hiện nghiêm túc thời gian biểu, làm việc và nộp bài đúng hạn; Xây dựng được tính tự giác khi trung thực trong học tập và trong thi cử; có thái độ hứng thú với công việc học tập, từ đó định hướng được nhiệm vụ học tập, nghiên cứu và công tác của mình trong tương lai. Luôn thể hiện được tính nghiêm túc và trách nhiệm trong công việc.</p>			
7	Toán cao cấp	<p>- Về kiến thức: Trình bày được những kiến thức cơ bản về đại số tuyến tính và giải tích như: ma trận và định thức, hệ phương trình tuyến tính, các phép toán và ứng dụng của hàm số một biến số, hàm số nhiều biến số, phương trình vi phân, làm cơ sở cho việc học các môn chuyên ngành của ngành kế toán, bất động sản, quản trị du lịch, kinh tế tài nguyên ở bậc đại học và lên trình độ cao hơn.</p> <p>Về kỹ năng: vận dụng được những kỹ năng cơ bản để giải quyết các bài tập tính toán, thực hành các bài toán trong chương trình toán cao cấp và tiếp cận học các môn chuyên ngành;</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Xác định được nhiệm vụ học tập một cách tự giác, chủ động, thực hiện các phương pháp học hiệu quả; tự học tập, tích lũy kiến thức, nghiên cứu và áp dụng các kết quả đã học vào các lĩnh vực chuyên môn đồng thời rèn luyện cho tác phong làm việc khoa học.</p>	3	Học kỳ 2	<p>- Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%</p> <p>Bao gồm: 2 đầu điểm, hệ số 1;</p> <p>Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%</p> <p>- Hình thức thi: Tự luận</p>
5. HỆ CH6					

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
1	Hệ thống thông tin kế toán	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: Khái quát hóa nội dung của hệ thống thông tin kế toán trong các doanh nghiệp, chu trình lưu chuyển thông tin kế toán và các hình thức tổ chức công tác kế toán trong điều kiện áp dụng công nghệ thông tin vào hoạt động kế toán. Ngoài ra giúp bước đầu làm quen với phần mềm kế toán dưới góc độ của cả hệ thống. - Về kỹ năng: Thực hiện được công tác kế toán qua phần mềm kế toán. - Về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm: <ul style="list-style-type: none"> + Tổ chức làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong các tiết học thảo luận, bài tập và kiểm tra + Nhận thức được năng lực học tập của bản thân tích lũy kiến thức + Tuân thủ theo chế độ kế toán hiện hành. 	3	Học kỳ 2	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm đánh giá quá trình trọng số 30%, bao gồm 2 đầu điểm: 1 đầu điểm kiểm tra (hệ số 2) và 1 đầu điểm đánh giá nhận thức, thái độ (hệ số 1). Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 70%. - Hình thức thi: Tự luận.
2	Kế toán dành cho nhà quản trị	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: Vận dụng các công việc của kế toán quản trị trong quá trình quản lý doanh nghiệp; đọc và phân tích báo cáo tài chính, dự toán sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp phục vụ cho chức năng kiểm soát và quản lý tài chính và kế toán của các nhà quản trị. Bên cạnh đó, bắt được mối quan hệ giữa chi phí, sản lượng, lợi nhuận để từ đó được tầm quan trọng của các yếu tố tác động đến lợi nhuận doanh nghiệp. - Về kỹ năng: <ul style="list-style-type: none"> + vững toàn bộ công việc kế toán quản trị tại một doanh nghiệp cụ thể từ đó phân tích, đánh giá được về tình hình kinh doanh và báo cáo tài chính của doanh nghiệp. + Thực hiện các công cụ của kế toán quản trị trong việc phân tích và kiểm soát chi phí, kết quả kinh doanh và báo cáo tài chính của doanh nghiệp. - Về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm: <ul style="list-style-type: none"> + Tổ chức làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong các tiết học thảo luận, bài tập và kiểm tra + Nhận thức được năng lực học tập của bản thân tích lũy kiến thức + Tuân thủ theo chế độ kế toán hiện hành. 	3	Học kỳ 2	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm đánh giá quá trình trọng số 30%, bao gồm 2 đầu điểm: 1 đầu điểm kiểm tra (hệ số 2) và 1 đầu điểm đánh giá nhận thức, thái độ (hệ số 1). Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 70%. - Hình thức thi: Tự luận.
3	Phân tích báo cáo tài chính	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: Phân tích tình hình tài chính doanh nghiệp thông qua các hoạt động: Hoạt động đầu tư, hoạt động tài trợ và hoạt động sản xuất kinh doanh của một doanh nghiệp. Từ đó giúp đánh giá chính xác hơn về tình hình thực tế hoạt động của doanh nghiệp trong bối cảnh thị trường luôn biến động. - Về kỹ năng: <ul style="list-style-type: none"> + Thực hành để lập, đọc, kiểm tra các báo cáo tài chính + Thực hành công việc phân tích tình hình tài chính thông qua các Báo cáo tài chính trong các doanh nghiệp. + Thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác. 	3	Học kỳ 2	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm đánh giá quá trình trọng số 30%, bao gồm 2 đầu điểm: 1 đầu điểm kiểm tra (hệ số 2) và 1 đầu điểm đánh giá nhận thức, thái độ (hệ số 1).

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		<p>+ vững các phương pháp phân tích, nhân tố ảnh hưởng tới từng chỉ tiêu, từ đó đánh giá và phân tích tình hình tài chính của doanh nghiệp nhằm đưa ra các quyết định đúng đắn.</p> <p>- Về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm:</p> <p>+ Tổ chức làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong các tiết học thảo luận, bài tập và kiểm tra</p> <p>+ Nhận thức được năng lực học tập của bản thân tích lũy kiến thức</p>			<p>Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 70%.</p> <p>- Hình thức thi: Tự luận.</p>
4	Kế toán trị nâng cao 1	<p>- Về Kiến thức: Khái quát hóa những kiến thức nâng cao, từ truyền thống đến hiện đại về các phương pháp kế toán quản trị chi phí làm cơ sở cho các nhà quản trị ra quyết định và kiểm soát chi phí.</p> <p>- Về Kỹ năng: Thực hiện trong thực tiễn công tác kế toán quản trị trong tổ chức hệ thống thông tin, phân tích thông tin để tư vấn cho nhà quản trị ra các quyết định ngắn hạn, dài hạn từ chuyên sâu và hiện đại tại các doanh nghiệp.</p> <p>- Về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm:</p> <p>+ Tổ chức làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong các tiết học thảo luận, bài tập và kiểm tra</p> <p>+ Nhận thức được năng lực học tập của bản thân tích lũy kiến thức</p>	3	Học kỳ 2	<p>- Điểm đánh giá quá trình trọng số 30%, bao gồm 2 đầu điểm: 1 đầu điểm kiểm tra (hệ số 2) và 1 đầu điểm đánh giá nhận thức, thái độ (hệ số 1).</p> <p>Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 70%.</p> <p>- Hình thức thi: Tự luận.</p>
5	Phân tích kinh doanh	<p>- Về kiến thức: Đánh giá tình hình tài chính doanh nghiệp thông qua các hoạt động: Hoạt động kinh doanh, hoạt động đầu tư và hoạt động tài chính của doanh nghiệp.</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>+ Thực hành đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh, cung cấp những thông tin hữu hiệu phục vụ cho việc ra quyết định của các nhà quản lý.</p> <p>+ vững các phương pháp phân tích, xác định các nhân tố ảnh hưởng tới từng chỉ tiêu phân tích, từ đó đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Qua đó chỉ ra các giải pháp giúp doanh nghiệp giảm chi phí sản xuất và tăng hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.</p> <p>- Về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm:</p> <p>+ Tổ chức làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong các tiết học thảo luận, bài tập và kiểm tra</p> <p>+ Nhận thức được năng lực học tập của bản thân tích lũy kiến thức</p>	2	Học kỳ 2	<p>- Điểm đánh giá quá trình trọng số 30%, bao gồm 2 đầu điểm: 1 đầu điểm kiểm tra (hệ số 2) và 1 đầu điểm đánh giá nhận thức, thái độ (hệ số 1).</p> <p>Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 70%.</p> <p>- Hình thức thi: Tự luận.</p>
6	Kiểm toán tài chính nâng cao	<p>- Kiến thức: cho những kiến thức chuyên sâu về mặt lý luận, những kỹ năng nâng cao trong kiểm toán báo cáo tài chính, giúp có thể thực hiện toàn bộ cuộc kiểm toán báo cáo tài chính đối với mọi loại hình doanh nghiệp nhất là các đối tượng kiểm toán đặc thù.</p>	3	Học kỳ 2	<p>- Điểm đánh giá quá trình: trọng số 30%, bao gồm 2 đầu điểm. Điểm thi kết thúc học</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		<ul style="list-style-type: none"> - Kỹ năng: Cung cấp cho kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về kiểm toán báo cáo tài chính. - Thái độ, chuyên cần: Tích cực và chủ động củng cố, rèn luyện khả năng tư duy logic, biện chứng, phương pháp làm việc khoa học. 			<ul style="list-style-type: none"> phần: Trọng số 70%. - Hình thức thi: Tự luận.
IX. Ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành					
1. HỆ ĐH7					
1	Tài nguyên và kinh doanh du lịch	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: trình bày những kiến thức tổng quát về tài nguyên du lịch và kinh doanh du lịch, trình bày được các khái niệm, thuật ngữ chuyên môn, và phân biệt được các loại tài nguyên được sử dụng trong du lịch, nhận diện được các hoạt động kinh doanh du lịch, mối liên hệ giữa tài nguyên và kinh doanh du lịch. - Về kỹ năng: <ul style="list-style-type: none"> + Kỹ năng nhận thức: trình bày được những vấn đề cơ bản về tài nguyên và kinh doanh du lịch. + Kỹ năng nghề nghiệp: Vận dụng hệ thống kiến thức có thể biết được những kiến thức cơ bản về tài nguyên du lịch và kinh doanh du lịch, từ đó có thể ứng dụng linh hoạt trong hoạt động khai thác có hiệu quả nguồn tài nguyên vào các hoạt động kinh doanh du lịch. + Kỹ năng làm việc với nhóm: Thông qua giờ thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác. + Kỹ năng tư duy: Từ những kiến thức được cung cấp trong học phần, đưa ra những biện pháp hoặc cách thức giải quyết tình huống trong từng trường hợp cụ thể. - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: <ul style="list-style-type: none"> + Có niềm tin, thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản. + Ý thức được tầm quan trọng của tài nguyên và hoạt động kinh doanh du lịch trong công việc để có hướng phấn đấu trong công việc và trau dồi, nâng cao kiến thức chuyên môn. 	3	Học kì 2	<ul style="list-style-type: none"> Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%. Hình thức thi: Tự luận
2	Quản trị chiến lược	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: trình bày được một số khái niệm cơ bản về quản trị chiến lược, vai trò của quản trị chiến lược; Biết nghiên cứu môi trường kinh doanh của doanh nghiệp; Thiết lập mục tiêu chiến lược; Xác định các lợi thế cạnh tranh của doanh nghiệp; Hoạch định chiến lược cấp doanh nghiệp và cấp chức năng; Thực hiện và đánh giá, điều chỉnh chiến lược trong doanh nghiệp. - Về kỹ năng: <ul style="list-style-type: none"> + Kỹ năng nhận thức: Phân tích các yếu tố ảnh hưởng 	3	Học kì 2	<ul style="list-style-type: none"> Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%. Hình thức thi: Bài tập lớn

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		<p>tới chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp; Phân tích được các mục tiêu chiến lược và có các quyết định hoạch định chiến lược phù hợp; Lựa chọn mục tiêu chiến lược phù hợp với doanh nghiệp qua đó có thể lựa chọn, đánh giá và điều chỉnh chiến lược phù hợp.</p> <p>+ Kỹ năng nghề nghiệp: Áp dụng các công cụ hoạch định chiến lược nhằm thúc đẩy hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, giúp doanh nghiệp tăng doanh thu, đạt được lợi nhuận cao hơn.</p> <p>+ Kỹ năng làm việc với nhóm: Thông qua giờ thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác.</p> <p>+ Kỹ năng tư duy: Từ những phân tích, đánh giá về hoạt động hoạch định chiến lược có thể giúp cho nhà quản lý đưa ra những quyết định trong kinh doanh giúp tăng doanh thu, lợi nhuận cho doanh nghiệp.</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: + Có niềm tin, thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản.</p> <p>+ Ý thức được tầm quan trọng của công tác nghiên cứu chiến lược kinh doanh trong công việc để có hướng phấn đấu trong công việc và trau dồi, nâng cao kiến thức chuyên môn.</p>			

2. HỆ ĐH8

1	Phương pháp nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh	<p>-Về kiến thức: và phân tích được những kiến thức cơ bản về các phương pháp nghiên cứu trong từng giai đoạn của quá trình nghiên cứu phục vụ quản lý và kinh doanh như: xác định vấn đề nghiên cứu, thiết kế nghiên cứu, thu thập dữ liệu, xử lý và phân tích dữ liệu, trình bày kết quả nghiên cứu trong lĩnh vực quản lý và kinh doanh</p> <p>- Về kỹ năng: Rèn luyện kỹ năng xác định ý tưởng, thiết kế nghiên cứu, kỹ năng làm việc nhóm và hợp tác với người khác thực hiện quá trình nghiên cứu, lựa chọn cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu, cũng như trình bày báo cáo khoa học hoàn chỉnh. Rèn luyện tư duy khoa học mang tính suy luận, logic trong thực hiện các đề tài nghiên cứu làm nền tảng cho việc tiếp cận các học phần có liên quan và nghiên cứu khoa học. Cơ sở áp dụng vào thực tiễn hoạt động kinh tế xã hội.</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Vận dụng những kiến thức đã học một cách linh hoạt và sáng tạo trong nghiên cứu phục vụ phát triển, mở rộng quy mô doanh nghiệp, có khả năng cải tiến và cập nhật kiến thức mới trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự học, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao</p>	2	Học kỳ 2	Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%. Hình thức thi: Tự luận.
---	--	--	---	----------	---

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		trong công việc, có năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm, khả năng hoạch định, điều phối và tổ chức thực hiện; có năng lực đánh giá hiệu quả công việc và cải tiến các hoạt động chuyên môn.			
2	Quản trị nguồn nhân lực	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: Trình bày được các vấn đề căn bản về các hoạt động quản trị nguồn nhân lực, cụ thể như sau: Các nhân tố cần thiết để quản trị nguồn nhân lực trong tổ chức; phân tích công việc; lập kế hoạch về nguồn nhân lực; phương pháp để tuyển dụng, đào tạo và đánh giá nhân viên; phương pháp trả lương hiệu quả. - Về kỹ năng: Vận dụng sáng tạo những vấn đề cơ bản của quản trị nhân lực; nhận thức được sự cần thiết phải xây dựng nguồn nhân lực linh hoạt hiệu quả. - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ để có thể tự chủ được công việc được giao trong lĩnh vực quản trị kinh doanh; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật. 	3	Học kỳ 2	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%. - Hình thức thi: Tự luận.
3	Thương mại điện tử	<ul style="list-style-type: none"> -Về kiến thức: Trình bày và phân tích được những kiến thức cơ bản như: lợi ích của thương mại điện tử cũng như các lĩnh vực ứng dụng; Cơ sở công nghệ của thương mại điện tử và các vấn đề an ninh, an toàn bảo mật trong thương mại Internet; Chiến lược thương mại điện tử. -Về kỹ năng: Vận dụng sáng tạo các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn trong phát triển hoạt động thương mại điện tử áp dụng với các mô hình giao dịch điện tử B2B, B2C, C2C, G2G, G2B, G2C. -Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ để có thể tự chủ được công việc được giao trong lĩnh vực quản trị kinh doanh; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình. 	2	Học kỳ 2	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%. - Hình thức thi: Tự luận.
4	Quản trị chất lượng du lịch	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: trình bày được những kiến thức cơ bản về quản trị chất lượng dịch vụ du lịch, trình bày được các khái niệm, thuật ngữ chuyên môn và một số nội dung cơ bản về quản trị chất lượng dịch vụ du lịch. Từ đó có thể triển khai áp dụng vào công việc trong tương 	2	Học kì 2	Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		<p>lai.</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>+ Kỹ năng nhận thức: Trình bày được những vấn đề cơ bản của quản trị chất lượng du lịch.</p> <p>+ Kỹ năng nghề nghiệp: Vận dụng hệ thống kiến thức, biết được những nội dung cơ bản về quản trị chất lượng dịch vụ du lịch, từ đó có thể ứng dụng linh hoạt trong hoạt động quản trị chất lượng dịch vụ du lịch của các doanh nghiệp du lịch và lữ hành.</p> <p>+ Kỹ năng làm việc với nhóm: Thông qua giờ thảo luận và thực hành, rèn luyện được kỹ năng làm việc nhóm và hợp tác với người khác trong công việc.</p> <p>+ Kỹ năng tư duy: đưa ra những biện pháp hoặc cách thức giải quyết tình huống trong từng trường hợp cụ thể.</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>+ Có niềm tin, thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản.</p> <p>+ Ý thức được tầm quan trọng của công tác quản trị chất lượng du lịch trong công việc để có hướng phấn đấu trong công việc và trau dồi, nâng cao kiến thức chuyên môn.</p>			Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%. Hình thức thi: Tự luận
5	Quản trị lễ tân	<p>- Về kiến thức: biết được những kiến thức cơ bản về các hoạt động quản trị lễ tân bao gồm: quản lý lao động và trang thiết bị dụng cụ tại bộ phận lễ tân; Quản trị nghiệp vụ đặt phòng, đăng ký, phục vụ lưu trú và trả phòng khách sạn, đồng thời đánh giá hiệu quả của hoạt động lễ tân nhằm áp dụng được kiến thức và kỹ năng trong quản lý điều hành tại bộ phận lễ tân.</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>+ Kỹ năng nhận thức: trình bày được những vấn đề cơ bản của hoạt động quản trị lễ tân.</p> <p>+ Kỹ năng nghề nghiệp: Vận dụng các kiến thức đã học vào công tác quản lý trong lĩnh vực lễ tân sau khi ra trường.</p> <p>+ Kỹ năng làm việc với nhóm: Thông qua giờ thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác.</p> <p>+ Kỹ năng tư duy: phân tích những giải pháp hoặc cách thức giải quyết tình huống trong từng trường hợp cụ thể.</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>+ Có niềm tin, thái độ học tập đúng đắn đối với môn</p>	2	Học kì 2	Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%. Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		<p>học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản.</p> <p>+ Ý thức được tầm quan trọng của công tác quản trị lễ tân trong công việc để có hướng phấn đấu trong công việc và trau dồi, nâng cao kiến thức chuyên môn.</p>			
6	Hướng dẫn du lịch	<p>- Về kiến thức: biết được những kiến thức cơ bản về nghề hướng dẫn viên du lịch, các yếu tố khách quan tác động đến hoạt động hướng dẫn du lịch, quy trình tổ chức hoạt động hướng dẫn du lịch và một số nghiệp vụ hướng dẫn tham quan du lịch. Từ đó, có thể triển khai áp dụng vào công việc trong tương lai.</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>+ Kỹ năng nhận thức: trình bày được những vấn đề cơ bản của hoạt động hướng dẫn du lịch.</p> <p>+ Kỹ năng nghề nghiệp: Vận dụng các nghiệp vụ hướng dẫn du lịch sinh thái để phát triển các kỹ năng tổ chức và hướng dẫn một chương trình du lịch, từ đó có cách ứng xử hợp lý làm hài lòng và lôi cuốn khách du lịch trong hoạt động nghề nghiệp tương lai.</p> <p>+ Kỹ năng làm việc với nhóm: Thông qua giờ bài tập, sẽ rèn luyện được kỹ năng giải quyết vấn đề theo nhóm, kỹ năng giải quyết xung đột nhóm, kỹ năng giao tiếp nhóm, kỹ năng lãnh đạo nhóm trong quá trình làm việc và hợp tác với các thành viên khác.</p> <p>+ Kỹ năng tư duy: Từ những kiến thức được cung cấp trong học phần, có thể đưa ra những biện pháp hoặc cách thức giải quyết tình huống trong từng trường hợp cụ thể.</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>+ Có niềm tin thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản.</p> <p>+ Ý thức được chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp trong công việc để có hướng phấn đấu trong công việc và trau dồi nâng cao kiến thức chuyên môn.</p> <p>+ Ý thức được tầm quan trọng của các kỹ năng tổ chức và hướng dẫn một chương trình du lịch và các ứng xử hợp lý làm hài lòng và lôi cuốn khách du lịch trong hoạt động nghề nghiệp tương lai.</p>	3	Học kì 2	Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%. Hình thức thi: Tự luận
3. HỆ DH9					
1	Quản trị doanh nghiệp du lịch	<p>- Về kiến thức: trình bày được những kiến thức cơ bản như tổng quan về quản trị doanh nghiệp du lịch. Ngoài ra, có thể phân tích hoạt động quản trị kinh doanh của một số loại hình doanh nghiệp điển hình như: nhà hàng, khách sạn, doanh nghiệp lữ hành, đại lý du lịch.</p>	2	Học kì 2	Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. Điểm thi kết

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		<p>- Về kỹ năng:</p> <p>+ Kỹ năng nhận thức: trình bày được các vấn đề cơ bản của hoạt động quản trị các doanh nghiệp trong lĩnh vực du lịch.</p> <p>+ Kỹ năng nghề nghiệp: Áp dụng các kiến thức đã học vào công tác quản lý trong lĩnh vực du lịch sau khi ra trường.</p> <p>+ Kỹ năng làm việc với nhóm: Thông qua giờ làm bài tập nhóm rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác.</p> <p>+ Kỹ năng tư duy: có khả năng phân tích được tổng hợp các vấn đề trong việc quản trị doanh nghiệp trong lĩnh vực du lịch.</p> <p>- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>+ Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ liên quan nhằm xác định được các hoạt động quản trị kinh doanh của một số loại hình doanh nghiệp.</p> <p>+ Có khả năng tự định hướng hoạt động thực hiện nhiệm vụ được giao, thích nghi với môi trường làm việc khác nhau: cơ quan nhà nước, doanh nghiệp trong và ngoài nước, ...</p> <p>+ Tự học tập, tích lũy kiến thức để nâng cao trình độ trong quản trị doanh nghiệp du lịch.</p>			<p>thức học phân: Trọng số 60%. Hình thức thi: Tự luận</p>
2	Điểm đến du lịch	<p>- Về kiến thức: trình bày được những kiến thức cơ bản về du lịch và điểm đến du lịch, biết được các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển của điểm đến du lịch, biết được về tổ chức lãnh thổ du lịch, biết hệ thống phân vùng lãnh thổ du lịch trên thế giới và tại Việt Nam.</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>+ Kỹ năng nhận thức: trình bày được những vấn đề cơ bản của điểm đến du lịch.</p> <p>+ Kỹ năng nghề nghiệp: Vận dụng hệ thống kiến thức của điểm đến du lịch để nâng cao biết về các loại hình du lịch trên thế giới và tại Việt Nam, từ đó cung cấp các dữ liệu du lịch tại các vùng và tư vấn cho khách du lịch trong hoạt động nghề nghiệp tương lai.</p> <p>+ Kỹ năng làm việc với nhóm: Thông qua giờ thảo luận và thực hành, có thể biết được kiến thức môn học cũng như khả năng thuyết trình, thảo luận, và hợp tác giữa các thành viên với nhau.</p> <p>+ Kỹ năng tư duy: Từ những kiến thức được cung cấp trong học phần có thể đưa ra những biện pháp hoặc cách thức giải quyết tình huống trong từng trường hợp cụ thể.</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>+ Tích cực chuẩn bị bài trước khi lên lớp, đóng góp ý kiến xây dựng bài học. Có trách nhiệm, tự giác, chủ</p>	2	Học kì 2	<p>Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%. Hình thức thi: Tự luận</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		<p>động tham gia làm việc nhóm nghiêm túc, phối hợp với các thành viên trong quá trình nghiên cứu, thảo luận.</p> <p>+ Tích cực, chủ động tìm kiếm tài liệu, thông tin có liên quan đến nội dung môn học.</p> <p>+ Sáng tạo trong ứng dụng kiến thức điềm đến du lịch vào thực tế.</p>			
3	Quản trị chất lượng du lịch	<p>- Về kiến thức: trình bày được những kiến thức cơ bản về quản trị chất lượng dịch vụ du lịch, trình bày được các khái niệm, thuật ngữ chuyên môn và một số nội dung cơ bản về quản trị chất lượng dịch vụ du lịch. Từ đó có thể triển khai áp dụng vào công việc trong tương lai.</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>+ Kỹ năng nhận thức: Trình bày được những vấn đề cơ bản của quản trị chất lượng du lịch.</p> <p>+ Kỹ năng nghề nghiệp: Vận dụng hệ thống kiến thức, biết được những nội dung cơ bản về quản trị chất lượng dịch vụ du lịch, từ đó có thể ứng dụng linh hoạt trong hoạt động quản trị chất lượng dịch vụ du lịch của các doanh nghiệp du lịch và lữ hành.</p> <p>+ Kỹ năng làm việc với nhóm: Thông qua giờ thảo luận và thực hành, rèn luyện được kỹ năng làm việc nhóm và hợp tác với người khác trong công việc.</p> <p>+ Kỹ năng tư duy: đưa ra những biện pháp hoặc cách thức giải quyết tình huống trong từng trường hợp cụ thể.</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>+ Có niềm tin, thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản.</p> <p>+ Ý thức được tầm quan trọng của công tác quản trị chất lượng du lịch trong công việc để có hướng phấn đấu trong công việc và trau dồi, nâng cao kiến thức chuyên môn.</p>	2	Học kì 2	Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%. Hình thức thi: Tự luận
4	Tâm lý khách hàng du lịch	<p>- Về kiến thức: trình bày được các kiến thức cơ bản như: tâm lý khách hàng du lịch và các yếu tố ảnh hưởng đến tâm lý khách hàng du lịch, những đặc điểm tâm lý của du khách trong quá trình tiêu dùng dịch vụ du lịch. Ngoài ra tổng hợp được những đặc điểm tâm lý thuộc cá nhân phổ biến của khách hàng du lịch; những đặc điểm tâm lý của khách du lịch ở một số quốc gia và khu vực: Châu Âu, Châu Mỹ, Châu Úc, Châu Á trong đó có Việt Nam.</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>+ Kỹ năng nhận thức: biết được những vấn đề cơ bản</p>	2	Học kì 2	Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%. Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		<p>của tâm lý khách hàng du lịch, các đặc điểm về tâm lý của du khách nói chung và của từng quốc gia trong các khu vực trên thế giới nói riêng.</p> <p>+ Kỹ năng nghề nghiệp: Áp dụng các lý thuyết đã được học vào thực tế và có được sự linh hoạt trong quá trình hoạt động nghề nghiệp ở lĩnh vực khách sạn, nhà hàng và lữ hành trong tương lai.</p> <p>+ Kỹ năng làm việc với nhóm: Thông qua giờ bài tập, rèn luyện được kỹ năng giải quyết vấn đề theo nhóm, kỹ năng giải quyết xung đột nhóm, kỹ năng giao tiếp nhóm, kỹ năng lãnh đạo nhóm trong quá trình làm việc và hợp tác với các thành viên khác.</p> <p>+ Kỹ năng tư duy: Từ những kiến thức đã học, có thể biết được đặc điểm tâm lý khách du lịch nói chung và từng quốc gia nói riêng, biết cách ứng phó với các tình huống đối với khách du lịch trong từng trường hợp cụ thể.</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>+ Có niềm tin, thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản.</p> <p>+ Ý thức được tầm quan trọng của tâm lý khách hàng du lịch trong công việc để có hướng phấn đấu trong công việc và trau dồi, nâng cao kiến thức chuyên môn.</p>			
5	Kỹ năng mềm	<p>-Về kiến thức: và phân tích được những kiến thức cơ bản về Kỹ năng giao tiếp, Kỹ năng làm việc nhóm, Kỹ năng tìm kiếm việc làm để giải quyết vấn đề trong công việc thực tiễn.</p> <p>- Về kỹ năng: Vận dụng các Kỹ năng giao tiếp, Kỹ năng làm việc nhóm, Kỹ năng tìm kiếm việc làm để có được sự linh hoạt trong xử lý tình huống công việc, góp phần phát triển, củng cố các mối quan hệ cần thiết trong cuộc sống cũng như trong hoạt động nghề nghiệp tương lai.</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>+Tuân thủ các nguyên tắc an toàn lao động, đạo đức nghề nghiệp</p> <p>+Ứng dụng được kiến thức để tự chủ, độc lập làm việc trong tổ chức</p> <p>+Ứng dụng được các kỹ năng mềm để thực hiện trách nhiệm với cá nhân và trách nhiệm với cộng đồng xã hội</p>	2	Học kỳ 2	<p>- Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%.</p> <p>- Hình thức thi: Tự luận.</p>
6	Tư tưởng Hồ Chí Minh	<p>-Về kiến thức: Trình bày, phân tích, giải thích được những nội dung cơ bản trong chương trình môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh; đánh giá được giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh đối với Đảng, dân tộc và nhân loại.</p> <p>-Về kỹ năng: Vận dụng sáng tạo lý luận, phương pháp và phương pháp luận của Hồ Chí Minh để phân tích, đánh giá được một số vấn đề trong thực tiễn đời sống, học tập và công tác.</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p>	3	Học kỳ 2	<p>- Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%.</p> <p>- Hình thức thi:</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		NL1: Có lập tư tưởng chính trị vững vàng, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với CNXH. Có phẩm chất đạo đức tốt, lối sống lành mạnh theo tấm gương đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh. NL2: Tích cực, chủ động đấu tranh phê phán những quan điểm sai trái, bảo vệ chủ nghĩa Mác –Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước. NL3: Xác định trách nhiệm của bản thân đối với sự nghiệp xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc; Có năng lực vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh giải quyết vấn đề đặt ra trong lĩnh vực nghề nghiệp.			Tự luận.
4. HỆ ĐH10					
1	Kinh tế tài nguyên và môi trường	<p>-Về kiến thức: Trình bày, khái quát hóa được những kiến thức cơ bản như: Khái niệm, đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu học phân kinh tế tài nguyên môi trường; được một số khái niệm cơ bản như: môi trường, tài nguyên, biến đổi môi trường; Phân tích được mối quan hệ giữa hoạt động của hệ kinh tế và môi trường; nhận biết được các khái niệm về vấn đề kinh tế ô nhiễm như: ô nhiễm môi trường, ngoại ứng...; Xác định được mức ô nhiễm tối ưu, phân tích và vận dụng được cơ chế hoạt động của một số công cụ kiểm soát ô nhiễm; so sánh được sự khác biệt giữa các công cụ, nhận biết được các đặc điểm cơ bản của các loại tài nguyên; Phân biệt được sự khác biệt cơ bản giữa các loại tài nguyên.</p> <p>-Về kỹ năng: Kỹ năng nghề nghiệp: Vận dụng được các phương pháp đã học để xác định mức ô nhiễm tối ưu cho hoạt động kinh tế và xác định mức khai thác tài nguyên tối ưu cho hoạt động khai thác tài nguyên trong thực tế. Kỹ năng làm việc với nhóm: Vận dụng được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác. Kỹ năng tư duy: Phân tích được tình hình khai thác từng loại tài nguyên cụ thể, đề xuất được giải pháp khai thác, sử dụng tài nguyên một cách bền vững. -Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Cho ý kiến và đề xuất về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ trong vấn đề khai thác và bảo vệ tài nguyên và môi trường Lập kế hoạch, tổ chức phát huy trí tuệ tập thể; đánh giá và đề xuất các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ về vấn đề sử dụng, khai thác và bảo vệ tài nguyên và môi trường.</p>	2	Học kỳ 2	<p>- Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%. - Hình thức thi: Tự luận.</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
2	Kinh tế Vĩ Mô	<p>-Về kiến thức: phân tích được những kiến thức cơ bản của kinh tế vĩ mô, các khái niệm cơ bản, các nguyên lý và một số mô hình kinh tế vĩ mô; lý thuyết, nội dung cơ bản của hạch toán thu nhập quốc dân, các nhân tố quy định sản lượng, lạm phát, thất nghiệp, lãi suất, tỷ giá hối đoái và các chính sách của nền kinh tế mở.</p> <p>-Về kỹ năng:</p> <p>+ Kỹ năng nhận thức: được các khái niệm, các nguyên lý cơ bản của nền kinh tế vĩ mô; các nhân tố quy định sản lượng, lạm phát và thất nghiệp, lãi suất, tỷ giá hối đoái, các chính sách nền kinh tế vĩ mô. Áp dụng các công thức để tính toán trong những tình huống cụ thể.</p> <p>+ Kỹ năng nghề nghiệp: Vận dụng kiến thức đã học để nhận xét, đánh giá được tình hình nền kinh tế vĩ mô: tổng cung, tổng cầu; lạm phát, thất nghiệp; hoạt động của các ngân hàng, các chính sách nền kinh tế...phục vụ cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.</p> <p>+ Kỹ năng làm việc nhóm: Thông qua thảo luận và bài tập thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc nhóm và hợp tác với người khác.</p> <p>+ Kỹ năng tư duy: Vận dụng các kiến thức đã học để đưa ra các giải pháp và định hướng phát triển cho nền kinh tế vĩ mô.</p> <p>-Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>+ Có năng lực vận dụng lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.</p> <p>+ Vận dụng và lý giải được các vấn đề của nền kinh tế vĩ mô trong giai đoạn hiện nay.</p> <p>+ Vận dụng những kiến thức đã học để đánh giá, nghiên cứu nền kinh tế vĩ mô để phục vụ cho hoạt động kinh doanh.</p>	3	Học kỳ 2	Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%. Hình thức thi: Tự luận.
3	Nguyên lý thống kê kinh tế	<p>-Về kiến thức: những kiến thức cơ bản về quá trình nghiên cứu thống kê, thu thập dữ liệu thống kê, tổng hợp và trình bày dữ liệu thống kê, các chỉ tiêu phân tích mức độ của hiện tượng, các phương pháp phân tích thống kê và các phương pháp dự báo biến động của hiện tượng.</p> <p>-Về kỹ năng:</p> <p>+ Kỹ năng nhận thức: Trình bày và được quá trình thu thập dữ liệu t hống kê, tổng hợp và trình bày dữ liệu thống kê; có khả</p>	2	Học kỳ 2	Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%. Hình thức thi: Tự luận.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		<p>năng vận dụng phân tích, đánh giá các hiện tượng, quá trình kinh tế.</p> <p>+ Kỹ năng nghề nghiệp: Rèn luyện kỹ năng thống kê khoa học, vận dụng các chỉ tiêu thống kê thông dụng, phân tích, đánh giá tình hình và có kỹ năng dự báo các biến động của hiện tượng kinh tế. Rèn luyện tư duy khoa học suy luận mang tính định lượng, làm nền tảng cho việc vận dụng những kiến thức đã học tính toán, phân tích các thông tin kinh tế đơn giản tại doanh nghiệp.</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>+ Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.</p> <p>+ Giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi.</p> <p>+ Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể.</p>			
4	Quản trị học	<p>- Về kiến thức: Trình bày được các vấn đề căn bản về các hoạt động quản trị nguồn nhân lực, cụ thể như sau: Các nhân tố cần thiết để quản trị nguồn nhân lực trong tổ chức; phân tích công việc; lập kế hoạch về nguồn nhân lực; phương pháp để tuyển dụng, đào tạo và đánh giá nhân viên; phương pháp trả lương hiệu quả.</p> <p>- Về kỹ năng: Vận dụng sáng tạo những vấn đề cơ bản của quản trị nhân lực; nhận thức được sự cần thiết phải xây dựng nguồn nhân lực linh hoạt hiệu quả.</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ để có thể tự chủ được công việc được giao trong lĩnh vực quản trị kinh doanh; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật.</p>	3	Học kỳ 2	<p>- Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%.</p> <p>- Hình thức thi: Tự luận.</p>
5	Marketing căn bản	<p>-Về kiến thức</p> <p>+ Khái quát hóa được những nội dung cơ bản về khái niệm, chức năng, vai trò trong marketing và nhận định các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động marketing; đưa ra những lựa chọn thị trường mục tiêu và định vị thị trường</p> <p>+ Phân tích được hành vi của người tiêu dùng, tổ chức và các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi người tiêu dùng, tổ chức.</p> <p>+ Vận dụng các chính sách về sản phẩm, giá, phân phối</p>	2	Học kỳ 2	<p>- Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%.</p> <p>- Hình thức thi: Tự luận.</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		<p>và xúc tiến trong từng loại hình doanh nghiệp cụ thể</p> <p>-Về kỹ năng</p> <p>Có kỹ năng thuyết trình, thảo luận, và hợp tác giữa các thành viên với nhau, vận dụng các kiến thức được cung cấp trong học phần để đưa ra các biện pháp hoặc cách thức giải quyết tình huống trong từng trường hợp cụ thể.</p> <p>-Về năng lực tự chủ và trách nhiệm</p> <p>+ Tích cực chuẩn bị bài trước khi lên lớp, đóng góp ý kiến xây dựng bài học. Có trách nhiệm, tự giác, chủ động tham gia làm việc nhóm nghiêm túc, phối hợp với các thành viên trong quá trình nghiên cứu, thảo luận.</p> <p>+ Tích cực, chủ động tìm kiếm tài liệu, thông tin có liên quan đến nội dung môn học.</p>			
6	Tiếng Anh 2	<p>- Về kiến thức: Nhận diện được các âm cơ bản của tiếng Anh và tái tạo lại được các âm đó dù vẫn còn nhiều ảnh hưởng của tiếng mẹ đẻ; Áp dụng được các hiện tượng ngữ pháp cơ bản trong các tình huống giao tiếp hàng ngày bằng tiếng Anh như: thông tin cá nhân, thói quen, nhu cầu, sở thích, hỏi đáp về những thông tin đơn giản; Xây dựng được vốn từ đủ để tiến hành những giao tiếp đơn giản hàng ngày với các tình huống và chủ đề quen thuộc.</p> <p>- Về kỹ năng: Áp dụng được các kỹ năng đọc hiểu, nghe hiểu cơ bản; Giao tiếp được trong những tình huống cố định và được những hội thoại ngắn về những chủ đề gần gũi với sự giúp đỡ của người khác khi cần thiết; Đọc được nội dung chính trong các thông báo hay chỉ dẫn đơn giản; Hỏi và trả lời câu hỏi cũng như trao đổi ý kiến và thông tin về những chủ đề quen thuộc trong tình huống giao tiếp hàng ngày; Biết áp dụng thực hiện các chức năng ngôn ngữ hội thoại để thiết lập các mối quan hệ xã hội như chào hỏi, giới thiệu cảm ơn, xin lỗi; Làm việc theo nhóm để thực hiện những nhiệm vụ đơn giản như bàn về một chủ đề quen thuộc, hay thảo luận một tài liệu với cách diễn đạt và ngôn ngữ đơn giản; Miêu tả được người, sự vật, nơi chốn, công việc, việc học tập, thói quen hàng ngày, kinh nghiệm, thông tin và sở thích cá nhân; Trình bày được một chủ đề ngắn về những vấn đề liên quan đến cuộc sống hàng ngày, đưa ra lý do và có thể trả lời một số câu hỏi đơn giản; Viết được các tin nhắn đơn giản, một bức thư ngắn....; Viết được các cụm từ, các câu đơn giản sử dụng từ nối; Viết được về những chủ đề quen thuộc, gần gũi như tả người, nơi chốn.</p> <p>- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Xây dựng được tinh thần chủ động trong công việc thông qua hoạt động tự</p>	3	Học kỳ 2	<p>- Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%.</p> <p>- Hình thức thi: Trắc nghiệm.</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		học, tự sưu tầm, tự nghiên cứu các tài liệu bằng tiếng Anh liên quan đến các chủ đề học tập; Xây dựng được tính kỷ luật khi thực hiện nghiêm túc thời gian biểu, làm việc và nộp bài đúng hạn; Xây dựng được tính tự giác khi trung thực trong học tập và trong thi cử; Xây dựng được tính tập thể khi tích cực tham gia các hoạt động nhóm, cặp, sẵn sàng chia sẻ thông tin khi thực hiện các nhiệm vụ theo bài học;			
7	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	<p>-Về kiến thức: Trình bày và phân tích được lý luận cơ bản nhất của kinh tế chính trị Mác – Lênin.</p> <p>-Về kỹ năng: Vận dụng được những kiến thức đã học vào thực tiễn học tập và công tác.</p> <p>-Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>NL1: Có năng lực hình thành tư duy phân tích và nhận diện bản chất của các quan hệ kinh tế góp phần hình thành niềm tin và lý tưởng cách mạng trong nền kinh tế thị trường, định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay.</p> <p>NL2: Có năng lực tự học, tích lũy kiến thức, kỹ năng, lập kế hoạch, điều phối và phát huy trí tuệ tập thể</p>	2	Học kỳ 2	<p>Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1.</p> <p>Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%.</p> <p>- Hình thức thi: Tự luận.</p>

X. Ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng

1. HỆ ĐH10

1	Kinh tế tài nguyên và môi trường	<p>-Về kiến thức: Trình bày, khái quát hóa được những kiến thức cơ bản như: Khái niệm, đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu học phần kinh tế tài nguyên môi trường; được một số khái niệm cơ bản như: môi trường, tài nguyên, biến đổi môi trường; Phân tích được mối quan hệ giữa hoạt động của hệ kinh tế và môi trường; nhận biết được các khái niệm về vấn đề kinh tế ô nhiễm như: ô nhiễm môi trường, ngoại ứng...; Xác định được mức ô nhiễm tối ưu, phân tích và vận dụng được cơ chế hoạt động của một số công cụ kiểm soát ô nhiễm; so sánh được sự khác biệt giữa các công cụ, nhận biết được các đặc điểm cơ bản của các loại tài nguyên; Phân biệt được sự khác biệt cơ bản giữa các loại tài nguyên.</p> <p>-Về kỹ năng:</p> <p>Kỹ năng nghề nghiệp: Vận dụng được các phương pháp đã học để xác định mức ô nhiễm tối ưu cho hoạt động kinh tế và xác định mức khai thác tài nguyên tối ưu cho hoạt động khai thác tài nguyên trong thực tế.</p> <p>Kỹ năng làm việc với nhóm: Vận dụng được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác.</p> <p>Kỹ năng tư duy: Phân tích được tình hình khai thác từng loại tài nguyên cụ thể, đề xuất được giải pháp khai thác, sử dụng tài nguyên một cách bền vững.</p> <p>-Năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>Cho ý kiến và đề xuất về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ trong vấn đề khai thác và bảo vệ tài nguyên và môi trường</p>	2	Học kỳ 2	<p>- Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1.</p> <p>Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%.</p> <p>- Hình thức thi: Tự luận.</p>
---	----------------------------------	---	---	----------	--

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		Lập kế hoạch, tổ chức phát huy trí tuệ tập thể; đánh giá và đề xuất các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ về vấn đề sử dụng, khai thác và bảo vệ tài nguyên và môi trường.			
2	Tài chính tiền tệ	<p>- Về kiến thức: Trình bày được những kiến thức cơ bản về lý thuyết tài chính tiền tệ bao gồm những vấn đề cơ bản về tài chính như: Bản chất của tài chính, chức năng và vai trò của tài chính, nguồn tài chính và hệ thống tài chính; Khái niệm và vai trò của Ngân sách Nhà nước, vấn đề thu - chi và cân đối Ngân sách Nhà nước; Các loại hình tổ chức trung gian và hoạt động của thị trường tài chính; Các vấn đề cơ bản về tài chính doanh nghiệp như cấu trúc tài chính trong doanh nghiệp, chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm, doanh thu và lợi nhuận doanh nghiệp. Bên cạnh đó, học phần trình bày được những vấn đề cơ bản về tiền tệ và lưu thông tiền tệ, tín dụng, hệ thống ngân hàng, chính sách tiền tệ của ngân hàng trung ương, quan hệ thanh toán và tín dụng quốc tế.</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>+ Kỹ năng nhận thức: Trình bày và giải thích được những vấn đề cơ bản về tài chính; Các loại hình tổ chức trung gian và hoạt động của thị trường tài chính; Các vấn đề cơ bản về tài chính doanh nghiệp như vốn kinh doanh, nguồn vốn kinh doanh của doanh nghiệp, chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm, doanh thu và phân phối lợi nhuận cũng như những vấn đề cơ bản về tiền tệ và lưu thông tiền tệ, tín dụng, hệ thống ngân hàng, chính sách tiền tệ của ngân hàng trung ương, quan hệ thanh toán và tín dụng quốc tế.</p> <p>+ Kỹ năng nghề nghiệp: Phân tích được sự biến động của thị trường tài chính – tiền tệ, sự tác động của thị trường tài chính đến nền kinh tế và tài chính doanh nghiệp. Từ đó tìm ra các kênh huy động vốn hiệu quả cho doanh nghiệp và cho nền kinh tế.</p> <p>+ Kỹ năng làm việc với nhóm: Thông qua giờ thảo luận và thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác.</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>+ Có niềm tin thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản.</p> <p>+ Có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.</p> <p>+ Ý thức được tầm quan trọng của việc phân tích và dự báo sự ảnh hưởng của sự biến động của thị trường tài chính – tiền tệ đến nền kinh tế và tình hình tài chính của các chủ thể trong nền kinh tế.</p>	2	Học kỳ 2	<p>- Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%.</p> <p>'- Hình thức thi: Tự luận.</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
3	Kinh tế Vĩ Mô	<p>-Về kiến thức: và phân tích được những kiến thức cơ bản của kinh tế vĩ mô, các khái niệm cơ bản, các nguyên lý và một số mô hình kinh tế vĩ mô; lý thuyết, nội dung cơ bản của hạch toán thu nhập quốc dân, các nhân tố quy định sản lượng, lạm phát, thất nghiệp, lãi suất, tỷ giá hối đoái và các chính sách của nền kinh tế mở.</p> <p>-Về kỹ năng:</p> <p>+ Kỹ năng nhận thức: được các khái niệm, các nguyên lý cơ bản của nền kinh tế vĩ mô; các nhân tố quy định sản lượng, lạm phát và thất nghiệp, lãi suất, tỷ giá hối đoái, các chính sách nền kinh tế vĩ mô. Áp dụng các công thức để tính toán trong những tình huống cụ thể.</p> <p>+ Kỹ năng nghề nghiệp: Vận dụng kiến thức đã học để nhận xét, đánh giá được tình hình nền kinh tế vĩ mô: tổng cung, tổng cầu; lạm phát, thất nghiệp; hoạt động của các ngân hàng, các chính sách nền kinh tế...phục vụ cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.</p> <p>+ Kỹ năng làm việc nhóm: Thông qua thảo luận và bài tập thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc nhóm và hợp tác với người khác.</p> <p>+ Kỹ năng tư duy: Vận dụng các kiến thức đã học để đưa ra các giải pháp và định hướng phát triển cho nền kinh tế vĩ mô.</p> <p>-Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>+ Có năng lực vận dụng lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.</p> <p>+ Vận dụng và lý giải được các vấn đề của nền kinh tế vĩ mô trong giai đoạn hiện nay.</p> <p>+ Vận dụng những kiến thức đã học để đánh giá, nghiên cứu nền kinh tế vĩ mô để phục vụ cho hoạt động kinh doanh.</p>	3	Học kỳ 2	Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%. Hình thức thi: Tự luận.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
4	Nhập môn logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	<p>-Về kiến thức: Tóm tắt và được một cách có hệ thống những nội dung cơ bản về logistics và chuỗi cung ứng, bao gồm các khái niệm, định nghĩa, giá trị, mục đích phương pháp, và các kỹ thuật logistics cũng như xây dựng hệ thống quản trị chuỗi cung ứng.</p> <p>-Về kỹ năng:</p> <p>+ Kỹ năng nhận thức: Vận dụng cơ sở lý thuyết về tổng quan về logistics và chuỗi cung ứng</p> <p>+ Kỹ năng nghề nghiệp: được những hoạt động logistics bên trong doanh nghiệp. được cách doanh nghiệp áp dụng công nghệ trong hoạt động hậu cần, quản trị tồn kho, điều phối vận tải và áp dụng các chiến lược logistics nhằm tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường</p> <p>+ Kỹ năng tư duy: Phát triển tư duy chủ động, năng động và sáng tạo, có khả năng phân tích, tổng hợp và đánh giá, kết hợp giữa lý luận và thực tiễn.</p> <p>- Về năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm:</p> <p>+ Rèn luyện đức tính chuyên cần, cẩn thận, hợp tác, chủ động, trách nhiệm, sáng tạo trong học tập và công việc. Có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ. Có khả năng tự định hướng, thích nghi với môi trường học tập và làm việc khác nhau.</p> <p>+ Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, có năng lực lập kế hoạch, điều phối và năng lực tự đánh giá.</p> <p>+ Yêu thích học phần, hứng thú với việc nghiên cứu đề , vận dụng và phân tích được các vấn đề logistics và quản lý chuỗi cung ứng</p>	3	Học kỳ 2	Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%. Hình thức thi: Tự luận.
5	Tiếng Anh 2	<p>- Về kiến thức: Nhận diện được các âm cơ bản của tiếng Anh và tái tạo lại được các âm đó dù vẫn còn nhiều ảnh hưởng của tiếng mẹ đẻ; Áp dụng được các hiện tượng ngữ pháp cơ bản trong các tình huống giao tiếp hàng ngày bằng tiếng Anh như: thông tin cá nhân, thói quen, nhu cầu, sở thích, hỏi đáp về những thông tin đơn giản; Xây dựng được vốn từ đủ để tiến hành những giao tiếp đơn giản hàng ngày với các tình huống và chủ đề quen thuộc.</p> <p>- Về kỹ năng: Áp dụng được các kỹ năng đọc hiểu, nghe hiểu cơ bản; Giao tiếp được trong những tình huống cố định và vận dụng được kỹ năng nghe trong những hội thoại ngắn về những chủ đề gần gũi với sự giúp đỡ của người khác khi cần thiết; Hỏi và trả lời được các câu hỏi cũng như trao đổi ý kiến và thông tin về những chủ đề quen thuộc trong tình huống giao tiếp hàng ngày; Biết áp</p>	3	Học kỳ 2	<p>- Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%.</p> <p>- Hình thức thi: Trắc nghiệm.</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		<p>dụng các các chức năng ngôn ngữ hội thoại để thiết lập các mối quan hệ xã hội như chào hỏi, giới thiệu cảm ơn, xin lỗi; Làm việc theo nhóm để thực hiện những nhiệm vụ đơn giản như bàn về một chủ đề quen thuộc, hay thảo luận một tài liệu với cách diễn đạt và ngôn ngữ đơn giản; Miêu tả được người, sự vật, nơi chốn, công việc, việc học tập, thói quen hàng ngày, kinh nghiệm, thông tin và sở thích cá nhân; Trình bày được một chủ đề ngắn về những vấn đề liên quan đến cuộc sống hàng ngày, đưa ra lý do và có thể trả lời một số câu hỏi đơn giản; Viết được các tin nhắn đơn giản, một bức thư ngắn.... ; Viết được các cụm từ, các câu đơn giản sử dụng từ nối; Viết được về những chủ đề quen thuộc, gán gửi như tả người, nơi chốn.</p> <p>- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Xây dựng được tinh thần chủ động trong công việc thông qua hoạt động tự học, tự sưu tầm, tự nghiên cứu các tài liệu bằng tiếng Anh liên quan đến các chủ đề học tập; Xây dựng được tính kỷ luật khi thực hiện nghiêm túc thời gian biểu, làm việc và nộp bài đúng hạn; Xây dựng được tính tự giác khi trung thực trong học tập và trong thi cử; Xây dựng được tính tập thể khi tích cực tham gia các hoạt động nhóm, cặp, sẵn sàng chia sẻ thông tin khi thực hiện các nhiệm vụ theo bài học;</p>			
6	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	<p>-Về kiến thức: Trình bày và phân tích được lý luận cơ bản nhất của kinh tế chính trị Mác – Lênin.</p> <p>-Về kỹ năng: Vận dụng được những kiến thức đã học vào thực tiễn học tập và công tác.</p> <p>-Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>NL1: Có năng lực hình thành tư duy phân tích và nhận diện bản chất của các quan hệ kinh tế góp phần hình thành niềm tin và lý tưởng cách mạng trong nền kinh tế thị trường, định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay.</p> <p>NL2: Có năng lực tự học, tích lũy kiến thức,kỹ năng, lập kế hoạch, điều phối và phát huy trí tuệ tập thể</p>	2	Học kỳ 2	<p>Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1.</p> <p>Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%.</p> <p>- Hình thức thi: Tự luận.</p>
XI. Ngành Quản trị kinh doanh					
1. HỆ DH8					
1	Phương pháp nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh	<p>-Về kiến thức: và phân tích được những kiến thức cơ bản về các phương pháp nghiên cứu trong từng giai đoạn của quá trình nghiên cứu phục vụ quản lý và kinh doanh như: xác định vấn đề nghiên cứu, thiết kế nghiên cứu, thu thập dữ liệu, xử lý và phân tích dữ liệu, trình bày kết quả nghiên cứu trong lĩnh vực quản lý và kinh doanh</p> <p>-Về kỹ năng: Vận dụng kỹ năng xác định ý tưởng, thiết kế nghiên cứu, kỹ năng làm việc nhóm và hợp tác với</p>	2	Học kỳ 2	<p>Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1.</p> <p>Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%.</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		<p>người khác thực hiện quá trình nghiên cứu, lựa chọn cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu, cũng như trình bày báo cáo khoa học hoàn chỉnh. Rèn luyện tư duy khoa học mang tính suy luận, logic trong thực hiện các đề tài nghiên cứu làm nền tảng cho việc tiếp cận các học phần có liên quan và nghiên cứu khoa học. Cơ sở áp dụng vào thực tiễn hoạt động kinh tế xã hội.</p> <p>-Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Vận dụng những kiến thức đã học một cách linh hoạt và sáng tạo trong nghiên cứu phục vụ phát triển, mở rộng quy mô doanh nghiệp, có khả năng cải tiến và cập nhật kiến thức mới trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự học, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao trong công việc, có năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm, khả năng hoạch định, điều phối và tổ chức thực hiện; có năng lực đánh giá hiệu quả công việc và cải tiến các hoạt động chuyên môn.</p>			Hình thức thi: Tự luận.
2	Hệ thống thông tin quản lý	<p>- Về kiến thức: Trình bày được những kiến thức cơ bản nhất về thông tin và hệ thống thông tin; cơ sở tổ chức hệ thống thông tin quản lý, phương pháp phân tích hệ thống thông tin quản lý, xây dựng kế hoạch thiết kế hệ thống thông tin, hệ thống thông tin quản lý doanh nghiệp, quản lý và phát triển hệ thống thông tin.</p> <p>- Về kỹ năng: Vận dụng quản lý thông tin vào trong hoạt động quản lý tại các tổ chức, doanh nghiệp. có thể đưa ra những biện pháp hoặc cách thức giải quyết tình huống trong từng trường hợp cụ thể.</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ để có thể tự chủ được công việc được giao trong lĩnh vực quản trị kinh doanh; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình.</p>	3	Học kỳ 2	<p>- Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%.</p> <p>- Hình thức thi: Tự luận.</p>
3	Khởi sự và tái lập	<p>- Về kiến thức: Trình bày được những kiến thức cơ bản về lĩnh vực khởi sự, tái lập và phát triển một doanh nghiệp mới và các vấn đề cơ bản trong khởi sự kinh doanh.</p> <p>- Về kỹ năng: Vận dụng hệ thống kiến thức có thể những kiến thức cơ bản về khởi sự và tái lập kinh doanh, từ đó có thể vận dụng các kỹ năng để xây dựng mô hình kinh doanh.</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ để có thể tự chủ được công việc được giao trong lĩnh vực quản trị kinh doanh; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có</p>	3	Học kỳ 2	<p>- Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%.</p> <p>- Hình thức thi: Tự luận.</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình.			
4	Quản trị marketing	<p>-Về kiến thức</p> <p>và trình bày được bản chất của marketing và quản trị marketing. Nhận diện và phân tích các cơ hội marketing với doanh nghiệp từ đó tự đánh giá để đưa chiến lược marketing mục tiêu, marketing cạnh tranh, hoạch định chương trình marketing đồng thời tổ chức kiểm tra đánh giá hoạt động marketing.</p> <p>-Về kỹ năng</p> <p>Vận dụng các kiến thức cơ bản của quản trị marketing để có thể lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, đánh giá một kế hoạch marketing. Vận dụng các kiến thức đã học để áp dụng vào thực tế tại các doanh nghiệp, tổ chức.</p> <p>-Về năng lực tự chủ và trách nhiệm</p> <p>+Có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao, Có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau</p> <p>+Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ</p> <p>+Có khả năng đưa ra kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật.</p>	2	Học kỳ 2	<p>- Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%.</p> <p>- Hình thức thi: Tự luận.</p>
5	Quản trị văn phòng	<p>- Về kiến thức: Trình bày được những kiến thức cơ bản về lĩnh vực quản trị văn phòng và các nghiệp vụ cơ bản trong công tác văn phòng.</p> <p>- Về kỹ năng: Vận dụng hệ thống kiến thức có thể những kiến thức cơ bản về quản trị văn phòng, từ đó có thể ứng dụng linh hoạt trong hoạt động văn phòng của các doanh nghiệp. có thể đưa ra những biện pháp hoặc cách thức giải quyết tình huống trong từng trường hợp cụ thể.</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ để có thể tự chủ được công việc được giao trong lĩnh vực quản trị kinh doanh; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên</p>	3	Học kỳ 2	<p>- Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%.</p> <p>- Hình thức thi: Tự luận.</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình.			
6	Hệ thống kiểm soát nội bộ	<p>- Về kiến thức: Khái quát hoá và trình bày được bản chất, vai trò của hệ thống kiểm soát nội bộ trong doanh nghiệp. được nội dung các quy trình kiểm soát nội bộ chủ yếu trong doanh nghiệp.</p> <p>- Về kỹ năng: Áp dụng được các kiến thức đã học để xây dựng và hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ tại các doanh nghiệp.</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ để có thể tự chủ được công việc được giao trong lĩnh vực kế toán; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình.</p>	3	Học kỳ 2	<p>- Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%.</p> <p>- Hình thức thi: Tự luận.</p>

2. HỆ ĐH9

1	Thống kê doanh nghiệp	<p>-Về kiến thức: và phân tích được những kiến thức cơ bản về thống kê doanh nghiệp, trình bày được: khái niệm, điều kiện vận dụng và phương pháp thống kê các yếu tố sản xuất trong doanh nghiệp, thống kê tài sản cố định, thống kê tài sản lưu động, thống kê lao động và thu nhập của lao động; thống kê giá thành sản xuất; thống kê kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp; phương pháp phân tích một số chỉ tiêu thống kê về hiệu quả sản xuất kinh doanh.</p> <p>-Về kỹ năng:</p> <p>+ Kỹ năng nhận thức: và phân tích được khái niệm về giá trị sản xuất, tài sản, lao động, năng suất lao động trong doanh nghiệp, phân tích và đánh giá các chỉ tiêu thống kê kết quả và hiệu quả trong doanh nghiệp.</p> <p>+ Kỹ năng nghề nghiệp: Vận dụng thống kê khoa học, tính toán các chỉ tiêu đánh giá nguồn lực đầu vào (lao động, vốn), các chỉ tiêu phản ánh kết quả đầu ra (giá trị sản xuất, giá trị tăng thêm, doanh thu, lợi nhuận,...); Tính toán các chỉ tiêu hiệu quả (năng suất lao động, giá thành,...); Đánh giá được hiệu quả sử dụng vốn, lao động, tiền lương của doanh nghiệp; Xây dựng được mô hình lượng hóa các nhân tố tác động đến kết quả, hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.</p> <p>+ Kỹ năng tư duy: Có khả năng phân tích, tổng hợp và tư duy khoa học suy luận mang tính định lượng, làm nền tảng cho việc tiếp cận các học phần có liên quan và</p>	2	Học kỳ 2	<p>Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%. Hình thức thi: Tự luận.</p>
---	-----------------------	---	---	----------	--

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		<p> nghiên cứu khoa học.</p> <p>-Về năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm: Rèn luyện đức tính chuyên cần, cẩn thận, hợp tác, chủ động, trách nhiệm, sáng tạo trong học tập và công việc. Có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ. Có khả năng tự định hướng, thích nghi với môi trường học tập và làm việc khác nhau. Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, có năng lực lập kế hoạch, điều phối và năng lực tự đánh giá.</p> <p>Yêu thích học phần, hứng thú với việc nghiên cứu để , vận dụng và phân tích được các vấn đề của thông kê doanh nghiệp trong giai đoạn hiện nay.</p>			
2	Quản trị dự án đầu tư	<p>- Về kiến thức: trình bày được những kiến thức cơ bản về dự án đầu tư như: Tổng quan về dự án đầu tư; quá trình lập một dự án đầu tư; thẩm định một dự án đầu tư; quản lý dự án đầu tư (nội dung, phương pháp, quản lý thời gian, tiến độ, phân phối nguồn lực, quản lý chất lượng và rủi ro của dự án..).</p> <p>- Về kỹ năng: Phân tích và xây dựng các mô hình; các yêu cầu và giới hạn mục tiêu của quản lý dự án; khái quát hóa vấn đề và xác định được mục tiêu cốt lõi cần giải quyết trong quá trình quản trị dự án. Vận dụng các lý thuyết về thiết kế, kế toán, dự toán, quản lý dự án... để giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực quản trị dự án.</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ để có thể tự chủ được công việc được giao trong lĩnh vực quản trị kinh doanh; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình.</p>	3	Học kỳ 2	<p>- Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1.</p> <p>Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%.</p> <p>- Hình thức thi: Tự luận.</p>
3	Quản trị tài chính	<p>- Về kiến thức: Khái quát hoá và trình bày được những kiến thức cơ bản về quản trị tài chính nhằm mục đích gia tăng giá trị của công ty. Vận dụng phân tích tình hình tài chính của doanh nghiệp; quản lý tài sản và nguồn vốn của doanh nghiệp; huy động và sử dụng nguồn vốn có hiệu quả; phân bổ vốn và các quyết định về đầu tư; xây dựng chính sách phân phối lợi nhuận phù hợp với doanh nghiệp ở từng giai đoạn; đọc được các báo cáo tài chính và sử dụng thông tin tài chính trong quá trình ra quyết định</p> <p>- Về kỹ năng: Vận dụng các kiến thức đã học để phân tích, đánh giá được tình hình tài chính của doanh nghiệp, tính được khấu hao tài sản cố định, xác định nhu cầu vốn lưu động của doanh nghiệp, đánh giá hiệu quả quản lý,</p>	3	Học kỳ 2	<p>- Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1.</p> <p>Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%.</p> <p>- Hình thức thi: Tự luận.</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		<p>sử dụng từng loại vốn của doanh nghiệp; Phân tích, đánh giá rủi ro và tỷ suất sinh lời; Xác định dòng tiền của các dự án để lựa chọn dự án đầu tư dài hạn; Đọc, và phân tích được báo cáo tài chính của doanh nghiệp; Phân tích, so sánh các điểm lợi và bất lợi của các nguồn tài trợ để lựa chọn phương thức huy động vốn có lợi nhất;</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>NL1: Có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ để có thể tự chủ được công việc được giao trong lĩnh vực quản trị kinh doanh; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ;</p> <p>NL2: Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình.</p>			
4	Định giá bất động sản	<p>- Về kiến thức: Khái quát hoá được những kiến thức cơ bản như: Khái niệm, mục đích, vai trò và nguyên tắc định giá bất động sản; Vận dụng được các phương pháp định giá phù hợp để xác định giá trị các loại bất động sản; Phân tích được quy trình định giá, các nội dung của hồ sơ định giá, các tiêu chuẩn thẩm định giá tài sản và về pháp luật trong hoạt động định giá bất động sản.</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>+ Kỹ năng nhận thức: Phân tích được ưu điểm và nhược điểm của từng phương pháp định giá để từ đó lựa chọn được phương pháp định giá phù hợp giúp xác định và ước tính giá trị bất động sản cần thẩm định giá.</p> <p>+ Kỹ năng nghề nghiệp: Vận dụng được các phương pháp định giá để ước lượng giá trị của bất động sản; Lập bộ hồ sơ định giá và hoàn thiện nội dung hợp đồng định giá.</p> <p>+ Kỹ năng làm việc nhóm: Rèn luyện được kỹ năng làm việc nhóm và hợp tác với người khác.</p> <p>+ Kỹ năng tư duy: Từ những phân tích, đánh giá về giá trị bất động sản, từ đó có thể đưa ra những quyết định tài chính, quyết định đầu tư phù hợp và mang lại hiệu quả kinh tế cao.</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>+ Có niềm tin thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản.</p> <p>+ Có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.</p>	2	Học kỳ 2	<p>- Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%.</p> <p>- Hình thức thi: Tự luận.</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	<p>-Về kiến thức: Trình bày, phân tích, giải thích được những nội dung cơ bản trong chương trình môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh; đánh giá được giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh đối với Đảng, dân tộc và nhân loại.</p> <p>-Về kỹ năng: Vận dụng sáng tạo lý luận, phương pháp và phương pháp luận của Hồ Chí Minh để phân tích, đánh giá được một số vấn đề trong thực tiễn đời sống, học tập và công tác.</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>NL1: Có lập tư tưởng chính trị vững vàng, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với CNXH. Có phẩm chất đạo đức tốt, lối sống lành mạnh theo tấm gương đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh.</p> <p>NL2: Tích cực, chủ động đấu tranh phê phán những quan điểm sai trái, bảo vệ chủ nghĩa Mác –Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước.</p> <p>NL3: Xác định trách nhiệm của bản thân đối với sự nghiệp xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc; Có năng lực vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh giải quyết vấn đề đặt ra trong lĩnh vực nghề nghiệp.</p>	3	Học kỳ 2	<p>- Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1.</p> <p>Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%.</p> <p>- Hình thức thi: Tự luận.</p>
3. HỆ ĐH10					
1	Kinh tế Vĩ Mô	<p>-Về kiến thức: và phân tích được những kiến thức cơ bản của kinh tế vĩ mô, các khái niệm cơ bản, các nguyên lý và một số mô hình kinh tế vĩ mô; lý thuyết, nội dung cơ bản của hạch toán thu nhập quốc dân, các nhân tố quy định sản lượng, lạm phát, thất nghiệp, lãi suất, tỷ giá hối đoái và các chính sách của nền kinh tế mở.</p> <p>-Về kỹ năng:</p> <p>+ Kỹ năng nhận thức: được các khái niệm, các nguyên lý cơ bản của nền kinh tế vĩ mô; các nhân tố quy định sản lượng, lạm phát và thất nghiệp, lãi suất, tỷ giá hối đoái, các chính sách nền kinh tế vĩ mô. Áp dụng các công thức để tính toán trong những tình huống cụ thể.</p> <p>+ Kỹ năng nghề nghiệp: Vận dụng kiến thức đã học để nhận xét, đánh giá được tình hình nền kinh tế vĩ mô: tổng cung, tổng cầu; lạm phát, thất nghiệp; hoạt động của các ngân hàng, các chính sách nền kinh tế...phục vụ cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.</p> <p>+ Kỹ năng làm việc nhóm: Thông qua thảo luận và bài tập thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc nhóm và hợp tác với người khác.</p> <p>+ Kỹ năng tư duy: Vận dụng các kiến thức đã học để đưa ra các giải pháp và định hướng phát triển cho nền kinh tế vĩ mô.</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>+ Có năng lực vận dụng lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có khả năng tự định hướng, thích</p>	3	Học kỳ 2	<p>Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1.</p> <p>Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%.</p> <p>Hình thức thi: Tự luận.</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		<p>nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.</p> <p>+ Vận dụng và lý giải được các vấn đề của nền kinh tế vĩ mô trong giai đoạn hiện nay.</p> <p>+ Vận dụng những kiến thức đã học để đánh giá, nghiên cứu nền kinh tế vĩ mô để phục vụ cho hoạt động kinh doanh.</p>			
2	Nguyên lý thống kê kinh tế	<p>-Về kiến thức: những kiến thức cơ bản về quá trình nghiên cứu thống kê, thu thập dữ liệu thống kê, tổng hợp và trình bày dữ liệu thống kê, các chỉ tiêu phân tích mức độ của hiện tượng, các phương pháp phân tích thống kê và các phương pháp dự báo biến động của hiện tượng.</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>+ Kỹ năng nhận thức: Trình bày và được quá trình thu thập dữ liệu thống kê, tổng hợp và trình bày dữ liệu thống kê; có khả năng vận dụng phân tích, đánh giá các hiện tượng, quá trình kinh tế.</p> <p>+ Kỹ năng nghề nghiệp: Rèn luyện kỹ năng thống kê khoa học, vận dụng các chỉ tiêu thống kê thông dụng, phân tích, đánh giá tình hình và có kỹ năng dự báo các biến động của hiện tượng kinh tế. Rèn luyện tư duy khoa học suy luận mang tính định lượng, làm nền tảng cho việc vận dụng những kiến thức đã học tính toán, phân tích các thông tin kinh tế đơn giản tại doanh nghiệp.</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>+ Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.</p> <p>+ Giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi.</p> <p>+ Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể.</p>	2	Học kỳ 2	<p>Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1.</p> <p>Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%.</p> <p>Hình thức thi: Tự luận.</p>
3	Tài chính tiền tệ	<p>- Về kiến thức: Trình bày được những kiến thức cơ bản về lý thuyết tài chính tiền tệ bao gồm những vấn đề cơ bản về tài chính như: Bản chất của tài chính, chức năng và vai trò của tài chính, nguồn tài chính và hệ thống tài chính; Khái niệm và vai trò của Ngân sách Nhà nước, vấn đề thu - chi và cân đối Ngân sách Nhà nước; Các loại hình tổ chức trung gian và hoạt động của thị trường tài chính; Các vấn đề cơ bản về tài chính doanh nghiệp như cấu trúc tài chính trong doanh nghiệp, chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm, doanh thu và lợi nhuận doanh nghiệp. Bên cạnh đó, học phần trình bày được những vấn đề cơ bản về tiền tệ và lưu thông tiền tệ, tín dụng, hệ thống ngân hàng, chính sách tiền tệ của ngân hàng trung ương, quan hệ thanh toán và tín dụng quốc tế.</p>	2	Học kỳ 2	<p>- Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1.</p> <p>Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%.</p> <p>- Hình thức thi: Tự luận.</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		<p>- Về kỹ năng:</p> <p>+ Kỹ năng nhận thức: Trình bày và giải thích được những vấn đề cơ bản về tài chính; Các loại hình tổ chức trung gian và hoạt động của thị trường tài chính; Các vấn đề cơ bản về tài chính doanh nghiệp như vốn kinh doanh, nguồn vốn kinh doanh của doanh nghiệp, chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm, doanh thu và phân phối lợi nhuận cũng như những vấn đề cơ bản về tiền tệ và lưu thông tiền tệ, tín dụng, hệ thống ngân hàng, chính sách tiền tệ của ngân hàng trung ương, quan hệ thanh toán và tín dụng quốc tế.</p> <p>+ Kỹ năng nghề nghiệp: Phân tích được sự biến động của thị trường tài chính – tiền tệ, sự tác động của thị trường tài chính đến nền kinh tế và tài chính doanh nghiệp. Từ đó tìm ra các kênh huy động vốn hiệu quả cho doanh nghiệp và cho nền kinh tế.</p> <p>+ Kỹ năng làm việc với nhóm: Thông qua giờ thảo luận và thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác.</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>+ Có niềm tin thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản.</p> <p>+ Có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.</p> <p>+ Ý thức được tầm quan trọng của việc phân tích và dự báo sự ảnh hưởng của sự biến động của thị trường tài chính – tiền tệ đến nền kinh tế và tình hình tài chính của các chủ thể trong nền kinh tế.</p>			
4	Marketing căn bản	<p>-Về kiến thức</p> <p>+ Khái quát hóa được những nội dung cơ bản về khái niệm, chức năng, vai trò trong marketing và nhận định các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động marketing; đưa ra những lựa chọn thị trường mục tiêu và định vị thị trường</p> <p>+ Phân tích được hành vi của người tiêu dùng, tổ chức và các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi người tiêu dùng, tổ chức.</p> <p>+ Vận dụng các chính sách về sản phẩm, giá, phân phối và xúc tiến trong từng loại hình doanh nghiệp cụ thể</p> <p>-Về kỹ năng</p> <p>Có kỹ năng thuyết trình, thảo luận, và hợp tác giữa các</p>	2	Học kỳ 2	<p>- Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%.</p> <p>- Hình thức thi: Tự luận.</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		<p>thành viên với nhau, vận dụng các kiến thức được cung cấp trong học phần để đưa ra các biện pháp hoặc cách thức giải quyết tình huống trong từng trường hợp cụ thể.</p> <p>-Về năng lực tự chủ và trách nhiệm</p> <p>+ Tích cực chuẩn bị bài trước khi lên lớp, đóng góp ý kiến xây dựng bài học. Có trách nhiệm, tự giác, chủ động tham gia làm việc nhóm nghiêm túc, phối hợp với các thành viên trong quá trình nghiên cứu, thảo luận.</p> <p>+ Tích cực, chủ động tìm kiếm tài liệu, thông tin có liên quan đến nội dung môn học.</p>			
5	Tiếng Anh 2	<p>- Về kiến thức: Nhận diện được các âm cơ bản của tiếng Anh và tái tạo lại được các âm đó dù vẫn còn nhiều ảnh hưởng của tiếng mẹ đẻ; Áp dụng được các hiện tượng ngữ pháp cơ bản trong các tình huống giao tiếp hàng ngày bằng tiếng Anh như: thông tin cá nhân, thói quen, nhu cầu, sở thích, hỏi đáp về những thông tin đơn giản; Xây dựng được vốn từ đủ để tiến hành những giao tiếp đơn giản hàng ngày với các tình huống và chủ đề quen thuộc.</p> <p>- Về kỹ năng: Áp dụng được các kỹ năng đọc hiểu, nghe hiểu cơ bản; Giao tiếp được trong những tình huống cố định và áp dụng được kỹ năng nghe trong những hội thoại ngắn về những chủ đề gần gũi với sự giúp đỡ của người khác khi cần thiết; Đọc được và tóm tắt được nội dung chính trong các thông báo hay chỉ dẫn đơn giản; Hỏi và trả lời câu hỏi cũng như trao đổi ý kiến và thông tin về những chủ đề quen thuộc trong tình huống giao tiếp hàng ngày; Biết áp dụng thực hiện các chức năng ngôn ngữ hội thoại để thiết lập các mối quan hệ xã hội như chào hỏi, giới thiệu cảm ơn, xin lỗi; Làm việc theo nhóm để thực hiện những nhiệm vụ đơn giản như bàn về một chủ đề quen thuộc, hay thảo luận một tài liệu với cách diễn đạt và ngôn ngữ đơn giản; Miêu tả được người, sự vật, nơi chốn, công việc, việc học tập, thói quen hàng ngày, kinh nghiệm, thông tin và sở thích cá nhân; Trình bày được một chủ đề ngắn về những vấn đề liên quan đến cuộc sống hàng ngày, đưa ra lý do và có thể trả lời một số câu hỏi đơn giản; Viết được các tin nhắn đơn giản, một bức thư ngắn....; Viết được các cụm từ, các câu đơn giản sử dụng từ nối; Viết được về những chủ đề quen thuộc, gần gũi như tả người, nơi chốn.</p> <p>- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Xây dựng được tinh thần chủ động trong công việc thông qua hoạt động tự học, tự sưu tầm, tự nghiên cứu các tài liệu bằng tiếng Anh liên quan đến các chủ đề học tập; Xây dựng được tính kỷ luật khi thực hiện nghiêm túc thời gian biểu, làm việc và nộp bài đúng hạn; Xây dựng được tính tự giác khi trung thực trong học tập và trong thi cử; Xây dựng</p>	3	Học kỳ 2	<p>- Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%.</p> <p>- Hình thức thi: Trắc nghiệm..</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		được tính tập thể khi tích cực tham gia các hoạt động nhóm, cặp, sẵn sàng chia sẻ thông tin khi thực hiện các nhiệm vụ theo bài học;			
6	Pháp luật đại cương	<p>-Về kiến thức: Trình bày, phân tích được những kiến thức cơ bản nhất về nhà nước và pháp luật nói chung; Trình bày, phân tích được những nội dung cơ bản nhất của một số ngành luật chủ yếu trong hệ thống pháp luật Việt Nam.</p> <p>- Về kỹ năng: So sánh được những vấn đề cơ bản về nhà nước và pháp luật nói chung; những nội dung cơ bản của một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam; So sánh một số chế định pháp luật trong các ngành luật khác nhau; Vận dụng những kiến thức đã học về các ngành luật để giải quyết những bài tập, tình huống trên lớp và trong thực tế.</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: NL1: Có năng lực tìm kiếm, tra cứu văn bản, tra cứu các quy định của pháp luật liên quan đến nghề nghiệp và các lĩnh vực khác của đời sống. NL2: Có khả năng xác định được quyền và nghĩa vụ của bản thân trong các quan hệ pháp luật cụ thể.</p>	2	Học kỳ 2	<p>- Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1.</p> <p>- Điểm thi kết thúc học phần 60%.</p> <p>- Hình thức thi: Trắc nghiệm.</p>
7	Kinh tế chính trị – Mác – Lênin	<p>-Về kiến thức: Trình bày và phân tích được lý luận cơ bản nhất của kinh tế chính trị Mác – Lênin.</p> <p>-Về kỹ năng: Vận dụng được những kiến thức đã học vào thực tiễn học tập và công tác.</p> <p>-Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: NL1: Có năng lực hình thành tư duy phân tích và nhận diện bản chất của các quan hệ kinh tế góp phần hình thành niềm tin và lý tưởng cách mạng trong nền kinh tế thị trường, định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay. NL2: Có năng lực tự học, tích lũy kiến thức, kỹ năng, lập kế hoạch, điều phối và phát huy trí tuệ tập thể.</p>	2	Học kỳ 2	<p>Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1.</p> <p>Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%.</p> <p>- Hình thức thi: Tự luận.</p>
8	Toán cao cấp	<p>- Về kiến thức: Trình bày được những kiến thức cơ bản về đại số tuyến tính và giải tích như: ma trận và định thức, hệ phương trình tuyến tính, các phép toán và ứng dụng của hàm số một biến số, hàm số nhiều biến số, phương trình vi phân, làm cơ sở cho việc học các môn chuyên ngành của ngành kế toán, bất động sản, quản trị du lịch, kinh tế tài nguyên ở bậc đại học và lên trình độ cao hơn.</p> <p>Về kỹ năng: vận dụng được những kỹ năng cơ bản để giải quyết các bài tập tính toán, thực hành các bài toán trong chương trình toán cao cấp và tiếp cận học các môn chuyên ngành;</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Xác định được</p>	3	Học kỳ 2	<p>- Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%</p> <p>Bao gồm: 2 đầu điểm, hệ số 1; Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%</p> <p>- Hình thức thi: Tự luận</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		nhiệm vụ học tập một cách tự giác, chủ động, thực hiện các phương pháp học hiệu quả; tự học tập, tích lũy kiến thức, nghiên cứu và áp dụng các kết quả đã học vào các lĩnh vực chuyên môn đồng thời rèn luyện cho tác phong làm việc khoa học.			
XII. Ngành Quản trị khách sạn					
1. HỆ ĐH10					
1	Kinh tế Vĩ Mô	<p>-Về kiến thức: và phân tích được những kiến thức cơ bản của kinh tế vĩ mô, các khái niệm cơ bản, các nguyên lý và một số mô hình kinh tế vĩ mô; lý thuyết, nội dung cơ bản của hạch toán thu nhập quốc dân, các nhân tố quy định sản lượng, lạm phát, thất nghiệp, lãi suất, tỷ giá hối đoái và các chính sách của nền kinh tế mở.</p> <p>-Về kỹ năng:</p> <p>+ Kỹ năng nhận thức: được các khái niệm, các nguyên lý cơ bản của nền kinh tế vĩ mô; các nhân tố quy định sản lượng, lạm phát và thất nghiệp, lãi suất, tỷ giá hối đoái, các chính sách nền kinh tế vĩ mô. Áp dụng các công thức để tính toán trong những tình huống cụ thể.</p> <p>+ Kỹ năng nghề nghiệp: Vận dụng kiến thức đã học để nhận xét, đánh giá được tình hình nền kinh tế vĩ mô: tổng cung, tổng cầu; lạm phát, thất nghiệp; hoạt động của các ngân hàng, các chính sách nền kinh tế...phục vụ cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.</p> <p>+ Kỹ năng làm việc nhóm: Thông qua thảo luận và bài tập thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc nhóm và hợp tác với người khác.</p> <p>+ Kỹ năng tư duy: Vận dụng các kiến thức đã học để đưa ra các giải pháp và định hướng phát triển cho nền kinh tế vĩ mô.</p> <p>-Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>+ Có năng lực vận dụng lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.</p> <p>+ Vận dụng và lý giải được các vấn đề của nền kinh tế vĩ mô trong giai đoạn hiện nay.</p> <p>+ Vận dụng những kiến thức đã học để đánh giá, nghiên cứu nền kinh tế vĩ mô để phục vụ cho hoạt động kinh doanh.</p>	3	Học kỳ 2	Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%. Hình thức thi: Tự luận.
2	Quản trị học	<p>- Về kiến thức: Trình bày được các vấn đề căn bản về các hoạt động quản trị nguồn nhân lực, cụ thể như sau: Các nhân tố cần thiết để quản trị nguồn nhân lực trong tổ chức; phân tích công việc; lập kế hoạch về nguồn nhân lực; phương pháp để tuyển dụng, đào tạo và đánh giá nhân viên; phương pháp trả lương hiệu quả.</p> <p>- Về kỹ năng: Vận dụng sáng tạo những vấn đề cơ bản của quản trị nhân lực; nhận thức được sự cần thiết phải xây dựng nguồn nhân lực linh hoạt hiệu quả.</p>	3	Học kỳ 2	- Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%. - Hình thức thi:

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		<p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ để có thể tự chủ được công việc được giao trong lĩnh vực quản trị kinh doanh; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật.</p>			Tự luận.
3	Tổng quan khách sạn	<p>- Về kiến thức: trình bày được những kiến thức cơ bản về tổng quan khách sạn, bao gồm: Một số vấn đề cơ bản về khách sạn; nhận diện được các lĩnh vực kinh doanh và cơ cấu tổ chức của khách sạn; phân biệt được các hình thức sở hữu và quản lý khách sạn; cơ sở vật chất của khách sạn; phân tích được hoạt động của các bộ phận trong khách sạn và đánh giá được sự phát triển khách sạn.</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>+ Kỹ năng nhận thức: Khái quát hóa được những vấn đề cơ bản của tổng quan khách sạn.</p> <p>+ Kỹ năng nghề nghiệp: Vận dụng hệ thống kiến thức của tổng quan khách sạn để nâng cao biết về ngành khách sạn trên thế giới và tại Việt Nam từ đó có thể áp dụng vào thực tiễn và nghề nghiệp.</p> <p>+ Kỹ năng làm việc với nhóm: Thông qua giờ thảo luận và thực hành, có thể ghi nhớ được kiến thức môn học cũng như khả năng thuyết trình, thảo luận, và hợp tác giữa các thành viên với nhau.</p> <p>+ Kỹ năng tư duy: Từ những kiến thức được cung cấp trong học phần, có thể đưa ra những biện pháp hoặc cách thức giải quyết tình huống trong từng trường hợp cụ thể.</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>+ Tích cực chuẩn bị bài trước khi lên lớp, đóng góp ý kiến xây dựng bài học. Có trách nhiệm, tự giác, chủ động tham gia làm việc nhóm nghiêm túc, phối hợp với các thành viên trong quá trình nghiên cứu, thảo luận.</p> <p>+ Tích cực, chủ động tìm kiếm tài liệu, thông tin có liên quan đến nội dung môn học.</p> <p>+ Sáng tạo trong ứng dụng kiến thức tổng quan khách sạn vào thực tế.</p>	2	Học kì 2	Điểm đánh giá quá trình: trong số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%. Hình thức thi: Tự luận
4	Tài chính tiền tệ	<p>- Về kiến thức: Trình bày được những kiến thức cơ bản về lý thuyết tài chính tiền tệ bao gồm những vấn đề cơ bản về tài chính như: Bản chất của tài chính, chức năng và vai trò của tài chính, nguồn tài chính và hệ thống tài chính; Khái niệm và vai trò của Ngân sách Nhà nước, vấn đề thu - chi và cân đối Ngân sách Nhà nước; Các loại hình tổ chức trung gian và hoạt động của thị trường tài chính; Các vấn đề cơ bản về tài chính doanh nghiệp như cấu trúc tài chính trong doanh nghiệp, chi</p>	2	Học kỳ 2	<p>- Điểm đánh giá quá trình: trong số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%. '- Hình thức thi:</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		<p>phí sản xuất và giá thành sản phẩm, doanh thu và lợi nhuận doanh nghiệp. Bên cạnh đó, học phần trình bày được những vấn đề cơ bản về tiền tệ và lưu thông tiền tệ, tín dụng, hệ thống ngân hàng, chính sách tiền tệ của ngân hàng trung ương, quan hệ thanh toán và tín dụng quốc tế.</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>+ Kỹ năng nhận thức: Trình bày và giải thích được những vấn đề cơ bản về tài chính; Các loại hình tổ chức trung gian và hoạt động của thị trường tài chính; Các vấn đề cơ bản về tài chính doanh nghiệp như vốn kinh doanh, nguồn vốn kinh doanh của doanh nghiệp, chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm, doanh thu và phân phối lợi nhuận cũng như những vấn đề cơ bản về tiền tệ và lưu thông tiền tệ, tín dụng, hệ thống ngân hàng, chính sách tiền tệ của ngân hàng trung ương, quan hệ thanh toán và tín dụng quốc tế.</p> <p>+ Kỹ năng nghề nghiệp: Phân tích được sự biến động của thị trường tài chính – tiền tệ, sự tác động của thị trường tài chính đến nền kinh tế và tài chính doanh nghiệp. Từ đó tìm ra các kênh huy động vốn hiệu quả cho doanh nghiệp và cho nền kinh tế.</p> <p>+ Kỹ năng làm việc với nhóm: Thông qua giờ thảo luận và thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác.</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>+ Có niềm tin thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản.</p> <p>+ Có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.</p> <p>+ Ý thức được tầm quan trọng của việc phân tích và dự báo sự ảnh hưởng của sự biến động của thị trường tài chính – tiền tệ đến nền kinh tế và tình hình tài chính của các chủ thể trong nền kinh tế.</p>			Tự luận.
5	Marketing căn bản	<p>-Về kiến thức</p> <p>+ Khái quát hóa được những nội dung cơ bản về khái niệm, chức năng, vai trò trong marketing và nhận định các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động marketing; đưa ra những lựa chọn thị trường mục tiêu và định vị thị trường</p> <p>+ Phân tích được hành vi của người tiêu dùng, tổ chức và các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi người tiêu dùng, tổ chức.</p>	2	Học kỳ 2	<p>- Điểm đánh giá quá trình: trong số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%.</p> <p>- Hình thức thi: Tự luận.</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		<p>+ Vận dụng các chính sách về sản phẩm, giá, phân phối và xúc tiến trong từng loại hình doanh nghiệp cụ thể</p> <p>-Về kỹ năng</p> <p>Có kỹ năng thuyết trình, thảo luận, và hợp tác giữa các thành viên với nhau, vận dụng các kiến thức được cung cấp trong học phần để đưa ra các biện pháp hoặc cách thức giải quyết tình huống trong từng trường hợp cụ thể.</p> <p>-Về năng lực tự chủ và trách nhiệm</p> <p>+ Tích cực chuẩn bị bài trước khi lên lớp, đóng góp ý kiến xây dựng bài học. Có trách nhiệm, tự giác, chủ động tham gia làm việc nhóm nghiêm túc, phối hợp với các thành viên trong quá trình nghiên cứu, thảo luận.</p> <p>+ Tích cực, chủ động tìm kiếm tài liệu, thông tin có liên quan đến nội dung môn học.</p>			
6	Tiếng Anh 2	<p>- Về kiến thức: Nhận diện được các âm cơ bản của tiếng Anh và tái tạo lại được các âm đó dù vẫn còn nhiều ảnh hưởng của tiếng mẹ đẻ; Áp dụng được các hiện tượng ngữ pháp cơ bản trong các tình huống giao tiếp hàng ngày bằng tiếng Anh như: thông tin cá nhân, thói quen, nhu cầu, sở thích, hỏi đáp về những thông tin đơn giản; Xây dựng được vốn từ đủ để tiến hành những giao tiếp đơn giản hàng ngày với các tình huống và chủ đề quen thuộc.</p> <p>- Về kỹ năng: Áp dụng được các kỹ năng đọc hiểu, nghe hiểu cơ bản; Giao tiếp được trong những tình huống cố định và được những hội thoại ngắn về những chủ đề gần gũi với sự giúp đỡ của người khác khi cần thiết; Đọc được nội dung chính trong các thông báo hay chỉ dẫn đơn giản; Hỏi và trả lời câu hỏi cũng như trao đổi ý kiến và thông tin về những chủ đề quen thuộc trong tình huống giao tiếp hàng ngày; Biết áp dụng thực hiện các chức năng ngôn ngữ hội thoại để thiết lập các mối quan hệ xã hội như chào hỏi, giới thiệu cảm ơn, xin lỗi; Làm việc theo nhóm để thực hiện những nhiệm vụ đơn giản như bàn về một chủ đề quen thuộc, hay thảo luận một tài liệu với cách diễn đạt và ngôn ngữ đơn giản; Miêu tả được người, sự vật, nơi chốn, công việc, việc học tập, thói quen hàng ngày, kinh nghiệm, thông tin và sở thích cá nhân; Trình bày được một chủ đề ngắn về những vấn đề liên quan đến cuộc sống hàng ngày, đưa ra lý do và có thể trả lời một số câu hỏi đơn giản; Viết được các tin nhắn đơn giản, một bức thư ngắn....; Viết được các cụm từ, các câu đơn giản sử dụng từ nối; Viết được về những chủ đề quen thuộc, gần gũi như tả người, nơi chốn.</p>	3	Học kỳ 2	<p>- Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%.</p> <p>- Hình thức thi: Trắc nghiệm..</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Xây dựng được tinh thần chủ động trong công việc thông qua hoạt động tự học, tự sưu tầm, tự nghiên cứu các tài liệu bằng tiếng Anh liên quan đến các chủ đề học tập; Xây dựng được tính kỷ luật khi thực hiện nghiêm túc thời gian biểu, làm việc và nộp bài đúng hạn; Xây dựng được tính tự giác khi trung thực trong học tập và trong thi cử; Xây dựng được tính tập thể khi tích cực tham gia các hoạt động nhóm, cặp, sẵn sàng chia sẻ thông tin khi thực hiện các nhiệm vụ theo bài học;			
7	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	-Về kiến thức: Trình bày và phân tích được lý luận cơ bản nhất của kinh tế chính trị Mác – Lênin. -Về kỹ năng: Vận dụng được những kiến thức đã học vào thực tiễn học tập và công tác. -Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: NL1: Có năng lực hình thành tư duy phân tích và nhận diện bản chất của các quan hệ kinh tế góp phần hình thành niềm tin và lý tưởng cách mạng trong nền kinh tế thị trường, định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay. NL2: Có năng lực tự học, tích lũy kiến thức, kỹ năng, lập kế hoạch, điều phối và phát huy trí tuệ tập thể	2	Học kỳ 2	Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%. - Hình thức thi: Tự luận.
8	Pháp luật đại cương	-Về kiến thức: Trình bày, phân tích được những kiến thức cơ bản nhất về nhà nước và pháp luật nói chung; Trình bày, phân tích được những nội dung cơ bản nhất của một số ngành luật chủ yếu trong hệ thống pháp luật Việt Nam. - Về kỹ năng: So sánh được những vấn đề cơ bản về nhà nước và pháp luật nói chung; những nội dung cơ bản của một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam; So sánh một số chế định pháp luật trong các ngành luật khác nhau; Vận dụng những kiến thức đã học về các ngành luật để giải quyết những bài tập, tình huống trên lớp và trong thực tế. - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: NL1: Có năng lực tìm kiếm, tra cứu văn bản, tra cứu các quy định của pháp luật liên quan đến nghề nghiệp và các lĩnh vực khác của đời sống. NL2: Có khả năng xác định được quyền và nghĩa vụ của bản thân trong các quan hệ pháp luật cụ thể.	2	Học kỳ 2	- Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. - Điểm thi kết thúc học phần 60%. - Hình thức thi: Trắc nghiệm.
XIII. Ngành Marketing					
1. HỆ ĐH10					

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
1	Kinh tế Vĩ Mô	<p>-Về kiến thức: và phân tích được những kiến thức cơ bản của kinh tế vĩ mô, các khái niệm cơ bản, các nguyên lý và một số mô hình kinh tế vĩ mô; lý thuyết, nội dung cơ bản của hạch toán thu nhập quốc dân, các nhân tố quy định sản lượng, lạm phát, thất nghiệp, lãi suất, tỷ giá hối đoái và các chính sách của nền kinh tế mở.</p> <p>-Về kỹ năng:</p> <p>+ Kỹ năng nhận thức: được các khái niệm, các nguyên lý cơ bản của nền kinh tế vĩ mô; các nhân tố quy định sản lượng, lạm phát và thất nghiệp, lãi suất, tỷ giá hối đoái, các chính sách nền kinh tế vĩ mô. Áp dụng các công thức để tính toán trong những tình huống cụ thể.</p> <p>+ Kỹ năng nghề nghiệp: Vận dụng kiến thức đã học để nhận xét, đánh giá được tình hình nền kinh tế vĩ mô: tổng cung, tổng cầu; lạm phát, thất nghiệp; hoạt động của các ngân hàng, các chính sách nền kinh tế...phục vụ cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.</p> <p>+ Kỹ năng làm việc nhóm: Thông qua thảo luận và bài tập thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc nhóm và hợp tác với người khác.</p> <p>+ Kỹ năng tư duy: Vận dụng các kiến thức đã học để đưa ra các giải pháp và định hướng phát triển cho nền kinh tế vĩ mô.</p> <p>-Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>+ Có năng lực vận dụng lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.</p> <p>+ Vận dụng và lý giải được các vấn đề của nền kinh tế vĩ mô trong giai đoạn hiện nay.</p> <p>+ Vận dụng những kiến thức đã học để đánh giá, nghiên cứu nền kinh tế vĩ mô để phục vụ cho hoạt động kinh doanh.</p>	3	Học kỳ 2	Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%. Hình thức thi: Tự luận.
2	Nguyên lý thống kê kinh tế	<p>-Về kiến thức: những kiến thức cơ bản về quá trình nghiên cứu thống kê, thu thập dữ liệu thống kê, tổng hợp và trình bày dữ liệu thống kê, các chỉ tiêu phân tích mức độ của hiện tượng, các phương pháp phân tích thống kê và các phương pháp dự báo biến động của hiện tượng.</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>+ Kỹ năng nhận thức: Trình bày và được quá trình thu thập dữ liệu thống kê, tổng hợp và trình bày dữ liệu thống kê; có khả năng vận dụng phân tích, đánh giá các hiện tượng, quá trình kinh tế.</p> <p>+ Kỹ năng nghề nghiệp: Rèn luyện kỹ năng thống kê</p>	2	Học kỳ 2	Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%. Hình thức thi: Tự luận.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		<p>khoa học, vận dụng các chỉ tiêu thống kê thông dụng, phân tích, đánh giá tình hình và có kỹ năng dự báo các biến động của hiện tượng kinh tế. Rèn luyện tư duy khoa học suy luận mang tính định lượng, làm nền tảng cho việc vận dụng những kiến thức đã học tính toán, phân tích các thông tin kinh tế đơn giản tại doanh nghiệp.</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>+ Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm</p> <p>+ Giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi.</p> <p>+ Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể.</p>			
3	Quản trị học	<p>- Về kiến thức: Trình bày được các vấn đề căn bản về các hoạt động quản trị nguồn nhân lực, cụ thể như sau: Các nhân tố cần thiết để quản trị nguồn nhân lực trong tổ chức; phân tích công việc; lập kế hoạch về nguồn nhân lực; phương pháp để tuyển dụng, đào tạo và đánh giá nhân viên; phương pháp trả lương hiệu quả.</p> <p>- Về kỹ năng: Vận dụng sáng tạo những vấn đề cơ bản của quản trị nhân lực; nhận thức được sự cần thiết phải xây dựng nguồn nhân lực linh hoạt hiệu quả.</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ để có thể tự chủ được công việc được giao trong lĩnh vực quản trị kinh doanh; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật.</p>	3	Học kỳ 2	<p>- Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%.</p> <p>- Hình thức thi: Tự luận.</p>
4	Marketing căn bản	<p>-Về kiến thức</p> <p>+ Khái quát hóa được những nội dung cơ bản về khái niệm, chức năng, vai trò trong marketing và nhận định các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động marketing; đưa ra những lựa chọn thị trường mục tiêu và định vị thị trường</p> <p>+ Phân tích được hành vi của người tiêu dùng, tổ chức và các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi người tiêu dùng, tổ chức.</p> <p>+ Vận dụng các chính sách về sản phẩm, giá, phân phối</p>	2	Học kỳ 2	<p>Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%.</p> <p>- Hình thức thi: Tự luận.</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		<p>và xúc tiến trong từng loại hình doanh nghiệp cụ thể</p> <p>-Về kỹ năng</p> <p>Có kỹ năng thuyết trình, thảo luận, và hợp tác giữa các thành viên với nhau, vận dụng các kiến thức được cung cấp trong học phần để đưa ra các biện pháp hoặc cách thức giải quyết tình huống trong từng trường hợp cụ thể.</p> <p>-Về năng lực tự chủ và trách nhiệm</p> <p>+ Tích cực chuẩn bị bài trước khi lên lớp, đóng góp ý kiến xây dựng bài học. Có trách nhiệm, tự giác, chủ động tham gia làm việc nhóm nghiêm túc, phối hợp với các thành viên trong quá trình nghiên cứu, thảo luận.</p> <p>+ Tích cực, chủ động tìm kiếm tài liệu, thông tin có liên quan đến nội dung môn học.</p>			
5	Tiếng Anh 2	<p>- Về kiến thức: Nhận diện được các âm cơ bản của tiếng Anh và tái tạo lại được các âm đó dù vẫn còn nhiều ảnh hưởng của tiếng mẹ đẻ; Áp dụng được các hiện tượng ngữ pháp cơ bản trong các tình huống giao tiếp hàng ngày bằng tiếng Anh như: thông tin cá nhân, thói quen, nhu cầu, sở thích, hỏi đáp về những thông tin đơn giản; Xây dựng được vốn từ đủ để tiến hành những giao tiếp đơn giản hàng ngày với các tình huống và chủ đề quen thuộc.</p> <p>- Về kỹ năng: Áp dụng được các kỹ năng đọc hiểu, nghe hiểu cơ bản; Giao tiếp được trong những tình huống cố định và được những hội thoại ngắn về những chủ đề gần gũi với sự giúp đỡ của người khác khi cần thiết; Đọc được nội dung chính trong các thông báo hay chỉ dẫn đơn giản; Hỏi và trả lời câu hỏi cũng như trao đổi ý kiến và thông tin về những chủ đề quen thuộc trong tình huống giao tiếp hàng ngày; Biết áp dụng thực hiện các chức năng ngôn ngữ hội thoại để thiết lập các mối quan hệ xã hội như chào hỏi, giới thiệu cảm ơn, xin lỗi; Làm việc theo nhóm để thực hiện những nhiệm vụ đơn giản như bàn về một chủ đề quen thuộc, hay thảo luận một tài liệu với cách diễn đạt và ngôn ngữ đơn giản; Miêu tả được người, sự vật, nơi chốn, công việc, việc học tập, thói quen hàng ngày, kinh nghiệm, thông tin và sở thích cá nhân; Trình bày được một chủ đề ngắn về những vấn đề liên quan đến cuộc sống hàng ngày, đưa ra lý do và có thể trả lời một số câu hỏi đơn giản; Viết được các tin nhắn đơn giản, một bức thư ngắn....; Viết được các cụm từ, các câu đơn giản sử dụng từ nối; Viết được về những chủ đề quen thuộc, gần gũi như tả người, nơi chốn.</p> <p>- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Xây dựng được tinh</p>	3	Học kỳ 2	<p>- Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%.</p> <p>- Hình thức thi: Trắc nghiệm.</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		thần chủ động trong công việc thông qua hoạt động tự học, tự sưu tầm, tự nghiên cứu các tài liệu bằng tiếng Anh liên quan đến các chủ đề học tập; Xây dựng được tính kỷ luật khi thực hiện nghiêm túc thời gian biểu, làm việc và nộp bài đúng hạn; Xây dựng được tính tự giác khi trung thực trong học tập và trong thi cử; Xây dựng được tính tập thể khi tích cực tham gia các hoạt động nhóm, cặp, sẵn sàng chia sẻ thông tin khi thực hiện các nhiệm vụ theo bài học;			
6	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	-Về kiến thức: Trình bày và phân tích được lý luận cơ bản nhất của kinh tế chính trị Mác – Lênin. -Về kỹ năng: Vận dụng được những kiến thức đã học vào thực tiễn học tập và công tác. -Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: NL1: Có năng lực hình thành tư duy phân tích và nhận diện bản chất của các quan hệ kinh tế góp phần hình thành niềm tin và lý tưởng cách mạng trong nền kinh tế thị trường, định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay. NL2: Có năng lực tự học, tích lũy kiến thức, kỹ năng, lập kế hoạch, điều phối và phát huy trí tuệ tập thể	2	Học kỳ 2	Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%. - Hình thức thi: Tự luận.
7	Toán cao cấp	- Về kiến thức: Trình bày được những kiến thức cơ bản về đại số tuyến tính và giải tích như: ma trận và định thức, hệ phương trình tuyến tính, các phép toán và ứng dụng của hàm số một biến số, hàm số nhiều biến số, phương trình vi phân, làm cơ sở cho việc học các môn chuyên ngành của ngành kế toán, bất động sản, quản trị du lịch, kinh tế tài nguyên ở bậc đại học và lên trình độ cao hơn. Về kỹ năng: vận dụng được những kỹ năng cơ bản để giải quyết các bài tập tính toán, thực hành các bài toán trong chương trình toán cao cấp và tiếp cận học các môn chuyên ngành; - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Xác định được nhiệm vụ học tập một cách tự giác, chủ động, thực hiện các phương pháp học hiệu quả; tự học tập, tích lũy kiến thức, nghiên cứu và áp dụng các kết quả đã học vào các lĩnh vực chuyên môn đồng thời rèn luyện tác phong làm việc khoa học.	3	Học kỳ 2	- Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 2 đầu điểm, hệ số 1; Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

XIV. Ngành Công nghệ kỹ thuật Môi trường

1. HỆ ĐH7

1	Năng lượng và môi trường	- Về kiến thức: kiến thức tổng quan về các dạng nhiên liệu và năng lượng mà con người sử dụng; các tác động đến môi trường của việc khai thác và sử dụng năng lượng; đồng thời cung cấp các kiến thức về các công nghệ mà con người đang phát triển sử dụng nhằm giảm tác động đến môi trường. - Về kỹ năng: có thể đề xuất các nguồn năng lượng sử dụng nhằm giảm phát sinh các chất ô nhiễm trong thực tế.	2	Học kỳ 2	Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% Hình thức thi:
---	--------------------------	---	---	----------	---

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		- Về đạo đức nghề nghiệp: Có thái độ đúng đắn với môi trường sống, yêu ngành nghề, sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả, tích cực sử dụng các dạng năng lượng thân thiện với môi trường.			Tự luận.
2	Kỹ thuật xử lý và cải tạo đất	<p>- Về kiến thức: trình bày được các loại hình ô nhiễm đất, đánh giá khả năng xử lý, cải tạo, phục hồi đất ô nhiễm, các kỹ thuật xử lý đất ô nhiễm bởi các hợp chất hữu cơ độc hại, các kim loại nặng.</p> <p>- Về kỹ năng: Phân tích được cấu tạo của đất, mối quan hệ giữa tính chất của đất và sự di chuyển của các chất ô nhiễm; Áp dụng kiến thức lý thuyết đánh giá được mức độ ô nhiễm của đất và khả năng lựa chọn những biện pháp xử lý ô nhiễm phù hợp; Đề xuất được các biện pháp xử lý ô nhiễm các hợp chất hữu cơ và kim loại nặng.</p> <p>- Về đạo đức nghề nghiệp: Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ thuộc lĩnh vực xử lý và cải tạo đất ô nhiễm; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; Có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn trong phòng ngừa ô nhiễm môi trường đất.</p>	2	Học kỳ 2	Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% Hình thức thi: Tự luận.
3	Kiểm toán chất thải	<p>- Về kiến thức: Trình bày được khái niệm về kiểm toán chất thải; phân biệt được công cụ KTCT với các công cụ quản lý môi trường khác; trình bày được những thuận lợi và khó khăn của thực hiện KTCT ở Việt Nam; trình bày và phân tích được quy trình thực hiện KTCT; phân tích được nội dung các phương pháp thực hiện KTCT</p> <p>- Về kỹ năng: Vận dụng được quy trình và phương pháp KTCT vào thực hành trên một đối tượng cụ thể.</p> <p>- Về đạo đức nghề nghiệp: chuyên cần, làm việc cẩn thận với dữ liệu kiểm kê phát thải.</p>	2	Học kỳ 2	Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% Hình thức thi: Tự luận.
2. HỆ DH8					
1	Tin học ứng dụng trong môi trường	- Về kiến thức: Trình bày được khái niệm về hệ thống thông tin địa lý (GIS) trong công tác nghiên cứu môi trường với tư cách là một công cụ đánh giá, dự báo và xem xét các vấn đề liên quan đến tài nguyên và môi trường; Trình bày được nguyên lý hoạt động và cách sử dụng các phần mềm trong ứng dụng xây dựng mô hình lan truyền chất ô nhiễm trong môi trường không khí, môi trường nước; Thực hiện được đánh giá vòng đời sản phẩm (LCA) và triển khai ứng dụng phần mềm trong	3	Học kỳ 2	Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% Hình thức thi:

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		<p>thực hiện sản xuất sạch hơn, đánh giá hóa chất, quá trình, công nghệ, phân tích hệ thống trong lĩnh vực môi trường.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Về kỹ năng: Có khả năng sử dụng thành thạo phần mềm chuyên ngành trong nghiên cứu về mô hình hóa, mô phỏng các quá trình công nghệ trong lĩnh vực công nghệ kỹ thuật môi trường - Về đạo đức nghề nghiệp: chuyên cần, cẩn thận trong thực hiện các mô hình, kịch bản, làm việc với dữ liệu, xử lý thông tin 			Thực hành
2	Các quá trình sinh học trong công nghệ môi trường	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: Trình bày được cơ sở lý thuyết quá trình sinh học xử lý chất thải trong điều kiện hiếu khí, kỵ khí, dầu tràn, xử lý khí, Phytoremediation; Tính toán được các thông số động học, sinh trưởng của sinh vật trong quá trình xử lý nước thải và chất thải rắn. Phân biệt được các giai đoạn sinh trưởng và chuyển hóa vật chất trong xử lý môi trường nước và rác thải và tính toán được các thông số động học sinh trưởng của vi sinh vật; - Về kỹ năng: Phân biệt được các giai đoạn sinh trưởng và chuyển hóa vật chất trong xử lý môi trường nước và rác thải; biết tính toán được các thông số động học sinh trưởng của vi sinh vật; - Về đạo đức nghề nghiệp: có chuyên môn, nghiệp vụ về việc ứng dụng sinh học trong xử lý môi trường; đưa ra được các sáng kiến cải tiến hệ thống xử lý bằng sinh học, ứng dụng được trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; đưa ra được kết luận về các vấn đề ứng dụng công nghệ sinh học trong xử lý môi trường, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật. 	2	Học kỳ 2	Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% Hình thức thi: Tự luận.
3	Đánh giá tác động môi trường	<ul style="list-style-type: none"> -Về kiến thức: Các sau khi kết thúc học phần được các kiến thức cơ bản về quá trình đánh giá tác động môi trường, nội dung đánh giá tác động môi trường và các phương pháp thường sử dụng trong đánh giá tác động môi trường tương ứng theo từng loại hình và lĩnh vực phát triển kinh tế-xã hội. -Về kỹ năng: Các sau khi kết thúc học phần áp dụng được các phương pháp đánh giá tác động môi trường, đề xuất được các giải pháp công nghệ xử lý chất thải, và các biện pháp bảo vệ môi trường - Về đạo đức nghề nghiệp: Có nhận thức đúng đắn về những tác động tích cực và tiêu cực của các hoạt động kinh tế-xã hội đến môi trường, từ đó nâng cao ý thức trách nhiệm bảo vệ môi trường của bản thân và xã hội nhằm mục tiêu phát triển bền vững. 	2	Học kỳ 2	Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% Hình thức thi: Tự luận.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
4	Quản lý chất thải rắn và chất thải nguy hại	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: Trình bày được tên và nội dung chính các văn bản pháp lý liên quan đến quản lý chất thải rắn và chất thải nguy hại. Trình bày được nguyên lý hoạt động, cấu tạo, khả năng áp dụng của các phương pháp xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại - Về kỹ năng: Dự báo được khối lượng và thành phần chất thải của một khu dân cư hay công nghiệp; Tính toán thành thạo các bài tập về thu gom vận chuyển chất thải rắn, tính lượng oxy cần cho quá trình ủ sinh học, lượng oxy cho quá trình cháy, sản phẩm của quá trình ủ...; Tính toán được lượng khí ga phát sinh tại một bãi chôn lấp; Thiết kế được một bãi chôn lấp chất thải rắn hợp vệ sinh. - Về đạo đức nghề nghiệp: Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ thuộc lĩnh vực quản lý chất thải rắn và chất thải nguy hại; có năng lực đưa ra các sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ quản lý chất thải rắn cho các đô thị, nhiệm vụ quản lý chất thải (thông thường và nguy hại) tại các đơn vị sản xuất; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn về quản lý chất thải rắn và chất thải nguy hại; Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật trong công tác quản lý chất thải rắn và chất thải nguy hại; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; 	3	Học kỳ 2	Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% Hình thức thi: Trắc nghiệm
5	Sản xuất sạch hơn và phòng ngừa ô nhiễm	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: Trình bày được những khái niệm về sản xuất sạch hơn, phân tích được các kỹ thuật sản xuất sạch hơn - Về kỹ năng: Xây dựng được một chương trình sản xuất sạch hơn bằng một ví dụ điển hình. Có khả năng làm việc nhóm, đọc – tài liệu tiếng anh chuyên ngành và kỹ năng tính toán kinh tế môi trường - Về đạo đức nghề nghiệp: hứng thú với những lợi ích của sản xuất sạch hơn, một công cụ hiện đại trong giảm t chất thải tại nguồn; Hình thành tác phong công nghiệp, rèn kỹ năng tự đọc tự học. 	2	Học kỳ 2	Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% Hình thức thi: Tự luận.
6	An toàn vệ sinh lao động	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: và trình bày được hệ thống pháp luật, chế độ chính sách về an toàn và bảo hộ lao động, an toàn phòng cháy chữa cháy, an toàn hóa chất, các phương pháp phòng chống và ngăn ngừa tai nạn lao động và các bệnh nghề nghiệp. Xây dựng và quản lý được nội quy, quy chế an toàn lao động và vệ sinh lao động cho các doanh nghiệp. và phân tích được một số yếu tố nguy hiểm có hại đối với môi trường lao động cụ thể. - Về kỹ năng: Nâng cao ý thức về an toàn lao động và vệ sinh môi trường làm việc, tự giác chấp hành và thực hiện tốt công tác an toàn và vệ sinh môi trường. - Về đạo đức nghề nghiệp: Nhận thức rõ vai trò và nhiệm vụ, rèn luyện sự cần cù, chăm chỉ, chủ động và sáng tạo 	3	Học kỳ 2	Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% Hình thức thi: Tự luận.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		trong việc nâng cao ý thức về an toàn vệ sinh lao động. Chủ động, sáng tạo, cẩn thận, nghiêm túc và thực hiện tốt công tác an toàn vệ sinh lao động nơi làm việc.			
7	Thiết kế, vận hành công trình môi trường	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: trình bày được các kiến thức đã được học từ các môn chuyên ngành, biết vận dụng để có thể vận hành, thiết kế được các công trình và hệ thống công trình môi trường từ công đoạn khởi động đến tạm dừng, nhận biết và xử lý được các sự cố thường gặp. - Về kỹ năng: Đọc được các quy trình và tính toán, thiết kế được các hạng mục trong một công trình xử lý môi trường, biết cách lựa chọn địa điểm và quy hoạch mặt bằng trạm xử lý nước cấp, nước thải, xử lý chất thải rắn, xử lý khí thải. - Về đạo đức nghề nghiệp: biết chủ động thực hiện nhiệm vụ đặt ra, đồng thời biết tham khảo tài liệu để thiết kế, biết làm việc theo nhóm, phối hợp trong quản lý và thi công xây dựng công trình. 	2	Học kỳ 2	Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% Hình thức thi: Tự luận.

3. HỆ ĐH9

1	Hệ thống cơ sở pháp lý về môi trường	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: Nêu và phân tích được luật quốc tế về môi trường, các công ước quốc tế về môi trường mà Việt Nam là thành viên. Trình bày được hệ thống cơ sở pháp lý về môi trường ở Việt Nam và các hoạt động quản lý nhà nước về môi trường. Phân tích được nội dung và vai trò của chính sách nhà nước về môi trường ở Việt Nam - Về kỹ năng: Từ việc rõ vai trò của công cụ luật pháp chính sách thấy được ý nghĩa của công cụ luật pháp chính sách trong quản lý môi trường Vận dụng các luật pháp và chính sách môi trường đang áp dụng ở nước Việt Nam vào việc quản lý việc quản lý môi trường ở địa phương - Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có ý thức, chủ động, tự giác tìm kiếm, tìm các nội dung văn bản luật và thực tế thực thi các quy định. 	3	Học kỳ 2	Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% Hình thức thi: Tự luận.
2	Vi sinh vật kỹ thuật môi trường	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: có thể rõ hình thái, cấu tạo và các đặc tính cơ bản của VSV, sự phân bố của chúng trong tự nhiên; được vai trò của VSV trong quá trình chuyển hóa vật chất; rõ được nguyên nhân của vấn đề ô nhiễm do vi sinh vật; các phương pháp phân tích chỉ tiêu vi sinh; rõ quá trình xử lý ô nhiễm nhờ vi sinh vật - Về kỹ năng: Trình bày được vai trò VSV trong quá trình chuyển hóa vật chất và mối quan hệ giữa VSV và môi trường (đất, nước, không khí) và ứng dụng trong thực tiễn xử lý rác thải và nước thải; phân tích được các chỉ tiêu ô nhiễm vi sinh cơ bản, áp dụng phương pháp phân tích trong thực tiễn 	2	Học kỳ 2	Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% Hình thức thi: Tự luận.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có năng lực dẫn dắt chuyên môn, nghiệp vụ trong việc bảo vệ môi trường nói chung và nhận thức rõ trách nhiệm trong việc phân tích và xử lý, giảm t các chất gây ô nhiễm môi trường.			
3	Kỹ thuật xử lý nước cấp	- Về kiến thức: trình bày được các phương pháp áp dụng trong xử lý nước cấp; - Về kỹ năng: tính toán và xác định được các thông số cần thiết để tính toán thiết kế các công trình cho một nhà máy nước; - Về đạo đức nghề nghiệp: Rèn luyện năng lực tự chủ và trách nhiệm	2	Học kỳ 2	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: Điểm kiểm tra viết: 50% Điểm báo cáo theo nhóm: 50% Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% Hình thức thi: Tự luận
4	Tiếng anh chuyên ngành	- Về kiến thức: được một số kiến thức đặc trưng của chuyên ngành Môi trường thông qua việc ghi nhớ và sử dụng các thuật ngữ chuyên ngành được cung cấp trong giáo trình. Sử dụng một cách hợp lý và chính xác các thuật ngữ hay dùng gắn liền với những chủ đề về Môi trường. Có đủ vốn từ để đọc các văn bản chuyên ngành nói riêng, các văn bản khoa học nói chung và ứng dụng kiến thức đó vào công việc. Phát triển được một số kỹ năng đọc cơ bản như đọc để lấy ý chính, đọc để tìm thông tin cụ thể, đoán nghĩa từ mới thông qua ngữ cảnh, xác định chủ đề của các đoạn văn, nhận biết mối quan hệ giữa các đoạn văn và bước đầu thực hành dịch cơ bản, ứng dụng kiến thức đã học vào công việc về sau. Có vốn từ vựng chuyên ngành cơ bản để diễn đạt và trao đổi ý kiến thảo luận trong các cuộc hội thảo chuyên ngành. - Về kỹ năng: Kỹ năng đọc Đọc các đoạn văn bản, các bài khóa hay các bài giảng chuyên ngành. Rèn luyện kỹ năng đọc lướt nhanh để lấy thông tin chính cho các bài tập đọc . Trình bày, dịch, viết và phân tích các tài liệu có liên quan đến chuyên ngành. Đọc lướt các văn bản dài để xác định các thông tin cần tìm, thu thập thông tin từ nhiều phần của một văn bản, hay từ nhiều văn bản khác nhau nhằm hoàn thành các nhiệm vụ cụ thể trong bài đọc.	3	Học kỳ 2	Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		<p>Xác định được các kết luận chính được chỉ rõ ra trong các bài báo hay đoạn văn.</p> <p>Nhận biết những điểm chính được trình bày trong các bài đọc chuyên ngành.</p> <p>Có thể được các thuật ngữ Môi trường.</p> <p>Kỹ năng nói</p> <p>Hỏi và trả lời cũng như thảo luận về những kiến thức chuyên ngành.</p> <p>Tóm tắt được những bài khóa.</p> <p>Trình bày ý kiến cá nhân về những chủ đề của bài học.</p> <p>Thảo luận hoặc thuyết trình theo nhóm về đề tài được giao.</p> <p>Kỹ năng viết</p> <p>Rèn kỹ năng viết thông qua các bài tập trong phần luyện viết.</p> <p>Viết đoạn văn ngắn hoặc tóm tắt chủ đề vừa học.</p> <p>Truyền đạt thông tin và ý tưởng về các đề tài cụ thể hay trừu tượng, kiểm tra thông tin, yêu cầu lấy thông tin hay giải thích vấn đề với độ chính xác phù hợp.</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>Xác định được tầm quan trọng của môn học; tự giác trong học tập và trung thực trong thi cử.</p> <p>Thực hiện nghiêm túc thời gian biểu, làm việc và nộp bài đúng hạn.</p> <p>Phát huy tối đa khả năng sáng tạo khi thực hiện các hoạt động trên lớp cũng như ở nhà.</p> <p>Chủ động đặt câu hỏi về những thắc mắc của mình; khích lệ hỏi đáp và nhận xét đánh giá.</p> <p>Nâng cao kỹ năng làm việc nhóm và kỹ năng thuyết trình bằng tiếng Anh (sử dụng từ ngữ đơn giản và ngôn từ rõ ràng); tăng cường tính chủ động, tích cực trong các hoạt động thảo luận trên lớp.</p> <p>Phát huy tối đa tinh thần tự học thông qua nghiên cứu tài liệu, tìm tòi sáng tạo các nguồn sách để đọc thêm và các tài liệu trên mạng Internet ...; biết chia sẻ thông tin với bạn bè và giáo viên.</p>			
5	Quan trắc và phân tích môi trường nước	<p>- Về kiến thức:</p> <p>Trình bày được các khái niệm cơ bản liên quan đến quan trắc môi trường.</p> <p>Trình bày được các bước thiết kế một chương trình quan trắc môi trường; quy trình kỹ thuật quan trắc môi trường nước, nguyên tắc xác định, quy trình tiến hành, phương pháp tính kết quả của quy trình phân tích một số thông số cơ bản trong môi trường nước.</p> <p>Thiết kế, xây dựng được chương trình quan trắc và phân tích môi trường nước cho một số đối tượng cụ thể (nước sông, nước hồ, nước ngầm, nước thải).</p> <p>- Về kỹ năng: Sử dụng thành thạo một số thiết bị quan trắc hiện trường;</p> <p>Phân tích được một số các thông số cơ bản tại phòng thí nghiệm.</p> <p>Tính toán kết quả phân tích, phân tích các dữ liệu thu</p>	4	Học kỳ 2	<p>Điểm quá trình: Trọng số 20%; Bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1.</p> <p>Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		<p>được và lập được các báo cáo kết quả quan trắc và phân tích.</p> <p>-Về năng lực tự chủ và trách nhiệm</p> <p>Có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao</p> <p>Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề liên quan đến kỹ thuật quan trắc và phân tích môi trường nước</p>			
6	Tư tưởng Hồ Chí Minh	<p>-Về kiến thức: Trình bày, phân tích, giải thích được những nội dung cơ bản trong chương trình môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh; đánh giá được giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh đối với Đảng, dân tộc và nhân loại.</p> <p>-Về kỹ năng: Vận dụng sáng tạo lý luận, phương pháp và phương pháp luận của Hồ Chí Minh để phân tích, đánh giá được một số vấn đề trong thực tiễn đời sống, học tập và công tác.</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>NL1: Có lập tư tưởng chính trị vững vàng, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với CNXH. Có phẩm chất đạo đức tốt, lối sống lành mạnh theo tấm gương đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh.</p> <p>NL2: Tích cực, chủ động đấu tranh phê phán những quan điểm sai trái, bảo vệ chủ nghĩa Mác –Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước.</p> <p>NL3: Xác định trách nhiệm của bản thân đối với sự nghiệp xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc; Có năng lực vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh giải quyết vấn đề đặt ra trong lĩnh vực nghề nghiệp.</p>	3	Học kỳ 2	<p>- Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1.</p> <p>Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%.</p> <p>- Hình thức thi: Tự luận.</p>
7	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	<p>- Về kiến thức: Chứng minh được sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam là tất yếu khách quan; phân tích và đánh giá được sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam từ khi thành lập Đảng đến nay qua các thời kỳ: (1930 - 1945), (1945 - 1975) và (1975 đến nay).</p> <p>- Về kỹ năng: Vận dụng được kiến thức đã học trong giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến lĩnh vực được đào tạo.</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>NL1: Có lập trường tư tưởng vững vàng, có niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, kiên định với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước;</p> <p>NL2: Xác định được trách nhiệm của bản thân đối với công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc dưới sự lãnh đạo của Đảng, quyết tâm thực hiện tốt đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước;</p> <p>NL3: Có năng lực đánh giá và giải quyết một số vấn đề thực tiễn trong lĩnh vực tài nguyên, môi trường theo chủ trương, đường lối của Đảng.</p>	2	Học kỳ 2	<p>- Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1.</p> <p>- Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%.</p> <p>- Hình thức thi: Tự luận.</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
8	Chủ nghĩa xã hội khoa học	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: Trình bày và phân tích được những tri thức cơ bản, cốt lõi nhất về Chủ nghĩa xã hội khoa học, một trong ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác - Lênin. - Về kỹ năng: Vận dụng các tri thức cơ bản về Chủ nghĩa xã hội khoa học để phân tích và đánh giá một số vấn đề chính trị xã hội liên quan tới chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. -Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: NL1: Có năng lực hình thành tư duy phân tích, đánh giá và nhận diện bản chất các quan hệ chính trị - xã hội, góp phần hình thành niềm tin, lý tưởng cách mạng và xây dựng trách nhiệm xã hội phù hợp với vị trí việc làm và cuộc sống sau khi ra trường. NL2: Có năng lực tự học, tích lũy kiến thức và kỹ năng; có năng lực lập kế hoạch, điều phối và phát huy trí tuệ tập thể. 	2	Học kỳ 2	<p>Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1.</p> <p>Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%.</p> <p>- Hình thức thi: Tự luận.</p>
4. HỆ ĐH10					
1	Nhập môn công tác kỹ sư	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: Trình bày được nhiệm vụ và năng lực cần có của người kỹ sư nói chung và kỹ sư công nghệ kỹ thuật môi trường nói riêng. Có khả năng xây dựng kế hoạch, tổ chức và thực hiện công việc theo nhóm làm việc Xác định được vị trí công tác của kỹ sư công nghệ kỹ thuật môi trường. - Về kỹ năng: Vận dụng thành thạo các kỹ năng cơ bản của một kỹ sư ngành công nghệ kỹ thuật môi trường Có kỹ năng đọc tài liệu, thu thập số liệu, tổng hợp và phân tích số liệu, viết báo cáo, giao tiếp, làm việc nhóm, hướng dẫn an toàn nghề nghiệp. - Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ lĩnh vực công nghệ kỹ thuật môi trường; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao, có khả năng thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau. 	2	Học kỳ 2	<p>-Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1.</p> <p>-Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%; hình thức thi: Tự luận.</p>
2	Cơ sở khoa học môi trường	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: có khả năng trình bày được những kiến thức cơ bản về môi trường và khoa học môi trường: Các khái niệm cơ bản về tài nguyên và môi trường, các thành phần môi trường...; phân tích được các vấn đề ô nhiễm môi trường nước, đất, không khí, các vấn đề nền tảng liên quan tới môi trường như dân số, năng lượng, lương thực. - Về kỹ năng: vận dụng được những kiến thức cơ sở về môi trường cần thiết để tiếp cận học các môn chuyên ngành. - Về năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm: có thái độ đúng đắn với môi trường sống, yêu ngành nghề, nâng cao trách nhiệm của bản thân với môi trường. 	2	Học kỳ 2	<p>Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1.</p> <p>Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%</p> <p>Hình thức thi: Trắc nghiệm.</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
3	Hóa kỹ thuật môi trường	<p>- Về kiến thức: Trình bày được các tác nhân có thể gây nên hiện tượng ô nhiễm môi trường không khí, nước, đất và quá trình chuyển hóa cơ bản các nguyên tố trong môi trường. Phân tích được hậu quả, biện pháp khắc phục các hiện tượng ô nhiễm môi trường không khí, nước, đất;</p> <p>- Về kỹ năng: Tính toán được khả năng tiếp nhận nước thải của nguồn nước. Giải thích được cơ sở hóa học của một số phương pháp xử lý khí thải (SO₂, NO_x, H₂S, NH₃), nước cấp và nước thải (trung hòa, ôxi hóa khử, sinh học), cải tạo đất ô nhiễm (đất bị xói mòn, đất chua, đất mặn).</p> <p>- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có khả năng tự học, tích lũy kiến thức</p>	2	Học kỳ 2	<p>-Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. -Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%; hình thức thi:Tự luận.</p>
4	Quá trình cơ bản trong công nghệ môi trường	<p>- Về kiến thức: trình bày được các khái niệm cơ bản trong thủy lực; và áp dụng được các phương trình tính toán cần thiết và phân tích được bản chất của các hiện tượng thủy lực.</p> <p>- Về kỹ năng: Vận dụng kiến thức lý thuyết để giải quyết được các bài toán cơ bản về thủy tĩnh và thủy động ứng dụng trong tính toán thiết kế các công trình xử lý môi trường;</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ thuộc lĩnh vực thủy lực trong các công trình xử lý môi trường; có sáng kiến cải tiến sửa chữa các lỗi về thủy lực trong hệ;</p>	2	Học kỳ 2	<p>- Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. Hình thức: tự luận. - Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%. Hình thức thi: tự luận</p>
5	Hóa học phân tích	<p>- Về kiến thức: Trình bày được cơ sở lý thuyết của một số phương pháp định lượng thường dùng và giải thích được hiện tượng xảy ra trong quy trình thực hành; Trình bày được nguyên tắc, các hóa chất, dụng cụ cần dùng và thiết lập được công thức tính kết quả của quy trình định lượng một cấu tử.</p> <p>- Về kỹ năng: Sử dụng thành thạo được một số dụng cụ và thiết bị cơ bản trong phòng thí nghiệm hóa học phân tích; Xử lý, tính toán và biểu diễn được các số liệu thu được khi làm thực hành.</p> <p>- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ</p>	2	Học kỳ 2	<p>- Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. - Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%; Hình thức thi: Thực hành</p>
6	Tiếng Anh 2	<p>- Về kiến thức: Nhận diện được các âm cơ bản của tiếng Anh và tái tạo lại được các âm đó dù vẫn còn nhiều ảnh hưởng của tiếng mẹ đẻ; Áp dụng được các hiện tượng ngữ pháp cơ bản trong các tình huống giao tiếp hàng ngày bằng tiếng Anh như: thông tin cá nhân, thói quen, nhu cầu, sở thích, hỏi đáp về những thông tin đơn giản; Xây dựng được vốn từ đủ để tiến hành những giao tiếp đơn giản hàng ngày với các tình huống và chủ đề quen</p>	3	Học kỳ 2	<p>- Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%.</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		<p>thuộc.</p> <p>- Về kỹ năng: Áp dụng được các kỹ năng đọc hiểu, nghe hiểu cơ bản; Giao tiếp được trong những tình huống cố định và áp dụng được kỹ năng nghe trong những hội thoại ngắn về những chủ đề gần gũi với sự giúp đỡ của người khác khi cần thiết; Hỏi và trả lời được các câu hỏi cũng như trao đổi ý kiến và thông tin về những chủ đề quen thuộc trong tình huống giao tiếp hàng ngày; Biết áp dụng các chức năng ngôn ngữ hội thoại để thiết lập các mối quan hệ xã hội như chào hỏi, giới thiệu cảm ơn, xin lỗi; Làm việc theo nhóm để thực hiện những nhiệm vụ đơn giản như bàn về một chủ đề quen thuộc, hay thảo luận một tài liệu với cách diễn đạt và ngôn ngữ đơn giản; Miêu tả được người, sự vật, nơi chốn, công việc, việc học tập, thói quen hàng ngày, kinh nghiệm, thông tin và sở thích cá nhân; Trình bày được một chủ đề ngắn về những vấn đề liên quan đến cuộc sống hàng ngày, đưa ra lý do và có thể trả lời một số câu hỏi đơn giản; Viết được các tin nhắn đơn giản, một bức thư ngắn.... ; Viết được các cụm từ, các câu đơn giản sử dụng từ nối; Viết được về những chủ đề quen thuộc, gần gũi như tả người, nơi chốn.</p> <p>- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Xây dựng được tinh thần chủ động trong công việc thông qua hoạt động tự học, tự sưu tầm, tự nghiên cứu các tài liệu bằng tiếng Anh liên quan đến các chủ đề học tập; Xây dựng được tính kỷ luật khi thực hiện nghiêm túc thời gian biểu, làm việc và nộp bài đúng hạn; Xây dựng được tính tự giác khi trung thực trong học tập và trong thi cử; Xây dựng được tính tập thể khi tích cực tham gia các hoạt động nhóm, cặp, sẵn sàng chia sẻ thông tin khi thực hiện các nhiệm vụ theo bài học;</p>			- Hình thức thi: Trắc nghiệm.
7	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	<p>-Về kiến thức: Trình bày và phân tích được lý luận cơ bản nhất của kinh tế chính trị Mác – Lênin.</p> <p>-Về kỹ năng: Vận dụng được những kiến thức đã học vào thực tiễn học tập và công tác.</p> <p>-Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>NL1: Có năng lực hình thành tư duy phân tích và nhận diện bản chất của các quan hệ kinh tế góp phần hình thành niềm tin và lý tưởng cách mạng trong nền kinh tế thị trường, định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay.</p> <p>NL2: Có năng lực tự học, tích lũy kiến thức, kỹ năng, lập kế hoạch, điều phối và phát huy trí tuệ tập thể</p>	2	Học kỳ 2	<p>Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1.</p> <p>Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%.</p> <p>- Hình thức thi: Tự luận.</p>
8	Hình họa vẽ kỹ thuật	<p>- Về kiến thức: Trình bày được khái niệm về các phép chiếu; thiết lập được đồ thức của các yếu tố hình học cơ bản: điểm, đường thẳng, mặt phẳng; thể hiện được giao tuyến giữa hai mặt trên đồ thức; những tiêu chuẩn trình bày bản vẽ kỹ thuật, nêu được các phương pháp biểu diễn vật thể trên bản vẽ kỹ thuật.</p>	2	Học kỳ 2	<p>- Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%</p> <p>Bao gồm: 2 đầu điểm, hệ số 1; Điểm thi kết</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		<ul style="list-style-type: none"> - Về kỹ năng: Vận dụng được những kỹ năng cơ bản để giải quyết các bài tập về hình chiếu thẳng góc của vật thể cho trong không gian ba chiều; vẽ được hình chiếu trục đo, hình cắt, mặt cắt của vật thể khi biết hai hình chiếu thẳng góc; ghi đúng, đầy đủ các kích thước trên bản vẽ kỹ thuật theo TCVN và tiêu chuẩn ISO, đọc được bản vẽ kỹ thuật phù hợp với chuyên ngành theo TCVN (hoặc ISO). - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Xác định được nhiệm vụ học tập một <p>cách tự giác, chủ động, thực hiện các phương pháp học hiệu quả; tự học tập, tích lũy kiến thức, nghiên cứu và áp dụng các kết quả đã học vào các lĩnh vực chuyên môn đồng thời rèn luyện tác phong làm việc khoa học.</p>			<p>thức học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận</p>

XV. Ngành Quản lý tài nguyên và môi trường

1. HỆ ĐH7

1	Năng lượng và môi trường	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: trình bày được các dạng nhiên liệu và năng lượng mà con người sử dụng; phân tích các tác động đến môi trường của việc khai thác và sử dụng năng lượng; đồng thời cung cấp các kiến thức về các dạng năng lượng tái tạo hay năng lượng mới và tiềm năng phát triển của chúng trong tương lai cũng như các công nghệ mà con người đang phát triển sử dụng nhằm giảm tác động đến môi trường. - Về kỹ năng: Áp dụng và đề xuất các nguồn năng lượng sử dụng nhằm giảm phát sinh các chất ô nhiễm trong thực tế. các dạng năng lượng tái tạo và áp dụng các giải pháp tiết kiệm năng lượng. - Về đạo đức nghề nghiệp: cần các kiến thức và kỹ năng cần thiết để đánh giá các tác động môi trường từ việc sử dụng các dạng năng lượng hóa thạch cũng như đề xuất được các dạng năng lượng thân thiện với môi trường. 	3	Học kỳ 2	<p>Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% Hình thức thi: Tự luận.</p>
2	Đánh giá vòng đời sản phẩm	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: trình bày được kiến thức cơ bản về đánh giá vòng đời sản phẩm, vận dụng các kỹ thuật đánh giá vòng đời sản phẩm được vận dụng trong nhiều lĩnh vực khác nhau nhằm đưa ra các định mức phát thải trên sản phẩm hoặc qua từng công đoạn sản xuất. Từ đó giúp doanh nghiệp tìm kiếm cơ hội sản xuất sạch hơn, xúc tiến cấp nhãn xin thái cho doanh nghiệp. - Về kỹ năng: áp dụng được công cụ đánh giá vòng đời sản phẩm và ứng dụng cho các trường hợp điển hình. - Về đạo đức nghề nghiệp: có thể vận dụng hiệu quả và thành thạo các bước trong LCA cho các ngành sản xuất cụ thể. 	3	Học kỳ 2	<p>Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% Hình thức thi: Tự luận.</p>

2. HỆ ĐH8

1	Thực tập Tin học	- Về kiến thức: Ứng dụng các phần mềm GIS, viễn thám để giải quyết các bài toán thực tế về quản lý tài nguyên	2	Học kỳ 2	Điểm tổng kết học phần là
---	------------------	---	---	----------	---------------------------

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
	ứng dụng trong quản lý tài nguyên và môi trường	và môi trường - Về kỹ năng: Cài đặt và sử dụng được các phần mềm phần mềm GIS, viễn thám. - Về đạo đức nghề nghiệp: Có thái độ tích cực trong học tập, tuân thủ tuyệt đối các quy định thực tập.			trung bình cộng của điểm các phần thực tập theo trọng số, cụ thể: - Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%. Bao gồm: 01 đầu điểm các bài thực hành trên lớp - Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%. Nộp báo cáo và trình bày báo cáo theo nhóm.
2	Thực tập mô hình hóa môi trường	- Về kiến thức: Các sau khi kết thúc học phần được lý thuyết và các bước để chuẩn bị số liệu đầu vào (giá trị các thông số và các biến theo điều kiện biên, điều kiện ban đầu), chạy và hiệu chỉnh mô hình, xử lý kết quả đầu ra cho 01 mô hình tính toán chất lượng môi trường nước (mô hình Quan2k), 01 mô hình tính toán nồng độ chất ô nhiễm trong không khí (mô hình AERMOD). - Về kỹ năng: Các sau khi kết thúc học phần được rèn luyện các kỹ năng để tự mình chuẩn bị được số liệu cho mô hình, chạy và hiệu chỉnh mô hình cũng như cách xử lý, phân tích và biện luận kết quả từ mô hình. được rèn luyện kỹ năng làm việc độc lập và về những ứng dụng của mô hình để dự đoán, đánh giá tác động môi trường và phục vụ quản lý môi trường. - Về đạo đức nghề nghiệp: Nghiêm túc học tập, rèn luyện, trao đổi, giúp đỡ nhau trong từng nhóm nhưng không được làm thay cho nhau hoặc dựa dẫm vào khác. Tuy làm việc theo nhóm nhưng mỗi cần độc lập, tự mình thực hiện được các bước chuẩn bị số liệu cho mô hình, chạy và hiệu chỉnh mô hình cũng như cách xử lý, phân tích và biện luận kết quả từ mô hình. cần trung thực trong học tập và tự mình nghiên cứu, viết báo cáo. Các báo cáo chép của nhau sẽ bị cho 0 điểm.	2	Học kỳ 2	- Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 50%: bao gồm 01 đầu điểm báo cáo tiến độ chuẩn bị dữ liệu cho mô hình cho mỗi . - Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 50%: mỗi cần chuẩn bị số liệu, chạy mô hình và phân tích và báo cáo về mô hình với giảng viên. Các nộp báo cáo theo nhóm.
3	Đánh giá tác động môi trường	-Về kiến thức: Các sau khi kết thúc học phần được các kiến thức cơ bản về quá trình đánh giá tác động môi trường, nội dung đánh giá tác động môi trường và các phương pháp thường sử dụng trong đánh giá tác động môi trường tương ứng theo từng loại hình và lĩnh vực phát triển kinh tế-xã hội. -Về kỹ năng: Các sau khi kết thúc học phần áp dụng được các phương pháp đánh giá tác động môi trường, đề xuất được các giải pháp công nghệ xử lý chất thải, và các biện	2	Học kỳ 2	Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% Hình thức thi: Tự luận.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		<p>pháp bảo vệ môi trường</p> <p>-Về đạo đức nghề nghiệp: Có nhận thức đúng đắn về những tác động tích cực và tiêu cực của các hoạt động kinh tế-xã hội đến môi trường, từ đó nâng cao ý thức trách nhiệm bảo vệ môi trường của bản thân và xã hội nhằm mục tiêu phát triển bền vững.</p>			
4	Đồ án đánh giá tác động môi trường	<p>- Về kiến thức: Thực hiện các bước trong quy trình Đánh giá tác động môi trường trong một trường hợp dự án nghiên cứu cụ thể.</p> <p>- Về kỹ năng: Lập đề cương Đánh giá tác động môi trường chi tiết, áp dụng các phương pháp đánh giá những tác động của các hoạt động kinh tế-xã hội đến môi trường, lập báo cáo Đánh giá tác động môi trường chi tiết và đầy đủ. Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng trình bày</p> <p>- Về đạo đức nghề nghiệp: Say mê và yêu nghề, tích cực bảo vệ môi trường</p>	2	Học kỳ 2	<p>- Nội dung đồ án (cấu trúc, phương pháp thực hiện, kết quả đạt được): 50%</p> <p>- Báo cáo đồ án (trình bày đồ án, trả lời câu hỏi): 50%</p>
5	Thông tin môi trường	<p>- Về kiến thức:</p> <p>Trình bày được các khái niệm cơ bản về thông tin môi trường, dữ liệu môi trường;</p> <p>Phân tích các được cấu trúc các báo cáo hiện trạng môi trường, báo cáo công tác bảo vệ môi trường, báo cáo kết quả quan trắc định kỳ, các bước điều tra, thống kê nguồn gây ô nhiễm môi trường.</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>Tính toán được các chỉ số chất lượng môi trường AQI và WQI trong từng trường hợp cụ thể;</p> <p>Xác định được phương pháp điều tra, thống kê, xây dựng được một số câu hỏi điều tra cơ bản các lĩnh vực môi trường theo yêu cầu của các văn bản quy định.</p> <p>- Về đạo đức nghề nghiệp: Có nhận thức đúng đắn về tầm quan trọng của thông tin môi trường trong công tác quản lý môi trường.</p>	2	Học kỳ 2	<p>Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1.</p> <p>Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%</p> <p>Hình thức thi: Tự luận.</p>
6	Quy hoạch môi trường	<p>- Về kiến thức: trình bày được các khái niệm cơ bản về quy hoạch môi trường, nội dung cơ bản quy hoạch môi trường, một số công cụ, phương pháp sử dụng trong quy hoạch môi trường.</p> <p>- Về kỹ năng: phân tích, vận dụng được các công cụ sử dụng trong phương pháp quy hoạch trong quy hoạch môi trường.</p> <p>- Về đạo đức nghề nghiệp: Có thái độ tích cực tham gia học tập, thảo luận, có tư duy tích cực trong xây dựng quy hoạch môi trường, lấy quan điểm đặt lợi ích tập thể, lợi ích chung trong các bản quy hoạch môi trường</p>	3	Học kỳ 2	<p>Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1.</p> <p>Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%</p> <p>Hình thức thi: Tự luận.</p>
7	Thanh tra và đền bù thiệt hại môi trường	<p>- Về kiến thức: Trình bày được các kiến thức cơ bản về thanh tra và thanh tra kiểm tra bảo vệ môi trường; Phân tích được hành lang pháp lý cho hoạt động thanh tra: Văn bản pháp quy về môi trường, văn bản pháp quy về hoạt động Thanh tra, văn bản pháp quy về xử phạt vi phạm hành chính; Mô tả được trình tự tiến hành một cuộc thanh tra bảo vệ môi trường; Mô tả được trình tự xử phạt vi phạm hành chính về môi trường; cơ sở và</p>	4	Học kỳ 2	<p>Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1 và 01 bài thi giữa kỳ. Điểm thi kết thúc học</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		<p>phương pháp tính toán ảnh hưởng hoặc thiệt hại về tài nguyên và môi trường của các nguồn ô nhiễm, sự cố môi trường, kỹ năng giải quyết tranh chấp và đền bù thiệt hại về môi trường.</p> <p>- Về kỹ năng: Áp dụng kiến thức thanh tra thiết lập được biên bản công bố quyết định thanh tra, biên bản thanh tra bảo vệ môi trường, biên bản kết thúc thanh tra của một cuộc thanh tra bảo vệ môi trường trong các cơ sở sản xuất, trong lĩnh vực khai thác khoáng sản, trong lĩnh vực quản lý tài nguyên nước, .Lập biên bản xử phạt vi phạm hành chính; tính toán ảnh hưởng hoặc thiệt hại về tài nguyên và môi trường của các nguồn ô nhiễm, sự cố môi trường, kỹ năng giải quyết tranh chấp và đền bù thiệt hại về môi trường.</p> <p>- Về đạo đức nghề nghiệp: Tích cực tham gia học tập nghiêm túc, đầy đủ và tìm sâu thêm về tổ chức hoạt động quản lý nhà nước về môi trường, hoạt động thanh tra bảo vệ môi trường.</p>			<p>phần: Trọng số 60%</p> <p>Hình thức thi: Tự luận.</p>
3. HỆ DH9					
1	Hệ thống cơ sở pháp lý về tài nguyên và môi trường	<p>- Về kiến thức: trình bày được cơ sở pháp lý về tài nguyên và môi trường và phân tích áp dụng vai trò của Luật bảo vệ môi trường, một số luật liên quan tới tài nguyên và các văn bản dưới luật liên quan tới môi trường.</p> <p>- Về kỹ năng: Phân biệt được thẩm quyền ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về tài nguyên và môi trường, vận dụng được các văn bản dưới luật hiện hành có liên quan tới tài nguyên và môi trường ở Việt Nam vào thực tế.</p> <p>- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có ý thức, chủ động, tự giác tìm kiếm, tìm các nội dung văn bản luật và thực tế thực thi các quy định.</p>	3	Học kỳ 2	<p>Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1.</p> <p>Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%</p> <p>Hình thức thi: Tự luận</p>
2	Độc học môi trường	<p>- Về kiến thức:</p> <p>Trình bày được một số khái niệm cơ bản về độc học môi trường; nguồn, tính độc của một số chất ô nhiễm môi trường cơ bản đã được giới thiệu trong học phần.</p> <p>Áp dụng các kiến thức đã học để áp dụng để giải thích được một số biện pháp phòng ngừa và hạn chế tác động của các chất này đến sức khỏe con người..</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>Dự đoán được các chất gây tác động chủ yếu trong các nguồn thải và tác động của chúng đến hệ sinh thái và con người;</p> <p>Tính toán được một số thông số độc học cơ bản khi có số liệu đầu vào;</p> <p>- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm;</p>	2	Học kỳ 2	<p>- Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1.</p> <p>- Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%;</p> <p>Hình thức thi: Tự luận</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
3	Thực tập Quan trắc và phân tích môi trường	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: Thiết kế, thực hiện và lập báo cáo quan trắc môi cho các đối tượng cụ thể; Đọc, và vận dụng được quy trình để tiến hành thực nghiệm xác định một số chỉ tiêu cơ bản trong môi trường. - Về kỹ năng: Sử dụng được một số thiết bị quan trắc và phân tích môi trường; Tính toán kết quả phân tích, phân tích các dữ liệu thu được và lập được các báo cáo kết quả quan trắc và phân tích. - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm Có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm; Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề liên quan đến kỹ thuật quan trắc và phân tích các thành phần môi trường. 	2	Học kỳ 2	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm thực tập các nội dung 1 và 2: 50% - Điểm báo cáo thực tập: 50%
4	Điều tra đánh giá đa dạng sinh học	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: Trình bày được các khái niệm về Điều tra, đánh giá đa dạng sinh học; được mục tiêu, ý nghĩa của việc điều tra đánh giá đa dạng sinh học; Trình bày được các bước thực hiện điều tra, đánh giá đa dạng sinh học. - Về kỹ năng: Xây dựng được kế hoạch điều tra, đánh giá đa dạng sinh học. Vận dụng được các phương pháp để triển khai việc điều tra, đánh giá đa dạng sinh học. - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Chủ động được trong việc xây dựng kế hoạch, tìm và chuẩn bị tài liệu, phương tiện kỹ thuật và triển khai hoạt động điều tra đa dạng sinh học. Có thái độ và hành vi đúng đắn đối với việc bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học trong mọi hoạt động. Có trách nhiệm cao và trung thực về kết quả trong hoạt động điều tra đa dạng sinh học. 	3	Học kỳ 2	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. - Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%; Hình thức thi: Tự luận
5	Tiếng Anh chuyên ngành	<ul style="list-style-type: none"> - Kiến thức: Có được vốn từ vựng tiếng Anh cơ bản trong lĩnh vực môi trường (được cung cấp thêm khoảng 200 thuật ngữ chuyên ngành); có khả năng diễn đạt được các khái niệm, hiện tượng thuộc lĩnh vực quản lý tài nguyên và môi trường bằng tiếng Anh. Ngoài ra được củng cố và vững kiến thức ngữ pháp thường sử dụng nhiều trong văn phong khoa học. - Kỹ năng: Đọc những văn bản chuyên ngành có độ khó ở mức độ trung bình; đọc lướt các văn bản tương đối dài để xác định thông tin cần tìm, tập hợp thông tin từ các phần của bài đọc hay từ các bài khác nhau để hoàn thành nhiệm vụ cụ thể được giao; sử dụng ngôn ngữ để trình bày quan điểm của bản thân về những vấn đề cơ bản thuộc lĩnh vực môi trường. - Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Nhận thức rõ tầm quan trọng của môn học; thực hiện nghiêm túc thời gian biểu, làm việc và nộp bài đúng hạn; tự giác trong học tập và trung thực trong thi cử; phát huy tối đa khả năng sáng tạo khi thực hiện các hoạt động trên lớp cũng như ở nhà; tham gia tích cực và có tinh thần xây dựng vào các hoạt 	3	Học kỳ 2	<ul style="list-style-type: none"> Kiểm tra – đánh giá quá trình Có trọng số 40%, bao gồm các điểm đánh giá Kiểm tra - đánh giá cuối kỳ: - Điểm thi kết thúc học phần có trọng số 60%. - Hình thức thi : Tự luận. - Thời lượng thi: 90 phút. - không sử dụng tài liệu khi thi.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		động trên lớp; chia sẻ thông tin với bạn bè và với giáo viên.			
6	Quản lý chất thải rắn và chất thải nguy hại	<p>- Về kiến thức: Trình bày được tên và nội dung chính các văn bản pháp lý liên quan đến quản lý chất thải rắn và chất thải nguy hại. Trình bày được nguyên lý hoạt động, cấu tạo, khả năng áp dụng của các phương pháp xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại</p> <p>- Về kỹ năng: Dự báo được khối lượng và thành phần chất thải của một khu dân cư hay công nghiệp; Tính toán thành thạo các bài tập về thu gom vận chuyển chất thải rắn, tính lượng oxy cần cho quá trình ủ sinh học, lượng oxy cho quá trình cháy, sản phẩm của quá trình ủ...; Tính toán được lượng khí ga phát sinh tại một bãi chôn lấp; Thiết kế được một bãi chôn lấp chất thải rắn hợp vệ sinh.</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ thuộc lĩnh vực quản lý chất thải rắn và chất thải nguy hại; có năng lực đưa ra các sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ quản lý chất thải rắn cho các đô thị, nhiệm vụ quản lý chất thải (thông thường và nguy hại) tại các đơn vị sản xuất; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn về quản lý chất thải rắn và chất thải nguy hại; Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật trong công tác quản lý chất thải rắn và chất thải nguy hại; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể;</p>	3	Học kỳ 2	Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% Hình thức thi: Trắc nghiệm
4. HỆ ĐH10					
1	Hóa học môi trường	<p>- Về kiến thức: Trình bày được các tác nhân, nguyên nhân gây nên các hiện tượng ô nhiễm môi trường không khí, nước, đất; Phân tích được hậu quả, biện pháp khắc phục các hiện tượng ô nhiễm môi trường không khí, nước, đất.</p> <p>- Về kỹ năng: Tính toán được khả năng tiếp nhận nước thải của nguồn nước; Giải thích được quá trình chuyển hóa cơ bản của các nguyên tố trong môi trường;</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có khả năng tự học, tích lũy kiến thức.</p>	2	Học kỳ 2	Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% Hình thức thi: Tự luận.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
2	Cơ sở khoa học môi trường	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: có khả năng trình bày được những kiến thức cơ bản về môi trường và khoa học môi trường: Các khái niệm cơ bản về tài nguyên và môi trường, các thành phần môi trường...; phân tích được các vấn đề ô nhiễm môi trường nước, đất, không khí, các vấn đề nền tảng liên quan tới môi trường như dân số, năng lượng, lương thực. - Về kỹ năng: vận dụng được những kiến thức cơ sở về môi trường cần thiết để tiếp cận học các môn chuyên ngành. - Về năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm: có thái độ đúng đắn với môi trường sống, yêu ngành nghề, nâng cao trách nhiệm của bản thân với môi trường 	2	Học kỳ 2	<p>Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1.</p> <p>Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%</p> <p>Hình thức thi: Tự luận.</p>
3	Tiếng Anh 2	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: Nhận diện được các âm cơ bản của tiếng Anh và tái tạo lại được các âm đó dù vẫn còn nhiều ảnh hưởng của tiếng mẹ đẻ; Áp dụng được các hiện tượng ngữ pháp cơ bản trong các tình huống giao tiếp hàng ngày bằng tiếng Anh như: thông tin cá nhân, thói quen, nhu cầu, sở thích, hỏi đáp về những thông tin đơn giản; Xây dựng được vốn từ đủ để tiến hành những giao tiếp đơn giản hàng ngày với các tình huống và chủ đề quen thuộc. - Về kỹ năng: Áp dụng được các kỹ năng đọc hiểu, nghe hiểu cơ bản; Giao tiếp được trong những tình huống cố định và vận dụng được kỹ năng nghe trong những hội thoại ngắn về những chủ đề gần gũi với sự giúp đỡ của người khác khi cần thiết; Hỏi và trả lời được các câu hỏi cũng như trao đổi ý kiến và thông tin về những chủ đề quen thuộc trong tình huống giao tiếp hàng ngày; Biết áp dụng các chức năng ngôn ngữ hội thoại để thiết lập các mối quan hệ xã hội như chào hỏi, giới thiệu cảm ơn, xin lỗi; Làm việc theo nhóm để thực hiện những nhiệm vụ đơn giản như bàn về một chủ đề quen thuộc, hay thảo luận một tài liệu với cách diễn đạt và ngôn ngữ đơn giản; Miêu tả được người, sự vật, nơi chốn, công việc, việc học tập, thói quen hàng ngày, kinh nghiệm, thông tin và sở thích cá nhân; Trình bày được một chủ đề ngắn về những vấn đề liên quan đến cuộc sống hàng ngày, đưa ra lý do và có thể trả lời một số câu hỏi đơn giản; Viết được các tin nhắn đơn giản, một bức thư ngắn... ; Viết được các cụm từ, các câu đơn giản sử dụng từ nối; Viết được về những chủ đề quen thuộc, gần gũi như tả người, nơi chốn. - Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Xây dựng được tinh thần chủ động trong công việc thông qua hoạt động tự học, tự sưu tầm, tự nghiên cứu các tài liệu bằng tiếng Anh liên quan đến các chủ đề học tập; Xây dựng được tính kỷ luật khi thực hiện nghiêm túc thời gian biểu, làm việc và nộp bài đúng hạn; Xây dựng được tính tự giác khi trung thực trong học tập và trong thi cử; Xây dựng 	3	Học kỳ 2	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%. - Hình thức thi: Trắc nghiệm.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		được tính tập thể khi tích cực tham gia các hoạt động nhóm, cặp, sẵn sàng chia sẻ thông tin khi thực hiện các nhiệm vụ theo bài học;			
4	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	<p>-Về kiến thức: Trình bày và phân tích được lý luận cơ bản nhất của kinh tế chính trị Mác – Lênin.</p> <p>-Về kỹ năng: Vận dụng được những kiến thức đã học vào thực tiễn học tập và công tác.</p> <p>-Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>NL1: Có năng lực hình thành tư duy phân tích và nhận diện bản chất của các quan hệ kinh tế góp phần hình thành niềm tin và lý tưởng cách mạng trong nền kinh tế thị trường, định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay.</p> <p>NL2: Có năng lực tự học, tích lũy kiến thức, kỹ năng, lập kế hoạch, điều phối và phát huy trí tuệ tập thể</p>	2	Học kỳ 2	<p>Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1.</p> <p>Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%.</p> <p>- Hình thức thi: Tự luận.</p>
5	Pháp luật đại cương	<p>-Về kiến thức: Trình bày, phân tích được những kiến thức cơ bản nhất về nhà nước và pháp luật nói chung; Trình bày, phân tích được những nội dung cơ bản nhất của một số ngành luật chủ yếu trong hệ thống pháp luật Việt Nam.</p> <p>- Về kỹ năng: So sánh được những vấn đề cơ bản về nhà nước và pháp luật nói chung; những nội dung cơ bản của một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam;</p> <p>So sánh một số chế định pháp luật trong các ngành luật khác nhau;</p> <p>Vận dụng những kiến thức đã học về các ngành luật để giải quyết những bài tập, tình huống trên lớp và trong thực tế.</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>NL1: Có năng lực tìm kiếm, tra cứu văn bản, tra cứu các quy định của pháp luật liên quan đến nghề nghiệp và các lĩnh vực khác của đời sống.</p> <p>NL2: Có khả năng xác định được quyền và nghĩa vụ của bản thân trong các quan hệ pháp luật cụ thể.</p>	2	Học kỳ 2	<p>- Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1.</p> <p>- Điểm thi kết thúc học phần 60%.</p> <p>- Hình thức thi: Trắc nghiệm.</p>
6	Toán cao cấp 2	<p>- Về kiến thức: Trình bày được những kiến thức cơ bản về giải tích toán học làm cơ sở cho việc học các môn chuyên ngành và lên trình độ cao hơn</p> <p>- Về kỹ năng: Vận dụng được những kỹ năng cơ bản để giải quyết các bài tập tính toán, thực hành các bài toán trong chương trình toán cao cấp và tiếp cận học các môn chuyên ngành</p> <p>Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Xác định được nhiệm vụ học tập một cách tự giác, chủ động, thực hiện các phương pháp học hiệu quả; tự học tập, tích lũy kiến thức, nghiên cứu và áp dụng các kết quả đã học vào các lĩnh vực chuyên môn đồng thời rèn luyện tác phong làm</p>	2	Học kỳ 2	<p>- Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%</p> <p>Bao gồm: 2 đầu điểm, hệ số 1; Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%</p> <p>- Hình thức thi: Tự luận</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		việc khoa học.			
7	Xác suất thống kê	Về kiến thức: Trình bày được các bài toán cơ bản của xác suất như biến cố ngẫu nhiên và xác suất, đại lượng ngẫu nhiên, các bài toán ước lượng mẫu. - Về kỹ năng: Vận dụng được những kỹ năng cơ bản để giải quyết các bài tập tính toán, thực hành các bài toán trong chương trình xác suất thống kê và tiếp cận học các môn chuyên ngành; - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Xác định được nhiệm vụ học tập một cách tự giác, chủ động, thực hiện các phương pháp học hiệu quả; tự học tập, tích lũy kiến thức, nghiên cứu và áp dụng các kết quả đã học vào các lĩnh vực chuyên môn đồng thời rèn luyện tác phong làm việc khoa học.	2	Học kỳ 2	- Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 2 đầu điểm, hệ số 1; Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

5. HỆ CH6

1	Tăng trưởng xanh và phát triển bền vững	- Kiến thức: Môn học cung cấp cho những kiến thức chung về tăng trưởng xanh và phát triển bền vững, các chỉ thị của một nền kinh tế theo hướng tăng trưởng xanh, mối quan hệ giữa tăng trưởng xanh và phát triển kinh tế bền vững, xã hội, và phân tích chiến lược tăng trưởng xanh và mục tiêu phát triển bền vững của Việt Nam. - Kỹ năng: được đặc điểm, nguyên tắc và chỉ thị của tăng trưởng xanh để có những đề xuất hành động cụ thể nhằm đạt mục tiêu chiến lược tăng trưởng xanh tại địa phương hướng đến phát triển bền vững. - Thái độ: thấy được tầm quan trọng và hiệu quả kinh tế, xã hội và môi trường của tăng trưởng xanh và phát triển bền vững.	2	Học kỳ 2	- Kiểm tra, đánh giá quá trình: Có trọng số 30%, bao gồm 2 điểm hệ số 01. - Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: Điểm thi kết thúc học phần có trọng số 70%.
2	Biến đổi khí hậu và ứng phó	- Kiến thức: Trình bày được những kiến thức cơ bản về Biến đổi khí hậu (BĐKH); phân tích được các tác động của BĐKH lên các ngành, lĩnh vực và các vùng địa lý ở nước ta; áp dụng được các biện pháp giảm nhẹ và thích ứng với BĐKH theo ngành, lĩnh vực ở Việt Nam; - Kỹ năng: Vận dụng được những kiến thức liên quan tới BĐKH để phân tích tác động của BĐKH tới lĩnh vực, ngành, vùng địa lý; áp dụng được các chương trình mục tiêu, xây dựng kế hoạch hành động của ngành, lĩnh vực có lồng ghép với BĐKH. - Thái độ: Có thái độ đúng đắn về BĐKH, nâng cao trách nhiệm của bản thân và cộng đồng trong giảm nhẹ BĐKH.	2	Học kỳ 2	- Kiểm tra, đánh giá quá trình: Có trọng số 30%, bao gồm 2 điểm hệ số 01. - Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: Điểm thi kết thúc học phần có trọng số 70%.
3	Đánh giá rủi ro môi trường	-Kiến thức: các khái niệm và kỹ thuật đánh giá rủi ro môi trường; được quy trình đánh giá rủi ro cho hệ sinh thái và con người Phân tích được một số tình huống cụ thể để đề xuất quy trình đánh giá rủi ro môi trường trong thực tế; -Kỹ năng:	3	Học kỳ 2	Kiểm tra, đánh giá quá trình: Có trọng số 30%, bao gồm 2 điểm hệ số 01. - Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ:

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		<p>Nhận diện được các yếu tố rủi ro môi trường trong một số bài tập tình huống;</p> <p>Tính toán các đại lượng định tính, định lượng trong quy trình đánh giá rủi ro môi trường;</p> <p>Xây dựng quy trình và thực hiện đánh giá rủi ro môi trường trong một số trường hợp cụ thể;</p> <p>Dự báo các mối nguy hại từ các nguồn gây ô nhiễm môi trường trong một số tình huống cụ thể nhằm quản lý các rủi ro để bảo vệ môi trường và sức khỏe cộng đồng</p> <p>- Thái độ:</p> <p>Có ý thức tuyên truyền trong cộng đồng về tác hại của các chất ô nhiễm môi trường đến sức khỏe con người.</p> <p>Có ý thức tiếp cận cách thức và phương pháp nghiên cứu về đánh giá rủi ro môi trường</p>			Điểm thi kết thúc học phần có trọng số 70%.
4	Ứng dụng GIS, viễn thám trong quản lý tài nguyên và môi trường	<p>- Kiến thức: Vận dụng được các kiến thức về ứng dụng của công nghệ thông tin nói chung và hệ thống thông tin địa lý (GIS), công nghệ viễn thám nói riêng trong quản lý tài nguyên và môi trường trong công tác nghiên cứu, quản lý tài nguyên và môi trường.</p> <p>- Kỹ năng: Biết sử dụng các phần mềm tin học trong GIS và viễn thám để giải quyết các công việc liên quan trong quản lý tài nguyên và môi trường như quy hoạch, quản lý tài nguyên quan trắc giám sát tài nguyên, môi trường hoặc các sự cố, tai biến môi trường</p> <p>- Thái độ: Có nhận thức đầy đủ về ứng dụng GIS, viễn thám trong quản lý tài nguyên và môi trường, từ đó tích cực, chủ động ứng dụng GIS và viễn thám trong công việc quản lý tài nguyên và môi trường.</p>	3	Học kỳ 2	<p>- Kiểm tra, đánh giá quá trình: Có trọng số 30%, bao gồm các điểm đánh giá bộ phận như sau:</p> <p>+ Điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập: 1 đầu điểm (hệ số 2)</p> <p>+ Điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận, chuyên cần: 1 đầu điểm (hệ số 1).</p> <p>- Kiểm tra - đánh giá cuối kỳ: Điểm thi kết thúc học phần có trọng số 70%</p>
5	Đánh giá môi trường chiến lược	<p>- Về kiến thức: Cung cấp kiến thức về các phương pháp, các công cụ, sử dụng các công cụ, phương pháp đánh giá, phân tích các xu hướng biến đổi của môi trường và đề xuất các giải pháp phù hợp, đồng thời chỉ ra các vấn đề cần quan tâm để khắc phục và hạn chế các tác động tiêu cực khi triển khai Chiến lược, Quy hoạch và các dự án cụ thể;</p> <p>- Về kỹ năng: Vận dụng được các kiến thức được học vào trong thực tế xây dựng báo cáo đánh giá môi trường chiến lược các chiến lược, quy hoạch, do thực tiễn đặt ra.</p> <p>- Về thái độ: Phát huy tính chủ động, ý thức trong việc học tập nghiêm túc để có đủ kiến thức chủ động được</p>	2	Học kỳ 2	<p>Điểm đánh giá quá trình: trọng số 30%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1.</p> <p>Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 70%</p> <p>Hình thức thi: Tự luận.</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		trong việc xây dựng được được báo cáo đánh giá môi trường chiến lược			
6	Quản lý xung đột môi trường	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: được các kiến thức liên quan đến xung đột giữa kinh tế, chính sách và môi trường cũng như các vấn đề liên quan đến việc khai thác tài nguyên thiên nhiên. Ngoài ra cũng sẽ biết được những phương pháp giúp giải quyết xung đột từ những tình huống điển hình trong thực tế. - Về kỹ năng: Sau khi kết thúc học phần, có thể nhận biết các xung đột trong môi trường, có khả năng phân tích nguyên nhân xung đột và đề xuất các hướng giải quyết xung đột. - Về thái độ: cần các kiến thức và kỹ năng cần thiết để hòa giải các xung đột trong quản lý môi trường. 	3	Học kỳ 2	Điểm đánh giá quá trình: trọng số 30%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 70% Hình thức thi: Tự luận.
7	Tham quan thực địa	<ul style="list-style-type: none"> - Kiến thức: Đánh giá, Phân tích được những vấn đề liên quan trong công tác quản lý, xử lý tài nguyên và môi trường; Áp dụng được các phương pháp trong đánh giá hiện trạng môi trường, các mô hình quản lý, sử dụng tài nguyên và xử lý môi trường. - Kỹ năng: Vận dụng được các văn bản, quy trình hướng dẫn vào công việc quản lý, điều tra, khảo sát, phân tích, xử lý trong quản lý, xử lý tài nguyên và môi trường Xây dựng được kế hoạch, nội dung tổ chức tham quan thực địa - Thái độ: Nhận thức được vai trò, trách nhiệm của mình đối với việc bảo vệ tài nguyên và môi trường. Nâng cao tính trung thực, khách quan và nhiệt huyết trong học tập và công tác.. 	2	Học kỳ 2	Điểm đánh giá quá trình: trọng số 30%. Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 70%.

XVI. Ngành Sinh học ứng dụng

1. HỆ ĐH10

1	Sinh học đại cương	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: Trình bày và phân tích được các kiến thức cơ bản về khoa học sự sống: các đại phân tử sinh học; các cấp độ tổ chức sống; mô tả được cấu tạo của nhóm sinh vật nhân sơ và nhân thực; được bản chất của quá trình quang hợp và hô hấp tế bào, quá trình sinh sản, sinh trưởng và phát triển; cơ chế và vai trò của các hormon thực vật... - Về kỹ năng: Vận dụng kiến thức sinh học vào thực tiễn trồng trọt, nhân giống, nuôi cấy mô... Sử dụng thành thạo kính hiển vi và biết cách làm tiêu bản tạm thời. 	3	Học kỳ 2	Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% Hình thức thi: Tự luận.
---	--------------------	--	---	----------	--

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		<p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Củng cố ý thức tham gia tích cực vào các hoạt động học tập trong lớp, tự học, thảo luận nhóm, phân tích các tình huống. Củng cố thêm đam mê học tập, nghiên cứu, ứng dụng hóa sinh học để giải quyết nhu cầu và các vấn đề thực tiễn.</p>			
2	Vi sinh vật học	<p>- Về kiến thức: Trình bày được hình thái, cấu tạo, cấu trúc và các đặc tính cơ bản của vi sinh vật (VSV), sự phân bố của chúng trong tự nhiên; được vai trò của VSV trong quá trình chuyển hóa vật chất và mối quan hệ giữa VSV và môi trường (đất, nước, không khí) từ đó ứng dụng trong thực tiễn xử lý rác thải và nước thải; rõ quá trình xử lý ô nhiễm nhờ vi sinh vật; rõ được nguyên nhân của vấn đề ô nhiễm do vi sinh vật; Trình bày được các phương pháp phân tích chỉ tiêu vi sinh; Phân tích được các chỉ tiêu ô nhiễm vi sinh cơ bản, áp dụng phương pháp phân tích trong thực tiễn.</p> <p>- Về kỹ năng: Phân tích được vai trò VSV trong quá trình chuyển hóa vật chất và mối quan hệ giữa VSV và môi trường (đất, nước, không khí) và vận dụng trong thực tiễn xử lý rác thải và nước thải; phân tích được các chỉ tiêu ô nhiễm vi sinh cơ bản, áp dụng phương pháp phân tích trong thực tiễn.</p> <p>- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có năng lực dẫn dắt chuyên môn, nghiệp vụ trong việc bảo vệ môi trường nói chung và nhận thức rõ trách nhiệm trong việc phân tích và xử lý, giảm thiểu các chất gây ô nhiễm môi trường.</p>	2	Học kỳ 2	Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% Hình thức thi: Tự luận.
3	Chỉ thị sinh học môi trường	<p>- Về kiến thức: và trình bày được một số khái niệm về chỉ thị sinh học môi trường và các phương pháp sử dụng trong quan trắc, đánh giá chất lượng môi trường. và trình bày được hệ thống chỉ thị sinh học đánh giá chất lượng môi trường, các phương pháp sử dụng chỉ thị sinh học đánh giá chất lượng môi trường (đất, nước, không khí).</p> <p>- Về kỹ năng: Vận dụng được chỉ thị sinh học để dự báo, cảnh báo, đánh giá ô nhiễm môi trường Có khả năng phát hiện được dấu hiệu chỉ thị, các loài sinh vật chỉ thị môi trường.</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Rèn luyện được tư duy khoa học trong việc đánh giá ô nhiễm môi trường; Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ thuộc lĩnh vực Sinh học ứng dụng; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ</p>	2	Học kỳ 2	Kiểm tra – đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. Hình thức đánh giá: Tự luận và thảo luận Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
4	Kiểm soát sinh học	<p>- Về kiến thức: và trình bày được một số khái niệm về kiểm soát sinh học trong môi trường và các nguyên tắt trong ứng dụng kiểm soát sinh học. và ứng dụng được các sinh vật trong môi trường nhằm kiểm soát ô nhiễm vi sinh vật, kiểm soát sinh học dịch hại và sinh vật ngoại lai xâm hại trong bảo tồn đa dạng sinh học, khôi phục và cân bằng sinh thái trong các hệ sinh thái.</p> <p>- Về kỹ năng: Vận dụng kiến thức, ứng dụng kiểm soát sinh học trong bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học và tránh rủi ro, ô nhiễm môi trường</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ thuộc lĩnh vực Sinh học ứng dụng; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.</p>	2	Học kỳ 2	Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% Hình thức thi: Tự luận.
5	Tiếng Anh 2	<p>- Về kiến thức: Nhận diện được các âm cơ bản của tiếng Anh và tái tạo lại được các âm đó dù vẫn còn nhiều ảnh hưởng của tiếng mẹ đẻ; Áp dụng được các hiện tượng ngữ pháp cơ bản trong các tình huống giao tiếp hàng ngày bằng tiếng Anh như: thông tin cá nhân, thói quen, nhu cầu, sở thích, hỏi đáp về những thông tin đơn giản; Xây dựng được vốn từ đủ để tiến hành những giao tiếp đơn giản hàng ngày với các tình huống và chủ đề quen thuộc.</p> <p>- Về kỹ năng: Áp dụng được các kỹ năng đọc hiểu, nghe hiểu cơ bản; Giao tiếp được trong những tình huống cố định và và áp dụng được kỹ năng nghe trong những hội thoại ngắn về những chủ đề gần gũi với sự giúp đỡ của người khác khi cần thiết; Hỏi và trả lời được các câu hỏi cũng như trao đổi ý kiến và thông tin về những chủ đề quen thuộc trong tình huống giao tiếp hàng ngày; Biết áp dụng các các chức năng ngôn ngữ hội thoại để thiết lập các mối quan hệ xã hội như chào hỏi, giới thiệu cảm ơn, xin lỗi; Làm việc theo nhóm để thực hiện những nhiệm vụ đơn giản như bàn về một chủ đề quen thuộc, hay thảo luận một tài liệu với cách diễn đạt và ngôn ngữ đơn giản; Miêu tả được người, sự vật, nơi chốn, công việc, việc học tập, thói quen hàng ngày, kinh nghiệm, thông tin và sở thích cá nhân; Trình bày được một chủ đề ngắn về những vấn đề liên quan đến cuộc sống hàng ngày, đưa ra lý do và có thể trả lời một số câu hỏi đơn giản; Viết được các tin nhắn đơn giản, một bức thư ngắn.... ; Viết được các cụm từ, các câu đơn giản sử dụng từ nối; Viết được về những chủ đề quen thuộc, gần gũi như tả người, nơi chốn.</p>	3	Học kỳ 2	<p>- Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%.</p> <p>- Hình thức thi: Trắc nghiệm..</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Xây dựng được tinh thần chủ động trong công việc thông qua hoạt động tự học, tự sưu tầm, tự nghiên cứu các tài liệu bằng tiếng Anh liên quan đến các chủ đề học tập; Xây dựng được tính kỷ luật khi thực hiện nghiêm túc thời gian biểu, làm việc và nộp bài đúng hạn; Xây dựng được tính tự giác khi trung thực trong học tập và trong thi cử; Xây dựng được tính tập thể khi tích cực tham gia các hoạt động nhóm, cặp, sẵn sàng chia sẻ thông tin khi thực hiện các nhiệm vụ theo bài học;			
6	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	-Về kiến thức: Trình bày và phân tích được lý luận cơ bản nhất của kinh tế chính trị Mác – Lênin. -Về kỹ năng: Vận dụng được những kiến thức đã học vào thực tiễn học tập và công tác. -Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: NL1: Có năng lực hình thành tư duy phân tích và nhận diện bản chất của các quan hệ kinh tế góp phần hình thành niềm tin và lý tưởng cách mạng trong nền kinh tế thị trường, định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay. NL2: Có năng lực tự học, tích lũy kiến thức, kỹ năng, lập kế hoạch, điều phối và phát huy trí tuệ tập thể	2	Học kỳ 2	Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%. - Hình thức thi: Tự luận.
7	Toán cao cấp 2	- Về kiến thức: Trình bày được những kiến thức cơ bản về giải tích toán học làm cơ sở cho việc học các môn chuyên ngành và lên trình độ cao hơn - Về kỹ năng: Vận dụng được những kỹ năng cơ bản để giải quyết các bài tập tính toán, thực hành các bài toán trong chương trình toán cao cấp và tiếp cận học các môn chuyên ngành Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Xác định được nhiệm vụ học tập một cách tự giác, chủ động, thực hiện các phương pháp học hiệu quả; tự học tập, tích lũy kiến thức, nghiên cứu và áp dụng các kết quả đã học vào các lĩnh vực chuyên môn đồng thời rèn luyện tác phong làm việc khoa học.	2	Học kỳ 2	- Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 2 đầu điểm, hệ số 1; Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

XVII. Ngành Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm

1. HỆ ĐH10

1	Vi sinh vật học đại cương	- Về kiến thức: Phân tích được ý nghĩa, vai trò của vi sinh vật trong các lĩnh vực đời sống xã hội. Xác định được đặc điểm hình thái, cấu tạo tế bào và hoạt động sống của vi sinh vật, sinh trưởng phát triển của vi sinh vật và các yếu tố ảnh hưởng - Về kỹ năng: Vận dụng được các kiến thức trong học phần vi sinh vật đại cương để áp dụng vào thực tiễn - Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Tự lập kế hoạch học tập và mục tiêu đạt được trong môn học vi sinh vật đại cương. Có khả năng so sánh và tổng hợp được các thông tin đã học.	2	Học kỳ 2	Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% Hình thức thi: Tự luận.
---	---------------------------	---	---	----------	---

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
2	Sinh thái học	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: nêu được các khái niệm, quy luật sinh thái cơ bản, mối quan hệ giữa các sinh vật với nhau và với điều kiện môi trường. và phân tích được chu trình và dòng năng lượng trong hệ sinh thái. Nêu được khái niệm đa dạng sinh học, nguyên nhân suy thoái đa dạng sinh học, đề xuất được một số giải pháp bảo tồn đa dạng sinh học. Nhận biết một số sinh vật chỉ thị môi trường - Về kỹ năng: biết vận dụng các kiến thức sinh thái học trong việc quan trắc, đánh giá chất lượng môi trường, ... - Năng lực tự chủ và trách nhiệm: nhận thức đúng đắn về vai trò của con người như là một nhân tố sinh thái và tầm quan trọng của công tác bảo tồn, từ đó nâng cao ý thức trách nhiệm bảo vệ môi trường của bản thân và xã hội nhằm mục tiêu phát triển bền vững 	2	Học kỳ 2	Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% Hình thức thi: Trắc nghiệm.
3	Khoa học thực phẩm	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: Trình bày được các kiến thức cơ bản về các đặc tính vật lý, hóa học, sinh học nhằm nâng cao về chất lượng và hình thức của sản phẩm thực phẩm; Nghiên cứu các nguyên nhân gây suy giảm chất lượng thực phẩm và các khái niệm cơ bản về chế biến thực phẩm. - Về kỹ năng: Ứng dụng các nguyên tắc khoa học bao gồm hóa học, kỹ thuật-thiết bị, vi sinh vật và dinh dưỡng để nghiên cứu nâng cao độ an toàn, giá trị dinh dưỡng, chất lượng và sự tiện dụng cho các loại thực phẩm. - Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Thái độ khách quan, trung thực trong học tập; có ý thức vận dụng những biết về khoa học thực phẩm để vận dụng vào đời sống và thực tiễn sản xuất 	2	Học kỳ 2	Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% Hình thức thi: Tự luận.
4	Tiếng Anh 2	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: Nhận diện được các âm cơ bản của tiếng Anh và tái tạo lại được các âm đó dù vẫn còn nhiều ảnh hưởng của tiếng mẹ đẻ; Áp dụng được các hiện tượng ngữ pháp cơ bản trong các tình huống giao tiếp hàng ngày bằng tiếng Anh như: thông tin cá nhân, thói quen, nhu cầu, sở thích, hỏi đáp về những thông tin đơn giản; Xây dựng được vốn từ đủ để tiến hành những giao tiếp đơn giản hàng ngày với các tình huống và chủ đề quen thuộc. - Về kỹ năng: Áp dụng được các kỹ năng đọc hiểu, nghe hiểu cơ bản; Giao tiếp được trong những tình huống cố định và áp dụng được kỹ năng nghe trong những hội thoại ngắn về những chủ đề gần gũi với sự giúp đỡ của người khác khi cần thiết; Hỏi và trả lời được các câu hỏi cũng như trao đổi ý kiến và thông tin về những chủ đề quen thuộc trong tình huống giao tiếp hàng ngày; Biết áp dụng các các chức năng ngôn ngữ hội thoại để thiết lập các mối quan hệ xã hội như chào hỏi, giới thiệu cảm ơn, xin lỗi; Làm việc theo nhóm để thực hiện những nhiệm vụ đơn giản như bàn về một chủ đề quen thuộc, hay thảo luận một tài liệu với cách diễn đạt và ngôn ngữ đơn giản; Miêu tả được người, sự vật, nơi chốn, công việc, 	3	Học kỳ 2	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%. - Hình thức thi: Trắc nghiệm..

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		<p>việc học tập, thói quen hàng ngày, kinh nghiệm, thông tin và sở thích cá nhân; Trình bày được một chủ đề ngắn về những vấn đề liên quan đến cuộc sống hàng ngày, đưa ra lý do và có thể trả lời một số câu hỏi đơn giản; Viết được các tin nhắn đơn giản, một bức thư ngắn.... ; Viết được các cụm từ, các câu đơn giản sử dụng từ nối; Viết được về những chủ đề quen thuộc, gần gũi như tả người, nơi chốn.</p> <p>- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Xây dựng được tinh thần chủ động trong công việc thông qua hoạt động tự học, tự sưu tầm, tự nghiên cứu các tài liệu bằng tiếng Anh liên quan đến các chủ đề học tập; Xây dựng được tính kỷ luật khi thực hiện nghiêm túc thời gian biểu, làm việc và nộp bài đúng hạn; Xây dựng được tính tự giác khi trung thực trong học tập và trong thi cử; Xây dựng được tính tập thể khi tích cực tham gia các hoạt động nhóm, cặp, sẵn sàng chia sẻ thông tin khi thực hiện các nhiệm vụ theo bài học;</p>			
5	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	<p>-Về kiến thức: Trình bày và phân tích được lý luận cơ bản nhất của kinh tế chính trị Mác – Lênin.</p> <p>-Về kỹ năng: Vận dụng được những kiến thức đã học vào thực tiễn học tập và công tác.</p> <p>-Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>NL1: Có năng lực hình thành tư duy phân tích và nhận diện bản chất của các quan hệ kinh tế góp phần hình thành niềm tin và lý tưởng cách mạng trong nền kinh tế thị trường, định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay.</p> <p>NL2: Có năng lực tự học, tích lũy kiến thức,kỹ năng, lập kế hoạch, điều phối và phát huy trí tuệ tập thể</p>	2	Học kỳ 2	<p>Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1.</p> <p>Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%.</p> <p>- Hình thức thi: Tự luận.</p>
6	Toán cao cấp 2	<p>- Về kiến thức:Trình bày được những kiến thức cơ bản về giải tích toán học làm cơ sở cho việc học các môn chuyên ngành và lên trình độ cao hơn</p> <p>- Về kỹ năng: Vận dụng được những kỹ năng cơ bản để giải quyết các bài tập tính toán, thực hành các bài toán trong chương trình toán cao cấp và tiếp cận học các môn chuyên ngành</p> <p>Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Xác định được nhiệm vụ học tập một cách tự giác, chủ động, thực hiện các phương pháp học hiệu quả; tự học tập, tích lũy kiến thức, nghiên cứu và áp dụng các kết quả đã học vào các lĩnh vực chuyên môn đồng thời rèn luyện tác phong làm việc khoa học.</p>	2	Học kỳ 2	<p>- Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%</p> <p>Bao gồm: 2 đầu điểm, hệ số 1; Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%</p> <p>- Hình thức thi: Tự luận</p>
7	Xác suất thống kê	<p>Về kiến thức: Trình bày được các bài toán cơ bản của xác suất như biến cố ngẫu nhiên và xác suất, đại lượng ngẫu nhiên, các bài toán ước lượng mẫu.</p> <p>- Về kỹ năng: Vận dụng được những kỹ năng cơ bản để giải quyết các bài tập tính toán, thực hành các bài toán trong chương trình xác suất thống kê và tiếp cận học các môn chuyên ngành;</p>	2	Học kỳ 2	<p>- Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%</p> <p>Bao gồm: 2 đầu điểm, hệ số 1; Điểm thi kết thúc học phần:</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Xác định được nhiệm vụ học tập một cách tự giác, chủ động, thực hiện các phương pháp học hiệu quả; tự học tập, tích lũy kiến thức, nghiên cứu và áp dụng các kết quả đã học vào các lĩnh vực chuyên môn đồng thời rèn luyện tác phong làm việc khoa học.			Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
8	Hình họa vẽ kỹ thuật	- Về kiến thức: Trình bày được khái niệm về các phép chiếu; thiết lập được đồ thức của các yếu tố hình học cơ bản: điểm, đường thẳng, mặt phẳng; thể hiện được giao tuyến giữa hai mặt trên đồ thức; những tiêu chuẩn trình bày bản vẽ kỹ thuật, nêu được các phương pháp biểu diễn vật thể trên bản vẽ kỹ thuật. - Về kỹ năng: Vận dụng được những kỹ năng cơ bản để giải quyết các bài tập về hình chiếu thẳng góc của vật thể cho trong không gian ba chiều; vẽ được hình chiếu trục đo, hình cắt, mặt cắt của vật thể khi biết hai hình chiếu thẳng góc; ghi đúng, đầy đủ các kích thước trên bản vẽ kỹ thuật theo TCVN và tiêu chuẩn ISO, đọc được bản vẽ kỹ thuật phù hợp với chuyên ngành theo TCVN (hoặc ISO). - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Xác định được nhiệm vụ học tập một cách tự giác, chủ động, thực hiện các phương pháp học hiệu quả; tự học tập, tích lũy kiến thức, nghiên cứu và áp dụng các kết quả đã học vào các lĩnh vực chuyên môn đồng thời rèn luyện tác phong làm việc khoa học.	2	Học kỳ 2	- Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 2 đầu điểm, hệ số 1; Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

XVIII. Ngành Khoa học môi trường

1. HỆ CH6

1	Mô hình lan truyền ô nhiễm trong môi trường	-Về kiến thức: Môn học cung cấp cho các nội dung cơ bản về quá trình vận chuyển chất ô nhiễm trong môi trường và phương pháp mô hình hóa các quá trình đó. Sau khi kết thúc học phần, các bước xây dựng một mô hình lan truyền chất ô nhiễm trong môi trường và có khả năng sử dụng các phương pháp sai phân hữu hạn và phương pháp thể tích hữu hạn để rời rạc hóa các phương trình mô tả các quá trình vận chuyển, biến đổi của chất ô nhiễm trong nước ngầm, nước sông, nước hồ (đầm lầy), nước biển, nước ngầm và môi trường không khí phục vụ xây dựng các mô hình lan truyền chất ô nhiễm trong môi trường. có khả năng sử dụng ngôn ngữ FORTRAN 90 để lập một số mô hình môi trường đơn giản và cũng có khả năng phân tích và ứng dụng một số mô hình thông dụng để tính toán quá trình vận chuyển chất ô nhiễm trong môi trường. - Về kỹ năng: Phân tích, nhận dạng các vấn đề về ô nhiễm môi trường và quá trình vận chuyển, biến đổi của chất ô nhiễm trong môi trường cũng như một số phương pháp số trị cơ bản để lập mô hình môi trường; sử dụng ngôn ngữ FORTRAN 90 để lập một số mô hình môi trường đơn	3	Học kỳ 2	- Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 30%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. - Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 70%
---	---	---	---	----------	---

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		<p>giản; phương pháp vào số liệu, chạy và phân tích, đánh giá kết quả của một số mô hình thông dụng để tính toán lan truyền chất ô nhiễm trong môi trường; Vận dụng hiệu quả kiến thức học tập được trong thực tiễn công tác sau này.</p> <p>- Về thái độ: Có thái độ học tập đúng đắn, nghiêm túc, tham dự các bài giảng đầy đủ, trả lời các câu hỏi của giảng viên. được yêu cầu phải chuẩn bị đầy đủ các bài tập cá nhân và bài tập theo nhóm và tham gia trình bày, thảo luận trên lớp. cần nghiêm túc tự học, tự nghiên cứu để đào sâu kiến thức trên cơ sở bài giảng.</p>			
2	Nguyên lý công nghệ môi trường	<p>- Về kiến thức:</p> <p>Tổng hợp và một các quá trình lý học ứng dụng trong xử lý môi trường như lắng, lọc, hấp thụ, hấp phụ, trao đổi ion.</p> <p>Tổng hợp và một các quá trình hóa học ứng dụng trong xử lý môi trường như keo tụ, oxy hóa khử.</p> <p>Tổng hợp và một các quá trình sinh học ứng dụng trong xử lý môi trường như hiếu khí, kỵ khí, quá trình xử lý trong điều kiện tự nhiên.</p> <p>Vận dụng kiến thức để nhận dạng, đề xuất được các phương pháp xử lý trong các các nhà máy, khu công nghiệp và đô thị để tránh gây ô nhiễm môi trường.</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>Tính toán được các thông số cơ bản của các công trình trong hệ thống xử lý chất thải, vận dụng được các tiêu chuẩn và quy chuẩn có liên quan trong việc thiết kế các công trình; thể hiện được các công nghệ qua sơ đồ công nghệ và thuyết minh.</p> <p>- Về thái độ:</p> <p>Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác trong giải quyết công việc, có tính chủ động trong tư duy</p>	3	Học kỳ 2	Điểm đánh giá quá trình: trọng số 30%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 70% Hình thức thi: Tự luận.
3	Chiến lược chính sách môi trường	<p>- Về kiến thức: Trình bày được vai trò của công cụ luật pháp chính sách trong quản lý tài nguyên và môi trường. Phân tích được các nhân tố của một chiến lược, chính sách tài nguyên và môi trường, các chính sách thực hiện chiến lược, chính sách tài nguyên và môi trường; Ứng dụng được nội dung chiến lược và chính sách trong quản lý tài nguyên và môi trường tại Việt Nam.</p> <p>- Về kỹ năng: rõ vai trò của công cụ luật pháp chính sách, ý nghĩa của công cụ luật pháp chính sách trong quản lý tài nguyên và môi trường. Vận dụng các chiến lược, chính sách quản lý tài nguyên và môi trường đang áp dụng ở Việt Nam vào việc quản lý tài nguyên và môi trường ở địa phương.</p> <p>- Về thái độ: thấy rõ sự cần thiết phải xây dựng các chiến lược chính sách trong khai thác, bảo vệ tài nguyên và môi trường ở các cấp độ khác nhau từ trung ương tới</p>	3	Học kỳ 2	Điểm đánh giá quá trình: trọng số 30%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 70% Hình thức thi: Tự luận.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		địa phương			
4	Lượng giá kinh tế tài nguyên và môi trường	<p>-Về kiến thức: Sau khi kết thúc học phần, có khả năng trình bày được ý nghĩa của công tác lượng giá giá trị kinh tế tài nguyên và môi trường, phạm vi áp dụng phương pháp lượng giá; phân tích được các giá trị kinh tế của các hệ sinh thái; áp dụng được các phương pháp lượng giá kinh tế tài nguyên và môi trường thường sử dụng cho một đối tượng cụ thể.</p> <p>-Về kỹ năng: vận dụng được những kiến thức liên quan tới lượng giá giá trị kinh tế tài nguyên và môi trường để tính toán được giá trị của một hệ sinh thái, sự cố thiên tai, ô nhiễm của khu công nghiệp ...</p> <p>-Về thái độ:</p> <p>Có thái độ tích cực và chủ động trong học tập.</p> <p>Có lựa chọn đúng các giá trị kinh tế của tài nguyên và môi trường và tính toán đầy đủ, chính xác nhất có thể giá trị các hệ sinh thái và thiệt hại môi trường</p>	2	Học kỳ 2	Điểm đánh giá quá trình: trọng số 30%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 70% Hình thức thi: Tự luận.
5	Tham quan thực tế	<p>Cung cấp cho kiến thức thực tế về khoa học tài nguyên và môi trường thông qua các hoạt động:</p> <p>Khảo sát thực địa tại 1 khu vực để xác định và đánh giá hiện trạng của các thành phần môi trường như đất, nước, không khí cũng như tình hình kinh tế - xã hội.</p> <p>Khảo sát thực địa tại một công trình (nhà máy, xí nghiệp) xử lý môi trường (xử lý nước cấp, xử lý nước thải, xử lý chất thải rắn,...) để tìm và qui trình công nghệ, kỹ thuật vận hành dây chuyền thiết bị,...</p>	2	Học kỳ 2	- Điểm đánh giá báo cáo về cơ sở đi tham quan (cấu trúc, phương pháp thực hiện, kết quả đạt được): 50% Điểm báo cáo (trình bày đề án, trả lời câu hỏi): 50%
6	Phương pháp nghiên cứu khoa học môi trường	<p>- Về kiến thức: Sau khi kết thúc học phần, có những kiến thức cơ bản về tổng quan về nghiên cứu khoa học, ứng dụng xác suất thông kê trong nghiên cứu môi trường nghiên cứu xã hội học trong khoa học môi trường, thiết kế và bố trí thí nghiệm trong nghiên cứu thực nghiệm. Ngoài ra cũng sẽ biết được kiến thức về phương pháp thu mẫu cũng như sử dụng thành thạo phần mềm xử lý, xử lý và phân tích số liệu.</p> <p>- Về kỹ năng: bắt được các công cụ phân tích để xác định được các vấn đề gốc có thể nghiên cứu được như: vẽ bản đồ tư duy, cây vấn đề. Thiết lập được các câu hỏi nghiên cứu qua đó xây dựng được giả thuyết nghiên cứu và định hướng thí nghiệm để kiểm định giả thuyết. được khung điều phối thí nghiệm, thẩm định được một thí nghiệm có ý nghĩa thống kê hay không và sử dụng thành thạo phần mềm thiết kế thí nghiệm trên nền Excel. Biết cách thu mẫu, ước lượng kích cỡ mẫu, sử dụng các phần mềm chuyên dụng (ACCESS, SPSS, Minitab...) để tổ chức, lưu và phân tích số liệu.</p> <p>- Về thái độ: Xác định đúng đắn vấn đề nghiên cứu đảm</p>	3	Học kỳ 2	Điểm đánh giá quá trình: trọng số 30%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 70% Hình thức thi: Tự luận.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		bảo sự chuẩn xác trong nghiên cứu khoa học, bố trí thí nghiệm/điều tra/thu mẫu phục vụ nghiên cứu.			

XIX. Ngành Thủy văn học

1. HỆ ĐH7

1	Thực tập tốt nghiệp Mô hình toán thủy văn	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: Biết về phương pháp diễn toán, thành thạo các bước sử dụng mô hình toán thủy văn thông dụng hiện nay. - Về kỹ năng: <ul style="list-style-type: none"> + Biết các mô hình và phân loại mô hình; + Biết được các phương pháp diễn toán trong các mô hình phổ biến; + Biết được các bước thiết lập một mô hình hoàn chỉnh, + Chạy thông một mô hình dưới các hình thức mô phỏng, kiểm định và dự báo thử; + Biết làm báo cáo cho việc chạy và ứng dụng một mô hình đối với một lưu vực cụ thể. - Về đạo đức nghề nghiệp: Trung thực, nghiêm túc, yêu nghề, biết biết vận dụng lý thuyết để thực hành làm các bài tập thủy văn phục vụ tính toán, cảnh báo, dự báo thủy văn và phát triển nguồn nước. 	2	Học kỳ 2	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 01 đầu điểm, hệ số 1. - Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%. - Hình thức thi: Văn đáp
2	Thực tập tốt nghiệp Dự báo thủy văn	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: <ul style="list-style-type: none"> + Biết hệ thống dự báo, cảnh báo KTTV ở Việt Nam; + Biết các công nghệ thu nhận, xử lý, tổ chức CSDL, các phương pháp, mô hình, công nghệ dự báo đang sử dụng tại Trung tâm Dự báo KTTV trung ương. - Về kỹ năng: <ul style="list-style-type: none"> + Phân tích được hệ thống dự báo KTTV của Việt Nam; + Vận hành được quy trình thu thập, giải mã, xử lý, khai thác thông tin, số liệu KTTV phục vụ công tác dự báo và cung cấp thông tin nhanh. + Xây dựng được các phương án dự báo mực nước, lưu lượng bằng các phương pháp truyền thống và mô hình đơn giản, sử dụng được các phương pháp, mô hình và các phần mềm dự báo tiên tiến đang được sử dụng ở Việt Nam vào dự báo tác nghiệp; Soạn và phát báo các bản tin dự báo, cảnh báo và truyền thông tin dự báo phục vụ công tác phòng tránh thiên tai; - Về đạo đức nghề nghiệp: <ul style="list-style-type: none"> + Có năng lực tự chủ, lập kế hoạch, điều phối để hoàn thành các công việc một cách độc lập và tự chịu trách nhiệm với kết quả công việc đã hoàn thành; + Có năng lực tự học, tích lũy kiến thức và kỹ năng phục vụ học tập, nghiên cứu và phát triển bản thân; + Có khả năng thích nghi với các điều kiện làm việc khác nhau. 	2	Học kỳ 2	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 01 đầu điểm, hệ số 1. - Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%. - Hình thức thi: Văn đáp

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
3	Đồ án tốt nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: Thực hiện được Đồ án tốt nghiệp; Phân tích, đánh giá và hệ thống hóa được toàn bộ kiến thức đã học về ngành thủy văn và áp dụng kiến thức đó để giải quyết một bài toán trọn vẹn; tổng hợp, tư duy, phân tích tìm kiếm tài liệu, lựa chọn đề tài, đặt bài toán, xây dựng đề cương nghiên cứu, lập kế hoạch thực hiện, thực hiện, biên soạn đồ án và bảo vệ thành công đồ án tốt nghiệp. - Về kỹ năng: Biết trình bày một nội dung cụ thể về lĩnh vực được đào tạo từ việc đặt vấn đề-giải quyết vấn đề-đánh giá, kết luận và kiến nghị. Biết tìm kiếm tài liệu, tổng quan, phân tích lựa chọn đề tài phù hợp với bản thân và sự phát triển của lĩnh vực mình quan tâm; Biết đặt bài toán, xây dựng được đề cương chi tiết, lập kế hoạch và giải bài toán theo đề cương và kế hoạch đặt ra. Xây dựng được báo cáo đồ án tốt nghiệp và biết cách bảo vệ thành công. - Về đạo đức nghề nghiệp: Nghiêm túc, kỷ luật, chăm chỉ, tích cực, năng động, tự chủ trong học tập; hình thành phong cách học tập, nghiên cứu, thực hành khoa học và yêu ngành, yêu nghề. 	6	Học kỳ 2	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm đánh giá quá trình: trọng số 50%, bao gồm 01 đầu điểm, hệ số 1. - Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 50%. - Hình thức thi: Báo cáo

2. HỆ DH8

1	Chỉnh biên thủy văn	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: Biết lập kế hoạch chỉnh biên thủy văn; Các phương pháp chỉnh biên thủy văn bằng phương pháp truyền thống và bằng hệ chương trình chỉnh lý tài liệu thủy văn đang được sử dụng ở nước ta. - Về kỹ năng: Áp dụng kiến thức đã học để chỉnh biên được các yếu tố thủy văn bằng hai phương pháp truyền thống và bằng hệ chương trình chỉnh lý tài liệu thủy văn. - Về đạo đức nghề nghiệp: Nghiêm túc, kỷ luật, chăm chỉ, tích cực, năng động trong học tập, thực hành và làm bài tập 	3	Học kỳ 2	<ul style="list-style-type: none"> Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. - Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%. - Hình thức thi: Tự luận
2	Tính toán điều tiết dòng chảy và cấp nước	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: Biết những kiến thức cơ bản về tính toán điều tiết dòng chảy trong sông, hồ (tính toán điều tiết cấp nước, điều tiết lũ), quy trình phân vùng, vận hành điều tiết lũ, liên hồ, cấp thoát nước trên lưu vực. - Về kỹ năng: Áp dụng được vào các bài toán tính toán điều tiết lũ, cấp nước, vận hành liên hồ chứa... - Về đạo đức nghề nghiệp: Trung thực, yêu nghề, có trách nhiệm với công việc. 	2	Học kỳ 2	<ul style="list-style-type: none"> Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. - Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%. - Hình thức thi: Tự luận
3	Mô hình toán thủy văn	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: Biết các loại mô hình toán điển hình liên quan đến thủy văn và các bước áp dụng chúng để giải quyết các bài toán liên quan đến thủy văn và nguồn nước. Biết được cơ sở lý thuyết của các mô hình thủy văn thông số tập trung, thông số phân tán, mô hình thủy động lực học, mô hình diễn toán dòng chảy. Vận dụng được các mô hình trong giải quyết các bài toán liên quan đến đánh giá dòng chảy trên các lưu vực sông. - Về kỹ năng: Có kỹ năng sử dụng các mô hình toán thủy văn, thủy lực MIKE của DHI như tiền đề cho viết 	3	Học kỳ 2	<ul style="list-style-type: none"> Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. - Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%. - Hình thức thi: Thực hành

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		bắt công cụ tính toán cho các nghiên cứu trong tương lai. - Về đạo đức nghề nghiệp: Rèn luyện sự cẩn cù, chăm chỉ và sáng tạo trong học tập và tư duy logic trong việc thiết lập và giải quyết vấn đề.			
4	Phân tích hệ thống thủy văn	- Về kiến thức: Biết phân tích khái niệm cơ bản, mô tả được phân tích hệ thống nói chung, trình bày được các phương pháp phân tích hệ thống nguồn nước. - Về kỹ năng: Áp dụng quy tắc phân tích hệ thống nguồn nước để làm các bài toán cơ bản về tối ưu hoá, mô phỏng trong phân tích hệ thống nguồn nước - Về đạo đức nghề nghiệp: Trung thực, nghiêm túc, yêu nghề, biết biết vận dụng lý thuyết để thực hành làm các bài tập thủy văn phục vụ tính toán, cảnh báo, dự báo thủy văn và phát triển nguồn nước.	2	Học kỳ 2	Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. - Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%. - Hình thức thi: Tự luận
5	Quản lý tổng hợp Tài nguyên nước	- Về kiến thức: Biết được những kiến thức và kỹ năng cần thiết để phát triển một dự án quy hoạch và quản lý tổng hợp tài nguyên nước trong thực tiễn. Áp dụng được những nguyên lý và phương pháp luận trong việc lập quy hoạch sử dụng hợp lý tài nguyên nước, quản lý/kiểm soát có hiệu quả tài nguyên nước của một vùng lãnh thổ, một lưu vực sông. - Về kỹ năng: Biết những lý thuyết chung về quản lý tổng hợp tài nguyên nước. Biết được tại sao phải hướng đến quản lý tổng hợp tài nguyên nước. Vận dụng thiết lập bài toán quy hoạch tổng hợp TNN và trình tự giải quyết bài toán đó cho một lưu vực sông hay một hệ thống sử dụng nước - Về đạo đức nghề nghiệp: Rèn luyện sự cẩn cù, chăm chỉ và sáng tạo trong học tập. Có ý thức nghề nghiệp.	2	Học kỳ 2	Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. - Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%. - Hình thức thi: Tự luận
6	Thực tập đo đạc và chỉnh biên thủy văn 1	- Về kiến thức: Phân tích được kiến thức về bố trí các điểm đo đạc các yếu tố thủy văn. Đo thành thạo yếu tố mực nước trên hệ thống cọc, thủy chí. quy trình đo đạc lưu lượng nước và lưu lượng chất lơ lửng trên mặt cắt ngang. Biết cách lấy mẫu trên đường thủy trực. các phương pháp chỉnh lý các yếu tố thủy văn - Về kỹ năng: Áp dụng vào thực hành thành thạo - Về đạo đức nghề nghiệp: Chăm chỉ, trung thực	2	Học kỳ 2	- Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. - Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%. - Hình thức thi: Thực hành
7	Thực tập đo đạc và chỉnh biên thủy văn 2	- Về kiến thức: Phân tích được các kiến thức về bố trí các điểm đo đạc các yếu tố thủy văn. Đo thành thạo yếu tố mực nước trên hệ thống cọc, thủy chí. quy trình đo đạc lưu lượng nước và lưu lượng chất lơ lửng trên mặt cắt ngang. Biết cách lấy mẫu trên đường thủy trực. các phương pháp chỉnh lý các yếu tố thủy văn - Về kỹ năng: Áp dụng thực hành thành thạo - Về đạo đức nghề nghiệp: Chăm chỉ, trung thực	3	Học kỳ 2	- Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. - Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%. - Hình thức thi: Thực hành

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
3. HỆ ĐH9					
1	Thủy văn đại cương	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: Biết được các khái niệm cơ bản nhất về thủy văn học và biết được quy luật hình thành vận động và biến đổi của nước trong tự nhiên. - Về kỹ năng: Áp dụng các quy luật thủy văn để nghiên cứu các quá trình hình thành dòng chảy sông ngòi, dòng chảy ngầm và thiết lập được phương trình cân bằng nước, tính toán các đặc trưng của sông và lưu vực sông, tính toán các đặc trưng dòng chảy, tính lượng mưa bình quân lưu vực, tính dòng chảy lũ theo công thức công thức căn nguyên dòng chảy. - Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Rèn đức tính cẩn thận, trung thực, tinh thần học tập và làm việc nghiêm túc, yêu nghề; luôn có ý thức khiêm tốn học hỏi và phát huy sáng kiến trong các hoạt động học tập. 	3	Học kỳ 2	<p>Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%. - Hình thức thi: Tự luận
2	Thủy lực sông ngòi	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: Biết kiến thức về dòng đều và dòng không đều trong kênh hở, dòng ổn định trong sông thiên nhiên. Phân biệt được các dạng đường mặt nước và các trạng thái chảy trong kênh, trong sông. - Về kỹ năng: Áp dụng vẽ được đường mặt nước trong kênh, thiết kế được các đặc trưng mặt cắt kênh. Tính toán thủy lực cho đập tràn và tiêu năng hạ lưu công trình - Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Rèn đức tính cẩn thận, trung thực, tinh thần học tập và làm việc nghiêm túc, yêu nghề; luôn có ý thức khiêm tốn học hỏi và phát huy sáng kiến trong các hoạt động học tập. 	3	Học kỳ 2	<p>Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%. - Hình thức thi: Tự luận
3	Chỉnh biên thủy văn	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: Biết lập kế hoạch chỉnh biên thủy văn; Các phương pháp chỉnh biên thủy văn bằng phương pháp truyền thống và bằng hệ chương trình chỉnh lý tài liệu thủy văn đang được sử dụng ở Việt Nam. - Về kỹ năng: Áp dụng kiến thức đã học để chỉnh biên được các yếu tố thủy văn bằng hai phương pháp truyền thống và bằng hệ chương trình chỉnh lý tài liệu thủy văn. - Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Nghiêm túc, kỷ luật, chăm chỉ, tích cực, năng động trong học tập, thực hành và làm bài tập 	3	Học kỳ 2	<p>Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%. - Hình thức thi: Tự luận
4	Xác suất thống kê trong thủy văn	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: Biết được kiến thức trong việc thống kê, phân tích, xử lý số liệu, có kiến thức về đường tần suất, các đặc trưng thống kê của các đại lượng thủy văn, biết sử dụng các chỉ tiêu đánh giá tính đồng nhất, ngẫu nhiên, phù hợp của các chuỗi số liệu thủy văn. Phương pháp xác định các quan hệ tương quan giữa các đặc trưng thủy văn, quan hệ giữa các đặc trưng thủy văn với các nhân tố ảnh hưởng, trên cơ sở đó có thể kéo dài, bổ xung tài liệu tính toán phục vụ công tác chỉnh lý số liệu, tính toán và dự báo thủy văn 	3	Học kỳ 2	<p>Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%. - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		<ul style="list-style-type: none"> - Về kỹ năng: Phân tích được các luật phân phối xác suất mô tả các chuỗi số liệu thủy văn. - Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Rèn luyện sự cẩn cù, chăm chỉ và sáng tạo trong học tập. Có ý thức nghề nghiệp. 			
5	Kĩ thuật viễn thám và GIS trong thủy văn	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: Biết phân tích xử lí giải đoán ảnh viễn thám, vật thể, hiện tượng tồn tại trên trái đất; giải thích hiện tượng, giám sát, cảnh báo, dự báo và qui hoạch chiến lược trong nhiều lĩnh vực như phòng tránh thiên tai, khai thác, quản lí tài nguyên thiên nhiên. Đồng thời biết cách tổ chức, quản lý và sử dụng các thông tin địa lý cho lĩnh vực thủy văn phục vụ phát triển nguồn nước. - Về kỹ năng: Áp dụng kiến thức được học để giải đoán các loại ảnh viễn thám (SPOT, Landsat); quản lý, phân tích, lưu trữ dữ liệu của hệ thống thông tin địa lí (Mapinfo, ArcView, ArcGIS); sử dụng được một số phần mềm ảnh viễn thám và phần mềm GIS như ENVI, ArcView, ArcGIS. - Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Trung thực, nghiêm túc, yêu nghề, biết biết vận dụng lý thuyết để thực hành làm các bài tập thủy văn phục vụ tính toán, giám sát, cảnh báo, dự báo thủy văn và phát triển nguồn nước. 	3	Học kỳ 2	<p>Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1.</p> <p>- Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%.</p> <p>- Hình thức thi: Tự luận</p>
6	Mô hình toán thủy văn	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: Biết các loại mô hình toán điển hình liên quan đến thủy văn và các bước áp dụng chúng để giải quyết các bài toán liên quan đến thủy văn và nguồn nước. Biết được cơ sở lý thuyết của các mô hình thủy văn thông số tập trung, thông số phân tán, mô hình thủy động lực học, mô hình diễn toán dòng chảy. Vận dụng được các mô hình trong giải quyết các bài toán liên quan đến đánh giá dòng chảy trên các lưu vực sông. - Về kỹ năng: Có kỹ năng sử dụng các mô hình toán thủy văn, thủy lực MIKE của DHI như tiền đề cho viết bắt công cụ tính toán cho các nghiên cứu trong tương lai. - Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Rèn luyện sự cẩn cù, chăm chỉ và sáng tạo trong học tập và tư duy logic trong việc thiết lập và giải quyết vấn đề. 	3	Học kỳ 2	<p>Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1.</p> <p>- Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%.</p> <p>- Hình thức thi: Thực hành</p>
7	Tiếng Anh chuyên ngành	<p>Về kiến thức ngôn ngữ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết được một số kiến thức đặc trưng của văn phong khoa học và thuật ngữ chuyên ngành thủy văn - Phát triển được một số các kỹ năng đọc cơ bản như đọc để lấy ý chính, đọc để tìm thông tin cụ thể, đoán nghĩa từ mới thông qua ngữ cảnh, xác định chủ đề của các đoạn văn, nhận biết mối quan hệ giữa các đoạn văn. <p>Ngữ pháp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có vốn từ vựng, ngữ pháp cơ bản về cách diễn đạt cho những tình huống giao tiếp hàng ngày trong công việc và trong các cuộc hội thảo về chuyên ngành thủy văn. 	3	Học kỳ 2	<p>Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1.</p> <p>- Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%.</p> <p>- Hình thức thi: Tự luận</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng một cách hợp lý và chính xác các thuật ngữ các cấu trúc có tính công thức, hay dùng thường ngày và các mẫu ngữ pháp gắn liền với những tình huống quen thuộc. Từ vựng - Có đủ vốn từ để dịch thuật các văn bản chuyên ngành thủy văn. Đọc các văn bản và ứng dụng kiến thức đó trong công việc. Về các kỹ năng ngôn ngữ Kỹ năng đọc <ul style="list-style-type: none"> - Đọc các đoạn văn bản, các bài khóa, đoạn văn hay thông điệp. - Rèn luyện kỹ năng đọc lướt nhanh để lấy thông tin chính cho các bài tập đọc . - Trình bày, dịch, viết và phân tích các tài liệu có liên quan đến ngành Thủy văn. - Đọc lướt các văn bản dài để xác định các thông tin cần tìm, thu thập thông tin từ nhiều phần của một văn bản, hay từ nhiều văn bản khác nhau nhằm hoàn thành các nhiệm vụ cụ thể trong bài đọc. - Tìm ra và biết được thông tin phù hợp trong các tài liệu thường nhật, ví dụ như thư từ, sách quảng cáo hay các Tài liệu chính thức, ngắn. - Xác định được các kết luận chính được chỉ rõ ra trong các bài báo, thông tư hay đoạn văn. - Nhận ra được lập luận khi đọc về vấn đề, mặc dù chưa được một cách chi tiết. - Nhận biết những điểm chính được trình bày trong các bài báo đơn giản về các đề tài quen thuộc. - Biết được các thuật ngữ trong quản lý tài nguyên nước và đo đạc thủy văn. - Biết tiếp cận với khoa học Thủy văn, nghiên cứu tài liệu nhằm phục vụ tốt nhất cho chuyên môn nghiệp vụ của mình. Kỹ năng nói <ul style="list-style-type: none"> - Có thể giao tiếp hàng ngày trong công việc. - Hỏi và trả lời cũng như thảo luận về những kiến thức chuyên ngành. - Trình bày những quan điểm về chu trình thủy văn, quản lý hệ thống tưới tiêu, các thiên tai do lũ lụt gây ra, đo đạc thủy văn. - Tóm tắt được những bài khóa. - Thành lập được những đoạn hội thoại ngắn. - Trình bày về những chủ đề của bài học. Kỹ năng viết <ul style="list-style-type: none"> - Viết được các đoạn văn ngắn. - Mô tả đơn giản, chi tiết về nhiều chủ đề. - Viết các bài tường thuật về những trải nghiệm, mô tả cảm xúc và phản ứng trong một đoạn văn đơn giản, có tính kết nối. - Viết một bài mô tả một sự kiện, một chuyến đi gần đây (có thực hay tưởng tượng). 			

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		<ul style="list-style-type: none"> - Viết các báo cáo ngắn gọn theo một định dạng chuẩn đã được quy ước sẵn, qua đó truyền đạt các thông tin sự kiện và lời lý giải cho các hành động. - Truyền đạt thông tin và ý tưởng về các đề tài cụ thể hay trừu tượng, kiểm tra thông tin, yêu cầu lấy thông tin hay giải thích vấn đề với độ chính xác phù hợp. - Viết thư hay ghi chú cá nhân để yêu cầu hay truyền đạt các thông tin đơn giản có tính phù hợp tức thì, truyền tải được điểm mà mình cho là quan trọng. - Rèn kỹ năng viết thông qua các bài tập trong phần luyện viết. <p>Các nhóm kỹ năng khác</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm việc theo cặp và nhóm một cách hiệu quả. - Tìm kiếm và khai thác thông tin trên mạng internet, báo chí để phục vụ cho học phần chuyên ngành của mình. - Có thảo luận theo nhóm và thuyết trình trước lớp về một vấn đề được giáo viên giao phó. Sử dụng ngôn ngữ rõ ràng và đơn giản. - Khích lệ hỏi đáp và nhận xét đánh giá. <p>Về mặt thái độ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được tầm quan trọng của học phần và có ý thức cao độ trong việc học hỏi bắt nội dung học phần. - Phát huy tối đa tinh thần tự học thông qua nghiên cứu tài liệu, tìm tòi sáng tạo các nguồn sách để đọc thêm và các tài liệu trên mạng internet ... - Thực hiện nghiêm túc thời gian biểu, làm việc và nộp bài đúng hạn. - Tự giác trong học tập và trung thực trong thi cử. - Phát huy tối đa khả năng sáng tạo khi thực hiện các hoạt động trên lớp và ở nhà. - Hăng hái, nhiệt tình tham gia vào các hoạt động thảo luận trên lớp. - Chia sẻ thông tin với bạn bè và giáo viên. - Chủ động đặt câu hỏi về những thắc mắc của mình. 			
8	Tư tưởng Hồ Chí Minh	<ul style="list-style-type: none"> -Về kiến thức: Trình bày, phân tích, giải thích được những nội dung cơ bản trong chương trình môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh; đánh giá được giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh đối với Đảng, dân tộc và nhân loại. -Về kỹ năng: Vận dụng sáng tạo lý luận, phương pháp và phương pháp luận của Hồ Chí Minh để phân tích, đánh giá được một số vấn đề trong thực tiễn đời sống, học tập và công tác. - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: <ul style="list-style-type: none"> NL1: Có lập tư tưởng chính trị vững vàng, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với CNXH. Có phẩm chất đạo đức tốt, lối sống lành mạnh theo tấm gương đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh. NL2: Tích cực, chủ động đấu tranh phê phán những quan điểm sai trái, bảo vệ chủ nghĩa Mác –Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ 	3	Học Học kỳ 2	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%. - Hình thức thi: Tự luận.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước. NL3: Xác định trách nhiệm của bản thân đối với sự nghiệp xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc; Có năng lực vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh giải quyết vấn đề đặt ra trong lĩnh vực nghề nghiệp.			
4. HỆ DH10					
1	Tiếng Anh 2	<p>- Về kiến thức: Nhận diện được các âm cơ bản của tiếng Anh và tái tạo lại được các âm đó dù vẫn còn nhiều ảnh hưởng của tiếng mẹ đẻ; Áp dụng được các hiện tượng ngữ pháp cơ bản trong các tình huống giao tiếp hàng ngày bằng tiếng Anh như: thông tin cá nhân, thói quen, nhu cầu, sở thích, hỏi đáp về những thông tin đơn giản; Xây dựng được vốn từ đủ để tiến hành những giao tiếp đơn giản hàng ngày với các tình huống và chủ đề quen thuộc.</p> <p>- Về kỹ năng: Áp dụng được các kỹ năng đọc hiểu, nghe hiểu cơ bản; Giao tiếp được trong những tình huống cố định và áp dụng được kỹ năng nghe trong những hội thoại ngắn về những chủ đề gần gũi với sự giúp đỡ của người khác khi cần thiết; Hỏi và trả lời được các câu hỏi cũng như trao đổi ý kiến và thông tin về những chủ đề quen thuộc trong tình huống giao tiếp hàng ngày; Biết áp dụng các chức năng ngôn ngữ hội thoại để thiết lập các mối quan hệ xã hội như chào hỏi, giới thiệu cảm ơn, xin lỗi; Làm việc theo nhóm để thực hiện những nhiệm vụ đơn giản như bàn về một chủ đề quen thuộc, hay thảo luận một tài liệu với cách diễn đạt và ngôn ngữ đơn giản; Miêu tả được người, sự vật, nơi chốn, công việc, việc học tập, thói quen hàng ngày, kinh nghiệm, thông tin và sở thích cá nhân; Trình bày được một chủ đề ngắn về những vấn đề liên quan đến cuộc sống hàng ngày, đưa ra lý do và có thể trả lời một số câu hỏi đơn giản; Viết được các tin nhắn đơn giản, một bức thư ngắn... ; Viết được các cụm từ, các câu đơn giản sử dụng từ nối; Viết được về những chủ đề quen thuộc, gần gũi như tả người, nơi chốn.</p> <p>- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Xây dựng được tinh thần chủ động trong công việc thông qua hoạt động tự học, tự sưu tầm, tự nghiên cứu các tài liệu bằng tiếng Anh liên quan đến các chủ đề học tập; Xây dựng được tính kỷ luật khi thực hiện nghiêm túc thời gian biểu, làm việc và nộp bài đúng hạn; Xây dựng được tính tự giác khi trung thực trong học tập và trong thi cử; Xây dựng được tính tập thể khi tích cực tham gia các hoạt động nhóm, cặp, sẵn sàng chia sẻ thông tin khi thực hiện các nhiệm vụ theo bài học;</p>	3	Học kỳ 2	<p>- Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%.</p> <p>- Hình thức thi: Trắc nghiệm..</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: Trình bày và phân tích được những tri thức cơ bản, cốt lõi nhất về Chủ nghĩa xã hội khoa học, một trong ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác - Lênin. - Về kỹ năng: Vận dụng các tri thức cơ bản về Chủ nghĩa xã hội khoa học để phân tích và đánh giá một số vấn đề chính trị xã hội liên quan tới chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. -Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: NL1: Có năng lực hình thành tư duy phân tích, đánh giá và nhận diện bản chất các quan hệ chính trị - xã hội, góp phần hình thành niềm tin, lý tưởng cách mạng và xây dựng trách nhiệm xã hội phù hợp với vị trí việc làm và cuộc sống sau khi ra trường. NL2: Có năng lực tự học, tích lũy kiến thức và kỹ năng; có năng lực lập kế hoạch, điều phối và phát huy trí tuệ tập thể. 	2	Học Học kỳ 2	<ul style="list-style-type: none"> Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%. - Hình thức thi: Tự luận.
3	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	<ul style="list-style-type: none"> -Về kiến thức: Trình bày và phân tích được lý luận cơ bản nhất của kinh tế chính trị Mác – Lênin. -Về kỹ năng: Vận dụng được những kiến thức đã học vào thực tiễn học tập và công tác. -Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: NL1: Có năng lực hình thành tư duy phân tích và nhận diện bản chất của các quan hệ kinh tế góp phần hình thành niềm tin và lý tưởng cách mạng trong nền kinh tế thị trường, định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay. NL2: Có năng lực tự học, tích lũy kiến thức, kỹ năng, lập kế hoạch, điều phối và phát huy trí tuệ tập thể 	2	Học Học kỳ 2	<ul style="list-style-type: none"> Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%. - Hình thức thi: Tự luận.
4	Pháp luật đại cương	<ul style="list-style-type: none"> -Về kiến thức: Trình bày, phân tích được những kiến thức cơ bản nhất về nhà nước và pháp luật nói chung; Trình bày, phân tích được những nội dung cơ bản nhất của một số ngành luật chủ yếu trong hệ thống pháp luật Việt Nam. - Về kỹ năng: So sánh được những vấn đề cơ bản về nhà nước và pháp luật nói chung; những nội dung cơ bản của một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam; So sánh một số chế định pháp luật trong các ngành luật khác nhau; Vận dụng những kiến thức đã học về các ngành luật để giải quyết những bài tập, tình huống trên lớp và trong thực tế. - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: NL1: Có năng lực tìm kiếm, tra cứu văn bản, tra cứu các quy định của pháp luật liên quan đến nghề nghiệp và các lĩnh vực khác của đời sống. NL2: Có khả năng xác định được quyền và nghĩa vụ của bản thân trong các quan hệ pháp luật cụ thể. 	2	Học kỳ 2	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. - Điểm thi kết thúc học phần 60%. - Hình thức thi: Trắc nghiệm.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
5	Giải tích 2	<p>- Về kiến thức: Trình bày được những kiến thức cơ bản về giải tích như: tích phân của hàm nhiều biến, phương trình vi phân làm cơ sở cho việc học các môn chuyên ngành và lên trình độ cao hơn.</p> <p>- Về kỹ năng: Vận dụng được những kỹ năng cơ bản để giải quyết các bài tập tính toán, thực hành các bài toán trong chương trình giải tích và tiếp cận học các môn chuyên ngành.</p> <p>Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Xác định được nhiệm vụ học tập một cách tự giác, chủ động, thực hiện các phương pháp học hiệu quả; tự học tập, tích lũy kiến thức, nghiên cứu và áp dụng các kết quả đã học vào các lĩnh vực chuyên môn đồng thời rèn luyện tác phong làm việc khoa học</p>	2	Học kỳ 2	<p>- Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%</p> <p>Bao gồm: 2 đầu điểm, hệ số 1; Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%</p> <p>- Hình thức thi: Tự luận</p>
6	Phương pháp tính	<p>- Về kiến thức: Trình bày được những kiến thức cơ bản trong giải tích số, được mối liên hệ giữa việc giải các bài toán thực tế và tính toán khoa học (trong khoa học - công nghệ, kinh tế và xã hội) với tin học, toán học tính toán và toán học lý thuyết; các khái niệm về sai số; các dạng bài toán cơ bản: cơ sở, nội dung chính và một số tính chất quan trọng nhất của những phương pháp thông dụng giải gần đúng các bài toán đó; thuật toán và biết một số ưu, nhược điểm chính của các phương pháp đã học (độ tin cậy, hiệu quả, khả năng thực hiện được trong thực tế). Vận dụng các phương pháp và thuật toán cơ bản để giải những bài toán liên quan.</p> <p>- Về kỹ năng: Vận dụng được những kỹ năng cơ bản để giải quyết các bài tập về sai số, tính gần đúng, thực hành các bài toán trong chương trình phương pháp tính và tiếp cận học các môn chuyên ngành;</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Xác định được nhiệm vụ học tập một cách tự giác, chủ động, thực hiện các phương pháp học hiệu quả; tự học tập, tích lũy kiến thức, nghiên cứu và áp dụng các kết quả đã học vào các lĩnh vực chuyên môn đồng thời rèn luyện tác phong làm việc khoa học.</p>	2	Học kỳ 2	<p>- Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%</p> <p>Bao gồm: 2 đầu điểm, hệ số 1; Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%</p> <p>- Hình thức thi: Tự luận</p>
5. HỆ CH6					
1	Mô hình toán nước dưới đất	<p>- Về kiến thức: Biết được mô hình số nước dưới đất. Biết vận dụng các kiến thức đó vào giải quyết các vấn đề cụ thể của chuyên ngành thủy văn, tài nguyên nước, môi trường. Biết được khái niệm chung và các loại mô hình nước dưới đất.</p> <p>- Về kỹ năng: Xây dựng, chỉnh lý và dự báo mô hình; Ứng dụng được mô hình giải quyết các bài toán chuyên ngành thủy văn, địa kỹ thuật, môi trường..</p> <p>- Về đạo đức nghề nghiệp: nghiên cứu, sáng tạo trên lớp và nâng cao tinh thần tự học</p>	3	Học kỳ 2	<p>- Điểm kiểm tra giữa kỳ (Bài tập lớn, bài kiểm tra giữa kỳ): 30%</p> <p>- Điểm thi kết thúc học phần: 70%</p> <p>Hình thức thi: Báo cáo tiểu luận</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
2	Thủy văn đô thị nâng cao	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: và vận dụng được các kiến thức về tác động của đô thị hóa đến sự thay đổi chế độ khí tượng thủy văn trên lưu vực sông trên cơ sở các kết quả nghiên cứu cập nhật trên thế giới và ở Việt Nam. Từ đó vận dụng và thực hành các phương pháp để đánh giá sự thay đổi các đặc trưng thủy văn do đô thị hóa. - Về kỹ năng: và vận dụng được phương pháp mô hình với các phần mềm công nghệ cập nhật để đánh giá sự thay đổi các đặc trưng thủy văn do đô thị hóa cho một lưu vực sông hay một vùng nghiên cứu cụ thể. Đồng thời, được cung cấp kiến thức về thiết kế hệ thống thoát nước ở một khu vực có quy hoạch đô thị hoặc xây dựng khu công nghiệp, thương mại độc lập. - Về đạo đức nghề nghiệp: Rèn luyện sự cần cù, chăm chỉ và sáng tạo trong học tập và tư duy logic trong việc thiết lập và giải quyết vấn đề. 	3	Học kỳ 2	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm kiểm tra giữa kỳ (Bài tập lớn, bài kiểm tra giữa kỳ): 30% - Điểm thi kết thúc học phần: 70% Hình thức thi: Tự luận
3	Điều tiết dòng chảy hệ thống hồ chứa	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: Hiểu và vận dụng được các kiến thức nâng cao về hồ chứa và điều tiết hồ chứa; các phương pháp tính điều tiết hồ chứa, quy tắc và quy trình vận hành liên hồ chứa; vận hành liên hồ chứa trong mùa lũ và mùa kiệt, vận hành liên hồ chứa thời gian thực và dự báo hỗ trợ vận hành... vào thực tế nhằm vận hành liên hồ chứa an toàn và hiệu quả. - Về kỹ năng: Biết cơ sở luận chứng và khả năng áp dụng mô hình trong tính toán xây dựng quy trình vận hành liên hồ chứa. - Về đạo đức nghề nghiệp: Xây dựng được kế hoạch tự học và tự nghiên cứu. Tham gia nghe giảng nghiêm túc và nộp bài tập đầy đủ. 	3	Học kỳ 2	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm kiểm tra giữa kỳ (Bài tập lớn, bài kiểm tra giữa kỳ): 30% - Điểm thi kết thúc học phần: 70% - Hình thức thi: Tiểu luận
4	Tính mưa lũ cực hạn	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: Biết được các kiến thức về phương pháp luận, phương pháp tính hiện đại về thủy văn, mối quan hệ giữa thủy văn và các ngành có liên quan. - Về kỹ năng: Biết được cơ sở để tính toán mưa lớn nhất khả năng, lũ lớn nhất khả năng và các bài toán liên quan khác: các phương pháp tính lũ thiết kế... - Về đạo đức nghề nghiệp: Xây dựng được kế hoạch tự học và tự nghiên cứu. Tham gia nghe giảng nghiêm túc và nộp bài tập đầy đủ. 	3	Học kỳ 2	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm kiểm tra giữa kỳ (Bài tập lớn, bài kiểm tra giữa kỳ): 30% - Điểm thi kết thúc học phần: 70% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
5	Thủy văn đô thị nâng cao	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: và vận dụng được các kiến thức về tác động của đô thị hóa đến sự thay đổi chế độ khí tượng thủy văn trên lưu vực sông trên cơ sở các kết quả nghiên cứu cập nhật trên thế giới và ở Việt Nam. Từ đó vận dụng và thực hành các phương pháp để đánh giá sự thay đổi các đặc trưng thủy văn do đô thị hóa. - Về kỹ năng: và vận dụng được phương pháp mô hình với các phần mềm công nghệ cập nhật để đánh giá sự thay đổi các đặc trưng thủy văn do đô thị hóa cho một lưu vực sông hay một vùng nghiên cứu cụ thể. Biết được các kiến thức về thiết kế hệ thống thoát nước ở một khu vực có quy hoạch đô thị hoặc xây dựng khu công nghiệp, thương mại độc lập. - Về đạo đức nghề nghiệp: Rèn luyện sự cần cù, chăm chỉ và sáng tạo trong học tập và tư duy logic trong việc thiết lập và giải quyết vấn đề. 	3	Học kỳ 2	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm kiểm tra giữa kỳ (Bài tập lớn, bài kiểm tra giữa kỳ): 30% - Điểm thi kết thúc học phần: 70% - Hình thức thi: Tự luận

XX. Ngành Khí tượng và khí hậu học

1. HỆ DH7

1	Đồ án tốt nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: những kiến thức về Đồ án tốt nghiệp. Trên cơ sở kiến thức đã học, học cách tư duy phân tích tìm kiếm tài liệu, lựa chọn đề tài, đặt bài toán, xây dựng đề cương nghiên cứu, lập kế hoạch thực hiện, thực hiện, biên soạn đồ án và bảo vệ đồ án tốt nghiệp - Về kỹ năng: biết tìm kiếm tài liệu, tổng quan, phân tích lựa chọn đề tài phù hợp; biết cách đặt bài toán, xây dựng được đề cương chi tiết, lập kế hoạch thực hiện và thực hiện đề cương theo kế hoạch đặt ra. Biên soạn được báo cáo đồ án tốt nghiệp và biết cách bảo vệ thành công. - Về đạo đức nghề nghiệp: hình thành thái độ làm việc nghiêm túc, tích cực, năng động, tự chủ trong học tập, nghiên cứu 	6	Học kỳ 2	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.
2	Hoàn lưu khí quyển	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: Phân tích được vai trò của hoàn lưu chung, hoàn lưu gió mùa tới thời tiết và khí hậu - Về kỹ năng: Áp dụng được những kiến thức cơ bản về hoàn lưu khí quyển để nghiên cứu khu vực mình đang sinh sống - Về đạo đức nghề nghiệp: Tự giác, tìm tòi và sáng tạo trong học tập. 	3	Học kỳ 2	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. - Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%. - Hình thức thi: Tự luận.
3	Tài nguyên khí hậu	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: phải đạt được những yêu cầu về kiến thức như sau: Trình bày được các đặc trưng của chế độ bức xạ, chế độ nhiệt, chế độ gió và chế độ mưa trên lãnh thổ Việt Nam; Trình bày được các tài nguyên khí hậu: tài nguyên về bức xạ, tài nguyên về gió. - Về kỹ năng: Áp dụng được những kiến thức về khí hậu 	3	Học kỳ 2	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. - Điểm thi kết

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		và tài nguyên khí hậu, tiến tới ứng dụng các tài nguyên khí hậu vào cuộc sống - Về đạo đức nghề nghiệp: Tự giác, tìm tòi và sáng tạo trong học tập.			thức học phần: Trọng số 60%. - Hình thức thi: Tự luận.
2. HỆ DH8					
1	Khí hậu và khí hậu Việt Nam	- Về kiến thức: Đạt được những yêu cầu về kiến thức như sau: Nêu khái quát được hệ thống khí hậu và sự hình thành khí hậu; Trình bày được đặc điểm chung của các nhân tố hình thành khí hậu và sự biến đổi theo không gian và thời gian của chúng; Phân tích được đặc điểm phân hóa theo thời gian và không gian của các nhân tố hình thành khí hậu trên lãnh thổ Việt Nam; được các quá trình truyền năng lượng trong khí quyển và cân bằng năng lượng của hệ thống khí hậu; Phân tích được đặc điểm phân bố của ba đặc trưng khí hậu cơ bản (gió, nhiệt độ và lượng mưa) trên quy mô toàn cầu và Việt Nam; Trình bày được các quy luật và đặc điểm phân hóa khí hậu trên lãnh thổ Việt Nam. - Về kỹ năng: Có kỹ năng tìm kiếm tài liệu chuyên ngành liên quan đến học phần, thành thực kỹ năng đọc và tóm tắt tài liệu tham khảo; Ứng dụng được kiến thức của các học phần khác để phục vụ môn học, như ứng dụng kiến thức thống kê khí hậu để phân tích một chuỗi số liệu theo thời gian; Có kỹ năng làm việc nhóm. - Về đạo đức nghề nghiệp: Đảm bảo an toàn, bí mật các nguồn số liệu được cung cấp; Trung thực và khách quan trong tính toán xử lý số liệu; Trích dẫn tài liệu đúng quy cách.	3	Học kỳ 2	- Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. - Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%. - Hình thức thi: Tự luận.
2	Dự báo số trị	- Về kiến thức: mô tả được các kiến thức về phương pháp xây dựng, tích phân các mô hình dự báo thời tiết và tạo trường ban đầu cho các mô hình dự báo - Về kỹ năng: Vận dụng những kiến thức đã học để tiến hành nghiên cứu cải tiến và áp dụng các mô hình dự báo thời tiết vào thực tế - Về đạo đức nghề nghiệp: hình thành thái độ nghiêm túc, cẩn thận, tích cực học tập	3	Học kỳ 2	- Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. - Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%. - Hình thức thi: Tự luận.
3	Tin học ứng dụng	- Về kiến thức: so sánh được sự khác nhau giữa các kiểu số liệu sử dụng trong ngôn ngữ lập trình Fortran; Phân tích được ý nghĩa và xác định được hệ số tương quan cũng như hệ số của phương trình hồi quy tuyến tính; Xây dựng được các bài toán dự báo thống kê bằng các phương trình hồi quy và phân lớp - Về kỹ năng: Lập trình giải các bài toán khí hậu đơn giản bằng ngôn ngữ Fortran; Sử dụng được các phần mềm thống kê thông dụng để tính toán các đặc trưng	4	Học kỳ 2	- Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1, 1 điểm thi giữa học kỳ - Điểm thi kết thúc học phần:

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		thống kê và phân bố xác suất, tương quan và hồi quy - Về đạo đức nghề nghiệp: hình thành tinh thần tính cần cù, tỉ mỉ, sáng tạo, chính xác, làm việc theo nhóm			Trọng số 60%. - Hình thức thi: Thực hành.
4	Khí tượng nhiệt đới	- Về kiến thức phân tích được đặc điểm phân bố của các yếu tố khí tượng vùng nhiệt đới cũng như những hệ thống thời tiết vùng nhiệt đới; Phân tích được quy luật hoạt động và hệ quả thời tiết của những hệ thống thời tiết vùng ngoại nhiệt đới xâm nhập xuống vùng nhiệt đới; Phân tích được ảnh hưởng của những biến đổi không theo mùa đến vùng nhiệt đới. Phân tích được sự phân bố của trường một số các yếu tố khí tượng và các khối không khí, phân loại front, sự sinh và tan front cũng như trường khí tượng của front. - Về kỹ năng: áp dụng những kiến thức đã học để phân tích được bản đồ synop, các khối không khí, các loại hình thời tiết ảnh hưởng đến khu vực nhiệt đới. - Về đạo đức nghề nghiệp: hình thành thái độ nghiêm túc, kỉ luật và đúng giờ giấc	3	Học kỳ 2	- Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. - Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%. - Hình thức thi: Tự luận.
5	Dao động và biến đổi khí hậu	- Về kiến thức: phân biệt được dao động và biến đổi khí hậu, bao gồm bản chất của dao động khí hậu, những dao động khí hậu điển hình, mối quan hệ của dao động khí hậu với những hiện tượng khí tượng cực đoan. Nguyên nhân tự nhiên và nhân tạo của biến đổi khí hậu toàn cầu hiện nay. Kịch bản về phát thải khí nhà kính, về sự nóng lên toàn cầu và nước biển dâng. Biến đổi khí hậu ở Việt Nam, kịch bản và tác động của nó tới kinh tế - xã hội; những giải pháp ứng phó chủ yếu. - Về kỹ năng: áp dụng được cơ sở khoa học của việc xây dựng các kịch bản về biến đổi khí hậu; những nét chính về biến đổi khí hậu ở Việt Nam, tác động và giải pháp ứng phó. - Về đạo đức nghề nghiệp: nghiêm túc trong học tập, tăng khả năng tham khảo tài liệu và tiếp cận với thông tin qua mạng để có những thông tin mới.	2	Học kỳ 2	- Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. - Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%. - Hình thức thi: Tự luận.
6	Công trình trạm và kiểm soát số liệu	- Về kiến thức: áp dụng được những kiến thức đã học để thiết kế, xây dựng, bảo quản công trình trạm khí tượng, cách ghi sổ, làm báo cáo tháng và kiểm soát số liệu của các loại sổ khí tượng, các giàn đồ khí tượng và báo cáo tháng BKT. - Về kỹ năng: có khả năng lập được các loại báo cáo tháng và kiểm soát được các loại sổ sách báo biểu và giàn đồ. . - Về đạo đức nghề nghiệp: Chăm chỉ, tích cực, hình thành ý thức bảo vệ của công.	2	Học kỳ 2	Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. - Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%. - Hình thức thi: Tự luận.

3. HỆ DH9

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
1	Khí tượng động 1	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: hiểu được ý nghĩa vật lí các thành phần trong phương trình thiết lập được, các khái niệm về hoàn lưu, xoáy, gió trong lớp biên hành tinh - Về kĩ năng: thiết lập các phương trình cơ bản, được bản chất của hoàn lưu, xoáy, gió trong lớp biên khí quyển. - Về đạo đức nghề nghiệp: nghiêm túc, kỉ luật, chăm chỉ, tích cực, năng động trong học tập, thực hành và làm bài tập 	2	Học kỳ 2	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. - Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%. - Hình thức thi: Trắc nghiệm
2	Khí tượng synop 1	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: áp dụng được những kiến thức cơ bản của phương pháp synop để thu thập và xử lí số liệu phục vụ bản tin dự báo; - Phân tích được sự phân bố của trường một số các yếu tố khí tượng và các khối không khí, phân loại front, sự sinh và tan front cũng như trường khí tượng của front. - Về kỹ năng: sử dụng được các công cụ dự báo thời tiết và nhận dạng được các khối không khí, các front khí quyển. - Về đạo đức nghề nghiệp: hình thành thái độ nghiêm túc, kỉ luật và đúng giờ giấc 	3	Học kỳ 2	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. - Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%. - Hình thức thi: Vấn đáp
3	Máy khí tượng	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: nhận biết được cấu tạo, nguyên lí hoạt động và cách sử dụng thiết bị đo các yếu tố khí tượng; So sánh và phân tích được nguyên tắc hoạt động của từng thiết bị đo. - Về kỹ năng: sử dụng được các thiết bị đo khí tượng theo Quy phạm quan trắc khí tượng bề mặt; - Về đạo đức nghề nghiệp: Rèn luyện tính cẩn cù, tỉ mỉ, chính xác, làm việc theo nhóm. 	4	Học kỳ 2	<ul style="list-style-type: none"> Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1, 1 điểm thi giữa học kỳ - Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%. - Hình thức thi: Vấn đáp
4	Quan trắc khí tượng bề mặt 1	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: phân tích được cấu tạo của từng loại mây, dạng mây và tính mây; Trình bày được cách quan trắc và phát báo mây; Phân tích được các phương pháp quan trắc và cách phát báo các yếu tố và hiện tượng khí tượng; - Về kỹ năng: có khả năng quan trắc được các đặc trưng của mây như lượng mây, loại mây, độ cao chân mây, tính mây và dạng mây; quan trắc được các hiện tượng khí tượng và quy toán được gián đồ nắng. - Về đạo đức nghề nghiệp: hình thành thái độ nghiêm túc, kỉ luật và đúng giờ giấc 	3	Học kỳ 2	<ul style="list-style-type: none"> Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. - Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%. - Hình thức thi: Vấn đáp
5	Hệ thống thông tin địa lý	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: <ul style="list-style-type: none"> + Trình bày được khái niệm hệ thống thông tin địa lý. + Liệt kê được các thành phần và các chức năng cơ bản của GIS; + Trình bày được các đối tượng địa lý được thể hiện trong GIS; + Trình bày được khái niệm, đặc điểm, ưu nhược điểm của các mô hình dữ liệu không gian, mô hình dữ liệu 	2	Học kỳ 2	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		<p>thuộc tính;</p> <ul style="list-style-type: none"> + Trình bày được các bước trong quá trình xây dựng CSDL trong GIS; + Trình bày được các phương pháp, công nghệ nhập dữ liệu Vector, dữ liệu Raster vào trong GIS; + Trình bày tổ chức và nhập dữ liệu thuộc tính trong hệ thống GIS; + Trình bày được vai trò và ý nghĩa của kết nối cơ sở dữ liệu bản đồ với dữ liệu thuộc tính; + Khái quát các dạng phân tích dữ liệu không gian trong hệ thống thông tin địa lý; + Nêu được mục đích và phương pháp chuyển đổi hệ quy chiếu bản đồ. + Trình bày các phép đo đạc và phân lớp dữ liệu địa lý; + Trình bày được nguyên lý chuyển cấu trúc dữ liệu dạng Raster sang Vector và ngược lại; + Nêu được phương pháp chồng xếp các lớp dữ liệu Raster sử dụng các phép tính đại số bản đồ (map algebra); + Trình bày phương pháp phân tích lân cận với dữ liệu Vector và Raster; + Trình bày một số dạng phân tích dữ liệu thuộc tính cơ bản. <p>-Về kỹ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Vận dụng các bài toán phân tích không gian của hệ thống thông tin địa lý vào nhiệm vụ cụ thể; + Vận dụng lý thuyết vào các bài thực hành, các bài thảo luận; <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Rèn luyện tác phong: cẩn thận, chính xác, trung thực; <p>+ Tích cực tìm để dần trở nên yêu thích môn học, yêu thích ngành nghề.</p>			- Hình thức thi: Tự luận
6	Phương pháp tính	<p>Về kiến thức: Trình bày được những kiến thức cơ bản trong giải tích số, được mối liên hệ giữa việc giải các bài toán thực tế và tính toán khoa học (trong khoa học - công nghệ, kinh tế và xã hội) với tin học, toán học tính toán và toán học lý thuyết; các khái niệm về sai số; các dạng bài toán cơ bản: cơ sở, nội dung chính và một số tính chất quan trọng nhất của những phương pháp thông dụng giải gần đúng các bài toán đó; thuật toán và biết một số ưu, nhược điểm chính của các phương pháp đã học (độ tin cậy, hiệu quả, khả năng thực hiện được trong thực tế). Vận dụng các phương pháp và thuật toán cơ bản để giải những bài toán liên quan.</p> <p>- Về kỹ năng: Vận dụng được những kỹ năng cơ bản để giải quyết các bài tập về sai số, tính gần đúng, thực hành các bài toán trong chương trình phương pháp tính và tiếp cận học các môn chuyên ngành;</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Xác định được nhiệm vụ học tập một cách tự giác, chủ động, thực hiện các phương pháp học hiệu quả; tự học tập, tích lũy kiến thức, nghiên cứu và áp dụng các kết quả đã học vào các</p>	2	Học kỳ 2	- Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 2 đầu điểm, hệ số 1; Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		lĩnh vực chuyên môn đồng thời rèn luyện cho tác phong làm việc khoa học.			
4. HỆ ĐH10					
1	Khí tượng cơ sở 1	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: xây dựng và phân tích được ý nghĩa của các phương trình trạng thái của không khí, các công thức khí áp cũng như độ cao địa thế vị; phân tích được ảnh hưởng của các dòng bức xạ đến chế độ nhiệt của khí quyển và bề mặt trái đất; giải thích được màu sắc bầu trời; phân tích được ý nghĩa và nguyên nhân chuyển động của không khí theo phương thẳng đứng trong khí quyển. - Về kỹ năng: có khả năng áp dụng được những công thức đã học để làm các bài tập thực tiễn; quan sát, nhận biết và phân biệt các hiện tượng hay quá trình xảy ra trong khí quyển. - Về đạo đức nghề nghiệp: nghiêm túc, kỉ luật, chăm chỉ, tích cực, năng động trong học tập, thực hành và làm bài tập 	3	Học kỳ 2	<ul style="list-style-type: none"> Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. - Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%. - Hình thức thi: Trắc nghiệm
2	Tiếng Anh 2	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: Nhận diện được các âm cơ bản của tiếng Anh và tái tạo lại được các âm đó dù vẫn còn nhiều ảnh hưởng của tiếng mẹ đẻ; Áp dụng được các hiện tượng ngữ pháp cơ bản trong các tình huống giao tiếp hàng ngày bằng tiếng Anh như: thông tin cá nhân, thói quen, nhu cầu, sở thích, hỏi đáp về những thông tin đơn giản; Xây dựng được vốn từ đủ để tiến hành những giao tiếp đơn giản hàng ngày với các tình huống và chủ đề quen thuộc. - Về kỹ năng: Áp dụng được các kỹ năng đọc hiểu, nghe hiểu cơ bản; Giao tiếp được trong những tình huống cố định và áp dụng được kỹ năng nghe trong những hội thoại ngắn về những chủ đề gần gũi với sự giúp đỡ của người khác khi cần thiết; Hỏi và trả lời được các câu hỏi cũng như trao đổi ý kiến và thông tin về những chủ đề quen thuộc trong tình huống giao tiếp hàng ngày; Biết áp dụng các chức năng ngôn ngữ hội thoại để thiết lập các mối quan hệ xã hội như chào hỏi, giới thiệu cảm ơn, xin lỗi; Làm việc theo nhóm để thực hiện những nhiệm vụ đơn giản như bàn về một chủ đề quen thuộc, hay thảo luận một tài liệu với cách diễn đạt và ngôn ngữ đơn giản; Miêu tả được người, sự vật, nơi chốn, công việc, việc học tập, thói quen hàng ngày, kinh nghiệm, thông tin và sở thích cá nhân; Trình bày được một chủ đề ngắn về những vấn đề liên quan đến cuộc sống hàng ngày, đưa ra lý do và có thể trả lời một số câu hỏi đơn giản; Viết được các tin nhắn đơn giản, một bức thư ngắn.... ; Viết được các cụm từ, các câu đơn giản sử dụng từ nối; Viết được về những chủ đề quen thuộc, gần gũi như tả 	3	Học kỳ 2	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%. - Hình thức thi: Trắc nghiệm..

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		<p>người, nơi chốn.</p> <p>- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Xây dựng được tinh thần chủ động trong công việc thông qua hoạt động tự học, tự sưu tầm, tự nghiên cứu các tài liệu bằng tiếng Anh liên quan đến các chủ đề học tập; Xây dựng được tính kỷ luật khi thực hiện nghiêm túc thời gian biểu, làm việc và nộp bài đúng hạn; Xây dựng được tính tự giác khi trung thực trong học tập và trong thi cử; Xây dựng được tính tập thể khi tích cực tham gia các hoạt động nhóm, cặp, sẵn sàng chia sẻ thông tin khi thực hiện các nhiệm vụ theo bài học</p>			
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	<p>- Về kiến thức: Trình bày và phân tích được những tri thức cơ bản, cốt lõi nhất về Chủ nghĩa xã hội khoa học, một trong ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác - Lênin.</p> <p>- Về kỹ năng: Vận dụng các tri thức cơ bản về Chủ nghĩa xã hội khoa học để phân tích và đánh giá một số vấn đề chính trị xã hội liên quan tới chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.</p> <p>-Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>NL1: Có năng lực hình thành tư duy phân tích, đánh giá và nhận diện bản chất các quan hệ chính trị - xã hội, góp phần hình thành niềm tin, lý tưởng cách mạng và xây dựng trách nhiệm xã hội phù hợp với vị trí việc làm và cuộc sống sau khi ra trường.</p> <p>NL2: Có năng lực tự học, tích lũy kiến thức và kỹ năng; có năng lực lập kế hoạch, điều phối và phát huy trí tuệ tập thể.</p>	2	Học kỳ 2	<p>Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1.</p> <p>Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%.</p> <p>- Hình thức thi: Tự luận.</p>
4	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	<p>-Về kiến thức: Trình bày và phân tích được lý luận cơ bản nhất của kinh tế chính trị Mác – Lênin.</p> <p>-Về kỹ năng: Vận dụng được những kiến thức đã học vào thực tiễn học tập và công tác.</p> <p>-Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>NL1: Có năng lực hình thành tư duy phân tích và nhận diện bản chất của các quan hệ kinh tế góp phần hình thành niềm tin và lý tưởng cách mạng trong nền kinh tế thị trường, định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay.</p> <p>NL2: Có năng lực tự học, tích lũy kiến thức, kỹ năng, lập kế hoạch, điều phối và phát huy trí tuệ tập thể</p>	2	Học kỳ 2	<p>Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1.</p> <p>Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%.</p> <p>- Hình thức thi: Tự luận.</p>
5	Phương trình toán lý	<p>- Về kiến thức: trình bày được kiến thức cơ bản của môn học phương trình toán lý từ đó biết phân tích và kết hợp các phương trình toán trong vật lý như phương trình dao động dây, màng, sóng nhiệt... từ đó biết phân tích và giải thích được sự vận động khách quan của sự vật hiện tượng trong đời sống;</p> <p>- Về kỹ năng: thành thạo những kỹ năng học tập theo nhóm, phương pháp học tập cá nhân như: nghe giảng, ghi chép, làm bài tập trên lớp và ở nhà, tự học, rèn luyện tính kiên trì và sáng tạo trong các bài toán phức tạp... và áp dụng kiến thức phương trình toán lý trong ngành khí</p>	2	Học kì II	<p>- Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%</p> <p>Bao gồm: 2 đầu điểm, hệ số 1; Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%</p> <p>- Hình thức thi: Tự luận</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		tượng thủy văn; - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: có tính tự học, tự tìm tài liệu để nghiên cứu thêm và ứng dụng vào ngành nghề khí tượng - thủy văn.			
26	Giải tích 2	- Về kiến thức: Trình bày được những kiến thức cơ bản về giải tích như: tích phân của hàm nhiều biến, phương trình vi phân làm cơ sở cho việc học các môn chuyên ngành và lên trình độ cao hơn. - Về kỹ năng: Vận dụng được những kỹ năng cơ bản để giải quyết các bài tập tính toán, thực hành các bài toán trong chương trình giải tích và tiếp cận học các môn chuyên ngành. - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Xác định được nhiệm vụ học tập một cách tự giác, chủ động, thực hiện các phương pháp học hiệu quả; tự học tập, tích lũy kiến thức, nghiên cứu và áp dụng các kết quả đã học vào các lĩnh vực chuyên môn đồng thời rèn luyện cho tác phong làm việc khoa học	2	Học kỳ 2	- Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 2 đầu điểm, hệ số 1; Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

5. HỆ CH6

1	Mô hình hóa khí hậu	- Về kiến thức: trình bày được đặc điểm các thành phần của hệ thống, các nhân tố tác động bên trong và bên ngoài hệ thống khí hậu, phương pháp xây dựng mô hình toàn cầu và khu vực. Giải thích được các cơ chế hồi tiếp trong khí hậu và độ nhạy khí hậu. Đồng thời, phân tích được ý nghĩa của việc sử dụng sơ đồ sai phân sử dụng trong mô hình khí hậu, các mô hình đơn giản sử dụng nghiên cứu khí hậu. - Về kỹ năng: áp dụng được cơ sở khoa học của việc xây dựng mô hình khí hậu, tiến tới xây dựng các mô hình đơn giản cho các thành phần con trong hệ thống khí hậu. - Về đạo đức nghề nghiệp: nghiên cứu, sáng tạo trên lớp và tự học.	3	Học kỳ 2	- Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 30%, bao gồm 2 điểm hệ số 1 - Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 70% - Hình thức thi: Báo cáo tiểu luận
2	Động lực học mây	- Về kiến thức: trình bày được các quá trình vi vật lý mây, sự kích hoạt đối lưu; động lực học mây và dòng siêu ỏ; bản chất của đối lưu ẩm và tham số hóa đối lưu. - Về kỹ năng: Áp dụng được các kiến thức vào xây dựng và thử nghiệm một sơ đồ tham số hóa đối lưu. - Về đạo đức nghề nghiệp: Rèn luyện sự cần cù, chăm chỉ và sáng tạo trong học tập và tư duy logic trong việc thiết lập và giải quyết vấn đề.	3	Học kỳ 2	- Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 30%, bao gồm 2 điểm hệ số 1 - Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 70% - Hình thức thi: Báo cáo tiểu luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
3	Khí tượng radar nâng cao	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: phân tích được nguyên lý hoạt động của radar, các dạng dữ liệu, xử lý dữ liệu và các ứng dụng của radar trong theo dõi và dự báo thời tiết - Về kỹ năng: có kỹ năng tìm kiếm, thu thập, tổng hợp, phân tích số liệu radar trong việc phân tích một bài toán cụ thể. - Về đạo đức nghề nghiệp: có niềm đam mê khám phá, sáng tạo và nghiên cứu. 	2	Học kỳ 2	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 30%, bao gồm 2 điểm hệ số 1 - Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 70% - Hình thức thi: Báo cáo tiểu luận
4	Công nghệ viễn thám và GIS trong khí tượng	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: nguyên lý đo đạc của vệ tinh khí tượng trên cơ sở công nghệ viễn thám, các nguyên lý cơ bản của kỹ thuật viễn thám; cấu trúc ảnh số, phương pháp thu ảnh. Tiếp cận với các dạng dữ liệu, phương pháp xử lý dữ liệu và các ứng dụng của dữ liệu vệ tinh để nghiên cứu khí quyển, khí hậu và dự báo thời tiết. Khái niệm về GIS, kết hợp viễn thám và GIS thành lập các bản đồ chuyên đề liên quan đến khí tượng. - Về kỹ năng: có kỹ năng tìm kiếm, thu thập, tổng hợp, phân tích các tài liệu, dữ liệu và thực hành trên dữ liệu vệ tinh khí tượng cho những vấn đề nghiên cứu. - Về đạo đức nghề nghiệp: có khả năng làm việc nhóm, sáng tạo trong học tập và nghiên cứu, biết vận dụng các kiến thức đã học trong việc phân tích một bài toán cụ thể. 	3	Học kỳ 2	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 30%, bao gồm 2 điểm hệ số 1 - Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 70% - Hình thức thi: Báo cáo tiểu luận
5	Phương pháp dự báo thời tiết và khí hậu	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: phân tích được những hệ thống, hình thái thời tiết, các đặc trưng và quy luật khí hậu ảnh hưởng đến Việt Nam; Phân tích được ưu và nhược điểm của các phương pháp dự báo thời tiết và khí hậu. - Về kỹ năng: sử dụng thành thạo các công cụ dự báo để ra được các loại bản tin dự báo phục vụ đời sống. - Về đạo đức nghề nghiệp: tích cực, sáng tạo, yêu nghề. 	3	Học kỳ 2	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 30%, bao gồm 2 điểm hệ số 1 - Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 70% - Hình thức thi: Tự luận
6	Phân tích và xử lý số liệu khí tượng	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: vận dụng được một cách sáng tạo lí thuyết để nội suy chuỗi số liệu khí tượng theo không gian, thời gian; Kiểm tra, chỉnh lí được chuỗi số liệu, xây dựng được các giản đồ sử dụng trong dự báo thời tiết; Áp dụng được các phương pháp thống kê toán học để dự báo thời tiết, khí hậu. - Về kĩ năng: tính toán, nội suy, chỉnh lí chuỗi số liệu một cách thành thạo và sáng tạo; Phân tích, đánh giá chính xác các chuỗi số liệu, sản phẩm dự báo. - Về đạo đức nghề nghiệp: sáng tạo trên lớp và tự học. 	3	Học kỳ 2	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 30%, bao gồm 2 điểm hệ số 1 - Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 70% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
XXI. Ngành Quản lý tài nguyên nước					
1. HỆ ĐH8					
1	Mô hình toán trong tài nguyên nước dưới đất	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: Trình bày được kiến thức cơ bản về nguyên lý và phương pháp mô hình hóa tài nguyên nước dưới đất, các bước xây dựng mô hình số. được phương pháp sai phân hữu hạn và phân tử hữu hạn, phương trình lan truyền chất. - Về kỹ năng: Áp dụng được mô hình số để mô phỏng dòng chảy nước dưới đất và bài toán lan truyền chất ô nhiễm trong nước dưới đất. - Về thái độ: Rèn luyện cho kỹ năng nghiên cứu phân tích, thái độ nghiêm túc, tự giác, đức tính cần cù, chăm chỉ, cẩn thận, tỉ mỉ và biết phát huy sáng tạo. 	2	Học kỳ 2	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%. - Hình thức thi: Viết
2	Điều tra Tài nguyên nước	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: Tổng hợp được các kiến thức cơ bản về nội dung, công tác điều tra đánh giá tài nguyên nước mặt, nước dưới đất, các phương pháp thường sử dụng trong điều tra đánh giá tài nguyên nước mặt, nước dưới đất ứng theo từng khu vực và mục đích cụ thể. - Về kỹ năng: Sau khi kết thúc học phần có thể áp dụng vào điều tra và đánh giá tài nguyên nước mặt, nước dưới đất trên một khu vực cụ thể hoặc cho một mục đích cụ thể. - Về đạo đức nghề nghiệp: Nghiêm túc, kỷ luật, chăm chỉ, tích cực, năng động trong học tập từ đó có nhận thức đúng đắn về công tác điều tra và đánh giá tài nguyên nước. 	3	Học kỳ 2	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%, Bao gồm 2 đầu điểm cùng hệ số - Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: TỰ luận
3	Thực tập điều tra Tài nguyên nước	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: Hiểu nguyên lý khảo sát, đo đạc, xử lý được các kết quả khảo sát đo đạc, lập báo cáo điều tra đánh giá tài nguyên nước. - Về kỹ năng: Thành thạo các thao tác kỹ năng ngoài thực địa như sử dụng dụng cụ đo đạc phục vụ điều tra: GPS, địa bàn, thước dây, búa, máy đo lưu tốc kế cầm tay, ván đo; biết tổ chức liên hệ công tác địa phương: làm giấy giới thiệu, công văn, các thủ tục xin phép khác trước khi tiến hành điều tra; Chuẩn bị dụng cụ tư trang cá nhân cần thiết như: quần áo bảo hộ, găng tay, mũ, ủng, áo mưa, ô, lương khô (nếu phải đi qua trưa) và các nhu yếu phẩm khác thuộc men cơ bản. - Về đạo đức nghề nghiệp: Trung thực trong điều tra, chăm chỉ cần cù ngoài thực tế 	3	Học kỳ 2	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%, Bao gồm 2 đầu điểm cùng hệ số - Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Báo cáo
4	Quản lý chất lượng nước	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: được Các vấn đề Về chất lượng nước, những công việc cần thực hiện để quản lý chất lượng nước - Về kỹ năng: Áp dụng Các kiến thức đã học, công cụ sẵn có để gìn giữ, sử dụng nguồn nước theo cách thức bền vững, phòng ngừa và Giải quyết những sự cố Về chất lượng nước. - Về đạo đức nghề nghiệp: Trung thực, có tinh thần trách 	2	Học kỳ 2	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%, Bao gồm 2 đầu điểm cùng hệ số - Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		nhiệm trong công việc, có ý thức tự học.			thi:Tự luận
5	Quản lý tổng hợp lưu vực sông	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: được các kiến thức quản lý lưu vực sông đặc biệt là quản lý tài nguyên nước, qua đó phân tích được các vấn đề đang đặt ra khi quản lý các lưu vực sông và từ đó lựa chọn giải pháp để quản lý tổng hợp lưu vực sông. -Về kỹ năng: Vận dụng được các kiến thức lý thuyết quản lý tổng hợp tài nguyên nước trên mối liên hệ với các tài nguyên khác trên lưu vực sông, áp dụng được các giải pháp, chủ chương, chính sách quản lý nhà nước về tài nguyên nước vào để quản lý tổng hợp lưu vực sông cụ thể. - Về đạo đức nghề nghiệp: Ý thức học tập tốt nâng cao kiến thức ngành, có tinh thần trách nhiệm, trung thực. 	2	Học kỳ 2	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%, Bao gồm 2 đầu điểm cùng hệ số - Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi:Tự luận

2. HỆ ĐHQ

1	Phân tích thống kê trong tài nguyên nước	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: Biết phân tích, xử lý số liệu, được các chuỗi số, các luật phân bố và các đường tần suất trong tài nguyên nước. Xác định các quan hệ trong quan giữa các đặc trưng tài nguyên nước để thực hiện các bài toán trong tài nguyên nước - Về kỹ năng: và phân tích được các luật phân phối xác suất mô tả các chuỗi số liệu thủy văn. - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: NL1: Có năng lực hình thành tư duy phân tích, đánh giá và vận dụng kiến thức của môn học. NL2: Có năng lực tự học, tích lũy kiến thức và kỹ năng; Có năng lực lập kế hoạch, điều phối và phát huy trí tuệ tập thể. 	3	Học kỳ 2	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%, Bao gồm 2 đầu điểm cùng hệ số - Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi:Tự luận
2	Quản lý dữ liệu Tài nguyên nước	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: được khái niệm cơ sở dữ liệu, lịch sử phát triển quản lý dữ liệu và các công cụ quản lý cơ sở dữ liệu; được các phương pháp xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu - Về kỹ năng: Xây dựng được các loại dữ liệu GIS, tạo Geodatabase, làm việc với vectơ và raster; Thành lập được bản đồ chuyên đề. Sử dụng được phần mềm GIS - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: NL1: Có năng lực hình thành tư duy phân tích, đánh giá và vận dụng kiến thức của môn học. NL2: Có năng lực tự học, tích lũy kiến thức và kỹ năng; Có năng lực lập kế hoạch, điều phối và phát huy trí tuệ tập thể. 	2	Học kỳ 2	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%, Bao gồm 2 đầu điểm cùng hệ số - Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi:Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
3	Thủy Văn đồng vị	<p>- Về kiến thức: được các khái niệm cơ bản và chuyên sâu về đồng vị trong tài nguyên nước, Giải thích được nguồn gốc nước bổ cấp, nguồn gốc các khoáng chất trong nước, Áp dụng được các kỹ thuật đồng vị trong nghiên cứu nguồn gốc nước dưới đất, mối quan hệ thủy lực giữa nước mặt và nước ngầm, bảo vệ nguồn tài nguyên nước dưới đất.</p> <p>- Về kỹ năng: Áp dụng kỹ năng phân tích, xử lý số liệu về tỷ số đồng vị môi trường của nước (d2H, d18O, A(3H), của một số thành phần hóa học tan trong nước (d13C, d15N, d32S).</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: NL1: Có năng lực hình thành tư duy phân tích, đánh giá và vận dụng kiến thức của môn học. NL2: Có năng lực tự học, tích lũy kiến thức và kỹ năng; Có năng lực lập kế hoạch, điều phối và phát huy trí tuệ tập thể.</p>	2	Học kỳ 2	<p>- Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%, Bao gồm 2 đầu điểm cùng hệ số</p> <p>- Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%</p> <p>-Hình thức thi: Tự luận</p>
4	Phân tích và đánh giá Tài nguyên nước mặt	<p>- Về kiến thức: Phân tích được dòng chảy mặt; Các đặc trưng cơ bản của dòng chảy mặt như dòng chảy năm, dòng chảy lớn nhất, dòng chảy nhỏ nhất, các quy luật biến đổi của chúng theo thời gian, theo không gian. vận dụng lý thuyết để đánh giá tài nguyên nước mặt cho một lưu vực, một khu vực cụ thể.</p> <p>- Về kỹ năng: Tính toán xác định các quy luật dòng chảy mặt, tính thành thạo các đặc trưng dòng chảy mặt cũng như các yếu tố có liên quan, biết giải quyết tốt bài toán đánh giá tài nguyên nước mặt.</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: NL1: Có năng lực hình thành tư duy phân tích, đánh giá và vận dụng kiến thức của môn học. NL2: Có năng lực tự học, tích lũy kiến thức và kỹ năng; Có năng lực lập kế hoạch, điều phối và phát huy trí tuệ tập thể.</p>	3	Học kỳ 2	<p>Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%, Bao gồm 2 đầu điểm cùng hệ số</p> <p>- Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%</p> <p>- Hình thức thi: Tự luận</p>
5	Quan trắc và điều tra Tài nguyên nước mặt	<p>- Về kiến thức: được các thuật ngữ, khái niệm cơ bản trong quan trắc điều tra tài nguyên nước, trình bày được các nội dung và phương pháp quan trắc, điều tra tài nguyên nước mặt. Tính toán được các yếu tố dòng chảy như mực nước, lưu lượng nước</p> <p>- Về kỹ năng: Thực hiện các thao tác quan trắc, tính toán các yếu tố: mực nước, lưu lượng nước, chất lượng nước. Xây dựng các bản đồ điều tra tài nguyên nước theo các tỷ lệ điều tra.</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: NL1: Có năng lực hình thành tư duy phân tích, đánh giá và vận dụng kiến thức của môn học. NL2: Có năng lực tự học, tích lũy kiến thức và kỹ năng; Có năng lực lập kế hoạch, điều phối và phát huy trí tuệ tập thể...</p>	3	Học kỳ 2	<p>Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%, Bao gồm 2 đầu điểm cùng hệ số</p> <p>- Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%</p> <p>- Hình thức thi: Tự luận</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
3. HỆ DH10					
1	Tiếng Anh 2	<p>- Về kiến thức: Nhận diện được các âm cơ bản của tiếng Anh và tái tạo lại được các âm đó dù vẫn còn nhiều ảnh hưởng của tiếng mẹ đẻ; Áp dụng được các hiện tượng ngữ pháp cơ bản trong các tình huống giao tiếp hàng ngày bằng tiếng Anh như: thông tin cá nhân, thói quen, nhu cầu, sở thích, hỏi đáp về những thông tin đơn giản; Xây dựng được vốn từ đủ để tiến hành những giao tiếp đơn giản hàng ngày với các tình huống và chủ đề quen thuộc.</p> <p>- Về kỹ năng: Áp dụng được các kỹ năng đọc hiểu, nghe hiểu cơ bản; Giao tiếp được trong những tình huống cố định và áp dụng được kỹ năng nghe trong những hội thoại ngắn về những chủ đề gần gũi với sự giúp đỡ của người khác khi cần thiết; Hỏi và trả lời được các câu hỏi cũng như trao đổi ý kiến và thông tin về những chủ đề quen thuộc trong tình huống giao tiếp hàng ngày; Biết áp dụng các chức năng ngôn ngữ hội thoại để thiết lập các mối quan hệ xã hội như chào hỏi, giới thiệu cảm ơn, xin lỗi; Làm việc theo nhóm để thực hiện những nhiệm vụ đơn giản như bàn về một chủ đề quen thuộc, hay thảo luận một tài liệu với cách diễn đạt và ngôn ngữ đơn giản; Miêu tả được người, sự vật, nơi chốn, công việc, việc học tập, thói quen hàng ngày, kinh nghiệm, thông tin và sở thích cá nhân; Trình bày được một chủ đề ngắn về những vấn đề liên quan đến cuộc sống hàng ngày, đưa ra lý do và có thể trả lời một số câu hỏi đơn giản; Viết được các tin nhắn đơn giản, một bức thư ngắn.... ; Viết được các cụm từ, các câu đơn giản sử dụng từ nối; Viết được về những chủ đề quen thuộc, gần gũi như tả người, nơi chốn.</p> <p>- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Xây dựng được tinh thần chủ động trong công việc thông qua hoạt động tự học, tự sưu tầm, tự nghiên cứu các tài liệu bằng tiếng Anh liên quan đến các chủ đề học tập; Xây dựng được tính kỷ luật khi thực hiện nghiêm túc thời gian biểu, làm việc và nộp bài đúng hạn; Xây dựng được tính tự giác khi trung thực trong học tập và trong thi cử; Xây dựng được tính tập thể khi tích cực tham gia các hoạt động nhóm, cặp, sẵn sàng chia sẻ thông tin khi thực hiện các nhiệm vụ theo bài học;</p>	3	Học kỳ 2	<p>- Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%.</p> <p>- Hình thức thi: Trắc nghiệm..</p>
2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	<p>- Về kiến thức: Trình bày và phân tích được những tri thức cơ bản, cốt lõi nhất về Chủ nghĩa xã hội khoa học, một trong ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác - Lênin.</p> <p>- Về kỹ năng: Vận dụng các tri thức cơ bản về Chủ nghĩa xã hội khoa học để phân tích và đánh giá một số vấn đề chính trị xã hội liên quan tới chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.</p> <p>-Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p>	2	Học kỳ 2	Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		NL1: Có năng lực hình thành tư duy phân tích, đánh giá và nhận diện bản chất các quan hệ chính trị - xã hội, góp phần hình thành niềm tin, lý tưởng cách mạng và xây dựng trách nhiệm xã hội phù hợp với vị trí việc làm và cuộc sống sau khi ra trường. NL2: Có năng lực tự học, tích lũy kiến thức và kỹ năng; có năng lực lập kế hoạch, điều phối và phát huy trí tuệ tập thể.			- Hình thức thi: Tự luận.
3	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	-Về kiến thức: Trình bày và phân tích được lý luận cơ bản nhất của kinh tế chính trị Mác – Lênin. -Về kỹ năng: Vận dụng được những kiến thức đã học vào thực tiễn học tập và công tác. -Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: NL1: Có năng lực hình thành tư duy phân tích và nhận diện bản chất của các quan hệ kinh tế góp phần hình thành niềm tin và lý tưởng cách mạng trong nền kinh tế thị trường, định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay. NL2: Có năng lực tự học, tích lũy kiến thức, kỹ năng, lập kế hoạch, điều phối và phát huy trí tuệ tập thể	2	Học kỳ 2	Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%. - Hình thức thi: Tự luận.
4	Pháp luật đại cương	-Về kiến thức: Trình bày, phân tích được những kiến thức cơ bản nhất về nhà nước và pháp luật nói chung; Trình bày, phân tích được những nội dung cơ bản nhất của một số ngành luật chủ yếu trong hệ thống pháp luật Việt Nam. - Về kỹ năng: So sánh được những vấn đề cơ bản về nhà nước và pháp luật nói chung; những nội dung cơ bản của một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam; So sánh một số chế định pháp luật trong các ngành luật khác nhau; Vận dụng những kiến thức đã học về các ngành luật để giải quyết những bài tập, tình huống trên lớp và trong thực tế. - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: NL1: Có năng lực tìm kiếm, tra cứu văn bản, tra cứu các quy định của pháp luật liên quan đến nghề nghiệp và các lĩnh vực khác của đời sống. NL2: Có khả năng xác định được quyền và nghĩa vụ của bản thân trong các quan hệ pháp luật cụ thể.	2	Học kỳ 2	- Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. - Điểm thi kết thúc học phần 60%. - Hình thức thi: Trắc nghiệm.
5	Toán cao cấp 2	- Về kiến thức: Trình bày được những kiến thức cơ bản về giải tích toán học làm cơ sở cho việc học các môn chuyên ngành và lên trình độ cao hơn Về kỹ năng: Vận dụng được những kỹ năng cơ bản để giải quyết các bài tập tính toán, thực hành các bài toán trong chương trình toán cao cấp và tiếp cận học các môn chuyên ngành; - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Xác định được nhiệm vụ học tập một cách tự giác, chủ động, thực hiện các phương pháp học hiệu quả; tự học tập, tích lũy kiến thức, nghiên cứu và áp dụng các kết quả đã học vào các	2	Học kỳ 2	- Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 2 đầu điểm, hệ số 1; Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		lĩnh vực chuyên môn đồng thời rèn luyện cho tác phong làm việc khoa học.			
XXII. Ngành Kỹ thuật trắc địa bản đồ					
1. HỆ ĐH7					
1	Thực tập tốt nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: Tổng hợp các kiến thức đã được học về công nghệ truyền thống và hiện đại + Trình bày được quy trình thành lập bản đồ địa hình, địa chính, mặt cắt địa hình + Trình bày được phương chuyển bản vẽ thiết kế ra thực địa (và ngược lại), phương pháp bố trí công trình dân dụng công nghiệp – giao thông thủy lợi + Trình bày được phương pháp quan trắc lún công trình dân dụng, quan trắc chuyên dịch và biến dạng đối với các công trình đặc biệt (hầm giao thông tàu điện ngầm, các tòa nhà siêu cao tầng, silo) + Trình bày được quy trình đo đạc điều vẽ ảnh, đo ảnh, công nghệ viễn thám trong 7 lĩnh vực của Bộ Tài nguyên và Môi trường + Khả năng ứng dụng cơ sở dữ liệu thông tin địa không gian trong thành lập bản đồ + Xây dựng cơ sở dữ liệu <ul style="list-style-type: none"> - Về kỹ năng: <ul style="list-style-type: none"> + Thực hiện được đầy đủ các bước trong quy trình thành lập bản đồ địa hình, địa chính, mặt cắt địa hình + Bố trí được công trình từ bản vẽ thiết kế ra thực địa, đo vẽ hoàn công, quan trắc biến dạng và xử lý số liệu quan trắc. + Xử lý được ảnh đo đạc điều vẽ, đo ảnh, viễn thám + Ứng dụng của công nghệ GNSS trong thành lập bản đồ địa hình, bản đồ địa chính, đo vẽ mặt cắt... + Xây dựng được cơ sở dữ liệu địa hình + Xây dựng được cơ sở dữ liệu địa chính - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: <ul style="list-style-type: none"> + Có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; + Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ về Trắc địa - Bản đồ; + Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ trong công tác Trắc địa - Bản đồ và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; + Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; 	6	Học kỳ 2	Điểm đơn vị thực tập sản xuất trọng số là 40%, điểm khoa đánh giá trọng số là 60%
2	Ứng dụng công nghệ GNSS	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: <ul style="list-style-type: none"> + Trình bày và phân tích được cơ sở khoa học và các bước thực hiện khi sử dụng công nghệ GNSS trong trắc địa công trình; + Trình bày và phân tích được cơ sở khoa học và các bước thực hiện khi sử dụng công nghệ GNSS trong địa chính; 	3	Học kỳ 2	<ul style="list-style-type: none"> * Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%. - Bao gồm: 2 đầu điểm hệ số 1 - Hình thức

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		<ul style="list-style-type: none"> + Trình bày và phân tích được cơ sở khoa học và các bước thực hiện khi sử dụng công nghệ GNNS trong xây dựng cơ sở dữ liệu; + Trình bày và phân tích được cơ sở khoa học và các bước thực hiện khi sử dụng công nghệ GNNS trong nghiên cứu trái đất và tầng khí quyển; + Trình bày và phân tích được cơ sở khoa học khi sử dụng công nghệ GNNS trong các lĩnh vực: quân sự, giao thông vận tải, tìm kiếm cứu nạn, thể thao, du lịch và giải trí, y tế; - Về kỹ năng: + Chuyển được bản vẽ thiết kế ra thực địa bằng công nghệ GNSS; + Ứng dụng được công nghệ GNSS để đo vẽ chi tiết để thành lập bản đồ địa chính; + Xử lý được số liệu để đánh giá chuyển dịch; + Xử lý được số liệu để xác định được tổng lượng điện tử; - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: + Có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; + Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ về Trắc địa - Bản đồ; + Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ trong công tác Trắc địa - Bản đồ và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; + Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ về Trắc địa - Bản đồ. 			<p>đánh giá: Tự luận</p> <p>* Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%</p> <p>- Hình thức thi: Tự luận</p>
3	Xây dựng cơ sở dữ liệu về biển và hải đảo	<p>Sau khi kết thúc học phần, đạt được các mục tiêu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: + Trình bày được tổng quan về dữ liệu đất đai, phân loại và các yêu cầu của dữ liệu biển và hải đảo + Phân tích được quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu biển và hải đảo + Tổng hợp được cách khai thác cơ sở dữ liệu biển và hải đảo, cách cập nhật, tìm kiếm, hiển thị, xuất và chia sẻ dữ liệu. - Về kỹ năng: + Thu thập thông tin phục vụ cho công tác xây dựng CSDL về biển và hải đảo. + Phân biệt được các dạng dữ liệu địa lý, làm cơ sở để phân tích và tổ hợp thông tin phục vụ cho xây dựng CSDL. + Thiết kế được mô hình CSDL GIS ban đầu phục vụ công tác quản lý và bảo vệ biển và hải đảo. - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: + Có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; 	3	Học kỳ 2	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm đánh giá quá trình: + Trọng số 40% + Bao gồm: 2 đầu điểm hệ số 1. - Điểm thi kết thúc học phần: + Trọng số 60% + Thi tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		<ul style="list-style-type: none"> + Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ về Trắc địa - Bản đồ; + Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ trong công tác Trắc địa - Bản đồ và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; + Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ về Trắc địa - Bản đồ. 			
2. HỆ DH8					
1	Trắc địa công trình giao thông - thủy lợi	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: <ul style="list-style-type: none"> + Trình bày và giải thích được nội dung, trình tự khảo sát các công trình giao thông - thủy lợi. + Lựa chọn được phương pháp trắc địa phục vụ cho khảo sát thi công công trình từ lập lưới khống chế cơ sở đến bố trí công trình và theo dõi biến dạng trong thời gian xây dựng và sử dụng của công trình giao thông - thủy lợi. - Về kỹ năng: <ul style="list-style-type: none"> + Bố trí được công trình từ bản vẽ thiết kế ra thực địa + Tính toán và xử lý được kết quả đo đạc công trình cầu, đường giao thông, hầm, công trình thủy lợi- thủy điện. - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: <ul style="list-style-type: none"> + Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ về trắc địa công trình giao thông thủy lợi; + Có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; + Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ về trắc địa công trình giao thông thủy lợi; + Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ trong công tác trắc địa công trình giao thông thủy lợi và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; + Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ về trắc địa công trình giao thông thủy lợi; 	3	Học kỳ 2	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm: 2 đầu điểm, hệ số 1. Hình thức đánh giá: tự luận - Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 60%. Hình thức thi: tự luận
2	Cơ sở dữ liệu địa lý	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: <ul style="list-style-type: none"> + Trình bày được tổng quan về cơ sở dữ liệu gồm: các khái niệm cơ bản, lịch sử hình thành và xu hướng phát triển, kiến trúc và các thành phần cơ bản của một hệ cơ sở dữ liệu. + Phân tích được quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu địa lý từ tổng thể tới chi tiết ở các mức khác nhau. + Tổng hợp được các mô hình dữ liệu truyền thống và mô hình dữ liệu không gian. + Áp dụng được các chuẩn trong thiết kế CSDL. + Phân loại được các kỹ thuật đánh chỉ mục dữ liệu không gian (Spatial data indexing techniques): giới thiệu 	3	Học kỳ 2	<ul style="list-style-type: none"> * Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%. - Bao gồm: 2 đầu điểm hệ số 1 - Hình thức đánh giá: Tự luận * Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		<p>về lịch sử phát triển của kỹ thuật đánh chỉ mục không gian, đánh chỉ mục không gian dạng Grid đơn giản, đánh chỉ mục không gian dạng cấu trúc cây nhị phân, B-tree index, cây tứ phân.</p> <p>+ Trình bày được kiến thức về các kỹ thuật tìm kiếm và truy vấn dữ liệu địa lý gồm: giới thiệu các ngôn ngữ tìm kiếm không gian, cơ sở dữ liệu tiêu chuẩn, ngôn ngữ tìm kiếm không gian và xử lý tìm kiếm không gian, các kỹ thuật tối ưu hóa tìm kiếm không gian.</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>+ Xây dựng được một cơ sở dữ liệu địa lý đơn giản trong lĩnh vực tài nguyên môi trường.</p> <p>+ Thành thạo ứng dụng một phần mềm GIS xây dựng cơ sở dữ liệu địa lý.</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>+ Có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau;</p> <p>+ Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ về Trắc địa - Bản đồ;</p> <p>+ Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ trong công tác Trắc địa - Bản đồ và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật;</p> <p>+ Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ về Trắc địa - Bản đồ.</p>			- Hình thức thi: Tự luận
3	Thực tập trắc địa công trình	<p>Cung cấp các kiến thức, phương pháp, kỹ năng thi công về trắc địa công trình trong các dạng công trình dân dụng công nghiệp, cầu, hầm, giao thông, đo dưới nước, quan trắc biến dạng công trình...</p> <p>Hình thành kỹ năng trong trắc địa công trình về đo đạc, tính toán các yếu tố bố trí công trình, đo đạc và xử lý số liệu đo, sử dụng thành thạo máy trắc địa trong xây dựng công trình.</p> <p>Hình thành năng lực chuyên môn nghiệp vụ trong trắc địa công trình.</p>	5	Học kỳ 2	Đánh giá tổng hợp sản phẩm, quá trình, vấn đáp và tay nghề
4	Ứng dụng viễn thám trong giám sát tài nguyên và môi trường	<p>- Về kiến thức:</p> <p>+ Trình bày được kiến thức cơ bản về mô hình ứng dụng viễn thám để giải quyết các vấn đề ứng dụng trong thực tế.</p> <p>+ Tổng hợp được những kiến thức chung về xác định nhiệt độ bề mặt gồm: kiến thức chung về xác định nhiệt độ bề mặt, các mô hình toán học trong xác định nhiệt độ bề mặt biển và bề mặt lục địa.</p> <p>+ Tổng hợp được viễn thám ứng dụng trong xác định màu nước gồm: cơ sở viễn thám về màu nước, các đặc tính quang học của nước, mô hình đảo ngược trong xác định màu nước, các mô hình toán học trong xác định nồng độ chất lơ lửng.</p> <p>+ Phân tích được cơ sở lý thuyết về chỉ số thực vật gồm:</p>	4	Học kỳ 2	<p>- Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1 10% và 01 điểm thi giữa kỳ trọng số 20%.</p> <p>. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%.</p> <p>- Hình thức thi: Thực hành.</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		<p>cơ sở lý thuyết về chỉ số thực vật (cấu trúc và đặc trưng phản xạ phổ của lá cây), phân loại các chỉ số thực vật thường gặp (chỉ số thực vật đơn giản, NDVI, chỉ số thực vật dựa vào thổ nhưỡng, chỉ số thực vật khi giảm t ảnh hưởng của khí quyển, chỉ số thực vật hồng ngoại nhiệt và siêu phổ).</p> <p>+ Tổng hợp được các kiến thức chung về mô hình ứng dụng viễn thám trong giám sát môi trường gồm: các kiến thức chung về giám sát ô nhiễm tầng khí quyển, các mô hình toán học xác định chất rắn lơ lửng trong khí quyển, ô nhiễm môi trường không khí và giám sát tầng Ozon.</p> <p>+ Trình bày được cơ sở toán học ứng dụng viễn thám trong theo dõi biến động đất, lớp phủ đất (LUCC): kiến thức chung về LUCC (khái niệm, tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước), các phương pháp giám sát LUCC, xây dựng và phân loại các mô hình LUCC thường dùng và các yếu tố ảnh hưởng đến công việc xây dựng mô hình LUCC.</p> <p>- Về kỹ năng: Sử dụng được phần mềm xử lý ảnh kết hợp với mô hình ứng dụng đã học để giải quyết các bài toán ứng dụng trong thực tế sản xuất.</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: tích cực học tập và tự học, tự tìm tòi tài liệu tham khảo, từ đó hình thành ý thức thường xuyên trao đổi chuyên môn về ứng dụng viễn thám trong giám sát tài nguyên và môi trường.</p>			
5	Kỹ thuật lập trình trong trắc địa	<p>- Về kiến thức: + Trình bày được các kiến thức cơ sở về lập trình: ngôn ngữ và cấu trúc chương trình; kiểu dữ liệu, hằng, biến và mảng; các đối tượng, lệnh và hàm căn bản; các lệnh làm việc với văn bản; chương trình con, hàm và thủ tục. + Phân tích được các nhiệm vụ lập trình bài toán trắc địa. + Sử dụng được ngôn ngữ lập trình được cung cấp.</p> <p>- Về kỹ năng: + Thiết lập được giao diện của một phần mềm. +Viết được mã lệnh của bài toán cụ thể như hai bài toán cơ bản trong trắc địa, bài toán tính chuyển và tính đổi tọa độ,...</p> <p>+ Khai thác được các mã lệnh sẵn có. + Sử dụng và phát triển được các mã lệnh sẵn có.</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm + Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ về Trắc địa – Bản đồ; + Có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; + Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ về Trắc địa - Bản đồ;</p>	2	Học kỳ 2	<p>- Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm: 2 đầu điểm, hệ số 1. Hình thức đánh giá: tự luận - Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 60%. Hình thức thi: tự luận</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		<ul style="list-style-type: none"> + Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ trong công tác Trắc địa - Bản đồ và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; + Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ về Trắc địa - Bản đồ. 			
3. HỆ DH9					
1	Cơ sở trắc địa công trình	<p>Cung cấp các kiến thức về xây dựng lưới khống chế trắc địa công trình, các phương pháp đo vẽ bình đồ mặt cắt công trình, bố trí công trình, quan trắc chuyển dịch công trình.</p> <p>Hình thành kỹ năng trong trắc địa công trình về thành lập lưới khống chế trắc địa, tính toán các yếu tố bố trí công trình, đo đạc và xử lý số liệu đo, sử dụng thành thạo một số máy trắc địa trong xây dựng.</p>	2	Học kỳ 2	Điểm quá trình 40%, điểm thi viết kết thúc học phần 60%
2	Thực tập trắc địa cơ sở	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: <ul style="list-style-type: none"> + Trình bày được trình tự các bước thành lập lưới khống chế mặt bằng và độ cao phục vụ công tác đo vẽ thành lập bản đồ địa hình, bản đồ địa chính. + Trình bày và thao tác được các bước đo góc bằng theo phương pháp đo góc đơn giản, đo góc toàn vòng, đo thủy chuẩn hạng IV và đo thủy chuẩn kỹ thuật. + Thiết kế và xây dựng được lưới giải tích 2 và lưới khống chế đo vẽ. + Trình bày và thao tác được các bước trong phương pháp giao hội điểm. + Trình bày thao tác đo vẽ chi tiết và biên tập bản đồ địa hình tỷ lệ 1: 500; bản đồ địa chính tỷ lệ 1: 500 bằng công nghệ số. - Về kỹ năng: <ul style="list-style-type: none"> + Thiết kế, chọn và đánh dấu được các điểm của lưới giải tích 2, lưới khống chế đo vẽ. + Đo được góc bằng, biết ghi sổ và tính toán. + Đo được cạnh, ghi sổ, tính toán. + Đo được chênh cao, chiều dài tuyến thủy chuẩn đáp ứng được yêu cầu thủy chuẩn hạng IV và thủy chuẩn kỹ thuật; Biết ghi sổ và tính toán. + Xử lý được số liệu lưới mặt bằng và độ cao. + Thực hiện được đo vẽ chi tiết và Biên tập hoàn chỉnh 01 mảnh bản đồ địa hình tỷ lệ 1: 500; 01 mảnh bản đồ địa chính tỷ lệ 1: 500 bằng công nghệ số. - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: <ul style="list-style-type: none"> + Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ về Trắc địa – Bản đồ; + Có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; + Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ về Trắc địa - Bản đồ; + Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề 	3	Học kỳ 2	<p>Điểm tổng kết học phần là trung bình cộng của điểm các phần thực tập theo trọng số, cụ thể:</p> <p>Bài 1 (trọng số 50%): - Mỗi thực hành trên máy: đo, ghi sổ tại 1 trạm đo góc bằng (phương pháp đo góc đơn giản hoặc toàn vòng); 01 tuyến thủy chuẩn hạng IV (kỹ thuật).</p> <p>- Mỗi làm bài bình sai 01 tuyến thủy chuẩn phù hợp (khép kín) và 01 lưới khống chế mặt bằng phù hợp (khép kín).</p> <p>Bài 2 (trọng số 50%): Kỹ thuật biên tập bản đồ số địa chính, bản đồ số địa</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		<p>chuyên môn, nghiệp vụ trong công tác Trắc địa - Bản đồ và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật;</p> <p>+ Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ về Trắc địa - Bản đồ.</p>			<p>hình đúng tiêu chuẩn quy phạm hiện hành.</p>
3	Cơ sở viễn thám	<p>- Về kiến thức:</p> <p>+ Trình bày được kiến thức tổng quan về viễn thám, bộ cảm biến và vệ tinh viễn thám;</p> <p>+ Phân tích được các đặc điểm, cơ cấu vận hành của các phương pháp viễn thám.</p> <p>+ Tổng hợp được lý thuyết cơ bản về viễn thám hàng không.</p> <p>+ Giải thích được các công đoạn trong quy trình giải đoán và xử lý ảnh viễn thám;</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>+ Xác định được số lượng các yếu tố định hướng và các bước định hướng ảnh hàng không.</p> <p>+ Vận dụng các chỉ số thống kê, hiển thị và tăng cường chất lượng ảnh, đăng ký tọa độ ảnh và thực hiện các phép biến đổi ảnh đơn giản;</p> <p>+ Sử dụng thành thạo các thuật toán khác nhau trong công tác xử lý ảnh viễn thám.</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>+ Có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau;</p> <p>+ Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ về Trắc địa - Bản đồ;</p> <p>+ Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ trong công tác Trắc địa - Bản đồ và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật;</p> <p>+ Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ về Trắc địa - Bản đồ.</p>	4	Học kỳ 2	<p>- Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1 10% và 01 điểm thi giữa kỳ trọng số 20%.</p> <p>. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%.</p> <p>- Hình thức thi: Tự luận.</p>
4	Trắc địa lý thuyết	<p>- Về kiến thức:</p> <p>+ Trình bày được khái niệm, công thức xác định và ý nghĩa của thể trọng trường thực, thể trọng trường chuẩn, thể nhiễu và vai trò của chúng trong bài toán xác định thể trọng trường và hình dạng trái đất</p> <p>+ Phân tích, đánh giá được các nét khái quát về bài toán xác định thể trọng trường và hình dạng trái đất;</p> <p>+ Phân tích được vai trò, ý nghĩa của từng yếu tố đặc trưng của thể trọng trường trái đất và mối liên hệ giữa chúng;</p> <p>+ Trình bày được nội dung và phân tích được ý nghĩa, ưu nhược điểm của các phương pháp quy chuyển trị đo. Giải thích được các thành phần trong công thức quy chuyển;</p>	2	Học kỳ 2	<p>- Điểm đánh giá quá trình trọng số 40% , Bao gồm: 2 đầu điểm cùng hệ số. (Mỗi đầu điểm có trọng số 20%)</p> <p>- Điểm thi kết thúc học phần trọng số 60%</p> <p>- Hình thức đánh giá: tự</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		<ul style="list-style-type: none"> + Trình bày được khái niệm, cách thiết lập và ý nghĩa của các hệ thống độ cao. Giải thích được các thành phần trong công thức xác định độ cao trong từng hệ thống; + Phân tích được vai trò, ý nghĩa của elipsoid thực dụng và trình bày được phương pháp định vị elipsoid thực dụng; + Trình bày được các loại số liệu gốc trắc địa quốc gia và cách thiết lập chúng. - Về kỹ năng: <ul style="list-style-type: none"> + Xác định được dị thường độ cao (Hoặc độ cao geoid từ độ cao trắc địa và độ cao chuẩn (hoặc độ cao chính) + Quy chuyển được trị đo trắc địa; + Chuyển đổi được giữa các hệ thống độ cao. - Về đạo đức nghề nghiệp <ul style="list-style-type: none"> + Chủ động, tích cực trong phát hiện vấn đề và giải quyết vấn đề + Phối hợp được khi làm việc theo nhóm; + Yêu thích nội dung của môn học. 			luận
5	Địa chính đại cương	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: <ul style="list-style-type: none"> + Trình bày được những kiến thức cơ bản về địa chính, các chức năng, nhiệm vụ của địa chính. + Trình bày được các hệ thống địa chính, bản đồ địa chính. + Phân tích được nội dung và các yếu tố cơ bản cần thể hiện trên bản đồ địa chính. + Trình bày được cách quản lý thông tin đất đai – bất động sản. + Nêu được các khái niệm về đăng ký đất; về phân loại sử dụng đất. + Hệ thống được cách chia mảnh và đánh số bản đồ địa chính. + Tổng quát được nội dung thao tác đo tại một trạm đo chi tiết. - Về kỹ năng: <ul style="list-style-type: none"> + Tính được tọa độ góc khung của tờ bản đồ địa chính. + Xác định được phiên hiệu các mảnh tiếp giáp cùng tỷ lệ với một với mảnh bản đồ cho trước. + Triển được các điểm lưới khống chế tọa độ và điểm chi tiết lên bản vẽ. + Lập được một số nội dung của bộ hồ sơ địa chính như: Sổ mục kê, sổ địa chính, sổ biến động đất đai. - Về đạo đức nghề nghiệp: <ul style="list-style-type: none"> + Có thái độ trung thực, cẩn thận và nghiêm túc trong học tập. + Tích cực học tập và tự học, tự tìm tài liệu để nghiên cứu, rèn luyện nâng cao trình độ về mọi mặt. + Có ý thức trách nhiệm công dân, trách nhiệm xã hội, chấp hành pháp luật của Nhà nước; có phẩm chất đạo đức tốt, tư duy sáng tạo và có trách nhiệm cao trong công việc. 	2	Học kỳ 2	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm đánh giá quá trình trọng số 40% , Bao gồm: 2 đầu điểm cùng hệ số. (Mỗi đầu điểm có trọng số 20%) - Điểm thi kết thúc học phần trọng số 60% - Hình thức đánh giá: tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
6	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: Chứng minh được sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam là tất yếu khách quan; phân tích và đánh giá được sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam từ khi thành lập Đảng đến nay qua các thời kỳ: (1930 - 1945), (1945 - 1975) và (1975 đến nay). - Về kỹ năng: Vận dụng được kiến thức đã học trong giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến lĩnh vực được đào tạo. - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: NL1: Có lập trường tư tưởng vững vàng, có niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, kiên định với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; NL2: Xác định được trách nhiệm của bản thân đối với công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc dưới sự lãnh đạo của Đảng, quyết tâm thực hiện tốt đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước; NL3: Có năng lực đánh giá và giải quyết một số vấn đề thực tiễn trong lĩnh vực tài nguyên, môi trường theo chủ trương, đường lối của Đảng. 	2	Học kỳ 2	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. - Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%. - Hình thức thi: Tự luận.

4. HỆ ĐH10

1	Lý thuyết sai số	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: <ul style="list-style-type: none"> + Hệ thống được các kiến thức cơ bản về giải hệ phương trình tuyến tính, các thuật toán ma trận. + Trình bày được các kiến thức về lý thuyết xác suất như: Phép thử, sự kiện, kỳ vọng, phương sai... + Phân biệt được các loại sai số đo trong trắc địa. + Trình bày được khái niệm, công thức các tiêu chuẩn đánh giá độ chính xác như: sai số trung bình, sai số trung phương, sai số xác suất, sai số trung phương tương đối, sai số giới hạn. - Về kỹ năng: <ul style="list-style-type: none"> + Vận dụng được lý thuyết xác suất trong lý thuyết sai số đo (ứng dụng lý thuyết sai số tính các sai số trung bình, trung phương...) + Ứng dụng được các thuật toán ma trận trong bài toán bình sai trắc địa + Tính được phương sai, hiệp phương sai, hệ số tương quan + Áp dụng các tiêu chuẩn đánh giá độ chính xác trong các trường hợp cụ thể. + Lập và tính được sai số trung phương của hàm các đại lượng đo. + Vận dụng kiến thức đã học tính toán kiểm tra kết quả đo trước khi bình sai. + Tính toán bình sai được dãy trị đo của cùng 1 đại lượng trong trường hợp cùng độ chính xác và không cùng độ chính xác. - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: <ul style="list-style-type: none"> + Có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao. 	3	Học kỳ 2	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm đánh giá quá trình trọng số 40% , Bao gồm: 2 đầu điểm cùng hệ số. (Mỗi đầu điểm có trọng số 20%) - Điểm thi kết thúc học phần trọng số 60% - Hình thức đánh giá: tự luận
---	------------------	--	---	----------	---

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		<ul style="list-style-type: none"> + Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ về Trắc địa - Bản đồ. + Có khả năng đưa ra được kết luận, nhận xét về các vấn đề chuyên môn. + Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể. 			
2	Cơ sở bản đồ	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: <ul style="list-style-type: none"> + Nhận biết được các nội dung cơ bản cơ bản về bản đồ, bản đồ học; mô tả được nội dung của vấn đề tổng quát hoá. + Xác định được nguyên nhân gây ra sai số trong phép chiếu bản đồ; trình bày được về phép chiếu bản đồ, tỷ lệ và biến dạng trên bản đồ, trình tự xây dựng và đặc điểm của các phép chiếu được sử dụng ở Việt Nam; làm được bài tập phân chia mảnh đánh số của bản đồ địa hình, địa chính theo VN-2000. + Liệt kê được các bước cơ bản trong công tác trình bày bản đồ. + Phân biệt được các loại bản đồ địa lý, đặc biệt đối với bản đồ địa hình và bản đồ địa chính (khái niệm, nội dung, quy trình thành lập, các phương pháp thành lập và hiện chỉnh bản đồ), và bản đồ số (khái niệm, nội dung, các quy định kỹ thuật....) - Về kỹ năng: <ul style="list-style-type: none"> + Vận dụng được các phương pháp thành lập các bản đồ cho làm đồ án môn học, đồ án tốt nghiệp. + Làm được các bài toán liên quan tới chia mảnh, đánh số cho bản đồ địa hình, bản đồ địa chính. + Đọc và sử dụng được bản đồ. + Biểu thị được các yếu tố nội dung bản đồ, sử dụng các phương pháp biểu thị nội dung bản đồ đạt yêu cầu kỹ thuật. + Ứng dụng được bộ phần mềm Mapping Office trong thành lập bản đồ. - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: <ul style="list-style-type: none"> + Có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; + Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ về Trắc địa - Bản đồ; + Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ trong công tác Trắc địa - Bản đồ và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; + Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ về Trắc địa - Bản đồ. 	4	Học kỳ 2	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm đánh giá quá trình trọng số 40% , Bao gồm: 2 đầu điểm, hệ số 1 và 01 điểm thi giữa kỳ, hệ số 2. - Điểm thi kết thúc học phần trọng số 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
3	Tiếng Anh 2	<p>- Về kiến thức: Nhận diện được các âm cơ bản của tiếng Anh và tái tạo lại được các âm đó dù vẫn còn nhiều ảnh hưởng của tiếng mẹ đẻ; Áp dụng được các hiện tượng ngữ pháp cơ bản trong các tình huống giao tiếp hàng ngày bằng tiếng Anh như: thông tin cá nhân, thói quen, nhu cầu, sở thích, hỏi đáp về những thông tin đơn giản; Xây dựng được vốn từ đủ để tiến hành những giao tiếp đơn giản hàng ngày với các tình huống và chủ đề quen thuộc.</p> <p>- Về kỹ năng: Áp dụng được các kỹ năng đọc hiểu, nghe hiểu cơ bản; Giao tiếp được trong những tình huống cố định và áp dụng được kỹ năng nghe trong những hội thoại ngắn về những chủ đề gần gũi với sự giúp đỡ của người khác khi cần thiết; Hỏi và trả lời được các câu hỏi cũng như trao đổi ý kiến và thông tin về những chủ đề quen thuộc trong tình huống giao tiếp hàng ngày; Biết áp dụng các chức năng ngôn ngữ hội thoại để thiết lập các mối quan hệ xã hội như chào hỏi, giới thiệu cảm ơn, xin lỗi; Làm việc theo nhóm để thực hiện những nhiệm vụ đơn giản như bàn về một chủ đề quen thuộc, hay thảo luận một tài liệu với cách diễn đạt và ngôn ngữ đơn giản; Miêu tả được người, sự vật, nơi chốn, công việc, việc học tập, thói quen hàng ngày, kinh nghiệm, thông tin và sở thích cá nhân; Trình bày được một chủ đề ngắn về những vấn đề liên quan đến cuộc sống hàng ngày, đưa ra lý do và có thể trả lời một số câu hỏi đơn giản; Viết được các tin nhắn đơn giản, một bức thư ngắn.... ; Viết được các cụm từ, các câu đơn giản sử dụng từ nối; Viết được về những chủ đề quen thuộc, gần gũi như tả người, nơi chốn.</p> <p>- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Xây dựng được tinh thần chủ động trong công việc thông qua hoạt động tự học, tự sưu tầm, tự nghiên cứu các tài liệu bằng tiếng Anh liên quan đến các chủ đề học tập; Xây dựng được tính kỷ luật khi thực hiện nghiêm túc thời gian biểu, làm việc và nộp bài đúng hạn; Xây dựng được tính tự giác khi trung thực trong học tập và trong thi cử; Xây dựng được tính tập thể khi tích cực tham gia các hoạt động nhóm, cặp, sẵn sàng chia sẻ thông tin khi thực hiện các nhiệm vụ theo bài học;</p>	3	Học kỳ 2	<p>- Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%.</p> <p>- Hình thức thi: Trắc nghiệm..</p>
4	Chủ nghĩa xã hội khoa học	<p>- Về kiến thức: Trình bày và phân tích được những tri thức cơ bản, cốt lõi nhất về Chủ nghĩa xã hội khoa học, một trong ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác - Lênin.</p> <p>- Về kỹ năng: Vận dụng các tri thức cơ bản về Chủ nghĩa xã hội khoa học để phân tích và đánh giá một số vấn đề chính trị xã hội liên quan tới chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.</p> <p>-Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: NL1: Có năng lực hình thành tư duy phân tích, đánh giá và nhận diện bản chất các quan hệ chính trị - xã hội,</p>	2	Học kỳ 2	<p>Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%.</p> <p>- Hình thức thi:</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		góp phần hình thành niềm tin, lý tưởng cách mạng và xây dựng trách nhiệm xã hội phù hợp với vị trí việc làm và cuộc sống sau khi ra trường. NL2: Có năng lực tự học, tích lũy kiến thức và kỹ năng; có năng lực lập kế hoạch, điều phối và phát huy trí tuệ tập thể.			Tự luận.
55	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	-Về kiến thức: Trình bày và phân tích được lý luận cơ bản nhất của kinh tế chính trị Mác – Lênin. -Về kỹ năng: Vận dụng được những kiến thức đã học vào thực tiễn học tập và công tác. -Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: NL1: Có năng lực hình thành tư duy phân tích và nhận diện bản chất của các quan hệ kinh tế góp phần hình thành niềm tin và lý tưởng cách mạng trong nền kinh tế thị trường, định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay. NL2: Có năng lực tự học, tích lũy kiến thức, kỹ năng, lập kế hoạch, điều phối và phát huy trí tuệ tập thể.	2	Học kỳ 2	Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%. - Hình thức thi: Tự luận.
6	Pháp luật đại cương	-Về kiến thức: Trình bày, phân tích được những kiến thức cơ bản nhất về nhà nước và pháp luật nói chung; Trình bày, phân tích được những nội dung cơ bản nhất của một số ngành luật chủ yếu trong hệ thống pháp luật Việt Nam. - Về kỹ năng: So sánh được những vấn đề cơ bản về nhà nước và pháp luật nói chung; những nội dung cơ bản của một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam; So sánh một số chế định pháp luật trong các ngành luật khác nhau; Vận dụng những kiến thức đã học về các ngành luật để giải quyết những bài tập, tình huống trên lớp và trong thực tế. - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: NL1: Có năng lực tìm kiếm, tra cứu văn bản, tra cứu các quy định của pháp luật liên quan đến nghề nghiệp và các lĩnh vực khác của đời sống. NL2: Có khả năng xác định được quyền và nghĩa vụ của bản thân trong các quan hệ pháp luật cụ thể.	2	Học kỳ 2	- Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. - Điểm thi kết thúc học phần 60%. - Hình thức thi: Trắc nghiệm.
7	Giải tích 2	- Về kiến thức: Trình bày được những kiến thức cơ bản về giải tích như: tích phân của hàm nhiều biến, phương trình vi phân làm cơ sở cho việc học các môn chuyên ngành và lên trình độ cao hơn. - Về kỹ năng: Vận dụng được những kỹ năng cơ bản để giải quyết các bài tập tính toán, thực hành các bài toán trong chương trình giải tích và tiếp cận học các môn chuyên ngành. Về năng tự chủ và trách nhiệm: Xác định được nhiệm vụ học tập một cách tự giác, chủ động, thực hiện các phương pháp học hiệu quả; tự học tập, tích lũy kiến thức, nghiên cứu và áp dụng các kết quả đã học vào các	2	Học kỳ 2	- Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 2 đầu điểm, hệ số 1; Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		lĩnh vực chuyên môn đồng thời rèn luyện cho tác phong làm việc khoa học			
8	Xác suất thống kê	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: Trình bày được các bài toán cơ bản của xác suất như biến cố ngẫu nhiên và xác suất, đại lượng ngẫu nhiên, các bài toán ước lượng mẫu - Về kỹ năng: Vận dụng được những kỹ năng cơ bản để giải quyết các bài tập tính toán, thực hành các bài toán trong chương trình xác suất thống kê và tiếp cận học các môn chuyên ngành; - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Xác định được nhiệm vụ học tập một cách tự giác, chủ động, thực hiện các phương pháp học hiệu quả; tự học tập, tích lũy kiến thức, nghiên cứu và áp dụng các kết quả đã học vào các lĩnh vực chuyên môn đồng thời rèn luyện cho tác phong làm việc khoa học. 	2	Học kỳ 2	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 2 đầu điểm, hệ số 1; Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

5. HỆ LĐH9

1	Kỹ năng tìm kiếm việc làm trong ngành trắc địa	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: <ul style="list-style-type: none"> + Vận dụng được các kỹ năng đánh giá năng lực bản thân và mục tiêu nghề nghiệp, kỹ năng tìm kiếm cơ hội việc làm, kỹ năng chuẩn bị hồ sơ xin việc, kỹ năng phỏng vấn tuyển dụng, kỹ năng quản lý tài chính cá nhân áp dụng, phục vụ cho cuộc sống và thực tiễn trong ngành Trắc địa – Bản đồ. + Vận dụng được các kỹ năng tìm việc theo vị trí nghiên cứu viên, vị trí quản lý, vị trí kỹ sư ứng dụng trong lĩnh vực trắc địa công trình, địa hình- địa chính, xây dựng cơ sở dữ liệu địa hình và các lĩnh vực khác... - Về kỹ năng: <ul style="list-style-type: none"> + Viết được CV xin việc + Biết cách trả lời phỏng vấn của nhà tuyển dụng + Biết cách thương lượng về chế độ đãi ngộ lương thưởng + Lựa chọn được lĩnh vực công việc phù hợp với năng lực, sở trường của bản thân. - Về đạo đức nghề nghiệp: <ul style="list-style-type: none"> + Chủ động, tích cực trong phát hiện vấn đề và giải quyết vấn đề; + Phối hợp được khi làm việc theo nhóm; + Yêu thích nội dung của môn học 	2	Học kỳ 2	<ul style="list-style-type: none"> Điểm đánh giá quá trình trọng số 40% , Bao gồm: 2 đầu điểm cùng hệ số. (Mỗi đầu điểm có trọng số 20%) - Điểm thi kết thúc học phần trọng số 60% - Hình thức đánh giá: tự luận
---	--	--	---	----------	---

XXIII. Ngành Luật

1. HỆ ĐH8

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
1	Luật Tố tụng hình sự	<p>- Về kiến thức:</p> <p>+ Trình bày và phân tích được khái niệm, nhiệm vụ và các nguyên tắc cơ bản của Tố tụng hình sự;</p> <p>+ Xác định và phân biệt được khái niệm các chủ thể khác nhau trong quan hệ pháp luật TTHS và địa vị pháp lí của các chủ thể;</p> <p>+ Phân tích được bản chất, thuộc tính của chứng cứ, các loại chứng cứ và những vấn đề khác có liên quan đến việc chứng minh; bản chất, ý nghĩa và căn cứ áp dụng biện pháp ngăn chặn. Nhận diện được các biện pháp ngăn chặn cụ thể;</p> <p>+ Xác định được thẩm quyền, trình tự, thủ tục và các hoạt động cụ thể trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố vụ án hình sự; căn cứ và nội dung của các quyết định tố tụng trong các giai đoạn này;</p> <p>+ Xác định được thẩm quyền, trình tự, thủ tục tiến hành các hoạt động trong giai đoạn xét xử sơ thẩm; xét xử phúc thẩm; giám đốc thẩm; tái thẩm. Căn cứ và nội dung của các quyết định tố tụng trong các giai đoạn này;</p> <p>+ Trình bày và phân tích được những quy định chung về thi hành án (những bản án và quyết định được đưa ra thi hành; thẩm quyền; thời hạn, thủ tục ra quyết định thi hành án); trình tự, thủ tục, chủ thể thi hành bản án và quyết định của Tòa án.</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>+ Hình thành và phát triển năng lực tư duy phê phán, giải quyết vấn đề;</p> <p>+ Có khả năng nhận diện và cách định đúng tư cách tố tụng của những người tham gia tố tụng;</p> <p>+ Có khả năng phân loại, kiểm tra, đánh giá và sử dụng chứng cứ trong việc xác định sự thật của vụ án cụ thể;</p> <p>+ Lựa chọn biện pháp ngăn chặn phù hợp để áp dụng với từng đối tượng và trong từng trường hợp cụ thể;</p> <p>+ Lựa chọn, vận dụng phù hợp các quy định của luật tố tụng hình sự để giải quyết các tình huống cụ thể trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử;</p> <p>+ Đưa ra những quyết định tố tụng chính xác để giải quyết các tình huống cụ thể;</p> <p>- Về đạo đức nghề nghiệp:</p> <p>Chủ động, tích cực học tập, nghiên cứu tài liệu; nâng cao ý thức pháp luật, tôn trọng pháp luật, rèn luyện tác phong sống học tập và làm việc tuân theo pháp luật cho .</p>	3	Học kỳ 2	<p>- Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%.</p> <p>- Hình thức thi: Tự luận</p>
2	Luật Tố tụng dân sự	<p>- Về kiến thức:</p> <p>+ Trình bày và phân tích được khái niệm, đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh; khái niệm, đặc điểm, thành phần chủ thể của quan hệ pháp luật tố tụng dân sự; khái niệm, ý nghĩa và nội dung các nguyên tắc cơ bản của luật tố tụng dân sự;</p> <p>+ Xác định được loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của toà án giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự, phân định được thẩm quyền xét xử giữa các toà án theo cấp</p>	3	Học kỳ 2	<p>- Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%.</p> <p>- Hình thức thi:</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		<p>và theo lãnh thổ; vị trí, vai trò và địa vị pháp lý của các chủ thể tố tụng.</p> <p>+ Phân tích được khái niệm, đặc tính, nguồn chứng cứ; khái niệm chứng minh, chủ thể chứng minh, những tình tiết sự kiện không phải chứng minh; bản chất, ý nghĩa và căn cứ áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời và điều kiện, thẩm quyền, thủ tục áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời cụ thể; các loại án phí, lệ phí và căn cứ xác định người phải chịu án phí, lệ phí và các chi phí về tố tụng.</p> <p>+ Trình bày và phân tích được đầy đủ các trình tự, thủ tục giải quyết các vụ việc dân sự tại toà án. Phân biệt được sự khác nhau giữa trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự với trình tự, thủ tục giải quyết việc dân sự.</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>+ Thực hiện được công tác nghiên cứu khoa học pháp lý về luật tố tụng dân sự.</p> <p>+ Thực hiện được một số công việc của cán bộ tư pháp và hỗ trợ tư pháp;</p> <p>+ Phát triển kỹ năng lập luận, thuyết trình trước công chúng;</p> <p>- Về đạo đức nghề nghiệp:</p> <p>+ Nâng cao ý thức trách nhiệm về vai trò, sứ mạng của người cán bộ pháp lý trong giai đoạn mới, luôn nhạy bén với cái mới, chủ động thích ứng với thay đổi;</p> <p>+ Hình thành niềm say mê nghề nghiệp, tư tưởng không ngừng học hỏi, tích cực đổi mới tư duy và cách thức giải quyết những vấn đề pháp lý.</p>			Tự luận
3	Luật tài chính ngân hàng	<p>- Về kiến thức:</p> <p>+ Trình bày và phân tích được những kiến thức pháp luật về ngân sách ngân sách nhà nước như: Pháp luật về tổ chức, quá trình, thu, chi, quản lý quỹ ngân sách nhà nước.</p> <p>+ Trình bày và phân tích được những kiến thức pháp luật về tổ chức, hoạt động của ngân hàng Nhà nước và các chủ thể kinh doanh ngân hàng.</p> <p>- Về kỹ năng: Hình thành và phát triển năng lực thu thập thông tin về các vấn đề liên quan đến pháp luật về tổ chức, quá trình, thu, chi, quản lý quỹ ngân sách nhà nước và pháp luật về tổ chức, hoạt động của Ngân hàng Nhà nước và các chủ thể kinh doanh ngân hàng.</p> <p>- Về đạo đức nghề nghiệp:</p> <p>Tôn trọng các quy định pháp luật về tổ chức, quá trình, thu, chi, quản lý quỹ ngân sách nhà nước và pháp luật về tổ chức, hoạt động của Ngân hàng Nhà nước và các chủ thể kinh doanh ngân hàng.</p>	2	Học kỳ 2	<p>- Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1.</p> <p>Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%.</p> <p>- Hình thức thi: Tự luận</p>
	Luật khoáng sản	<p>- Về kiến thức:</p> <p>Trình bày và phân tích được những nội dung cơ bản nhất về Luật khoáng sản, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật khoáng sản của Việt Nam trong hoạt động khoáng sản.</p>			<p>- Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1.</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
4		<ul style="list-style-type: none"> - Về kỹ năng: Hình thành và phát triển năng lực thu thập thông tin về các vấn đề liên quan đến Luật khoáng sản, Luật pháp và chính sách khoáng sản của Việt Nam; Phân tích và tổng hợp, đánh giá, bình luận về các vấn đề liên quan đến Luật khoáng sản, sự vận dụng hiệu quả và thành công Luật pháp trong thực tiễn hoạt động khoáng sản sau này. - Về đạo đức nghề nghiệp: + Có thái độ tích cực trong học tập, trung thực thu thập dữ liệu về các văn bản pháp luật liên quan; + Tôn trọng các quy định, Luật pháp nói chung, Luật pháp và chính sách khoáng sản nói riêng, nhìn nhận, vận dụng đúng đắn các vấn đề liên quan đến hoạch định và giải quyết các tranh chấp tài nguyên của ở Việt Nam và một số quốc gia khác. Tự giác và vận động nhân dân cùng tham gia sống và làm việc theo pháp luật. 	2	Học kỳ 2	Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%. - Hình thức thi: Tự luận
5	Luật pháp và chính sách biển	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: Trình bày và phân tích được những nội dung cơ bản nhất về Luật biển quốc tế, Luật pháp và chính sách biển của Việt Nam. - Về kỹ năng: Hình thành và phát triển năng lực thu thập thông tin về các vấn đề liên quan đến Luật biển quốc tế, Luật pháp và chính sách biển Việt Nam; Phân tích, tổng hợp, đánh giá, bình luận về các vấn đề liên quan đến Luật biển quốc tế, Luật pháp và chính sách biển Việt Nam; - Về đạo đức nghề nghiệp: Tôn trọng các quy định của Luật biển quốc tế, Luật pháp và chính sách biển Việt Nam và đánh giá, nhìn nhận đúng đắn các vấn đề liên quan đến hoạch định và giải quyết các tranh chấp trên biển giữa Việt Nam và các nước trong khu vực. 	3	Học kỳ 2	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%. - Hình thức thi: Tự luận
6	Pháp luật, chính sách tài nguyên nước	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: Trình bày và phân tích được những kiến thức cơ bản về pháp luật và những chính sách trong lĩnh vực tài nguyên nước và môi trường hiện hành của Việt Nam. - Về kỹ năng: + Tìm văn bản quy phạm pháp luật về tài nguyên nước và môi trường. + Phân tích, đánh giá các quy định của pháp luật về tài nguyên nước và môi trường. + Áp dụng các quy phạm pháp luật về tài nguyên và môi trường vào tình huống cụ thể. - Về đạo đức nghề nghiệp: + Tôn trọng các quy định của pháp luật tài nguyên nước và môi trường. + Có thái độ đúng đắn, phù hợp với quy định của pháp luật trong lĩnh vực tài nguyên nước và môi trường. 	2	Học kỳ 2	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%. - Hình thức thi: Tự luận

2. HỆ ĐH9

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
1	Luật Tố tụng hành chính	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: Trình bày được kiến thức cơ bản về tài phán hành chính; ngành luật tố tụng hành chính; quyền và nghĩa vụ pháp lý tố tụng hành chính của các cơ quan, tổ chức, cá nhân; thẩm quyền, thủ tục giải quyết các vụ án hành chính và thi hành án hành chính; - Về kỹ năng: Đọc, và vận dụng pháp luật về tố tụng hành chính vào thực tiễn; đánh giá, bình luận và đưa ra quan điểm cá nhân về pháp luật và thực hiện pháp luật về tố tụng hành chính; - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: NL1: Có năng lực áp dụng kiến thức về Luật Tố tụng hành chính để giải quyết các tình huống cụ thể trong thực tế. NL2: Xác định rõ trách nhiệm pháp lý của bản thân trong những quan hệ pháp luật tố tụng hành chính cụ thể. 	2	Học kỳ 2	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%. - Hình thức thi: Tự luận.
2	Luật Hình sự 1	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: + Trình bày và giải thích được khái niệm luật hình sự và lịch sử lập pháp hình sự của Nhà nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam; nguồn của luật hình sự và nội dung của các văn bản giải thích luật hình sự; + Phân tích được khái niệm tội phạm, hình phạt và các khái niệm khác liên quan đến tội phạm và hình phạt; - Về kỹ năng: + Vận dụng kiến thức đã học để xác định được trường hợp phạm tội và trường hợp không phải là tội phạm; + Tổng hợp, phân tích, so sánh, hệ thống hoá, bình luận, đánh giá các vấn đề trong luật hình sự; xây dựng được hệ thống căn cứ pháp lý để giải quyết tình huống cụ thể của luật hình sự; - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: NL1: Có năng lực áp dụng kiến thức về Luật Hình sự để giải quyết các tình huống cụ thể trong thực tế. NL2: Xác định rõ trách nhiệm pháp lý của bản thân trong những quan hệ pháp luật hình sự cụ thể. 	2	Học kỳ 2	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%. - Hình thức thi: Tự luận
3	Luật Dân sự 1	<ul style="list-style-type: none"> - Về Kiến thức: + Trình bày và phân biệt được các quan hệ xã hội thuộc đối tượng điều chỉnh của luật dân sự, xác định được tính đặc thù của phương pháp điều chỉnh của luật dân sự; xác định được các văn bản được coi là nguồn của luật dân sự. + Trình bày và giải thích được những yếu tố cơ bản của quan hệ pháp luật dân sự, căn cứ phát sinh, thay đổi, chấm dứt quan hệ pháp luật dân sự; xác định được các chủ thể của quan hệ pháp luật dân sự; khái niệm, điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự, giao dịch dân sự vô hiệu và hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự vô hiệu; xác định được thời hạn, thời hiệu; những vấn đề pháp lý liên quan đến đại diện; khái niệm, phân loại tài sản; nội dung quyền sở hữu; các hình thức sở hữu; căn cứ xác lập, chấm dứt quyền sở hữu; bảo vệ quyền sở hữu và 	3	Học kỳ 2	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%. - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		<p>các quy định khác về quyền sở hữu; các quy định về thừa kế, thừa kế theo di chúc, thừa kế theo pháp luật, thanh toán và phân chia di sản.</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>+ Vận dụng kiến thức, kỹ năng tư duy pháp lý để phân tích vấn đề khi vận dụng các quy định của pháp luật dân sự vào giải quyết các tình huống trên thực tế liên quan đến giao dịch dân sự, sở hữu, thừa kế...</p> <p>+ Phân tích, bình luận, đánh giá được các quy định của pháp luật liên quan đến chủ thể quan hệ pháp luật dân sự, giao dịch dân sự, đại diện, thời hạn và thời hiệu, tài sản, sở hữu, thừa kế.</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>NL1: Có năng lực áp dụng kiến thức về pháp luật dân sự để xử lý, giải quyết những tình huống cụ thể trong cuộc sống và công tác.</p> <p>NL2: Xác định rõ trách nhiệm pháp lý của bản thân trong quan hệ pháp luật dân sự cụ thể.</p>			
4	Luật Lao động	<p>- Về kiến thức:</p> <p>+ Trình bày và giải thích được các khái niệm, đặc điểm các nguyên tắc cơ bản của quan hệ pháp luật lao động; các yếu tố cấu thành, căn cứ làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt quan hệ pháp luật giữa người lao động và người sử dụng lao động; khái niệm, đặc trưng và nội dung các quy định của pháp luật trong việc điều chỉnh quan hệ lao động như hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể, công đoàn, tiền lương, thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi, an toàn lao động, vệ sinh lao động, kỷ luật lao động, trách nhiệm vật chất, bảo hiểm xã hội, tranh chấp lao động, đình công, giải quyết đình công, việc làm, học nghề và quan hệ về quản lý lao động; những quy định đối với lao động nữ trong pháp luật lao động Việt nam dưới góc độ bình đẳng giới. Đánh giá cơ hội tìm kiếm việc làm và trách nhiệm của nhà nước trong việc giải quyết việc làm đối với lao động nữ.</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>Vận dụng các kiến thức pháp lý về lĩnh vực luật lao động để thực hiện các công việc chuyên môn tương ứng, bao gồm:</p> <p>+ Tư vấn cho các đối tượng là người sử dụng lao động, người lao động, cá nhân và tổ chức khác về các vấn đề thông dụng trong lĩnh vực luật lao động;</p> <p>+ Soạn thảo các văn bản thông dụng trong lĩnh vực lao động như: Hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể, nội quy lao động...;</p> <p>+ Tham gia giải quyết các vụ việc thông thường trong lĩnh vực lao động;</p> <p>+ Tham gia vào các hoạt động xây dựng chính sách - pháp luật lao động.</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>NL1: Có năng lực tìm kiếm, áp dụng quy định pháp luật để xử lý, giải quyết những tình huống cụ thể về</p>	2	Học kỳ 2	<p>- Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%.</p> <p>- Hình thức thi: Tự luận</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		<p>quan hệ lao động và các quan hệ liên quan đến quan hệ lao động.</p> <p>NL2: Xác định rõ trách nhiệm pháp lý của bản thân trong quan hệ lao động, quan hệ liên quan đến quan hệ lao động cụ thể.</p>			
5	Luật Đất đai	<p>- Về kiến thức:</p> <p>+ Trình bày và giải thích được khái niệm, bản chất đặc thù của các quan hệ thuộc phạm vi điều chỉnh của ngành luật đất đai; hệ thống quan điểm, cơ sở lí luận và thực tiễn, tư duy pháp lí của Đảng và Nhà nước trong việc điều chỉnh các quan hệ đất đai bằng pháp luật;</p> <p>+ Phân tích làm rõ được mối quan hệ giữa luật đất đai với một số ngành luật khác trong hệ thống pháp luật Việt nam như Luật hành chính; Luật dân sự; Luật hình sự; Luật thương mại; Luật môi trường...</p> <p>+ Phân tích, đánh giá được các quy định của Luật Đất đai về chế độ sử dụng các loại đất; quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất;</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>+ Phân tích được các nguyên tắc của Luật Đất đai, nội dung của quan hệ pháp luật Đất đai;</p> <p>+ Phân tích được các quy định của Luật Đất đai về chế độ sử dụng các loại đất;</p> <p>+ Phân tích được các quy định về quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất;</p> <p>+ Vận dụng được những vấn đề lí thuyết đã được vào việc giải quyết các vụ việc đất đai xảy ra trong thực tiễn; ; phân tích, đánh giá, bình luận, tư vấn, trợ giúp pháp lí trong các tình huống đất đai cụ thể.</p> <p>+ Phân tích, đánh giá hệ thống pháp luật đất đai đặt trong việc giải quyết tổng thể các chính sách phát triển kinh tế - xã hội của đất nước nói chung và các chính sách nông nghiệp, nông thôn, xóa đói, giảm nghèo, bình đẳng giới trong sử dụng đất và phát triển bền vững nói riêng.</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>NL1: Có năng lực tìm kiếm, áp dụng kiến thức về pháp luật đất đai để xử lý, giải quyết những tình huống cụ thể trong thực tế.</p> <p>NL2: Xác định rõ trách nhiệm pháp lý của bản thân trong các quan hệ pháp luật đất đai cụ thể để tránh vi phạm pháp luật hoặc bị thiệt hại.</p>	3	Học kỳ 2	<p>- Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%.</p> <p>- Hình thức thi: Tự luận</p>
6	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	<p>- Về kiến thức: Chứng minh được sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam là tất yếu khách quan; phân tích và đánh giá được sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam từ khi thành lập Đảng đến nay qua các thời kỳ: (1930 - 1945), (1945 - 1975) và (1975 đến nay).</p> <p>- Về kỹ năng: Vận dụng được kiến thức đã học trong giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến lĩnh vực được đào tạo.</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p>	2	Học kỳ 2	<p>- Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1.</p> <p>- Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%.</p> <p>- Hình thức thi:</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		<p>NL1: Có lập trường tư tưởng vững vàng, có niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, kiên định với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước;</p> <p>NL2: Xác định được trách nhiệm của bản thân đối với công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc dưới sự lãnh đạo của Đảng, quyết tâm thực hiện tốt đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước;</p> <p>NL3: Có năng lực đánh giá và giải quyết một số vấn đề thực tiễn trong lĩnh vực tài nguyên, môi trường theo chủ trương, đường lối của Đảng.</p>			Tự luận.
7	Tiếng Anh chuyên ngành	<p>- Về kiến thức: Kiến thức Ngữ pháp: hiểu được cơ bản về các thời, thể ngữ pháp tiếng Anh trình độ trung cấp trở lên, mở rộng vốn kiến thức ngữ pháp về các thì, câu so sánh, câu ước muốn, mạo từ, động từ khuyết thiếu. Đồng thời biết cách sử dụng một số cụm danh từ, cụm động từ chuyên ngành Luật phù hợp với từng tình huống cụ thể.</p> <p>Kiến thức Từ vựng và ngữ âm: thu nhận được vốn từ vựng cơ bản và cần thiết về các chủ đề chuyên ngành Luật như Luật hợp đồng, Luật Tra tấn; Luật Hình sự; Luật Công ty; Luật Thương mại; Luật Bất động sản; Luật Quốc tế; Luật So sánh; Các nội dung liên quan đến Tranh tụng và phân xử trước tòa.; phát âm chính xác các từ mới; và bắt được ngữ điệu tiếng Anh khi sử dụng trong các tình huống thực.</p> <p>- Về kỹ năng: Áp dụng được các kỹ năng đọc hiểu, nghe hiểu cơ bản; được những đoạn văn, bài đọc về Luật được diễn đạt bằng ngôn ngữ chuyên ngành, nhiều từ vựng được sử dụng với tần suất cao trong nội dung học tập. Cải thiện kỹ năng đọc lướt để bao quát, đọc quét để tìm từ hoặc nội dung cụ thể. Nghe được những cụm từ, những cách diễn đạt liên quan đến chuyên ngành luật; câu hỏi và dự đoán chủ đề của yêu cầu thực hiện các nhiệm vụ học tập vào tư duy logic; Nghe và ý chính, đoán nghĩa của từ mới dựa vào ngữ cảnh.</p> <p>Hỏi và trả lời được câu hỏi cũng như trao đổi ý kiến và thông tin về những chủ đề liên quan đến chuyên ngành Luật với các tình huống cụ thể; Bàn và thảo luận được về một thể lệ hoặc quy định của một vụ kiện, hay thảo luận các chủ đề về tư vấn Luật, các bên thực thi trong hợp đồng có yếu tố nước ngoài với cách diễn đạt và ngôn ngữ phù hợp; Trình bày được một chủ đề ngắn về những vấn đề liên quan đến chuyên ngành Luật, đưa ra lý do và có thể trả lời một số câu hỏi có liên quan để làm rõ nghĩa của nội dung. Viết được các tin nhắn đơn giản, quy trình viết một bức thư cho đối tác; Viết được các</p>		Học kỳ 2	<p>- Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%.</p> <p>- Hình thức thi: Tự luận</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		<p>cụm từ, các câu đơn giản sử dụng từ nối;</p> <p>Viết được về những chủ đề như nghề nghiệp liên quan đến ngành Luật, Luật Thương mại, Luật Bất động sản.</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Nhận thức được tầm quan trọng của môn học; Xây dựng được và phát huy được tinh thần tự chủ trong học tập thông qua nghiên cứu sách chuyên ngành, đọc thêm các tài liệu trên mạng; Thực hiện nghiêm túc thời gian biểu, làm việc nhóm/cặp và nộp bài đúng hạn.</p> <p>Tự giác trong học tập và trung thực trong thi cử;</p> <p>Phát huy được khả năng sáng tạo khi thực hiện các hoạt động trên lớp cũng như ở nhà; Tham gia tích cực và có tinh thần xây dựng các hoạt động trên lớp; Chia sẻ thông tin với bạn bè và giảng viên và chủ động đặt câu hỏi về những thắc mắc của mình</p>			

3. HỆ DH10

1	Lịch sử Nhà nước và pháp luật thế giới	<p>- Về kiến thức:</p> <p>+ Phân tích được những nội dung cơ bản về quá trình hình thành, phát triển, thay thế của các kiểu nhà nước và pháp luật ở các khu vực và một số nước qua các thời kì lịch sử.</p> <p>+ So sánh được những ưu nhược điểm của các kiểu nhà nước và pháp luật đã tồn tại trong lịch sử.</p> <p>- Về kỹ năng: Vận dụng kiến thức lịch sử về nhà nước và pháp luật để phân tích, đánh giá các vấn đề lí luận và thực tiễn, đưa ra được các ý kiến cá nhân về các vấn đề trong đời sống nhà nước và pháp luật hiện nay.</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>NL1: Có năng lực áp dụng kiến thức nhà nước và pháp luật trên thế giới để xây dựng hoàn thiện nhà nước và pháp luật Việt Nam ở thời điểm hiện tại.</p> <p>NL2: Xác định được trách nhiệm của bản thân trong việc góp phần học tập kinh nghiệm xây dựng nhà nước và pháp luật của các quốc gia trên thế giới nhằm xây dựng nhà nước và pháp luật ở Việt Nam hiện nay.</p>	2	Học kỳ 2	<p>Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1.</p> <p>Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%.</p> <p>- Hình thức thi: Tự luận</p>
2	Lịch sử Nhà nước và pháp luật Việt Nam	<p>- Về kiến thức:</p> <p>+ Phân tích được những kiến thức cơ bản về quá trình hình thành, phát triển của nhà nước và pháp luật ở Việt Nam trong tiến trình lịch sử.</p> <p>+ Phân tích được sự kế thừa và phát triển những giá trị truyền thống tốt đẹp về nhà nước và pháp luật Việt Nam qua các thời kì lịch sử.</p> <p>- Về kỹ năng</p> <p>+ Phân tích, lý giải được cơ sở ra đời và phát triển của các nhà nước Việt Nam tồn tại trong lịch sử.</p> <p>+ Vận dụng kiến thức lịch sử về nhà nước và pháp luật để phân tích, đánh giá các vấn đề lí luận và thực tiễn ảnh hưởng tới đời sống nhà nước và pháp luật ở Việt</p>	3	Học kỳ 2	<p>Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1.</p> <p>Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%.</p> <p>- Hình thức thi: Tự luận.</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		<p>Nam hiện nay.</p> <p>-Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>NL1: Có năng lực áp dụng các kiến thức về nhà nước và pháp luật Việt Nam trong lịch sử vào xây dựng, hoàn thiện nhà nước và pháp luật hiện hành.</p> <p>NL2: Xác định được trách nhiệm của bản thân trong việc góp phần phát huy những giá trị tiến bộ về nhà nước và pháp luật trong quá khứ vào xây dựng tương lai.</p>			
3	Kỹ thuật soạn thảo văn bản	<p>- Về kiến thức:</p> <p>trình bày và giải thích các được kiến thức về văn bản pháp luật như: khái niệm, đặc điểm, hiệu lực và nguyên tắc áp dụng pháp luật; quy trình soạn thảo văn bản và các yêu cầu trong quá trình xây dựng văn bản; các thể loại văn bản được sử dụng trong trường hợp cụ thể; đồng thời phân biệt được sự khác nhau giữa bản chất và quy trình xây dựng văn bản pháp luật với văn bản hành chính thông dụng.</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>phân tích tình hình, xác định thể thức và soạn thảo được các loại văn bản pháp luật phù hợp với yêu cầu công tác. Phân biệt được các loại văn bản hiện đang được sử dụng trong hoạt động quản lý của các cơ quan, tổ chức ở Việt Nam và giá trị thông tin của các văn bản đó. Vận dụng các kiến thức đã học để sắp xếp và bảo quản các văn bản, giấy tờ của cơ quan một cách khoa học, nhằm cung cấp kịp thời các thông tin cần thiết cho hoạt động quản lý.</p> <p>-Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>NL1: Có năng lực tìm kiếm, soạn thảo được các văn bản pháp luật trong các lĩnh vực khác nhau.</p> <p>NL2: Xác định được trách nhiệm của bản thân trong việc phải soạn thảo đúng các văn bản pháp luật.</p>	2	Học kỳ 2	<p>Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1.</p> <p>Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%.</p> <p>- Hình thức thi: Tự luận.</p>
4	Chủ nghĩa xã hội khoa học	<p>- Về kiến thức: Trình bày và phân tích được những tri thức cơ bản, cốt lõi nhất về Chủ nghĩa xã hội khoa học, một trong ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác - Lênin.</p> <p>- Về kỹ năng: Vận dụng các tri thức cơ bản về Chủ nghĩa xã hội khoa học để phân tích và đánh giá một số vấn đề chính trị xã hội liên quan tới chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.</p> <p>-Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>NL1: Có năng lực hình thành tư duy phân tích, đánh giá và nhận diện bản chất các quan hệ chính trị - xã hội, góp phần hình thành niềm tin, lý tưởng cách mạng và xây dựng trách nhiệm xã hội phù hợp với vị trí việc làm và cuộc sống sau khi ra trường.</p> <p>NL2: Có năng lực tự học, tích lũy kiến thức và kỹ năng; có năng lực lập kế hoạch, điều phối và phát huy trí tuệ tập thể.</p>	2	Học kỳ 2	<p>Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1.</p> <p>Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%.</p> <p>- Hình thức thi: Tự luận.</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
5	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	<p>-Về kiến thức: Trình bày và phân tích được lý luận cơ bản nhất của kinh tế chính trị Mác – Lênin.</p> <p>-Về kỹ năng: Vận dụng được những kiến thức đã học vào thực tiễn học tập và công tác.</p> <p>-Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>NL1: Có năng lực hình thành tư duy phân tích và nhận diện bản chất của các quan hệ kinh tế góp phần hình thành niềm tin và lý tưởng cách mạng trong nền kinh tế thị trường, định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay.</p> <p>NL2: Có năng lực tự học, tích lũy kiến thức,kỹ năng, lập kế hoạch, điều phối và phát huy trí tuệ tập thể</p>	2	Học kỳ 2	<p>Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1.</p> <p>Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%.</p> <p>- Hình thức thi: Tự luận.</p>
6	Tiếng Anh 2	<p>- Về kiến thức: Nhận diện được các âm cơ bản của tiếng Anh và tái tạo lại được các âm đó dù vẫn còn nhiều ảnh hưởng của tiếng mẹ đẻ; Áp dụng được các hiện tượng ngữ pháp cơ bản trong các tình huống giao tiếp hàng ngày bằng tiếng Anh như: thông tin cá nhân, thói quen, nhu cầu, sở thích, hỏi đáp về những thông tin đơn giản; Xây dựng được vốn từ đủ để tiến hành những giao tiếp đơn giản hàng ngày với các tình huống và chủ đề quen thuộc.</p> <p>- Về kỹ năng: Áp dụng được các kỹ năng đọc hiểu, nghe hiểu cơ bản; Giao tiếp được trong những tình huống cố định và và áp dụng được kỹ năng nghe trong những hội thoại ngắn về những chủ đề gần gũi với sự giúp đỡ của người khác khi cần thiết; Hỏi và trả lời được các câu hỏi cũng như trao đổi ý kiến và thông tin về những chủ đề quen thuộc trong tình huống giao tiếp hàng ngày; Biết áp dụng các chức năng ngôn ngữ hội thoại để thiết lập các mối quan hệ xã hội như chào hỏi, giới thiệu cảm ơn, xin lỗi; Làm việc theo nhóm để thực hiện những nhiệm vụ đơn giản như bàn về một chủ đề quen thuộc, hay thảo luận một tài liệu với cách diễn đạt và ngôn ngữ đơn giản; Miêu tả được người, sự vật, nơi chốn, công việc, việc học tập, thói quen hàng ngày, kinh nghiệm, thông tin và sở thích cá nhân; Trình bày được một chủ đề ngắn về những vấn đề liên quan đến cuộc sống hàng ngày, đưa ra lý do và có thể trả lời một số câu hỏi đơn giản; Viết được các tin nhắn đơn giản, một bức thư ngắn.... ; Viết được các cụm từ, các câu đơn giản sử dụng từ nối; Viết được về những chủ đề quen thuộc, gần gũi như tả người, nơi chốn.</p> <p>- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Xây dựng được tinh thần chủ động trong công việc thông qua hoạt động tự học, tự sưu tầm, tự nghiên cứu các tài liệu bằng tiếng Anh liên quan đến các chủ đề học tập; Xây dựng được tính kỷ luật khi thực hiện nghiêm túc thời gian biểu, làm việc và nộp bài đúng hạn; Xây dựng được tính tự giác khi trung thực trong học tập và trong thi cử; Xây dựng được tính tập thể khi tích cực tham gia các hoạt động</p>	3	Học kỳ 2	<p>- Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1.</p> <p>Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%.</p> <p>- Hình thức thi: Trắc nghiệm.</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		nhóm, cặp, sẵn sàng chia sẻ thông tin khi thực hiện các nhiệm vụ theo bài học;			
XXIV. Ngành Ngôn ngữ Anh					
1. HỆ ĐH10					
1	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	<p>-Về kiến thức: Trình bày và phân tích được lý luận cơ bản nhất của kinh tế chính trị Mác – Lênin.</p> <p>-Về kỹ năng: Vận dụng được những kiến thức đã học vào thực tiễn học tập và công tác.</p> <p>-Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>NL1: Có năng lực hình thành tư duy phân tích và nhận diện bản chất của các quan hệ kinh tế góp phần hình thành niềm tin và lý tưởng cách mạng trong nền kinh tế thị trường, định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay.</p> <p>NL2: Có năng lực tự học, tích lũy kiến thức, kỹ năng, lập kế hoạch, điều phối và phát huy trí tuệ tập thể</p>	2	Học kỳ 2	<p>Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1.</p> <p>Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%.</p> <p>- Hình thức thi: Tự luận.</p>
2	Cơ sở văn hóa Việt Nam	<p>- Về kiến thức: Trình bày được những tri thức cơ bản của một nền văn hóa; Phân tích được các đặc trưng cơ bản và các quy luật hình thành, phát triển của văn hóa Việt Nam;</p> <p>- Về kỹ năng: Vận dụng và phát triển được kiến thức về văn hóa Việt Nam để tổ chức các hoạt động dịch vụ du lịch lễ hành;</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>NL1: Có năng lực nhận diện được các hiện tượng văn hóa, phát triển nhận thức và hành động ứng xử có văn hóa trong học tập và cuộc sống; góp phần nâng cao tinh thần, trách nhiệm trong xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.</p> <p>NL2: Có năng lực tự học, tích lũy kiến thức và kỹ năng; có năng lực lập kế hoạch, điều phối và phát huy trí tuệ tập thể.</p>	2	Học kỳ 2	<p>- Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1.</p> <p>- Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%.</p> <p>- Hình thức thi: Tự luận.</p>
3	Ngữ Pháp Tiếng Anh 1	<p>- Về kiến thức: Nhận diện được các âm cơ bản của tiếng Anh và tái tạo lại được các âm đó dù vẫn còn nhiều ảnh hưởng của tiếng mẹ đẻ; Áp dụng được các hiện tượng ngữ pháp cơ bản trong các tình huống giao tiếp hàng ngày bằng tiếng Anh như: thông tin cá nhân, thói quen, nhu cầu, sở thích, hỏi đáp về những thông tin đơn giản; Xây dựng được vốn từ đủ để tiến hành những giao tiếp đơn giản hàng ngày với các tình huống và chủ đề quen thuộc.</p> <p>- Về kỹ năng: Áp dụng được các kỹ năng đọc hiểu, nghe hiểu cơ bản; Giao tiếp được trong những tình huống cố định và vận dụng được kỹ năng nghe trong những hội</p>	3	Học kỳ 2	<p>- Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1.</p> <p>Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%.</p> <p>- Hình thức thi: Trắc nghiệm.</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		<p>thoại ngắn về những chủ đề gần gũi với sự giúp đỡ của người khác khi cần thiết; Hỏi và trả lời được các câu hỏi cũng như trao đổi ý kiến và thông tin về những chủ đề quen thuộc trong tình huống giao tiếp hàng ngày; Biết áp dụng các chức năng ngôn ngữ hội thoại để thiết lập các mối quan hệ xã hội như chào hỏi, giới thiệu cảm ơn, xin lỗi; Làm việc theo nhóm để thực hiện những nhiệm vụ đơn giản như bàn về một chủ đề quen thuộc, hay thảo luận một tài liệu với cách diễn đạt và ngôn ngữ đơn giản; Miêu tả được người, sự vật, nơi chốn, công việc, việc học tập, thói quen hàng ngày, kinh nghiệm, thông tin và sở thích cá nhân; Trình bày được một chủ đề ngắn về những vấn đề liên quan đến cuộc sống hàng ngày, đưa ra lý do và có thể trả lời một số câu hỏi đơn giản; Viết được các tin nhắn đơn giản, một bức thư ngắn.... ; Viết được các cụm từ, các câu đơn giản sử dụng từ nối; Viết được về những chủ đề quen thuộc, gần gũi như tả người, nơi chốn.</p> <p>- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Xây dựng được tinh thần chủ động trong công việc thông qua hoạt động tự học, tự sưu tầm, tự nghiên cứu các tài liệu bằng tiếng Anh liên quan đến các chủ đề học tập; Xây dựng được tính kỷ luật khi thực hiện nghiêm túc thời gian biểu, làm việc và nộp bài đúng hạn; Xây dựng được tính tự giác khi trung thực trong học tập và trong thi cử; Xây dựng được tính tập thể khi tích cực tham gia các hoạt động nhóm, cặp, sẵn sàng chia sẻ thông tin khi thực hiện các nhiệm vụ theo bài học;</p>			
4	Nghe – Nói 2	<p>- Về kiến thức: Trình bày được đầy đủ về cách phát âm, hệ thống âm vị trong tiếng Anh, giải thích được các kiến thức cơ bản về ngữ điệu, trọng âm, âm mạnh và yếu của các từ thông dụng; các giọng nói tiếng Anh khác nhau trong số các nước nói tiếng Anh bản ngữ; Trình bày được các từ vựng và cấu trúc ngữ pháp để có thể sử dụng trong hầu hết các tình huống thường ngày liên quan đến các chủ đề khác nhau; đặc biệt giới thiệu được những nét đẹp chính của quê hương, đất nước Việt Nam, khu danh thắng, sự hiếu khách của người dân.</p> <p>- Về kỹ năng: Kỹ năng nghe: trình bày được các thông tin sự kiện đơn giản về các đề tài phổ biến hàng ngày hay các đề tài liên quan đến công việc, xác định được cả thông điệp chính lẫn ý chi tiết, miễn là ngôn bản phải được nói một cách rõ ràng và bằng một giọng quen thuộc; hiểu được điểm chính của những ngôn bản chuẩn, rõ ràng quanh các đề tài quen thuộc, thường gặp tại nơi làm, trường học, vui chơi giải trí v.v... bao gồm cả đoạn tường thuật ngắn. Ở bậc 3, làm quen với nhiều dạng giọng nói tiếng Anh của người bản ngữ (Anh, Mỹ, Úc, New Zealand), bao gồm cả từ vựng.; Kỹ năng nói: có thể duy trì hợp lý và trôi chảy những bài miêu tả đơn giản về</p>	4	Học kỳ 2	<p>- Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%.</p> <p>- Hình thức thi: Tự luận/Vấn đáp</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		<p>nhiều kiểu đề tài, giao tiếp với mức độ tự tin nhất định trong các hoạt động thường ngày hay không thường ngày có liên quan đến sở thích và lĩnh vực chuyên môn cá nhân; trình bày có chuẩn bị trước một cách dễ dàng về một đề tài quen thuộc một cách rõ ràng và hầu như là dễ theo dõi, với các điểm chính được giải thích với độ chính xác phù hợp...</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ về kỹ năng nghe-nói.;Thực hiện nghiêm túc thời gian biểu, tự giác trong học tập, tham gia đầy đủ, đúng giờ các buổi học trên lớp. ;Tham gia tích cực và có tinh thần xây dựng vào các hoạt động trên lớp.;Tích cực, chủ động tìm kiếm tài liệu, thông tin có liên quan đến nội dung môn học.</p>			
5	Đọc – Viết 2	<p>- Về kiến thức: Trình bày được các ý chính của một đoạn văn hay bài phát biểu chuẩn mực, rõ ràng về các chủ đề quen thuộc trong công việc, trường học, giải trí, v.v...; xử lý được phần lớn các tình huống xảy ra khi đến khu vực, đất nước có sử dụng tiếng Anh; viết đoạn văn đơn giản liên quan đến các chủ đề quen thuộc hoặc cá nhân quan tâm.</p> <p>- Về kỹ năng:Kỹ năng đọc: đọc các bài khóa đơn giản về các đề tài yêu thích hoặc liên quan đến chuyên môn; đọc lướt các văn bản dài để xác định thông tin cần tìm, thu thập thông tin từ nhiều phần của một văn bản hay từ nhiều văn bản khác nhau; tìm ra và hiểu được thông tin phù hợp trong các tài liệu thường nhật như thư từ, sách báo; nhận biết được các ý chính được trình bày trong các bài báo đơn giản về các đề tài quen thuộc. Ở bậc 3, phân biệt được sự khác nhau, ở mức độ cơ bản, về từ vựng thông dụng trong các biển thể tiếng Anh sử dụng ở các nước nói tiếng Anh (Anh, Mỹ, Úc, New Zealand) bản ngữ. Kỹ năng viết: viết được bài miêu tả chi tiết về đề tài yêu thích, viết tường thuật về những trải nghiệm, miêu tả sự kiện, chuyến đi, viết các bài luận ngắn; tóm tắt, báo cáo và nêu ý kiến về các sự kiện quan tâm; viết thư, email hay ghi chú cá nhân...</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ về kỹ năng đọc-viết.;Thực hiện nghiêm túc thời gian biểu, tự giác trong học tập, tham gia đầy đủ, đúng giờ các buổi học trên lớp. ;Tham gia tích cực và có tinh thần xây dựng vào các hoạt động trên lớp.;Tích cực, chủ động tìm kiếm tài liệu, thông tin có liên quan đến nội dung môn học.</p>	3	Học kỳ 2	<p>- Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%.</p> <p>- Hình thức thi: Tự luận</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
6	Tiếng Trung 2	<p>- Về kiến thức: những kiến thức cơ bản về từ vựng, ngữ âm, ngữ pháp tiếng Trung Quốc. có thể nói, viết những câu đơn giản bằng tiếng Trung Quốc và nghe các đoạn hội thoại ngắn bằng tiếng Trung Quốc ; cách đọc chính xác phiên âm tiếng Hán, được tiếng Hán là một ngôn ngữ có thanh điệu, tiếng Hán phổ thông có 4 thanh điệu và thanh nhẹ.; các nét cơ bản và thứ tự các nét trong chữ Hán và một số bộ cơ bản cấu tạo thành chữ Hán. vững cách nghe, nói, đọc, viết của khoảng 150 chữ Hán thông dụng. ; Lượng từ vựng học được khoảng 300 từ thông dụng trong giao tiếp hằng ngày và trong cuộc sống ; và vững thứ tự cơ bản các thành phần câu trong tiếng Hán, các mẫu câu thường dùng; các câu hỏi nghi vấn và phủ định thường dùng; các danh từ, số từ, lượng từ thường dùng; các đại từ nhân xưng, đại từ chỉ thị; động từ, tính từ và phó từ mức độ thường dùng ; Biết cách thực hành chào hỏi, cảm ơn, xin lỗi, tạm biệt...trong thực tế giao tiếp. ; Biết vận dụng thành thạo tiếng Hán để nói về các chủ đề đơn giản trong cuộc sống như: gia đình, giới thiệu bản thân, mua bán, ăn uống, học tập, nơi ở, đi tiên...</p> <p>- Về kỹ năng:Biết vận dụng các kiến thức đã học vào thực tế, biết cách tự học và cách làm việc theo nhóm, cách giao tiếp với người nước ngoài nói tiếng Trung Quốc trong các tình huống giao tiếp hàng ngày ... còn có kỹ năng đánh giá, học hỏi và giúp đỡ người khác thông qua các hoạt động nhóm. ; Nghe và có thể phản ứng nhanh trong các trường hợp đơn giản trong cuộc sống như: các mệnh lệnh và yêu cầu của giáo viên trong lớp học, các chủ đề cơ bản liên quan đến cá nhân, cuộc sống hằng ngày và cuộc sống học tập. ; Có thể đọc theo, thuật lại, học thuộc được những câu từ, bài khóa học ở trên lớp. Có thể giới thiệu những thông tin cơ bản về bản thân, chủ động chào hỏi và trả lời khi được hỏi thăm, biết dùng những từ ngữ đơn giản để biểu đạt những nhu cầu cơ bản của bản thân; Phân biệt được các phiên âm, biết dùng phiên âm để tra từ điển, dùng bộ thủ để tra từ điển. Đọc và biết lấy thông tin từ các bài khóa hoặc đoạn văn đơn giản. Cơ bản đọc được những từ ngữ được dùng trong giao tiếp hằng ngày như chào hỏi, cảm ơn ; Biết viết chữ Hán theo đúng thứ tự các nét. Biết điền một số thông tin cơ bản về cá nhân như: họ tên, quốc tịch...Biết viết các từ đơn giản liên quan đến cuộc sống hằng ngày: số từ, tiền, số điện thoại</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:Nâng cao năng lực giao tiếp độc lập, tự tin bằng ngoại ngữ của , giúp chủ động sử dụng tiếng Hán trong giao tiếp; Hình thành niềm say mê, hứng thú học tập đối với tiếng Hán. ; Hình thành thái độ học tập đúng và nâng cao ý thức học tập.</p>			